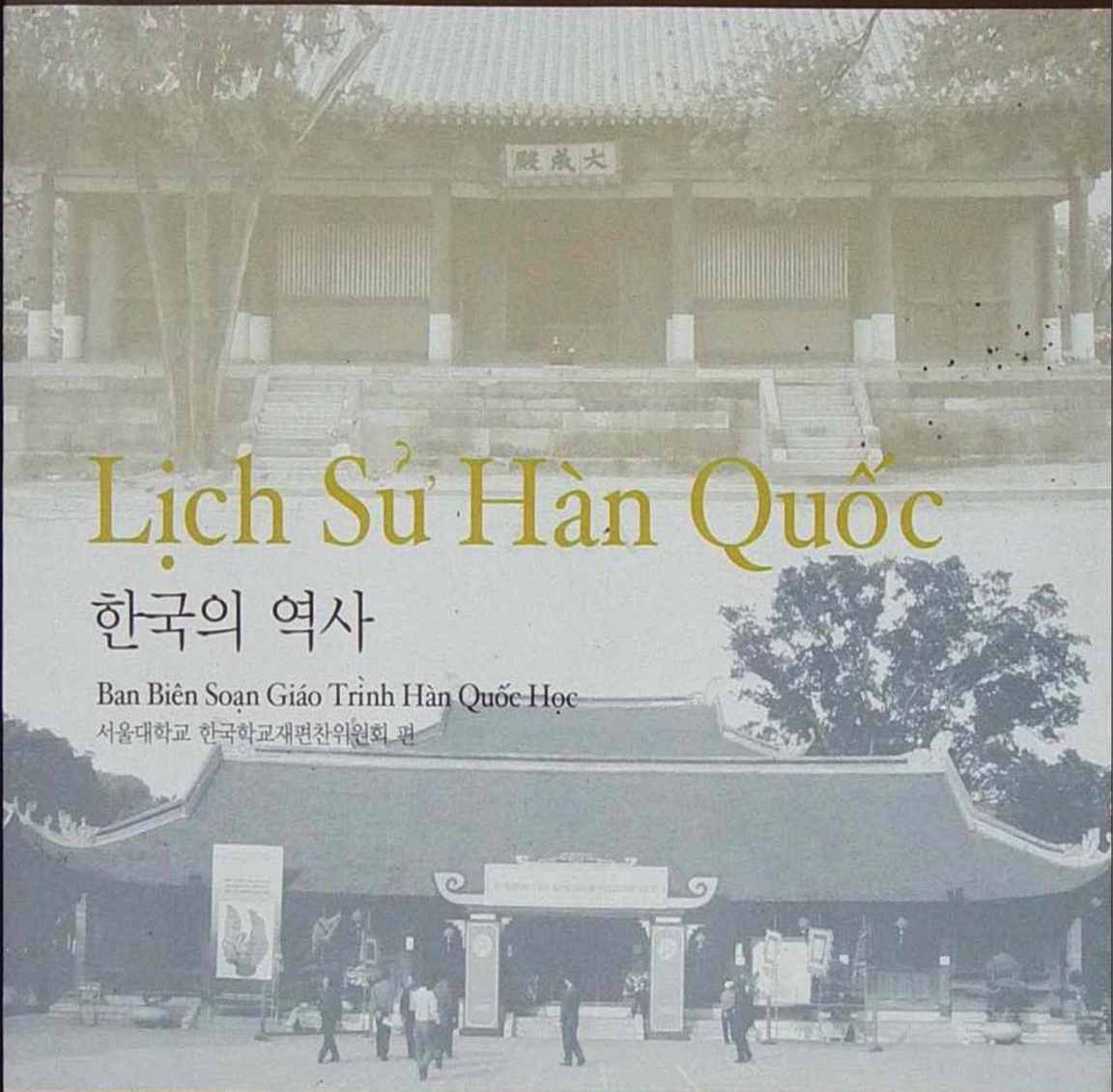

Lịch Sử Hàn Quốc

한국의 역사

Ban Biên Soạn Giáo Trình Hàn Quốc Học
서울대학교 한국학교재편찬위원회 편

한국학교재총서 1

Bộ Giáo Trình Hàn Quốc Học Số 1 SNU-VNU
Đại Học Quốc Gia Seoul
Đại Học Quốc Gia Việt Nam

서울대학교출판부
Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Seoul

Lịch Sử Hàn Quốc
한국의 역사

한국학교재총서 1

Bộ Giáo Trình Hàn Quốc Học Số I SNU-VNU
Đại Học Quốc Gia Seoul
Đại Học Quốc Gia Việt Nam

Lịch Sử Hàn Quốc

한국의 역사

Ban Biên Soạn Giáo Trình Hàn Quốc Học
서울대학교 한국학교재편찬위원회 편

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
THƯ VIỆN

서울대학교출판부
Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Seoul

HỘI ĐỒNG BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH ĐẠI HỌC QUỐC GIA SEOUL서울대학교 한국학교재편찬위원회 위원

Huh Nam-jin(Chủ biên)허남진(책임자), Yu In-sun유인선, Byun Chang-ku변창구, Song Ki-ho송기호, Yoon Hi-won윤희원, Paik Nak-whan백낙환(사무위원), Oh Yeon-cheon오연천(사무위원)

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG PHÍA HÀN QUỐC한국의 역사 집필자

Song Ki-ho(Chịu trách nhiệm biên tập)송기호(책임자), Ro Myoung-ho노명호, Kim In-geol김인걸, Kwon Tae-eok권대억, Chung Yong-wook정용욱

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG PHÍA VIỆT NAM베트남측 심사위원

Lê Đình Chỉnh레 딘 찐, Nguyễn Văn Anh응우옌 반 아인

PHIÊN DỊCH베트남어 번역자

Lê Thị Thu Giang레 티 투 장, Nguyễn Thu Ngân응우옌 투 응언, Nguyễn Phương Lâm응우옌 프엉 럼, Phạm Thị Quỳnh Hoa팜 티 꾸인 화, Trần Thị Bích Phượng쩐 티 빅 프엉, Hoàng Thị Yến황 티 옌

HIỆU ĐÍNH TIẾNG VIỆT베트남어 교정자

Lưu Thụy Tố Lan르 투 또안, Lưu Tuấn Anh르 꾸언 아잉

Quyển sách này được hoàn thành với sự tài trợ của chính phủ Hàn Quốc trong chương trình giao lưu học thuật giữa hai trường Đại học Quốc gia Seoul và Đại học Quốc gia Việt Nam.

이 연구는 한국정부로부터 서울대학교에 지원되는 베트남국립대학(VNU)과의 학술교류 사업비로 수행되었음.

Mục lục

Điều kiện tự nhiên văn hoá, lịch sử 11

11 1. Điều kiện tự nhiên và lịch sử

12 2. Đặc trưng của văn hoá Hàn

15 3. Ý nghĩa của sự chuyển đổi thời đại

I. Sự khởi đầu của lịch sử Hàn 17

19 1. Cuộc sống thời tiền sử

19 Con người đã bắt đầu sinh sống trên bán đảo Hàn từ bao giờ?

20 Cuộc sống của con người thời kỳ đồ đá cũ và đồ đá mới

22 Sự biến đổi của xã hội trong thời kỳ đồng thau

24 2. Sự hình thành quốc gia

24 Ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Gojoseon

26 Sự biến đổi của xã hội thời kỳ đồ sắt

28 Thể chế chính trị và phong tục xã hội của các quốc gia trong thời kỳ này

II. Sự hình thành và phát triển của thời kỳ Tam quốc 31

33 1. Quá trình hình thành Tam quốc

33 Goguryeo xây dựng nền tảng của đất nước như thế nào?

35 Quá trình phát triển của Baekje

37 Quá trình hoàn chỉnh thể chế quốc gia của Silla

39 Nguyên nhân Gaya chỉ dừng lại ở cấp độ các quốc gia liên minh

41 2. Sự phát triển của Tam quốc

41 Nguyên nhân Goguryeo có thể phát triển thành một cường quốc

43 Baekje đã làm gì để khôi phục và phát triển đất nước?

45 Ý nghĩa của việc Silla chiếm lưu vực sông Hàn

48 3. Silla thống nhất Tam quốc

48 Động lực nào giúp cho Goguryeo ngăn chặn được sự xâm lược của Tuỳ Đường?

51 Quá trình thống nhất Tam quốc của Silla

III. Silla thống nhất và Balhae (Bột Hải) 55

57 1. Sự phát triển của Silla thống nhất và Balhae
57 Chế độ mới sau khi Silla thống nhất Tam quốc
59 Quan hệ đối ngoại của Silla thống nhất
61 Vì sao Balhae (Bột Hải) được gọi là "Haedong Seongguk" (Hải Đông thịnh Quốc)?
65 2. Sự sụp đổ của Silla và quá trình hình thành Hậu Tam quốc
65 Sự chuyển biến của tầng lớp trí thức và thế lực địa phương vào thời điểm mạt kỳ Silla
67 Nguyên nhân của việc Silla bị phân tách thành Hậu Tam quốc

IV. Sự hình thành và phát triển của Goryeo (Cao Ly) 71

74 1. Sự phát triển của Goryeo
74 Ý nghĩa lịch sử của việc thống nhất Hậu Tam quốc và sự ra đời của nhà nước Goryeo
77 Quá trình hoàn chỉnh chế độ chính trị của Goryeo
81 Thành quả Goryeo đạt được khi thực hiện chính sách Bắc tiến
87 2. Sự thành lập chính quyền võ thần
87 Tại sao xảy ra loạn I Ja-gyeom (Lý Tử Khiêm) và cuộc vận động dời đô về Seogyeong (Tây Kinh) của Myocheong (Diệu Thanh)?
89 Nguyên nhân duy trì sự tồn tại của chính quyền võ thần
91 Nguyên nhân của các phong trào đấu tranh của tiện dân và nông dân phát triển mạnh mẽ dưới thời chính quyền võ thần
94 3. Chiến tranh với Mông Cổ và phục hồi tinh thần tự chủ
94 Goryeo đã đương đầu với sự xâm lược của Mông Cổ như thế nào?
97 Sự biến đổi của xã hội Goryeo thời kỳ bị nhà Nguyên can thiệp
100 Cải cách chính trị hậu kỳ Goryeo mưu cầu điều gì?

V. Sự hình thành và phát triển của vương triều Joseon (Triều Tiên) 103
106 1. Sự hình thành của vương triều Joseon
106 Phương hướng điều hành đất nước của những người sáng lập
111 Bộ máy thống trị của vương triều Joseon và chức năng của nó
115 Động lực phát triển văn hóa dân tộc thế kỷ XV
118 2. Sự phát triển của phái Sarim (Sĩ lâm)
118 Tại sao phái cựu thần và phái Sarim lại đối lập với nhau?
120 Cơ sở để phái Sarim có thể đóng vai trò chủ đạo trong xã hội Joseon cuối thế kỷ XVI
123 3. Đấu tranh chống sự xâm lăng của người Wae (Nhật) và người Hồ
123 Vương triều Joseon đã chống lại sự xâm lược của người Wae như thế nào?
128 Tại sao Gwanghaegun (Quang Hải Quân) lại áp dụng chính sách ngoại giao trung lập?
129 Nguyên nhân của việc xúc tiến phong trào Bắc phạt sau sự kiện Byeongjahoran (Bính Tý Hồ loạn - Cuộc xâm lược của người Hồ năm Bính Tý)

VI. Những biến động của xã hội Joseon 133
135 1. Nền chính trị Bungdang (Bằng Đảng) và Tangpyeongchaek (Đảng Bình sách)
135 Quá trình phát triển của nền chính trị đảng phái Bungdang
137 Mục đích thực thi Tangpyeongchaek (sách lược Đảng Bình)
140 Xã hội mà các học giả phái Silhak muốn xây dựng
147 2. Sedojeongchi (nền chính trị Thế đạo) và sự nổi dậy của nông dân
147 Những mặt trái của Sedojeongchi
149 Nguyên nhân xảy ra liên tiếp các cuộc nổi dậy của nông dân
151 Bối cảnh xã hội dẫn đến sự phát triển rộng rãi của Thiên chúa giáo và phong trào Donghak

VII. Phong trao khai hoa va dân tộc tự chu 155
157 1. Nền chính trị của Heungseon Daewongun (Hưng Tuyên Đại viện quân)
157 Dự định cải cách của Heungseon Daewongun ?
159 Lý do Heungseon Daewongun từ chối quan hệ thông thương với phương Tây
162 2. Mở cửa thông thương và phong trào khai hóa
162 Nội dung và tính chất của điều ước Ganghwa-do
163 Vì sao có sự đối lập giữa phái Gaehwa (Khai hoá) và phái Cheoksa (Xích Tà)?
165 Đảng Gaehwa muốn đạt được điều gì qua chính biến Giáp Thân?
167 3. Phong trào nông dân Donghak và cải cách Giáp Ngọ
167 Những thay đổi trong đời sống của người nông dân sau khi mở cửa thông thương
169 Quá trình triển khai và ý nghĩa phong trào nông dân Donghak
171 Nội dung và hạn chế của cải cách Giáp Ngọ

VIII. Sự triển khai của phong trào bảo vệ chủ quyền 173
175 1. Hiệp hội độc lập và Đại Hàn đế quốc
175 Nguyên nhân xảy ra sự kiện Ất Mùi
177 Xã hội mà lãnh đạo Hiệp hội Độc lập muốn dựng nên
179 Những nỗ lực của Đại Hàn đế quốc trong việc xây dựng quốc gia tự chủ
181 2. Sự xâm lược của Nhật và chiến tranh nghĩa binh
181 Phản đối điều ước Ất Tỵ
184 Quá trình mở rộng của chiến tranh nghĩa binh sau khi quân đội bị giải tán
185 Vấn đề Gando (Gian đảo) và Dokdo (độc đảo)
187 3. Phong trào Khai sáng ái quốc
187 Nguyên nhân hội Sinmin (Tân dân hội) xúc tiến phong trào tạo nguồn lực dân tộc
189 Ảnh hưởng của nền giáo dục thời cận đại và hoạt động ngôn luận đối với phong trào dân tộc

IX. Phong trao độc lập dân tộc 193
195 1. Dân tộc lâm nạn
195 Sự cai trị của cảnh sát hiến binh Nhật
198 Chính sách bóc lột kinh tế của đế quốc Nhật
200 Những khó khăn mà dân tộc Han phải trải qua dưới ach thống trị của Nhật Bản
203 2. Phong trao 1. 3
203 Quá trình triển khai và ý nghĩa của phong trao 1. 3
205 Quá trình thanh lập và hoạt động của chính phủ lâm thơi Đại Han Dân Quốc
208 3. Triển khai cuộc đấu tranh giành độc lập
208 Thanh quả đạt được của chiến tranh vũ trang giành độc lập của quản Độc lập
211 Tổ chức và hoạt động của Hanguk Gwangbokgun (quân Quang Phục Han Quốc)
214 4. Phong trao dân tộc trong nước
214 Phương hương xúc tiến phong trao tạo nguồn lực dân tộc
216 Nguyên nhân nổ ra phong trao Vạn tuế 10. 6 và phong trao kháng Nhật của học sinh sinh viên Gwangju
218 Nỗ lực bảo vệ văn hóa dân tộc của người Han

X. Hàn Quốc, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên sau giải phóng và những nỗ lực thống nhất 223
1. Giải phóng và phân chia Nam - Bắc 227
Tình hình trong và ngoài nước sau giải phóng 227
Quá trình thành lập chính phủ Đại Hàn Dân Quốc và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên 228
Nguyên nhân và những ảnh hưởng mang tính lịch sử của cuộc chiến tranh 25. 6 229
2. Tăng trưởng kinh tế và sự phát triển dân chủ xã hội của Hàn Quốc 232
Nguyên nhân và kết quả của cách mạng 19. 4 và chính biến quân sự 16. 5 232
Quá trình phát triển và thành quả đạt được của nền kinh tế Hàn Quốc 236
Quá trình triển khai phong trào dân chủ hóa của Hàn Quốc sau năm 1970 và ảnh hưởng của nó 238
3. Xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên sau chiến tranh Nam - Bắc 242
4. Những nỗ lực hướng tới thống nhất, hòa bình 246

Phụ lục 269
1. Phả hệ các vương triều theo lịch đại 251
2. Hàn Quốc sử niên biểu 258

1. Điều kiện tự nhiên và lịch sử

Bán đảo Hàn nằm ở phía Đông của đại lục châu Á với chiều ngang kéo dài từ 124 độ tới 131 độ kinh đông, chiều dài từ 33 độ tới 43 độ vĩ bắc. Lãnh thổ gồm có bán đảo Hàn với hơn 3.200 đảo lớn nhỏ ven bờ biển. Tổng diện tích là 222.154km^2 (bằng 67% diện tích Việt Nam). Tuy nhiên, trong lịch sử, địa bàn hoạt động của người Hàn vốn bao gồm cả bán đảo Hàn và cả Manju (Mãn Châu). Hiện này, toàn bộ bán đảo Hàn có khoảng 70 triệu người. Dân tộc Hàn là một dân tộc thuần nhất được dung hợp bởi tộc người Hàn và tộc người Yemaek (Uế Mạch) thời cổ đại.

Bán đảo Hàn có phía Bắc giáp với Trung Quốc và Nga, đối diện với Nhật Bản qua một eo biển hẹp. Do có tính cận tiếp về địa lý như vậy nên trong lịch sử, dân tộc Hàn liên tục phải chịu những cuộc xâm lược từ Trung Quốc và Nhật Bản. Nhưng ngay cả trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, sức sống mãnh liệt, dẻo dai không ngừng để duy trì "cuộc sống của bản thân của dân tộc Hàn đã trở thành nguồn động lực để bảo vệ Tổ quốc.

Phía Bắc và phía đông của bán đảo Hàn có địa thế cao, phía Tây và phía Nam thấp. Phần lớn các con sông đều chảy ra biển Tây và biển Nam. Ở ven bờ biển Tây và biển Nam có các đồng bằng phì nhiêu mầu mỡ. 70% diện tích lãnh thổ là rừng núi, phía Tây dốc thoai thoải nhưng ngược lại ở phía Đông thì dốc dựng đứng. Nhìn chung, Hàn Quốc nhiều núi, ít đồng bằng phì nhiêu và có phần nghèo nàn về sản vật. Vì thế, những di sản vật chất của người Hàn thiên về đơn giản và nhỏ bé nhiều hơn là kiểu to lớn và hoa mỹ, tráng lệ. Ngoài ra, thành quách thường được xây trên núi, và những bức tường thành trên núi được sử dụng làm tuyến phòng ngự khi nguy cấp này đã được phát triển hết sức độc đáo.

Cũng vì vậy, mà đến nay văn hoá leo núi để rèn luyện thể lực đã lan rộng trong đời sống người dân Hàn.

Để thích ứng với điều kiện tự nhiên như vậy, dân tộc Hàn cho rằng nơi cư trú có núi bao quanh và phía trước có sông, suối chảy là nơi tốt nhất. Các đô thị, làng ấp được hình thành theo quan niệm này, cho thấy nét đặc sắc của dân tộc Hàn là xem trọng sự hoà hợp với thiên nhiên.

Hàn Quốc nằm ở vùng khí hậu ôn đới và có 4 mùa rõ rệt. Mùa đông thì lạnh và khô, mùa hè nóng, ẩm; mùa xuân ấm áp và mùa thu thì khí hậu mát mẻ nhưng có phần hơi ngắn. Nhiệt độ bình quân trong năm từ 10 đến 16 độ. Nóng nhất là vào tháng 8, nhiệt độ từ 23~27 độ, lạnh nhất vào khoảng tháng 1 với nhiệt độ từ $-6℃$~$7℃$. Vào mùa đông, có khi nhiệt độ xuống thấp tới âm 10~15 độ, mùa hè có khi nhiệt độ lên tới trên 30 độ. Lượng mưa ở các vùng phía Nam từ 1000~1800mm, ở các vùng phía Bắc từ 800~900mm, 50 ~ 60% lượng mưa trong năm tập trung vào mùa hè.

Điều kiện tự nhiên như vậy đã tạo nên cho dân tộc Hàn văn hoá ăn, mặc, ở độc đáo. Từ trước công nguyên, người Hàn đã biết trồng lúa và lúa gạo trở thành lương thực chính. Các thực phẩm được chế biến bằng phương thức lên men như kimchi, tương, tương ớt rất phổ biến. Cấu trúc bên trong của các kiểu nhà truyền thống Hàn Quốc như nhà mái ngói hay nhà tranh đều có sự kết hợp giữa mái hiên mang phong cách của phương Nam với hệ thống sưởi nền nhà (Ondol), một đặc trưng của phương Bắc. Jjimjilbang đang thịnh hành hiện nay cũng chính là một sản phẩm mang nét hiện đại nằm trong văn hoá Ondol (văn hoá của hệ thống sưởi nền nhà) của Hàn Quốc.

2. Đặc trưng của văn hoá Hàn

Ngôn ngữ Hàn thuộc hệ ngôn ngữ Altai, khác với ngữ hệ của người Trung Quốc. Thời kỳ đầu, người Hàn đã du nhập và sử dụng chữ Hán nhưng vì lời và chữ không thống nhất nên họ đã sáng tạo ra loại chữ Idu để ghi lại tiếng Hàn. Chữ Idu cũng giống như chữ Nôm của người

Việt và chữ Kana của người Nhật Bản. Cuối cùng, vào thế kỷ XVI, thời kỳ trị vì của vua Sejong (Thế Tông), chữ Hunminjeongeum (Huấn dân chính âm) – loại chữ viết độc đáo của người Hàn đã được chính người Hàn sáng tạo và truyền lại cho tới ngày nay.

Kiến trúc Hàn chủ yếu sử dụng các chất liệu từ đá, gỗ và đất. Đặc biệt tháp Phật là một biểu tượng độc đáo của văn hoá Hàn. Nếu như Trung Quốc thịnh hành các tháp, điện sử dụng các loại gạch, Nhật Bản phổ biến các mộc tháp được xây dựng bằng gỗ thì ở Hàn Quốc các tháp Phật chủ yếu được tạo thành từ đá, vì thế nó được gọi là các thạch tháp. Nhà truyền thống của người Hàn được xây dựng từ cây và đất. So với mái hiên có sự uốn lượn hơi thái quá của Trung Quốc và ở mái hiên thẳng, quá cứng nhắc của Nhật Bản thì đường mái hiên trong kiến trúc nhà của người Hàn lại là những đường cong mềm mại, điều này phản ánh sự khác biệt về văn hoá giữa ba nước.

Về tôn giáo, người dân Hàn tiếp nhận và bản địa hoá Phật giáo và Nho giáo vào thời kỳ Tam quốc. Trải qua thời cổ đại cho tới thời kỳ Goryeo (Cao Ly), Phật giáo được coi là tín ngưỡng, ý niệm tinh thần của người Hàn. Sang đến thời Joseon (Triều Tiên), Nho giáo lại được coi trọng và cho tới bây giờ, Phật giáo và Nho giáo vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong giá trị quan của người Hàn. Cuối triều đại Joseon, với việc tiếp nhận Thiên chúa giáo và Cơ đốc giáo, ở bán đảo Hàn đã hình thành nên một nền văn hoá tín ngưỡng đa dạng. Xét về mặt dân số thì hiện tại, ở Hàn Quốc, đạo Tin lành và Phật giáo vẫn là tôn giáo chủ yếu, tiếp đó là Thiên chúa giáo và Nho giáo. Chuông chùa của Hàn Quốc nổi tiếng với âm hưởng nhẹ nhàng, trầm và cô đơn, đặc biệt có ống thanh chứa dư âm của tiếng chuông. Ống thanh này chỉ có ở trong chuông của Hàn Quốc, tạo ra nét độc đáo riêng, khác biệt với chuông của các nước khác.

Ở Hàn Quốc văn hoá cộng đồng rất phát triển. Người Hàn thường tự xưng là "chúng tôi" hơn là "tôi". Người Hàn có một đức tính tốt đẹp là tôn trọng chế độ cộng đồng gia tộc, duy trì chế độ gia tộc ổn định và tôn kính người già. Theo truyền thống thì người Hàn coi trọng cả nam giới và nữ giới. Tài sản thừa kế phân chia không phân biệt nam nữ, con gái sau

khi lấy chồng cũng có thể có tài sản riêng của bản thân mình. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của Nho giáo, từ hậu kỳ Joseon đã hình thành nên chế độ cộng đồng thân tộc trọng nam và tồn tại cho tới ngày nay.

Tổ chức cộng đồng làng xã đã rất phát triển để duy trì xã hội nông nghiệp. Xuất hiện các hình thức như Dure, là hình thức tập trung mọi người để giúp đỡ nhau trong việc đồng áng và tổ chức lễ hội của làng hay tổ chức Gye (khê) là tổ chức quyên góp tiền hay lương thực để giúp đỡ cho những người đang gặp khó khăn.

Các hình thức sinh hoạt cộng đồng này, từ sau triều Joseon, với sự ảnh hưởng của Trung Quốc đã được phát triển, chuyển thành hương ước.

Vào thời Joseon, thời kỳ mà chính trị kiểu Nho giáo đang được coi là chuẩn mực, văn hoá ghi chép (ký lục) đã bắt đầu phát trriển. "Joseonwangjo Sillok" (Joseon vương triều thực lục), "Seungjeongwon Ilgi" (Nhật ký Thừa Chính Viện) là những tác phẩm ký lục vĩ đại ghi chép lại lịch sử của triều đại Joseon. Hay Uigwe (Nghi quỹ – những phép tắc mẫu), ghi lại những buổi lễ quan trọng của quốc gia dưới hình thức các bức tranh cũng là một loại hình sáng tạo độc đáo.

Ngoài ra, phải kể đến các di sản văn hoá thế giới đã được công nhận như: di tích Goindol – những ngôi mộ đá tiêu biểu cho thời kỳ đồng thau; những di sản văn hoá Phật giáo của thời kỳ Silla như Seokguram (Thạchh Quyết), chùa Bulguk (Phật Quốc) và các khu di tích lịch sử ở Gyeongju; những bức bích hoạ được vẽ trong những ngôi mộ cổ của người Goguryeo, cung Changdeok thời Joseon; Tông miếu – từ đường có bài vị của vua và hoàng hậu các triều đại của Joseon; Daejannggyeong Panjeon (Đại tạng kinh bản điện) ở chùa Haein nơi lưu giữ được toàn bộ các bản kinh Phật khắc bằng gỗ Goryeo Daejanggyeong (Cao Ly đại tàng kinh) được làm từ thế XIII; Hwaseong (Hoa Thành) ở Suwon – thành phố được xây dựng vào cuối thế kỷ 18 thời Choson ... Bên cạnh đó, chữ Hunminjeongeum, Joseonwangjo Sillok (Triều Tiên vương triều thực lục), Jikjisimcheyojeol (Trực chỉ tâm thể yếu tiết) là một bộ sách được in bằng bản khắc kim loại ra đời sớm nhất trên thế giới, Seungeongwon Ilgi (Nhật ký Thừa Chính Viện) ... cũng được coi là những di sản văn hoá ký lục

thế giới. Cùng với tất cả những di sản văn hoá này, nhiều di sản văn hoá phi vật thể được thế giới công nhận như: Lễ tế tông miếu, Nhạc lễ tế tông miếu, Pansori ... cũng là niềm tự hào, thể hiện nét đặc sắc của văn hoá Hàn Quốc.

3. Ý nghĩa của sự chuyển đổi thời đại

Quá trình biến đổi của lịch sử dân tộc Hàn nếu tính một cách khái quát theo dòng thời gian thì cho tới trước thời kỳ Goryeo là cổ đại, thời kỳ của vương triều Goryeo là thời trung thế (sơ kỳ trung đại), thời Joseon là thời cận thế (hậu kỳ trung đại), sau thời kỳ mở cửa thông thương với nước ngoài là thời kỳ cận đại và sau khi giải phóng đất nước đến nay được coi là thời hiện đại.

Trong thời cổ đại, đã thấy xuất hiện tính chất quốc gia quân chủ chuyên chế, quyền lực tập trung trong tay vua. Golpum je (cốt phẩm chế), chế độ được thi hành dưới thời Silla, lấy quan hệ huyết thống làm nền tảng, bảo đảm cho hình thức kế thừa cha truyền con nối của tầng lớp quý tộc, và đây cũng là chế độ có ở hầu hết các quốc gia khác ở Hàn Quốc giai đoạn này. Tầng lớp quý tộc sống tập trung ở kinh thành, được hưởng nhiều đặc quyền. Đặc quyền của họ được thực hiện theo nguyên tắc thế tập từ đời này sang đời khác và họ được sở hữu những vùng đất đai rộng lớn với rất nhiều nô lệ.

Thời kỳ trung thế có tính chất của tính quốc gia quý tộc. Chế độ cốt phẩm sụp đổ. Từ giữa thế kỷ 10, vua Gwangjong (Quang Tông) đã thực thi chế độ khoa cử, mở ra con đường làm quan lại trung ương không phải dựa vào huyết thống mà dựa vào thực tài của mình là chính, thông qua các kỳ thi để được tuyển chọn làm quan. Chế độ thế tập dựa trên cơ sở huyết thống (ấm tự) vẫn chiếm một tỷ trọng lớn nhưng chế độ quan lại lấy thực tài làm trọng dần được hình thành và gia tăng. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với chính trị ngày càng suy giảm, quyền chính trị rơi vào tay các nhà Nho. Có sự phân hoá thành quan văn và quan võ, tầng lớp Yangban (Lưỡng ban) hình thành trong đó vị trí của quan văn được đề

cao hơn.

Đến thời cận thế, những yếu tố mang tính chất thể chế quý tộc của thời Goryeo càng bị thu nhỏ, yếu thế và chuyển sang tính chất của quốc gia quan liêu. Chế độ Ấm tự không còn ý nghĩa gì nữa. Việc tuyển chọn quan lại được thể chế hoá dựa trên chế độ thi cử và năng lực Yangban không còn được bảo đảm đặc quyền thế tập quyền nữa, nếu không đỗ trong kỳ thi thì sẽ bị rơi xuống giai cấp bình dân. Nô lệ giảm và tầng lớp lương dân (dân tự do) tăng lên, các trường học được mở nhiều nên cơ hội học hành cho họ cũng tăng.

Thời cận đại là thời kỳ suy thoái do sự xâm lược và chiếm đóng của các thế lực bên ngoài nên giấc mơ trở thành một quốc gia kinh tế phát triển đã không thành. Đây là thời kỳ đấu tranh chống lại sự xâm lược và bóc lột của ngoại xâm.

Thời hiện đại, người dân Hàn thoát khỏi thống trị của ngoại xâm và bắt đầu nỗ lực để xây dựng một quốc gia độc lập, tự chủ. Tuy nhiên, những nỗ lực này lại gặp nhiều trở ngại bởi làn sóng chiến tranh lạnh. Trải qua cuộc nội chiến, bán đảo Hàn bị phân chia thành hai nước là Đại Hàn dân quốc (Hàn Quốc) và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên. Sau đó, hai quốc gia này phát triển theo hai thể chế xã hội khác nhau là tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Từ sau năm 1960, kinh tế Hàn Quốc đã tăng trưởng nhanh với tốc độ chưa từng có, bằng sức mạnh của nhân dân vừa khắc phục thể chế độc tài vừa phát triển chủ nghĩa dân chủ. Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên đã thành công trong sự nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng từ sau những năm 1990, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên đã phải trải qua rất nhiều khó khăn do tình hình thế giới biến đổi và tình hình kinh tế trong nước trì trệ. Người dân trên bán đảo Hàn ngay từ sau nội chiến đã không ngừng cố gắng để đi tới thống nhất Nam – Bắc. Sau những năm 1990, với việc đẩy mạnh quan hệ giao lưu hợp tác Nam – Bắc, cơ sở cho việc thống nhất đang được xây dựng.

I. Sự khởi đầu của lịch sử Hàn

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
THƯ VIỆN

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 700 nghìn năm trước		Người nguyên thuỷ Pithecanthropus Java
Khởi đầu của thời đại đồ đá mới	8000 năm Tr.CN		Khởi đầu văn hoá Ai Cập
	Khoảng 3000 năm Tr.CN		Trung Quốc: Bắt đầu văn minh Hoàng Hà
	Khoảng 2500 năm Tr.CN		Ấn Độ: Bắt đầu nền văn minh sông Ấn
Thành lập nhà nước Gojoseon (Joseon cổ - Dangun Joseon)	Năm 2333 Tr. CN?		
Bắt đầu thời đại đồng thau	Thế kỷ 10 Tr. CN		Các bộ lạc Latinh định cư ở bán đảo Ý
	Thế kỷ 7 Tr. CN	Nhà nước Văn Lang	Megara xây dựng Byzantium
	Khoảng thế kỷ 6 Tr. CN		Đạo Phật hình thành ở Ấn Độ; Khổng Tử khởi xướng Nho giáo ở Trung Quốc
Phát triển văn hoá thời kỳ đồ sắt	Thế kỷ 4 Tr. CN		
	334 Tr. CN		Alexander Đại đế viễn chinh phương Đông
	208~179 Tr. CN	Nước Âu Lạc	
	221 Tr. CN		Nhà Tần thống nhất Trung Quốc
	206 Tr. CN		Trung Quốc: Nhà Hán thành lập
Vệ Mãn (Wiman) chấp quyền	194 Tr. CN		
	179 Tr. CN	Thành lập nước Nam Việt	
	111 Tr. CN	Hán Vũ đế chinh phục Nam Việt	
Gojoseon (Wiman Joseon) diệt vong	108 Tr. CN		

1. Cuộc sống thời tiền sử

Tóm tắt

Con người bắt đầu sống trên bán đảo Hàn – địa bàn sinh sống hiện nay của dân tộc Hàn – cách ngày nay hàng trăm nghìn năm. Người Hàn thuộc tộc người Mông Cổ, nói ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Altai. Thời tiền sử, phát triển qua các thời kỳ đồ đá cũ, đồ đá mới ... đến thời kỳ đồ đồng ở bán đảo Hàn đã xuất hiện nhà nước.

Con người đã bắt đầu sinh sống trên bán đảo Hàn từ bao giờ?

Con người bắt đầu sống ở bán đảo Hàn từ thời kỳ đồ đá cũ. Trải qua thời kỳ băng hà giá lạnh và thời tiết trở nên ấm áp, sự thay đổi của điều kiện tự nhiên đã gây nhiều ảnh hưởng tới cuộc sống của con người. Vào thời kỳ băng hà, một phần của Bắc bán cầu bị băng bao phủ nên mực nước biển khu vực Đông á thấp hơn rất nhiều so với bây giờ. Vì thế, vào thời kỳ đó, đại lục Trung Quốc và bán đảo Hàn cũng như quần đảo Nhật Bản, Đài Loan tất cả đều là lục địa gắn liền với nhau.

Sau thời kỳ băng hà, mực nước biển trở nên cao hơn, đường bờ biển thay đổi làm bán đảo Hàn Quốc và nhiều vùng khác của vùng Đông Á biến đổi và chúng có hình dạng giống như ngày nay. Như vậy, bán đảo Hàn giáp với đại lục ở phía Bắc, phía Đông và phía Tây thì tiếp giáp với biển, đồng thời đối diện với Nhật Bản qua eo biển hẹp là eo biển Đại Hàn.

Người Hàn da vàng, tóc đen, xét về những đặc trưng cơ thể thì người Hàn thuộc tộc người Mông Cổ. Ngôn ngữ của họ thuộc ngữ hệ Altai, cùng ngữ hệ với các ngôn ngữ khác như tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, Tungus, Mông Cổ. Như vậy, có thể nói người Hàn có liên quan với các tộc người phương Bắc nhiều hơn là phương Nam.

Người Hàn ngay từ rất sớm đã định cư tại khu vực Manju (Mãnn Châu) và bán đảo Hàn. Sau đó, trải qua thời kỳ đồ đồng và thời kỳ Tam quốc dần dần hình thành nên nền tảng của dân tộc. Về cơ bản, có thể lấy việc thống nhất Tam quốc là khởi điểm của việc hình thành dân tộc Hàn.

Cuộc sống của con người thời kỳ đồ đá cũ và đồ đá mới

Thời kỳ đồ đá cũ

Nhiều di tích trên bán đảo Hàn đã được khai quật và nhiều di vật đã được tìm thấy. Người ta gọi thời kỳ con người sử dụng những công cụ bằng đá là thời kỳ đồ đá và chia ra thành thời kỳ đồ đá cũ và thời kỳ đồ đá mới.

Khoảng 70 vạn năm về trước, ở bán đảo Hàn và những khu vực quanh đó bắt đầu có loài người sinh sống. Những di tích thời đại đá cũ trải rộng trên phạm vi toàn quốc bắt đầu từ Seokjang-ri (lý Seokjang – Thạch Tràng), Gongju (Công châu), ở Chungcheongnam-do (Tỉnh Chungcheongnam) và Gulpo-ri (lý Gulpo – Khuất Phố), Unggi (Hưng Cơ) ở Hamgyeongbuk-do (Tỉnh Hamyeongbuk). Những người ở thời đại đồ đá cũ lúc đầu sử dụng những viên đá với nguyên hình dạng của nó làm công cụ, sau đó dần dần tạo ra và sử dụng những công cụ bằng đá được đẽo gọt tinh xảo hơn và sắc bén hơn, được gọi là Tenseokgi (đá chế thạch khí- dụng cụ bằng đá tinh xảo)

Vào thời kỳ này con người săn bắt muông thú, bắt cá, hái lượm để ăn và sống du cư theo mùa trong những hang động hoặc những túp lều dựng bên bờ sông.

Thời kỳ đồ đa mới

Thời kỳ đồ đá mới bắt đầu từ khoảng 8000 năm trước công nguyên. Những di tích thời kỳ đồ đá mới được phát hiện bắt đầu từ Jitap-ri (Tri Tháp lý), Bongsan, Hwanghae-do và Amsa-dong, thủ đô Seoul và lan rộng ra khắp các khu vực trên bán đảo Hàn. Các di vật chủ yếu được

phát hiện tập trung ở các lưu vực sông và vùng duyên hải. Nơi có niên đại lâu đời nhất phải kể tới Gosan-ri (Cao Sơn lý) ở đảo Jeju.

Các di vật được khai quật tại các di tích thời đồ đá mới là Ganseokgi (đồ dùng làm bằng đá mài), lưỡi câu và kim bằng xương. Thời kỳ này con người cũng sử dụng rộng rãi công cụ bằng sừ có hoa văn hình răng lược. Những di vật này tạo nên nét đặc trưng của thời kỳ đồ đá mới.

Con người thời kỳ đồ đá mới sống ở cạnh các con sông và bờ biển, họ dùng lưỡi câu bằng xương và dùng lưới để bắt cá, mò trai và dùng lao đá, mũi tên đá để săn bắn. Mặt khác họ hái lượm hoa quả, đào củ, rễ cây để ăn và sau này họ đã biết trồng trọt và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Những di tích thời đại đó đa cũ và đó đa mới

Con người thời đại đồ đá mới đã bắt đầu biết canh tác. Họ dùng cuốc đá để xới đất và gieo mì, kê; biết dùng lưỡi hái bằng xương, bằng đá để thu hoạch, biết dùng bàn đá để chà xát ngũ cốc làm thức ăn. Họ cũng biết kéo sợi bằng vòng quay sợi và dùng kim làm bằng xương để may quần áo.

Đó gôm co hoa văn hình răng lược

Con người thời đại đồ đá mới biết đào đất sau đó dựng mái và làm thành nhà ở trên hố đất đó, được gọi là nhà chìm. Từ đó, hình thành nên những ngôi làng gồm những người có chung huyết thống gọi là thị tộc. Sau này, vài ba thị tộc hợp lại với nhau tạo thành bộ tộc. Như vậy có thể nói, thời kỳ này, khác với thời kỳ đồ đá cũ, con người đã bắt đầu sống định cư. Lúc bấy giờ trong bộ tộc, tộc trưởng là người có nhiều kinh nghiệm sẽ chỉ huy mọi hoạt động, như săn bắn, trồng trọt.

Người Hàn ngay từ rất sớm đã định cư tại khu vực Manju (Mãnn Châu) và bán đảo Hàn. Sau đó, trải qua thời kỳ đồ đồng và thời kỳ Tam quốc dần dần hình thành nên nền tảng của dân tộc. Về cơ bản, có thể lấy việc thống nhất Tam quốc là khởi điểm của việc hình thành dân tộc Hàn.

Cuộc sống của con người thời kỳ đồ đá cũ và đồ đá mới

Thời kỳ đồ đá cũ

Nhiều di tích trên bán đảo Hàn đã được khai quật và nhiều di vật đã được tìm thấy. Người ta gọi thời kỳ con người sử dụng những công cụ bằng đá là thời kỳ đồ đá và chia ra thành thời kỳ đồ đá cũ và thời kỳ đồ đá mới.

Khoảng 70 vạn năm về trước, ở bán đảo Hàn và những khu vực quanh đó bắt đầu có loài người sinh sống. Những di tích thời đại đá cũ trải rộng trên phạm vi toàn quốc bắt đầu từ Seokjang-ri (lý Seokjang – Thạch Tràng), Gongju (Công châu), ở Chungcheongnam-do (Tỉnh Chungcheongnam) và Gulpo-ri (lý Gulpo – Khuất Phố), Unggi (Hưng Cơ) ở Hamgyeongbuk-do (Tỉnh Hamyeongbuk). Những người ở thời đại đồ đá cũ lúc đầu sử dụng những viên đá với nguyên hình dạng của nó làm công cụ, sau đó dần dần tạo ra và sử dụng những công cụ bằng đá được đẽo gọt tinh xảo hơn và sắc bén hơn, được gọi là Tenseokgi (đá chế thạch khí- dụng cụ bằng đá tinh xảo)

Vào thời kỳ này con người săn bắt muông thú, bắt cá, hái lượm để ăn và sống du cư theo mùa trong những hang động hoặc những túp lều dựng bên bờ sông.

Thời kỳ đồ đa mới

Thời kỳ đồ đá mới bắt đầu từ khoảng 8000 năm trước công nguyên. Những di tích thời kỳ đồ đá mới được phát hiện bắt đầu từ Jitap-ri (Tri Thập lý), Bongsan, Hwanghae-do và Amsa-dong, thủ đô Seoul và lan rộng ra khắp các khu vực trên bán đảo Hàn. Các di vật chủ yếu được

phát hiện tập trung ở các lưu vực sông và vùng duyên hải. Nơi có niên đại lâu đời nhất phải kể tới Gosan-ri (Cao Sơn lý) ở đảo Jeju.

Các di vật được khai quật tại các di tích thời đồ đá mới là Ganseokgi (đồ dùng làm bằng đá mài), lưỡi câu và kim bằng xương. Thời kỳ này con người cũng sử dụng rộng rãi công cụ bằng sứ có hoa văn hình răng lược. Những di vật này tạo nên nét đặc trưng của thời kỳ đồ đá mới.

Con người thời kỳ đồ đá mới sống ở cạnh các con sông và bờ biển, họ dùng lưỡi câu bằng xương và dùng lưới để bắt cá, mò trai và dùng lao đá, mũi tên đá để săn bắn. Mặt khác họ hái lượm hoa quả, đào củ, rễ cây để ăn và sau này họ đã biết trồng trọt và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

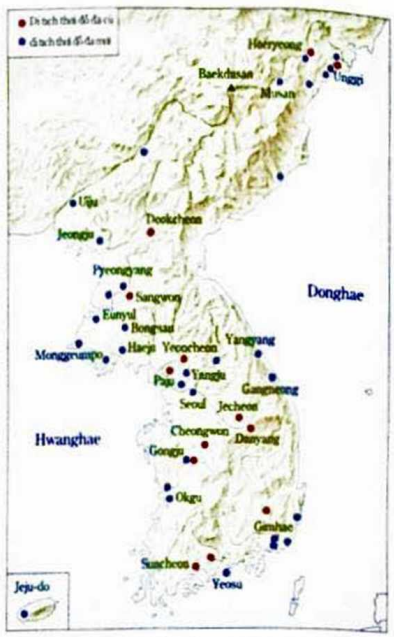

Những di tích thời đại đồ đa cũ và đồ đa mới

Con người thời đại đồ đá mới đã bắt đầu biết canh tác. Họ dùng cuốc đá để xới đất và gieo mì, kê; biết dùng lưỡi hái bằng xương, bằng đá để thu hoạch, biết dùng bàn đá để chà xát ngũ cốc làm thức ăn. Họ cũng biết kéo sợi bằng vòng quay sợi và dùng kim làm bằng xương để may quần áo.

Đồ gốm có hoa văn hình răng lược

Con người thời đại đồ đá mới biết đào đất sau đó dựng mái và làm thành nhà ở trên hố đất đó, được gọi là nhà chìm. Từ đó, hình thành nên những ngôi làng gồm những người có chung huyết thống gọi là thị tộc. Sau này, vài ba thị tộc hợp lại với nhau tạo thành bộ tộc. Như vậy có thể nói, thời kỳ này, khác với thời kỳ đồ đá cũ, con người đã bắt đầu sống định cư. Lúc bấy giờ trong bộ tộc, tộc trưởng là người có nhiều kinh nghiệm sẽ chỉ huy mọi hoạt động, như săn bắn, trồng trọt.

Sự biến đổi của xã hội trong thời kỳ đồng thau

Sự khởi đầu của thời đại đồ đồng

Văn hoá đồng thau bắt đầu ở bán đảo Hàn và khu vực Manju vào khoảng thế kỷ 10 Tr. CN. Vào thời kỳ này, lần đầu tiên con người sử dụng đồng thau để tạo ra các loại công cụ lao động. Tạo ra các công cụ bằng đồng thau là một việc rất khó và vì không đủ nguyên liệu để làm với số lượng lớn nên chúng chỉ được sử dụng để làm vũ khí hoặc đồ trang sức cho giai cấp thống trị. Đặc biệt, kiếm đồng Bipahyeong (kiếm đồng hình đan tỳ bà) và kiếm đồng Sehyeong (kiếm đồng hình thon) là những đồ đồng tiêu biểu của thời kỳ này. Các công cụ dùng trong đời sống của thời kỳ này chủ yếu vẫn là các công cụ làm bằng gỗ và đá. Về đồ gốm, thời kỳ này người Hàn chủ yếu sử dụng đồ gốm không có hoa văn.

Sự thay đổi trong đời sống

Con người thời kỳ đồ đồng chủ yếu thường sống ở vùng núi, vùng đồi gần sông nhằm khai hoang những thung lũng gần đó để trồng trọt. Nhà họ ở bấy giờ là những nhà chìm hình tròn hoặc hình tứ giác. Hố để dựng nhà lúc này đã được đào nông hơn thời kỳ đồ đá mới nhưng nhà thì rộng lớn hơn rất nhiều. Quy mô của làng cũng lớn hơn so với thời đồ đá mới.

Việc trồng trọt được bắt đầu ngay từ nửa sau thời kỳ đồ đá mới nhưng phải tới thời kỳ đồ đồng mới được phổ biến rộng rãi. Con người sử dụng những nông cụ làm bằng gỗ cứng, mở rộng diện tích trồng trọt, họ đánh luống, nhổ cỏ, làm tăng năng xuất trồng trọt. Mặt khác, họ thu hoạch lương thực bằng dao đá hình bán nguyệt, gia công lúa mì bằng cối xay đá. Cây lương thực được trồng trọt chủ yếu lúc này là kê, mì, đỗ, lúa.

Xã hội thời kỳ đồ đồng

Vào thời kỳ đồ đồng, cùng với sự phát triển của nông nghiệp, dân số ngày càng tăng, kinh tế phát triển và xã hội cũng hình thành các giai tầng thể hiện rõ sự khác biệt cao thấp sang hèn về thân phận. Tộc trưởng thống lĩnh bộ tộc thu lợi tức từ sản xuất nông nghiệp, một mặt làm giàu thêm tài sản của riêng mình, mặt khác sử dụng vũ khí bằng đồng để chinh phục các bộ tộc láng giềng, khuếch trương, mở rộng thế lực. Từ đó, xuất hiện các cách phòng ngự như đào hào hoặc trồng hàng rào cây bao quanh khu đồi mà họ sinh sống.

Tộc trưởng phụ trách các nghi thức tôn giáo như làm lễ tế trời, và quyền hạn của tộc trưởng cũng theo đó ngày càng được gia tăng. Đây chính là xã hội mà người ta vẫn gọi là xã hội Jejeong Ilchi (tế chính nhất trí xã hội) hay nói cách khác là xã hội thần quyền.

Goindol (Chi thạch mộ) và Dolneol Mudeom (Thạch quan mộ)

Vào thời kỳ đồ đồng, người Hàn đã tạo ra những ngôi mộ mang đậm tính đặc thù. Tiêu biểu có Goindol và Dolneol Mudeom với kiếm đồng và gương đồng được chôn theo. Mộ Goindol là một loại hình văn hoá cự thạch (đá lớn) được phổ biến rộng khắp trên thế giới. Ở bán đảo Hàn có tới 40.000 ngôi mộ như thế được tìm thấy với độ phân bố rộng trên khắp đất nước. Có thể nói đây là một nét đặc sắc của dân tộc Hàn thời kỳ đồng thau. Cùng với nó, Seondol (Lập thạch – đá dựng) cũng là di sản tiêu biểu của thời kỳ đồ đồng.

Goindol theo kiểu phương Bắc (kiểu bàn) ở Ganghwa, Incheon

Goindol theo kiểu phương Nam (kiểu bàn đánh cờ) ở Gochang, Jeonbuk-do

2. Sự hình thành quốc gia

Tóm tắt

Gojoseon (Triều Tiên cổ) là quốc gia đầu tiên trong lịch sử dân tộc Hàn, được xây dựng trên cơ sở của văn hoá thời kỳ đồ đồng. Nước Gojoseon tiếp nhận những văn hoá của thời kỳ đồ sắt vào khoảng thế kỷ IV Tr. CN nên càng trở nên cường thịnh. Sau khi nhà nước Gojoseon ra đời thì hàng loạt các quốc gia ở bán đảo Hàn thuộc vùng Manju được thành lập như: Buyeo, Goguryeo, Okjeo, Dongye, Samhan ...

Ý nghĩa lịch sử của sự ra đời nước Gojoseon

Thành lập nước Gojoseon (Triều Tiên cổ) của Dangun (Đan Quân)

Khi nền văn hoá đồ đồng được hình thành thì ở vùng Yodong (Liêu Đông) và vùng Tây Bắc của bán đảo Hàn xuất hiện rất nhiều bộ tộc được cai trị bởi các tộc trưởng. Dangun đã thống nhất các bộ tộc này và xây dựng nên nước Gojoseon. Cho đến nay người ta vẫn chưa thể biết chính xác niên đại thành lập nước thời kỳ này.

Việc xây dựng nhà nước Gojoseon của Dangun được lịch sử Hàn nói đến từ rất lâu. Việc thành lập nhà nước của Dangun với ý tưởng kiến quốc Hongik Ingan (Hoằng ích nhân gian – Mở rộng sự sung sướng, hạnh phúc cho nhân dân) đã trở thành nguồn động lực khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường của dân tộc Hàn mỗi khi gặp khó khăn.

Ngoài ra, thông qua câu chuyện kiến quốc của Dangun, chúng ta có thể đoán biết được tình hình của thuở đầu dựng nước. Sự xuất hiện của Hổ và Gấu cho thấy tín ngưỡng sùng bái những con vật đặc biệt của thời tiền sử. Và từ yếu tố có thần cai quản mưa, gió, mây ... có thể đoán biết quốc gia sơ khai này được tạo lập trong bối cảnh một xã hội nông nghiệp.

Sự biến đổi và phát triển của nhà nước Gojoseon

Cùng với sự phát triển của thời đại đồ đồng, nhà nước Gojoseon dần trở thành trung tâm văn hoá, chính trị và ngày càng khuếch trương thế lực. Vào khoảng thế kỷ IV Tr. CN, Gojoseon đã phát triển thành một quốc gia thống trị cả khu vực rộng lớn nối liền phía Bắc bán đảo Hàn với Yodong.

Khoảng thế kỷ II Tr. CN, Wiman (Vệ Mãn) nuôi dưỡng thế lực ở vùng phía Tây, lật đổ Junwang (Chuẩn Vương) và trở thành vua của nhà nước Gojoseon (194 Tr. CN). Vào thời kỳ này, văn hoá đồ sắt đã phổ biến và Gojoseon đã lấy đó làm nền tảng thống nhất các bộ tộc ở xung quanh, khuếch trương thế lực. Thời kỳ này, do làm mậu dịch trung gian giữa nhà Hán ở Trung Quốc và nhiều nước của Jinguk (Thìn Quốc) nằm ở vùng phía Nam bán đảo Hàn, thu được nhiều lợi ích về mặt kinh tế nên Gojoseon đã trở nên rất giàu mạnh.

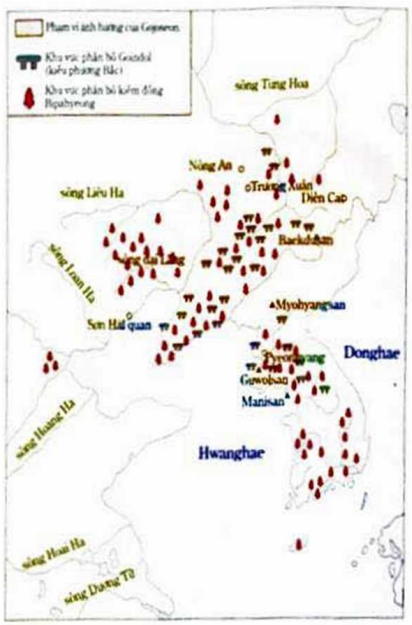

Phạm vi ảnh hưởng của Gojoseon: Khu vực phân bố Goindol (kiểu phương Bắc) và khu vực phân bố kiếm đồng Bipahyeong có thể giúp ta phạm đoán được phạm vi chịu ảnh hưởng của thế lực Gojoseon

Ngay sau khi Gojoseon phát triển cường thịnh và trở thành một thế lực đối kháng với nhà Hán của Trung Quốc, nhà Hán đã đem đại quân tới, bao vây và tấn công kinh đô là thành Wanggeom (thành Vương Kiệm). Cháu trai của Wiman là vua Ugeo (vua Hữu Cừ) đã chiến đấu rất kiên cường chống lại đội quân hùng mạnh của nhà Hán ròng rã suốt một năm trời nhưng cuối cùng thành Wanggeom bị thất thủ, nhà nước Gojoseon bị diệt vong (108 Tr. CN). Lúc này, những người dân nước Gojoseon lánh nạn về phương Nam và đã gây ảnh hưởng to lớn tới sự phát triển nhiều mặt của xã hội phía Nam bán đảo Hàn.

Trong các ghi chép lịch sử có Dangun Joseon (Triều Tiên Đàn Quân),

Gija Joseon (Triều Tiên Kỳ Tử), Wiman Joseon (Triều Tiên Vệ Mãn), nhưng Gija Joseon là thời kỳ được cho rằng khó có thể có thật trong lịch sử nên đa số đều loại bỏ Gija Joseon và chỉ hợp Dangun Joseon và Wiman Joseon lại thành Gojoseon.

Xã hội Gojoseon

Trong xã hội Gojoseon, hiện tượng tư hữu tài sản tăng lên do năng suất lao động tăng, xuất hiện sự phân biệt giàu nghèo, xã hội có sự phân hóa thành giai cấp thống trị nắm quyền chính trị, quân sự và giai cấp bị thống trị đảm nhận việc lao động sản xuất. Bộ máy thống trị được xác lập. Dưới vua có các chức quan như: Sang (tướng), Daebu (đại phu), Janggun (tướng quân) ...

Để duy trì trật tự xã hội, nhà nước đã định ra luật pháp. Luật pháp bao gồm 8 điều, trong số đó có 3 điều là còn truyền tới ngày nay:

"Kẻ giết người thì phải bị tử hình."

"Làm người khác bị thương thì phải bồi thường bằng lương thực."

"Kẻ ăn trộm bị bắt sẽ bị giáng xuống làm nô lệ. Nếu muốn được tha thì phải nộp rất nhiều tiền."

Như vậy trong xã hội Gojoseon đã có tồn tại tầng lớp nô tì, xã hội đã biết coi trọng cuộc sống con người và tài sản tư hữu.

Sự biến đổi của xã hội thời kỳ đồ sắt

Sự phổ biến của công cụ bằng sắt

Các công cụ bằng sắt trở nên phổ biến trên bán đảo Hàn vào khoảng thế kỷ IV Tr. CN. Lúc đầu, nó được sử dụng cùng với công cụ bằng đồng nhưng khoảng tư thế kỷ I Tr. CN thì công cụ bằng sắt trở nên phổ biến rộng khắp. Chủ yếu sắt được dùng để tạo vũ khí và dụng cụ dùng trong cuộc sống.

Nông cụ bằng sắt trong thời kỳ này gồm: xẻng, cuốc, hái ... được sử dụng cùng với những công cụ bằng đá và gỗ của thời kỳ trước. Vũ khí chủ yếu có: dao, lao và cung tên; công cụ gồm: búa, cưa, đục, rìu ... Kỹ

thuật sản xuất đồ gốm cũng phát triển mạnh, người dân đã tạo ra rất nhiều đồ gốm với hình dáng phong phú theo từng vùng.

Xã hội thời kỳ đồ sắt

Do sử dụng các nông cụ bằng sắt nên kỹ thuật canh tác, trồng trọt thời kỳ này cũng phát triển, việc khai phá đất hoang trở nên dễ dàng hơn, sản phẩm nông nghiệp tăng nhanh, dân số cũng phát triển. Mặt khác, do cùng muốn chiếm hữu nhiều lương thực nên giữa các bộ tộc thường xuyên xảy ra chiến tranh. Vũ khí bằng sắt được sử dụng trong chiến trận và cuộc chiến giữa các bộ tộc có xu hướng ngày càng diễn ra thường xuyên hơn. Chính vì thế, các bộ tộc sử dụng thành thạo đồ sắt có khả năng bành trướng thế lực, phát triển thành quốc gia. Hơn nữa, thời kỳ này cũng đã có sự giao lưu kinh tế và văn hoá với Trung Quốc và Nhật Bản qua đường bộ và đường biển.

Mộ thời kỳ đồ sắt có Neol Mudeom (Mộc quan mộ – Mộ có quan làm bằng gỗ) và Dok Mudeom (Ứng quan mộ – Mộ có quan làm bằng vò, hũ) ... Neol Mudeom là mộ được người ta xây dựng theo cách đào hố, sau đó đặt các miếng ván gỗ vào rồi chôn. Loại hình mộ này lúc đầu xuất hiện ở khu vực Tây Bắc bán đảo Hàn, sau đó lan xuống các vùng phía Nam. Đặc biệt, ở vùng lưu vực sông Nakdong người ta đã phát hiện thấy rất nhiều mộ loại này. Dok Mudeom được tạo bởi hai chiếc bình nối với nhau. Vào thời kỳ đầu của thời đồ sắt thì nó được làm nhỏ nhưng càng về sau càng được làm lớn hơn, đặc biệt là ở lưu vực sông Yeongsan người ta đã phát hiện thấy có những ngôi mộ được làm rất lớn.

Kiếm đồng Bipahyeong

Kiếm đồng Sehyeong

Thể chế chính trị và phong tục xã hội của các quốc gia trong thời kỳ này

Sự ra đời của các quốc gia

Gojoseon sau khi mở rộng thế lực lấy trung tâm là khu vực Manju và vùng phía Bắc bán đảo Hàn và rồi đã bị diệt vong. Sau đó, ngay khi nhà Hán thiết lập quận huyện ở vùng phía Bắc bán đảo Hàn và một phần của Manju, thì ngay lập tức những nhóm người ở các khu vực lận cận đã nổi dậy, gây dựng lực lượng theo đơn vị bộ tộc để chống lại thế lực nhà Hán.

Các thế lực này hoặc thông qua chiến tranh hoặc liên hợp với các bộ tộc khác để mở rộng thế lực và cuối cùng phát triển thành quốc gia. Khu vực Manju có Buyeo và Goguryeo, ở vùng bờ biển Đông Hải – phía Bắc bán đảo Hàn có Okjeo và Dongye. Những nước này đều chủ yếu do tộc người Yemek làm chủ.

Những vùng phía Nam bán đảo Hàn do tộc người Hàn làm chủ và phát triển thành Samhan (Tam Hàn). Mahan (Mã Hàn) chiếm khu vực gần biển Hwanghae (Hoàng Hải) phía Nam sông Hán. Theo một số ghi chép, ở Mahan có tới 54 tiểu vương quốc, trong số đó, Mokjiguk (Mục Chi quốc) là vương quốc mạnh nhất và người đứng đầu của tiểu vương quốc này đã cai trị Mahan như một vị vua của Mahan. Phía Đông và phía Tây của Gyeongsang-do có nước Jinhan (Thìn Hàn) và Byeonhan (Biện Hàn), mỗi nước có 12 tiểu quốc phụ thuộc.

Các quốc gia này dần được thống nhất và mở ra thời đại Tam quốc của Goguryeo (Cao Câu Ly), Baekje (Bách Tế) và Silla (Tân La).

Tổ chức chính trị của các nước

Theo quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia, mỗi nước đều có cách tổ chức chính trị độc đáo khác nhau. Buyeo và Goguryeo là quốc gia được hình thành từ liên minh các bộ tộc. Dưới vua Buyeo có Maga (Mã gia), Uga (Ngưu gia), Jeoga (Trư gia), Guga (Cẩu gia) ... Goguryeo

được xây dựng bởi sự liên hợp của 5 bộ tộc khởi đầu từ bộ tộc Gyeru (Quế Lâu), bộ tộc Jeollo (Tuyệt Nô). Theo đó, ở giai đoạn đầu sức mạnh tập trung trong tay các tộc trưởng nên vua không có nhiều quyền lực.

Ở Okjeo và Dongyee không gọi người cai trị là vua mà gọi là tướng quân, hay Eupgun (Ấp quân) hoặc Samno (Tam Lão), các tiểu quốc của Tam Hàn cũng thế, tướng quân thường được gọi là Sinji (Thần trí) và Eupcha (Ấp tá) và nắm quyền chính trị.

Những quốc gia xuất hiện trên bán đảo Hàn sau nhà nước Gojoseon

Phong tục xã hội

Mỗi nước đều có phong tục xã hội, tín ngưỡng tôn giáo và luật pháp riêng. Tuy thời điểm diễn ra trong năm khác nhau nhưng ở mỗi nước đều có hành lễ tế trời.

Nước Buyeo có phong tục tuẫn táng, người dân thường thích mặc đồ trắng. Pháp luật còn truyền lại 4 điều trong đó đều trừng phạt rất nghiêm đối với những tội giết người, trộm cắp và sự ghen tuông của người vợ. Người dân Goguryeo coi trọng võ nghệ và vì họ bắn tên, cưỡi ngựa rất giỏi nên những hình ảnh đó đã được miêu tả rất rõ trên bích họa trong những ngôi mộ. Bên cạnh đó, phong tục cho ở rể cũng đã xuất hiện ở đây.

Phong tục và ngôn ngữ của Okjeo và Dongye gần giống với Goguryeo. Okjeo có đất đai màu mỡ nên nông nghiệp rất phát triển nhưng vì phải chịu ách thống trị của Goguryeo nên hàng năm phải dâng cống các đặc sản của mình như muối, vải gai và các loại hải sản. Okjeo có phong tục nhận đón con dâu từ khi còn nhỏ tuổi, có tập tục mai táng người chết theo mộ của cộng đồng gia tộc (xương cốt của cả dòng tộc được tập trung lại chôn trong một mộ). Người dân Dongye coi trọng tự nhiên, sông núi. Các bộ tộc đều ngăn cấm sự xâm nhập của bộ tộc khác vào khu vực sông

núi mà mình sở hữu. Hơn nữa, các Emnak (ấp lạc) không xâm phạm lẫn nhau, nếu vi phạm những qui ước này thì phải bồi thường bằng bò, ngựa. Nam nữ trong cùng một thị tộc thì không được kết hôn với nhau.

Nước Samhan có nền nông nghiệp với trọng tâm là nghề trồng lúa rất phát triển. Ngoài người lãnh đạo về chính trị còn có người chú tế, chuyên cai quản mọi nghi lễ ở Sodo (Tô Đố) – nơi được coi là khu vực thần thánh. Đặc biệt ở Byeonhan đã khai thác rất nhiều sắt rồi xuất sang Nhật Bản, các quận huyện của nhà Hán và được sử dụng để trao đổi như tiền tệ.

II. Sự hình thành và phát triển của thời kỳ Tam quốc

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
Thành lập nhà nước Silla ("Tam quốc sử ký")	57 Tr. CN?		
Thành lập nhà nước Goguryeo ("Tam quốc sử ký")	37 Tr. CN?		
Thành lập nhà nước Baekje ("Tam quốc sử ký")	18 Tr. CN.		
	25		Trung Quốc: Nhà Đông Hán ra đời
	40~ 43	Khởi nghĩa Hai Bà Trưng	
	187~ 226	Chính quyền Sĩ Nhiếp	
	220		Trung Quốc: Bắt đầu thời kỳ Tam quốc
	248	Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu	
Goguryeo tiêu diệt Nangnang-gun	313		Roma công nhận Cơ đốc giáo hợp pháp
	317		Trung Quốc: Thời kỳ đông Tấn và 16 nước
	350		Người Hung Nô xâm lược châu Âu
Goguryeo tiếp nhận Phật giáo và xây dựng Thái học	372		
Baekje thu nhận Phật giáo	384		
	395		Roma: Phân chia thành Đông Roma và Tây Roma
	420		Trung Quốc: Hình thành Nam Bắc triều
Goguryeo dời đô tới Pyeongyang (Bình Nhưỡng)	427		
Thành lập đồng minh Silla - Baekje	433		
	476		Đế quốc Tây Roma diệt vong
Silla ban bố các luật lệnh	520		
Silla công nhận Phật giáo	527		
Silla dời đô tới Sabi	538		
	541~ 547	Nước Vạn xuân của Lý Bí	
Baekje truyền bá Phật giáo vào Nhật Bản	552		
	589		Trung Quốc: Bắt đầu thời kỳ nhà Tuy
	610		Mohammed truyền bá đạo Hồi
Goguryeo, đại thắng Salsu	612		
	618		Trung Quốc: Nhà Đường được thành lập
	645		Nhật Bản: Cải cách Taiga (Đại hoa)
Baekje diệt vong	660		
Goguryeo diệt vong	668		
Silla thống nhất Tam quốc	676		

1. Quá trình hình thành Tam quốc

Tóm tắt

Tam quốc được hình thành khởi đầu từ các vương quốc liên minh, dần dần với sự củng cố chế độ thế tập vương vị và chế độ hành chính đã làm cho thể chế tập quyền trung ương trở nên vững mạnh. Song song với điều này, Tam quốc chinh phục các vùng xung quanh, mở rộng lãnh thổ. Liên minh Gaya (Gia Na) phát triển ở lưu vực sông Nakdong (Lạc Đông) cùng với Tam quốc phát triển thế lực của mình.

Goguryeo xây dựng nền tảng của đất nước như thế nào?

Sự phát triển của Goguryeo

Goguryeo có được dáng vóc của một quốc gia sớm nhất so với các nước khác thời Tam quốc. Giai cấp thống trị của Goguryeo là dân di cư đến từ Buyeo, họ đã cùng hợp sức với thổ dân để dựng đất nước ở lưu vực sông Hungang (sông Hồn), một chi lưu của sông Amnok (sông ap Lục).

Goguryeo dời đô tới thành Gungnae (Quốc Nội thuộc Tập An, Trung Quốc) ở trung lưu sông Amnok, chinh phục các nước xung quanh, cố gắng tập trung lực lượng tiến xuống vùng đồng bằng, phát triển trên cơ sở chống lại sự xâm lược của Trung Quốc.

Goguryeo đã có những bước phát triển, bắt đầu từ đời vua Thái Tổ, khoảng từ nửa sau thế kỷ I đến nửa đầu thế kỷ II sau công nguyên đã trở thành một nhà nước trung ương tập quyền. Lúc này Goguryeo đã tiến ra phía biển Đông, chinh phục Okjeo và Dongye là hai nước có tài vật phong phú, đất đai màu mỡ và còn âm mưu tiến tới cả vùng Yodong. Do những cuộc chinh phục này, vương quyền của họ Go xuất thân từ bộ tộc Gyeru (bộ tộc Quế Lâu) đã trở nên hùng mạnh đến mức độc quyền thế tập vương vị.

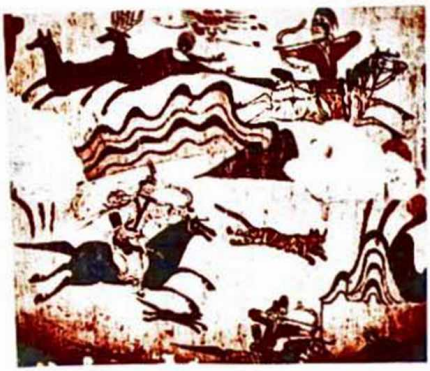

Bích hoạ thời Goguryeo vẽ cảnh săn bắn

Sau đó, vào thời vua Gogukcheon (Cố Quốc Xuyên) ở nửa sau thế kỷ II đã đổi 5 bộ tộc mang đặc tính truyền thống bộ tộc thành 5 bộ Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung để tăng thêm sức mạnh cho thể chế tập quyền trung ương. Vương quyền trở nên mạnh hơn nhờ chế độ thế tập vương vị được đổi từ thế tập trong anh em sang thế tập cha con.

Đầu thế kỷ IV, triều vua Micheon (Mỹ Xuyên), do Goguryeo đã thành công trong việc đẩy được các quận huyện của Trung Quốc xuống phía Nam và làm chủ lưu vực sông Daedong (Đại Đồng), nên thế lực các quận huyện của Trung Quốc đã bị tiêu diệt trên bán đảo Hàn. Vua Micheon dần dần mở rộng thế lực xuống vùng Yodong nhưng do sự xâm lược của Baekje và Jeonyeon (Tiền Yên) của Trung Quốc ở phía Tây nên Goguryeo lại bị đặt trước nguy cơ mất nước.

Để vượt qua những khó khăn này, vua Sosurim đã tiếp nhận Phật giáo, lấy Phật giáo làm trung tâm để thống nhất các tín ngưỡng cũ và đề cao uy quyền của vương thất. Ông cũng cho xây dựng Thái học, nuôi dưỡng nhân tài, ban bố luật lệnh, củng cố lại bộ máy chính quyền quốc gia. Nhờ vậy, thể chế trung ương tập quyền của Goguryeo càng vững mạnh và chuẩn bị được cơ sở cho các bước phát triển mới.

Chế độ chính trị của Goguryeo

Trong xã hội Goguryeo những quý tộc của 5 bộ tộc bao gồm cả vương tộc là tầng lớp thống trị cao nhất. Những thế lực này liên kết với vua và nắm quyền chính trị. Trong đó, họ Go là vương tộc xuất thân từ bộ tộc Gyeru kế thừa ngai vàng và lấy những vương phi từ bộ tộc Jeollo.

Bộ máy chính trị trung ương đứng đầu là Daedaero (Đại Đối Lộ), chức quan đảm đương tổng quản các việc nội các, triều chính. Quan lại được chia thành 10 cấp. Khu vực hành chính gồm có kinh đô và 5 bộ ở khắp

cả nước, ở từng nơi đều xây thành để chống lại sự xâm chiếm của các nước ngoại bang. Quan cai trị đứng đầu các địa phương do trung ương phái đến và nắm giữ cả quyền lực cả về hành chính và quân sự.

Daedaero là chức quan lớn do tầng lớp quý tộc tiến cử. Các đại biểu của tầng lớp quý tộc thường thảo luận và quyết định những công việc quan trọng của đất nước trong hội nghị Jega (Chư gia).

Quá trình phát triển của Baekje

Sự ra đời của Baekje

Baekje là do những người di cư tới từ phương Bắc lập ra ở thành Wirye (Uỷ Lễ) thuộc lưu vực sông Hán. Vì lưu vực sông Hán là nơi đất đai màu mỡ nên ngay từ rất sớm ở đây đã phát triển văn hoá thời kỳ đồ sắt và văn hoá nông nghiệp. Hơn nữa, đây là nơi có thể tiếp nhận những yếu tố văn hoá tiên tiến của Trung Quốc thông qua đường biển nên đã phát triển một cách nhanh chóng trong số các nước Mahan.

Thanh đất Mongchon là trung tâm thời kỳ đầu Baekje thuộc lưu vực sông Han

Thế lực chủ yếu xây dựng nên Baekje là những người đến từ Goguryeo. Điều này có thể thấy rõ trong thần thoại kiến quốc. Nhưng vương thất của Baekje lại tự xưng là họ Buyeo (Phù Dư), khi đặt tên nước cũng đặt là Nam Buyeo. Ngôi mộ cổ Dolmuji (Tích Thạch Chùng) ở Seokchon-dong, Seoul có những đặc điểm liên quan mật thiết với mộ Goguryeo ở lưu vực sông Amnok cũng cho thấy rõ điều này.

Sự phat triển của Baekje

Trong quá trình phát triển, Baekje chịu nhiều áp lực của các quận huyện Trung Quốc nên đã trải qua rất nhiều khó khăn. Vào khoảng giữa thế kỷ III, dưới thời vua Goi, Baekje đã vừa đẩy lui sự can thiệp và xâm lược của các thế lực Trung Quốc vừa chuẩn bị cơ sở để xây dựng đất nước. Vua Goi bên ngoài thì hợp nhất với Mokjiguk (Mục Chi quốc) là thế lực trung tâm của Mahan và giữ vững khu vực miền trung của bán đảo Hàn, bên trong thì điều chỉnh lại cơ cấu nhà nước như: chuẩn bị cho một bộ máy chính quyền quốc gia mới, chế định những pháp lệnh quan trọng và phục sắc cho quan lại ... và xây dựng quốc gia tập quyền trung ương.

Baekje phát triển toàn thịnh vào nửa sau thế kỷ IV, đời vua Geunchogo (Cận Tiêu Cổ vương). Lúc này, trong nội bộ triều đình đã hình thành việc kế thừa ngai vàng theo chế độ phụ tử, bên ngoài đã chế ngự được cả vùng lân cận Hwanghae-do (Hoàng hải đạo) ở phía Bắc, giữ vững toàn bộ Mahan ở phía Nam, thiết lập quan hệ ngoại giao với Wae (Oa - Nhật Bản), Dongjin (đông Tấn) của Trung Quốc và kiểm chế được Goguryeo.

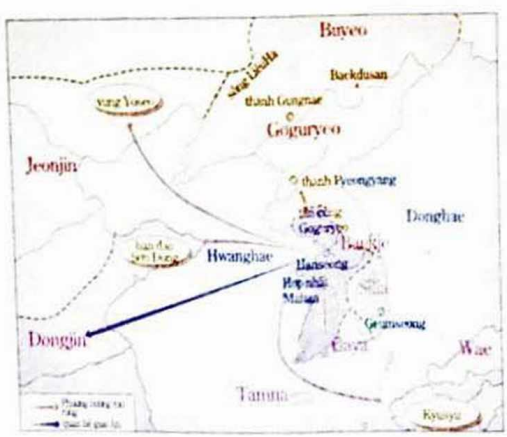

Phạm vi ảnh hưởng của Baekje thời kỳ toàn thịnh
(thế kỷ 4)

Baekje tiếp nhận Phật giáo từ Dongjin để đề cao quyền uy của vương thất, thống nhất tư tưởng, phát triển quốc gia tập quyền trung ương trên cơ sở vương quyền vững mạnh.

Chế độ chính trị của Baekje

Lãnh đạo chính trị của Baekje gồm vương tộc họ Buyeo liên hợp với 8 họ quý tộc khác. Các quý tộc thường tụ họp ở Jeongsaam (am Chính Sự) để bầu ra tể tướng. Đây chính là truyền thống hội

nghị quý tộc ở Baekje. Bộ máy trung ương dưới vua bắt đầu từ cấp Jwapyeong (Tả Bình) có 16 cấp quan đảm trách các công việc của nhà nước. Sangjwapyeong (Thượng Tả Bình) là người chịu trách nhiệm cao nhất. ở những địa phương xung yếu có đặt ra 22 Damno (Đam Lỗ) và cử những người trong vương tộc tới đó cai trị.

Quá trình hoàn chỉnh thể chế quốc gia của Silla

Sự ra đời và phát triển của Silla

Trong nhiều nước ở Jinhan thì Silla bắt đầu từ nước Saro (Tư Lô) ở đồng bằng Gyeongju. Silla là đất nước được hình thành từ việc liên hợp nhiều thế lực, như trong truyền thuyết là các họ Bak, Seok (Tích), Gim, nên sự hình thành quốc gia diễn ra chậm.

Nhom lăng cổ, Hwangnam-dong, Gyeongju

Silla hình thành bộ máy quốc gia tập quyền trung ương vào nửa cuối thế kỷ IV, đời vua Naemul (Nại Vật). Lúc này, Silla chinh phục nhiều nước của Jinhan, mở rộng lãnh thổ tới tận lưu vực sông Nakdong và nhờ sự giúp đỡ của vua Goguryeo là Gwanggaeto Daewang (Quảng Khai Thổ Đại Vương) đã đẩy lùi được quân Wae. Trước đó, 3 họ Gim, Bak, Seok thay nhau chiếm giữ ngai vàng nhưng từ lúc này họ Kim đã hoàn toàn độc chiếm vương vị. Người thống trị tối cao xưng danh là Maripgan (Ma Lập Can) có nghĩa là Daegunjang (đại quân trưởng).

Chế độ chính trị và chế độ cốt phẩm

Trong quá trình phát triển thành quốc gia tập quyền trung ương, Silla chú trọng đẩy mạnh vương quyền, đưa ra một chế độ thân phận rất đặc biệt được gọi là chế độ cốt phẩm để củng cố cơ sở thống trị. Chế độ cốt

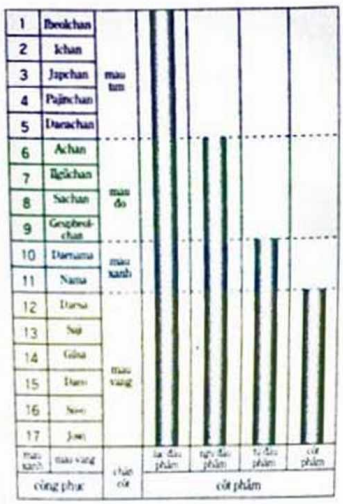

Biểu cốt phẩm và quan đẳng

phẩm thiết lập trong quá trình phong cấp, phiên nhập các tộc trưởng ở các địa phương vào tầng lớp quý tộc trung ương tuỳ theo thế lực của họ lớn hay nhỏ. Vương tộc thì thuộc vào hàng Seonggol (thánh cốt) và Jingol (chân cốt), quý tộc bình thường thì thuộc vào các đẳng phẩm trong 6 đẳng phẩm dưới.

Ban đầu ngôi vua đều do người thuộc hàng Seonggol nắm giữ nhưng từ đời vua Muyeol (Vũ Liệt) thì vua được xếp vào hàng Jingol và thân phận thường dân là những người thuộc ba đẳng phẩm dưới cùng. Hoạt động chính trị và xã hội của người Silla được quyết định theo cốt phẩm. Jingol độc chiếm những chức vị quan trọng với tư cách là tầng lớp quý tộc tối cao. Lục đẳng phẩm bị hạn chế chỉ được thăng quan đến đẳng cấp 6, tức là Achan nên chủ yếu chỉ được hoạt động trên lĩnh vực tôn giáo và học thuật hơn là chính trị.

Các đại biểu quý tộc quyết định mọi việc quan trọng của đất nước thông qua biểu quyết nhất trí trong hội nghị Hwabaek (Hoà Bạch). Sangdaedeung (Thượng đại đẳng) chủ trì hội nghị Hwabaek là người đại biểu của tầng lớp quý tộc có nhiệm vụ và quyền hạn ngang với thủ tướng ngày nay. Tuy nhiên, khi quyền hạn của nhà vua được đề cao thì nhiệm vụ của Sangdaedeung bị thu hẹp và thay vào đó sức mạnh được chuyển giao cho chức quan Jungsi (Trung thị) của Jipsabu (Chấp sự bộ), cơ quan tổng quản các công việc hành chính. Về khu vực hành chính, thủ đô được chia thành 6 bộ, địa phương được chia thành 5 châu để cai quản.

Nguyên nhân Gaya chỉ dừng lại ở cấp độ các quốc gia liên minh

Gaya, đất nước của sắt

Liên minh Gaya

Ở vùng đất Byeonhan thuộc lưu vực hạ lưu sông Nakdong đã xuất hiện nhiều quốc gia của Gaya. Khi Tam quốc đang dốc hết sức vào việc sắp xếp lại tổ chức quốc gia với tư cách là quốc gia tập quyền trung ương thì Gaya xây dựng vương quốc liên minh, là giai đoạn muộn hơn quốc gia tập quyền trung ương của Tam quốc. Thời kỳ đầu là Geumgwan Gaya (Kim Quan Gia Na) của Gimhae (Kim Hải) và thời kỳ sau là Dae Gaya (đại Gia Na) của Goryeong (Cao Linh) đóng vai trò chủ đạo trong liên minh Gaya (Gia Na).

Với điều kiện đất đai có lợi cho hoạt động trên biển tại khu vực hạ lưu sông Nakdong, Geumgwan Gaya lớn mạnh nhờ vào sản xuất sắt và hoạt động buôn bán giao dịch. Đặc biệt tại vùng Gimhae (Kim Hải) có rất nhiều sắt có chất lượng tốt nên họ đã cho làm các loại vũ khí và áo giáp bằng sắt và còn làm các lá sắt và sử dụng nó như một phương tiện trao đổi giao dịch có chức năng giống như tiền.

Sau khi ý đồ tiến xuống phía Đông sông Nakdong đã mấy lần thất bại do bị Silla cản trở, Gaya duy trì quan hệ mật thiết với Baekje và khống chế Silla. Tuy nhiên, để giúp Silla đánh nhau với quân Wae, Nhật Bản, Goguryeo đã điều 5 vạn quân đến công kích vào khu vực của Gaya. Geumgwan Gaya bị công kích dữ dội nên địa vị minh chủ bị lung lay.

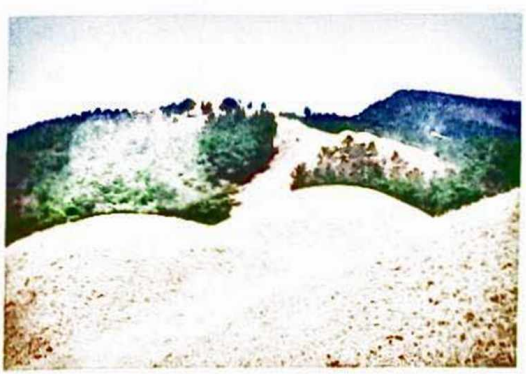
Quần lăng cổ, Jisan-dong, Goryeong

Sau đó các nước Gaya ở phía Tây sông Nakdong đã thành lập một liên minh mới lấy Dae Gaya

của Goryeong làm trung tâm. Dae Gaya của Goryeong sản xuất rất nhiều sắt chất lượng tốt và có những điều kiện đất đai tốt cho sản xuất nông nghiệp. Do vậy, từ sau thế kỷ thứ V, Dae Gaya của Goryeong đã nổi lên thành một thế lực trung tâm của liên minh Gaya thay thế cho Geumgwan Gaya.

Gaya diệt vong

Từ nửa sau thế kỷ thứ V, liên minh Gaya mà trung tâm là Dae Gaya phát triển lớn mạnh, và mở rộng phạm vi thế lực của mình ra tận phía Tây dãy núi Sobaek (Tiểu Bạch). Nhưng đến thế kỷ thứ VI, do liên tiếp chịu áp lực từ cả hai phía của Baekje và Silla nên phạm vi này đã bị thu hẹp lại. Sở dĩ có tình hình như vậy là vì Baekje muốn lấy vùng đất Gaya để bù lại việc bị mất lưu vực sông Hán. Còn Silla thì vì tác động đó mà tích cực xâm nhập vào lãnh thổ của Gaya.

Kết cục là Gaya bị sự hai nước xâm lược nên lãnh thổ của liên minh Gaya dần dần bị thu hẹp lại, đến thời Beopheungwang (Pháp Hưng vương) của Silla thì Geumgwan Gaya diệt vong (532) và tới thời Jinheungwang (Chân Hưng vương) thì đến lượt Dae Gaya cũng bị tiêu diệt (562). Liên minh Gaya là liên minh dựa trên tiêu chuẩn hợp nhất các quốc gia có thế lực gần ngang nhau đã bị diệt vong tại giai đoạn vương quốc liên minh khi vẫn chưa tiến tới được một vương quốc thống nhất.

Nhưng văn hoá Gaya phát triển dựa trên nền tảng của một nguồn tài nguyên phong phú vẫn ảnh hưởng đến Silla cho mãi đến những thời kỳ sau. Hơn nữa, một bộ phận của liên minh Gaya đã chạy sang Nhật Bản và có vai trò quan trọng trong việc phát triển văn hoá cổ đại của Nhật Bản.

2. Sự phát triển của Tam quốc

Tóm tắt

Các nước trong Tam quốc vừa tiến hành chiến tranh chống đối lẫn nhau vừa cố gắng khuếch trương thế lực của mình. Vào thế kỷ thứ 5, thời Gwanggaeto Daewang (Quảng Khai Thổ Đại vương) và Jangsuwang (Trường Thọ vương), Goguryeo đã xác lập được vùng lãnh thổ rộng lớn trải dài từ vùng Manju đến tận khu vực miền trung của bán đảo Hàn. Baekje đã mất vùng đất lưu vực sông Hàn, bị Goguryeo làm cho điêu đứng nhưng đã cố gắng củng cố lại thế lực của mình bằng việc dời đô về Sabiseong (Tứ Bi thanh). Từ sau thế kỷ thứ VI, Silla vừa thực hiện chính sách đối ngoại tích cực vừa cố gắng tăng cường uy thế của mình bằng cách mở rộng vùng đất lưu vực sông Hàn.

Nguyên nhân Goguryeo có thể phát triển thành một cường quốc

Gwanggaeto Daewang (Quảng Khai Thổ đại vương) và Jeongbokwang (Chinh phục vương)

Cuộc tranh giành thế lực của Tam quốc chính thức bắt đầu từ cuối thế kỷ thứ IV, khi Gwanggaeto Daewang lên ngôi và trở thành chất xúc tác thúc đẩy sự phát triển của các quốc gia thời Tam quốc. Nắm quyền chủ đạo trước tiên trong cuộc tranh giành này là Goguryeo, quốc gia đã trưởng thành thông qua cuộc chiến với các thế lực của Trung Quốc.

Sức mạnh quốc gia được tăng cường, Gwanggaeto Daewang đã kết giao mật thiết với Silla, mở rộng lãnh thổ, mở ra một thời đại toàn thịnh cho Goguryeo. Sự nghiệp của ông được ghi lại trên Gwanggaeto Daewang Neungbi (Quảng Khai Thổ Đại vương lăng bia) còn truyền lại ở Jiban (Tập An), Manju. Sau khi ông chết, người Goguryeo đã gọi ông là Gwang-

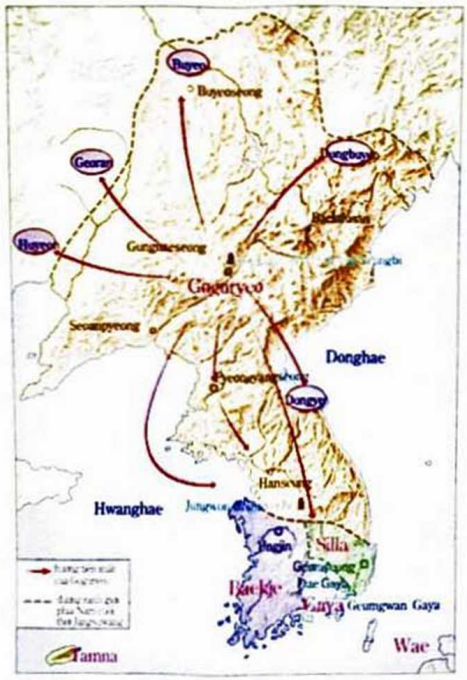

Bản đồ Thời kỳ toàn thịnh của Goguryeo thế kỷ 5

Ngôi mộ 7 tầng, một trong những ngôi mộ tiêu biểu của thời Goguryeo

gaetowang (Quảng Khai Thổ vương) với ý nghĩa là người mở rộng lãnh thổ và tiếp tục kế tục sự nghiệp của ông.

Chính sách Nam tiến của Jangsuwang (Trường Thọ vương)

Jangsuwang (Trường Thọ vương), vị vua kế nghiệp Gwanggaeto Daewang đã tạo ra một giai đoạn chuyển biến mới trong quá trình phát triển của Goguryeo. Ngay sau khi lãnh thổ được mở rộng, Jangsuwang thấy cần thiết phải điều chỉnh lại thể chế trong nước. Ông cho dời thủ đô từ Gungnaeseong (thành Quốc Nội) về Pyeongyang ở lưu vực sông Daedong (427) và tích cực xúc tiến chính sách Nam tiến, gây áp lực cho Silla và Baekje.

Trước tình hình đó, Silla và Baekje đã liên kết lại để chống lại chính sách Nam tiến của Goguryeo. Baekje là nước trực tiếp bị Goguryeo uy hiếp xâm lược. Goguryeo điều 3 vạn quân đến tấn công thủ đô của Baekje và chiếm giữ được lưu vực sông Hán (475).

Lãnh thổ của Goguryeo thời kỳ này kéo dài từ vịnh Asan (Nha Sơn) qua dãy núi Sobaek (Tiểu Bạch) đến vịnh Yeongil (Nghênh Nhật). Jungwon Goguryeobi (bia Cao Cấu Ly Trung Nguyên) được lập trong thời kỳ này. Cuối thế kỷ thứ 5, Goguryeo đã cai trị cả vùng Manju bao gồm cả

Yodong và phía Bắc trung bộ của bán đảo Hàn và trở thành cường quốc ở Đông Bắc Á. Việc Bắc Ngụy ở Trung Quốc lúc đương thời trong khi tiếp đãi các đoàn sứ thần ngoại giao nước ngoài đã đặc biệt ưu đãi sứ thần Goguryeo, cho thấy vị thế cường quốc của Goguryeo trong vùng Đông Bắc Á lúc bấy giờ.

Baekje đã làm gì để khôi phục và phát triển đất nước?

Dời đô và nỗ lực tái thiết đất nước

Vào nửa sau thế kỷ thứ V, Baekje trực tiếp chịu sự uy hiếp xâm lược của Goguryeo. Do đó, Baekje đã cử sứ thần sang Bắc Ngụy của Trung Quốc yêu cầu giúp đỡ nhưng đã không thu được kết quả gì. Kết cục, Baekje đã bị Goguryeo tấn công. Trước sự tấn công của Jangsuwang của Goguryeo, thủ đô Hanseong (Hán Thành) và vùng lưu vực sông Hán đã bị rơi vào tay quân Goguryeo, Gaerowang (Cái Lô vương) bị bắt sống và bị giết. Baekje buộc phải dời đô về Ungjinseong (thành Ung Tân, Gongju ngày nay) (475).

Baekje đương đầu với nhiều khó khăn do để mất lưu vực sông Hán. Cuộc tranh giành quyền lực trong giới quý tộc trung ương đã làm cho vương quyền bị phân tán, quốc lực suy yếu. Vị vua đã đưa ra kế sách phục hưng Baekje trong giai đoạn này là Dongseongwang (Đông Thành vương). Một mặt Dongseongwang thiết lập quan hệ hôn nhân với vương thất Silla nhằm chống lại sự xâm lược của Goguryeo, mặt khác ra sức phục hồi đất nước.

Tượng Phật ba ngòi Maae ở Seosan, được gọi là Nụ cười của Baekje

Vào nửa đầu thế kỷ thứ VI, thời Muryeongwang (Vũ Ninh vương),

Baekje thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Yang (Lương) của Nam Triều, Trung Quốc và ra sức xúc tiến giao lưu văn hoá với nước này. Tại vùng đất quan trọng là Damno (Đam Lô), triều đình Baekje đã phái vương thân tới để tăng cường việc cai trị tại địa phương, đồng thời tích cực tăng cường sức mạnh tấn công Goguryeo và dần dần khôi phục lại đất nước. Nhiều di vật tìm thấy tại lăng Muryeongwang đã cho thấy vào thời điểm ấy, văn hoá của Baekje phát triển rất tinh tế thông qua việc giao lưu với Nam Triều của Trung Quốc.

Nỗ lực nhằm chấn hưng đất nước của Seongwang (Thanh Vương)

Baekje chính thức bước vào chuẩn bị nền tảng cho việc chấn hưng đất nước vào giữa thế kỷ thứ VI thời Seongwang (Thánh Vương). Seongwang đã dời đô từ Ungjinseong chật hẹp về vùng đồng bằng rộng lớn Sabiseong (thành Tư Bi – Buyeo ngày nay) và đổi tên nước thành Nam-Buyeo (Nam Phù Dư). Để tăng cường vương quyền ông đã cho đặt 22 quan sảnh để điều hành công vụ ở trung ương, 5 bộ ở kinh thành, 5 phường ở địa phương. Triều đình Seongwang khích lệ Phật giáo, tiến hành giao lưu văn hoá với Trung Quốc, kết giao quan hệ hữu hảo với nước Wae và truyền bá rất nhiều văn hoá trong đó có Phật giáo sang Wae.

Trên cơ sở đó, Seongwang đã hợp sức cùng Silla để có thể lấy lại phần đất lưu vực sông Hán trước kia đã bị Goguryeo đoạt mất. Baekje đã thực hiện được sở nguyện bấy lâu của mình nhưng ngay sau đó lại bị đồng minh của mình là Silla tấn công và lại bị Silla lấy đi phần đất đã giành lại từ Goguryeo.

Vì lý do này Seongwang đã kéo quân đi đánh Silla nhưng ông đã hy sinh khi giao chiến tại Gwansanseong (thành Quản Sơn, Okcheon, Chungbuk) nên đã không thể thực hiện được ý nguyện chấn hưng đất nước của mình. Sau đó, tình hình tranh giành quyền lực giữa ba nước đã chuyển biến theo hướng khác, Baekje hợp sức với Goguryeo tiến hành những cuộc giao chiến ác liệt với Silla, nước đã từng là đồng minh của mình.

Ý nghĩa của việc Silla chiếm lưu vực sông Hàn

Sự phát triển của Silla

Đầu thế kỷ thứ VI, trải qua thời Jijeungwang (Trí Chứng vương) đến thời Beopheungwang (Pháp Hưng vương) và Jinheungwang (Chân Hưng vương), Silla đã phát triển lớn mạnh và có đủ điều kiện để có thể thống nhất Tam quốc.

Vào thời Jijeungwang, diện mạo đất nước ngày càng đổi mới, tên nước được định lại là Silla, tên của người thống trị tối cao cũng được đổi lại là Wang (vương) theo kiểu Trung Quốc thay cho cách gọi truyền thống là Maripgan (Ma Lập Can). Silla đã chinh phục Usanguk (Vu Sơn quốc, đảo Ulleung ngày nay) và thiết lập một chế độ chính trị hoàn thiện hơn. Ngoài ra, thời kỳ này, Silla còn định ra chế độ đặt các địa phương trên toàn quốc theo chế độ châu quận và cử quan lại đến cai trị. Điều này cho thấy ý đồ của Silla muốn tiếp nhận chế độ chính trị và văn hoá tiến tiến của Trung Quốc để tăng cường sự tập quyền ở trung ương và cũng cho thấy bộ mặt xã hội Silla đã phát triển thêm một bước nữa.

Vào nửa đầu thế kỷ thứ VI, thời Beopheungwang, luật lệnh đã được ban bố với tính chất là pháp lệnh của nhà nước, 17 quan đẳng và quan phục cho tất cả các quan lại cũng được định ra. Đây là sự chuẩn bị cơ sở vững chắc cho việc thống lĩnh nhiều thế lực dưới sự thống chế của quốc vương. Hơn nữa, ở thời kỳ này, binh bộ cũng đã được lập ra để thâu tóm quyền chỉ huy quân sự, chế độ cốt phẩm được ban hành, đặt ra chức quan Sangdaedeung là đại biểu của giai cấp quý tộc thuộc hàng Jingol (chân cốt) làm nên hình thái của một quốc gia tập quyền trung ương. Việc thời kỳ này sử dụng niên hiệu là Geonwon (Kiến Nguyên) cho thấy ý thức tự chủ khẳng định Silla là một đất nước ngang bằng với Trung Quốc. Bên cạnh đó, Silla cũng đã tiến hành dẹp yên sự phản đối của các thế lực quý tộc, công nhận Phật giáo nhằm tạo dựng sự thống nhất tinh thần trong toàn dân, đồng thời chinh phục Geumgwan Gaya của Gimhae (Kim Hải) để chuẩn bị cơ sở cho việc tiến vào vùng đất Gaya

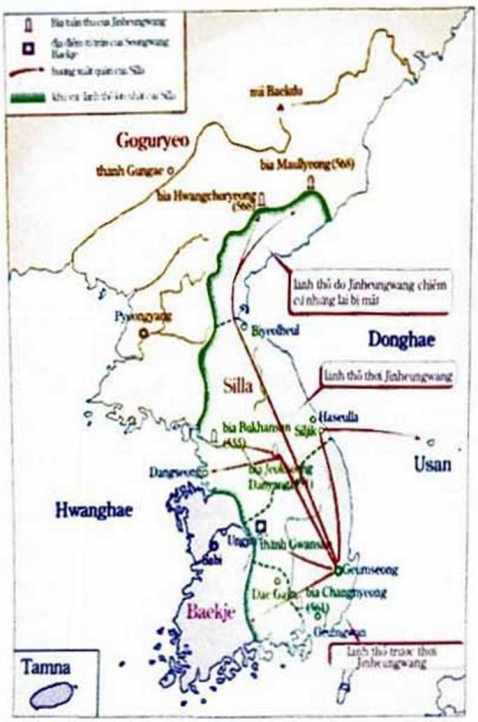

Chu thích bản đồ trang 22 sự phát triển của Silla (thế kỷ 6)

ở lưu vực sông Nakdong.

Việc mở rộng lãnh thổ của Jinheungwang (Chân Hưng vương)

Nhờ việc tăng cường quyền lực và xây dựng hệ thống tập quyền trung ương như vậy nên đến giữa thế kỷ thứ 6, thời Jinheungwang, Silla đã có những phát triển rực rỡ về mặt đối ngoại. Jinheungwang đã cho xây dựng chùa Hwangnyong (Hoàng Long tự), mở hội Phật giáo trên quy mô lớn để cầu mong sự bình an và phát triển cho đất nước. Ông cũng cho lập ra một đoàn thể với tư cách là một tổ chức có tầm cỡ quốc gia chuyên giáo dục những thanh thiếu niên có tài năng với tên là Hwarangdo (Hoa Lang đồ) đào tạo nhiều nhân tài. Hwarangdo đã trở thành nguồn động lực của việc thống nhất quốc gia sau này của Silla.

Một mặt, Jinheungwang đẩy mạnh việc củng cố vững chắc nền tảng quốc gia, mặt khác tiến hành mở rộng lãnh thổ. Jinheungwang liên minh với Baekje đánh Goguryeo, chiếm lĩnh vùng đất thượng lưu sông Hán, tiếp đó đoạt luôn cả vùng đất ở hạ lưu sông Hán mà Baekje mới giành lại được, chiếm lĩnh toàn bộ lưu vực sông Hán. Tiếp sau đó ông tiến hành chinh phục Dae Gaya, là minh chủ của liên minh Gaya, chiếm lưu vực sông Nakdong, rồi theo vùng duyên hải ven biển Donghae (Đông Hải) tiến vào vùng đồng bằng Hamheung (Ham Hưng).

Để ghi nhớ vùng lãnh thổ chiếm lĩnh được tại thời điểm này Jinheungwang đã cho dựng Danyang Jeokseongbi (đơn Dương Xích Thành

bia) và 4 Jinheungwang Sunsubi (Chân Hưng vương tuấn thú bia). Ông cũng đã dồn sức vào việc phát triển sức mạnh của quốc gia nâng cao vị thế của đất nước. Việc ông tự coi mình là hoàng đế và tự xưng là Taewang (Thái Vương) hay trẫm và sử dụng niên hiệu như Gaeguk (Khai Quốc) cho thấy ý thức tự chủ rất rõ ràng của ông.

3. Silla thống nhất Tam quốc

Tóm tắt

Bước vào thế kỷ thứ III, tại ba nước thuộc Tam quốc xảy ra những cuộc giao tranh rất quyết liệt. Song song với việc ngăn cản sự tấn công liên miên của Tuỳ Đường, Goguryeo đã phát triển lớn mạnh trở thành một quốc gia hùng cường ở vùng đông Bắc Á. Baekje tấn công Silla để chiếm đoạt lãnh thổ. Nhận thấy tình hình nguy cấp, Silla đã liên kết với nhà Đường tiêu diệt Baekje và Goguryeo. Nhưng khi nhà Đường có ý định cai trị Silla thì Silla lại tiến hành cuộc chiến để đẩy lùi thế lực của nhà Đường và cuối cùng đã chiếm lĩnh được vùng đất phía Nam sông Daedong.

Động lực nào giúp cho Goguryeo ngăn chặn được sự xâm lược của Tuỳ Đường?

Quan hệ đối ngoại của Tam quốc

Trong quá trình phát triển quốc gia của mình ba nước trong Tam quốc đã trải qua các giai đoạn khi thì hoà hợp khi thì chống đối lẫn nhau. Trong quá trình này, các nước trong Tam quốc đã có mối quan hệ rộng rãi với các quốc gia láng giềng như các vương triều của Trung Quốc, các dân tộc phương Bắc và nước Wae.

Vào giữa thế kỷ thứ VI, Silla đã chiếm được vùng lưu vực sông Hán nhưng lại bị cô lập bởi sự hợp sức tấn công của Goguryeo và Baekje. Để đoạt lại lưu vực sông Hán đã bị cướp mất và trả mối thù của Seongwang (Thánh Vương), Goguryeo và Baekje đã hợp lực với nhau để tấn công Silla.

Vào thời điểm này, Trung Quốc đã được nhà Tuỳ thống nhất sau thời gian dài hỗn loạn và phân tranh. Do vậy, sau khi quốc gia bị rơi vào tình trạng nguy kịch Silla đã yêu cầu nhà Tuỳ giúp đỡ. Trong khi đó,

cảm nhận được sự uy hiếp của nhà Tuỳ, Goguryeo đã liên kết với quân Dolgwol (Đột Quyết), một dân tộc du mục có cùng chung cảnh ngộ, để chống lại nhà Tuỳ. Baekje đã từng có quan hệ đối địch với Silla nên đã hợp sức với Goguryeo đánh Silla. Do vậy, vào cuối thế kỷ thứ VI, tình hình quốc tế tại vùng Đông Bắc Á có cục diện của một cuộc tranh giành giữa thế lực liên minh Nam - Bắc gồm Goguryeo, Baekje, Wae và Dolgwol với thế lực liên minh Đông - Tây gồm Tuỳ (Đường) và Silla.

Đại thắng Salsu (Tat Thuỷ)

Để ngăn chặn sự xâm lược của nhà Tuỳ và nắm giữ được vùng đất có lợi về mặt chiến lược, Goguryeo đã vượt sông Liêu Hà tấn công vào vùng đất Liêu Tây là vùng đất trọng yếu có tính chiến lược. Vì việc này mà Su Munje (Tuỳ Văn Đế) đã tổ chức tấn công lại nhưng Goguryeo đã đẩy lùi thế lực của nhà Tuỳ. Sau đó, Su Yangje (Tuỳ Dạng Đế) lên ngôi hoàng đế và nuôi mộng trở thành người thống lĩnh tối cao cả thiên hạ và muốn thâu tóm cả Goguryeo lúc này đang là một cường quốc ở vùng đông Bắc Á. Bị Goguryeo tấn công dữ dội Silla đã cử pháp sư Wongwang (Viên Quang) sang Tuỳ cầu cứu viện binh.

Năm 612, Su Yangje trực tiếp huy động 113 vạn quân tấn công vào Goguryeo. Thất bại trong việc bao vây tấn công thành Yodong, quân Tuỳ đã vượt biển xâm nhập vào vùng phụ cận của thành Pyeongyang (Bình Nhưỡng) nhưng lần này cũng bị thất bại thảm hại. Su Yangje nôn nóng và đã phái gồm 30 vạn quân tinh nhuệ đánh vào thành Pyeongyang. Do chiến thuật của tướng quân Goguryeo là Euljimundeok (ất Chi Văn Đức), đội quân tinh nhuệ của nhà Tùy khi tiến vào vùng phụ cận thành Pyeongyang trở nên mệt mỏi và đói khát, kết cục phải rút lui. Lợi dụng thời cơ này, Goguryeo đã phản kích và tiêu diệt gọn đội quân chủ lực của nhà Tuỳ khi chúng đang vượt sông Salsu. Trong số 30 vạn quân tinh nhuệ, chỉ có gần 2700 người sống sót trở về. Trận đánh này được gọi là Salsu Daecheop (Tát Thuỷ đại tiệp: Trận đại thắng ở Tát Thủy) (612).

Sau đó Goguryeo cũng đã mấy lần đẩy lui sự tấn công của quân Tuỳ và khắc phục được tình trạng nguy kịch của đất nước. Kết cục nhà Tuỳ

bị diệt vong bởi nội loạn và quốc lực bị suy yếu do các cuộc chiến tranh gây ra.

Cuộc chiến tại thành Ansi (An Thị)

Sau khi nhà Tuỳ bị diệt vong, nhà Đường đã tiến hành thống nhất Trung Quốc. Vào thời kỳ đầu kiến quốc, nhà Đường tiến hành quan hệ hữu hảo với Goguryeo. Với quyết định trao đổi những tù binh đã bị bắt trong chiến tranh với nhà Tuỳ, Goguryeo đã trao trả nhà Đường khoảng một vạn tù binh. Nhưng từ sau khi Dang Taejong (Đường Thái Tông) lên ngôi, quan hệ giữa hai nước bắt đầu trở nên xa cách. Với dã tâm muốn xây dựng nhà Đường thành một đế quốc thế giới, một mặt Dang Taejong tiến hành xâm lược các nước láng giềng, mặt khác tăng cường thêm áp lực đối với Goguryeo. Vì thế, Goguryeo đã cho xây Cheollijangseong (Thiên Lý trường thành) ở đường biên giới xung quanh khu vực sông Liêu Hà để đề phòng sự tấn công của quân Đường.

Lúc này, tại Goguryeo, Yeongaesomun (Uyên Cái Tô Văn) gây ra cuộc chính biến phế truất rất nhiều đại thần, kể cả Yeongnyuwang (vua Doanh Lưu). Ông đã đưa cháu của vua lên ngôi lập thành Bojangwang (vua Bảo Tang) và bản thân mình trở thành Daemangniji (Đại Mạc Li Chi) nắm giữ toàn bộ quyền lực. Ông sử dụng chính sách đối ngoại cứng rắn đối đầu với Silla và nhà Đường. Ông đã liên kết với Baekje để tăng cường việc tấn công Silla và kiên quyết bác bỏ sự can thiệp của nhà Đường yêu cầu ngừng việc tấn công Silla.

Nhà Đường đã viện cớ Yeongaesomun gây chính biến và cho quân tấn công vào Goguryeo. Dang Taejong đã tấn công hai hướng cả bằng lục quân và thủy quân. Sau khi đã vượt qua sông Liêu Hà, lần lượt hạ các thành Yodong, thành Baekam (Bạch Am) là những vị trí trọng yếu, quân nhà Đường đã tấn công vào thành Ansi (An Thị).

Thành Ansi là một thành rất nhỏ trên núi nhưng lại là vị trí quan trọng của biên cương phía Tây. Thành đã bị quân Đường bao vây hoàn toàn và mỗi ngày phải chịu tới sáu, bảy cuộc tấn công của quân Đường. Vào giai đoạn cuối, thành đã bị tổng công kích liên tục trong ba ngày

nhưng vẫn không bị hạ. Tất cả quân dân thành Ansi đứng đầu là chú thành đã kiên cường chống chọi đẩy lùi quân Đường và giữ được thành (645).

Quá trình thống nhất Tam quốc của Silla

Sự diệt vong của Goguryeo và Baekje

Trong thời gian Goguryeo liên tiếp tiến hành những cuộc chiến tranh ác liệt với quân Tuỳ và quân Đường của Trung Quốc thì Baekje lại thường xuyên tấn công Silla. Từ sau khi Uijawang (vua Nghĩa Tự) lên ngôi, cuộc chiến ngày càng trở nên ác liệt hơn. Baekje đã đoạt được khoảng 40 thành, kể cả thành Daeya (Đại Gia) của Silla và cùng với Goguryeo tấn công thành Dangseong (Đường thanh) nhằm cắt đứt con đường giao thông đi từ Silla sang nhà Đường.

Trước mối nguy hiểm đó, Silla đã cầu cứu Goguryeo nhưng thất bại và phải cầu cứu đến viện binh của nhà Đường. Gim Chun-chu (Kim Xuân Thu) sang nhà Đường thiết lập liên minh Na-Dang (La-Đường), bí mật giao ước sẽ cắt cho Đường phần đất phía Bắc sông Daedong sau khi tiêu diệt xong Baekje và Goguryeo.

Đội quân Silla do Gim Yu-sin (Kim Sưu Tín) và đội quân nhà Đường do So Jeong-bang (Tô Chính Phương) chỉ huy tấn công vào Baekje. Quân Silla đã đẩy lùi sự phản kháng quyết liệt của đội quân do tướng Gyebaek (Gia Bá) chỉ huy tại Hwangsanbeol và cùng quân Đường hạ thành Sabi là kinh đô của Baekje (660). Sau khi tiêu diệt Baekje, quân Silla và quân Đường bắt đầu tấn công Goguryeo. Quân Đường khi tấn công vào thành Pyeongyang đã gặp phải sự phòng ngự rất chặt chẽ của quân Goguryeo. Dù vậy, cuộc chiến vẫn tiếp tục diễn ra và lực lượng của Goguryeo ngày một suy yếu. Thêm vào đó, khi vị chỉ huy tối cao Yeongaesomun của Goguryeo chết thì đã xảy ra cuộc tranh giành quyền lực giữa các viên chỉ huy. Lợi dụng cơ hội này, liên quân Na-Dang đã hạ được thành Pyeongyang, kinh đô của Goguryeo và tiêu diệt Goguryeo (668). Sau này, những tàn dân của Goguryeo và Baekje tiến

hành rất sôi động các phong trào phục hưng nhằm tái lập lại đất nước nhưng tất cả đều thất bại.

Chiến tranh Na-Dang (Tân La-Đường)

Sau khi Goguryeo và Baekje diệt vong, nhà Đường bộc lộ dã tâm muốn cai trị toàn bộ bán đảo Hàn, không thực hiện lời hứa cắt cho Silla phần đất phía Nam sông Daedong. Nhà Đường đã cho đồn trú quân tại vùng đất cũ của Goguryeo và Baekje, đồng thời cũng cho đặt Gyerim Dodokbu (Kế Lâm đô đốc phủ) ở Silla nhằm cai trị Silla.

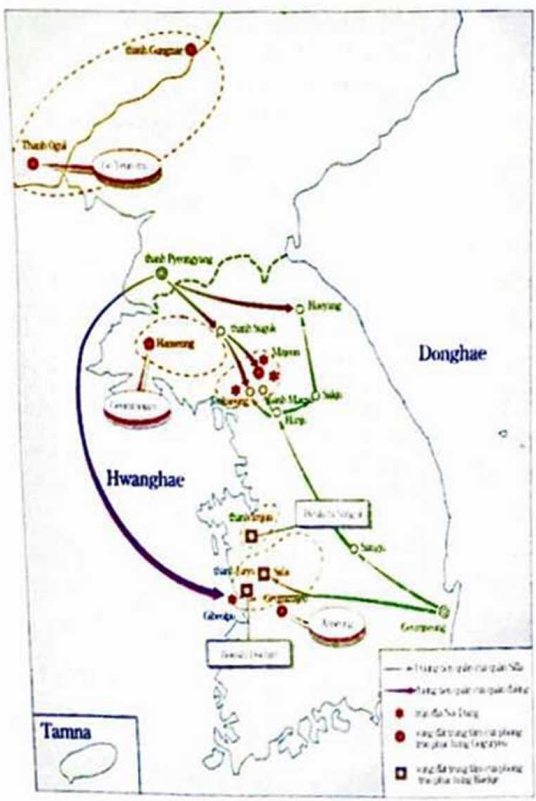

Phong trao phục hưng cua Goguryeo va Baekje va cuộc chiến tranh Na Dang (La Đương)

Vì vậy, Silla đã tiến hành chiến tranh nhằm đẩy lùi quân đội nhà Đường. Trước tiên, Silla ủng hộ phong trào phục hưng của Goguryeo để lấy lại vùng đất cũ của Baekje. Nghĩa là Silla đã lợi dụng những dân lưu lạc của Goguryeo để đẩy lùi quân xâm lược nhà Đường.

Silla giúp Anseung (An Thăng), người trong vương tộc Goguryeo, lập quốc gia lấy tên là Bodeokguk (Bảo Đức Quốc) ở Geummajeo (Kim Mã Chử), Iksan, tỉnh Jeonbuk. Đồng thời, quân Silla còn hạ thành Sabi mà quân đội nhà Đường đang đồn trú, dẹp bỏ Ungjin Dodokbu, nắm giữ hoàn toàn vùng đất cũ của Baekje. Sau đó, quân Silla thắng lớn 20 vạn quân nhà Đường tại thành Maeso (Mại Tiêu), đoạt được 3

vạn ngựa chiến và rất nhiều vũ khí, phản kích thủy quân nhà Đường ở cửa sông Geum (Cẩm Giang). Với việc liên tiếp đánh bại các cánh quân xâm lược của nhà Đường, cuối cùng Silla đã hoàn toàn đẩy lùi được quân Đường ra khỏi phía Nam sông Daedong và thống nhất được đất nước (676).

Việc thống nhất Tam quốc của Silla mặc dù có hạn chế là trong quá trình tiến hành đã nhận sự giúp đỡ của thế lực Trung Quốc là nhà Đường và chỉ dừng lại ở phía Nam sông Daedong nhưng đây là sự kiện trọng đại có ý nghĩa vô cùng lớn lao trong lịch sử bán đảo Hàn. Mặc dù chưa đạt đến mức hoàn thiện nhưng với tính chất là lần thống nhất đầu tiên trong lịch sử, việc thống nhất Tam quốc trở thành một động cơ quan trọng cho việc xây dựng một nền văn hoá dân tộc mới. Đặc biệt, ý nghĩa chân chính của cuộc chiến tranh thống nhất dân tộc được nhấn mạnh ở điểm Silla đã đập tan được dã tâm của nhà Đường nhờ vào sự góp sức của những tàn dân Goguryeo và Baekje.

III. Silla thống nhất và Balhae (Bột Hải)

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
	622	Thiết lập Giao Châu đô hộ phủ, năm 679 đổi là An Nam đô hộ phủ	Bắt đầu kỷ nguyên Hồi giáo
Silla xây dựng Quốc học	682		
Đặt 9 châu 5 tiểu kinh	685		
Balhae kiến quốc	698		
	722	Khởi nghĩa của Mai Thúc Loan	
Xây dựng Bulguksa (Phật Quốc tự) và	751		
Seokguram (Thạch Quyết am)	755		Trung Quốc: loạn An. Sử
	766~791	Phong trào khởi nghĩa của Phùng Hưng	
	771		Đế chế Carolus thống nhất vương quốc Frank
Thiết lập Dokseosampumgwa (Độc thư tam phẩm khoa)	788		
Jang Bo-go (Trương Bố Cao) thiết lập Cheonghaejin (trấn Thanh Hải)	828		
	829		Thành lập vương quốc Anh
	843		Hiệp ước Verdun phân chia vương quốc Frank thành: Pháp, Đức và Ý
	875		Khởi nghĩa của Hoàng Sào ở Trung Quốc
Thành lập nước Hu-Baekje (Hậu Bạch Tế)	900		Thành lập vương quốc Đan Mạch
Thành lập nước Hu-Goguryeo (Hậu Cao Câu Ly)	901		
	905	Khúc Thừa Dụ tự xưng Tiết độ sứ	
	907	Khúc Hạo tự xưng Tiết độ sứ	Nhà Đường diệt vong, bắt đầu thời kỳ Ngũ đại Thập quốc
	916		Nước Georan (Khiết đan) thành lập
Thành lập nước Goryeo (Cao Ly)	918		
Balhae diệt vong	926		
Silla diệt vong	935		
Hu-Baekje (Hậu Bạch Tế) diệt vong, Goryeo thống nhất Hậu Tam quốc	936		

1. Sự phát triển của Silla thống nhất và Balhae

Tóm tắt

Sau khi thống nhất Tam quốc, tại sông Daedong, Silla chỉ nắm giữ được từ vùng đất phía Nam vịnh Wonsan, còn ở vùng đất cũ của Goguryeo, quốc gia Balhae được thành lập tạo ra cục diện Nam Bắc quốc. Ở Silla, vương tộc Muyeolwang (Vũ Liệt vương) đã ban bố chế độ để vừa xác lập được toàn bộ vương quyền vừa cai trị vùng lãnh thổ mới được mở rộng một cách có hiệu quả, đồng thời tiến hành giao lưu với các khu vực xung quanh. Trong khi đó, Balhae vừa thực hiện chính sách đối ngoại tích cực vừa tiến hành củng cố đất nước. Balhae nổi lên như một cường quốc ở vùng Đông Bắc Á.

Chế độ mới sau khi Silla thống nhất Tam quốc

Thế tập vương vị của hoàng tộc Muyeolwang (Vũ Liệt vương)

Do việc thống nhất Tam quốc, lãnh thổ và dân số của Silla tăng lên nhiều. Trong chiến tranh, khi liên kết với những tàn dân Goguryeo và Baekje để đánh đuổi quân xâm lược nhà Đường, ý thức là một dân tộc duy nhất cũng bắt đầu nảy sinh. Nhiều điểm mới đã xuất hiện để thích ứng với tình hình đã thay đổi lúc bấy giờ.

Gim Chun-chu (Kim Xuân Thu), nhân vật trung tâm của quá trình thống nhất Tam quốc, xuất thân từ tầng lớp Jingol (chân cốt), đã lên ngôi nhờ sự giúp đỡ của Gim Yu-sin (Kim Dữu Tín). Ông chính là Muyeolwang (Vũ Liệt vương). Sau này, vương vị đều do những hậu tôn trực hệ của Muyeolwang độc chiếm. Muyeolwang và Munmuwang (Văn Vũ vương), vị vua kế nghiệp ngay sau ông, đã đưa cuộc chiến tranh thống nhất dân tộc đi đến thắng lợi và tăng cường quyền uy của ngôi vua. Trên cơ sở này, Sinmunwang (Thần Văn vương) đã dẹp yên cuộc phản loạn của những thế lực

Jingol khác và xác lập được vương quyền. Ở Silla, khi vương quyền được tăng cường cũng là lúc tình hình chính trị được ổn định và văn hoá phát triển hưng thịnh.

Xây dựng chế độ mới

Sau khi thống nhất, Silla đã cho xây dựng lại nhiều chế độ tương xứng với một quốc gia thống nhất. Nền chính trị trung ương được điều hành bởi Jipsabu (Chấp sự bộ), là cơ quan trực thuộc dưới vua. Quyền hạn của vị quan đứng đầu cơ quan này, được gọi là Sijung (Thị trung), cũng được tăng cường. Sijung có nhiệm vụ nhận lệnh của nhà vua, xử lý các công việc hành chính và chịu trách nhiệm về quốc chính. Do chức năng của Jipsabu được tăng cường nên chức năng của Hwabaek Hoeui (Hoa Bạch hội nghị), tổ chức theo kiểu hội nghị đại diện cho tầng lớp quý tộc, bị thu hẹp lại và quyền hạn của nghị trưởng của tổ chức đó, được gọi là Sangdaedeung (Thượng đại đẳng), cũng bị suy yếu.

Do lãnh thổ được mở rộng nhờ việc thống nhất Tam quốc nên tổ chức chính trị địa phương cũng được xác lập lại. Silla chia toàn quốc ra làm 9 châu, dưới mỗi châu lại chia làm các quận huyện và cử các quan địa phương đến cai quản. Mỗi nước trong Tam quốc đều được chia đều thành 3 châu thể hiện ý thức Tam quốc đã được thống nhất và mỗi nước trong Tam quốc đều có vị trí ngang nhau. Riêng thôn (chon), là đơn vị hành chính thuộc về làng xã, được giao cho các thôn chủ, thế lực địa phương, quản lý.

9 châu 5 tiểu kinh

Ở các địa phương trọng yếu, nhà nước Silla đã cho đặt 5 tiểu kinh với tư cách là khu vực hành chính đặc biệt và thuyên chuyển một phần quý tộc trung ương và những quý tộc của Goguryeo và Baekje cũ đến sống tại đó. Điều này đã bổ khuyết cho việc thủ đô Geumseong

(Kim Thành) nằm quá lệch về phía Đông Nam của bán đảo Hàn và cũng là để giúp cho việc giám sát sự lớn mạnh của các thế lực địa phương.

Silla thống nhất đã cho xây dựng lại chế độ quân sự, tập hợp thành 9 Seodang (Thệ Tràng) và 10 Jeong (đình). 9 Seodang quân trung ương là đội quân mà ngoài người Silla ra còn bao gồm cả người Goguryeo, người Baekje, người Malgal (Mạt Hạt). Điều này phản ánh ý thức thống nhất dân tộc của Silla. Ở mỗi châu của địa phương đều bố trí 1 Jeong tương đương với một quân đoàn. Đặc biệt, ở vùng Hanju (Hàn châu) là vùng đất có ý nghĩa quốc phòng xung yếu có đặt 2 Jeong. Như vậy, quân đội trên toàn quốc có tất cả 10 Jeong.

Để tăng thêm nguồn thu nhập cho nhà nước và làm suy yếu cơ sở kinh tế của giới quý tộc, Silla thống nhất đã cho hoạch định lại chế độ điền thổ (thổ địa). Sau khi thống nhất, vào thời Sinmunwang (Thần Văn vương) đã tiến hành ban cấp quan điền (quan liêu điền) cho bá quan văn võ và xoá bỏ lộc ấp mà trước đó đã ban cho quý tộc. Nông dân cũng được chia cho đinh điền để canh tác và nộp sưu thuế cho quốc gia. Nhưng sau này, do sự phản đối của giới quý tộc, chế độ lộc ấp được phục hồi và giới quý tộc đã được hưởng cuộc sống xa hoa trên cơ sở chế độ lộc ấp này.

Quan hệ đối ngoại của Silla thống nhất

Giao lưu đối ngoại diễn ra sôi nổi

Sau khi đẩy lùi sự xâm lược của nhà Đường, xã hội của Silla thống nhất đã trở nên ổn định, việc giao lưu với nhà Đường cũng trở nên phát triển hơn. Giao lưu văn hoá và việc qua lại của các đoàn sứ giả, các lưu học sinh, tăng lữ và thương nhân giữa hai nước ngày càng được tăng cường, thương mại trên biển cũng phát triển rất phồn thịnh. Thông qua việc giao lưu với nhà Đường, Silla đã du nhập cả văn hoá Seoyeok (Tây Vực) và văn hoá tiên tiến của nhà Đường. Silla đã được nhà Đường xưng tụng là "quốc gia của người quân tử."

Sau khi thống nhất, trong đời sống kinh tế của Silla có nhiều biến đổi

lớn lao nhờ sự gia phát triển nhanh chóng của công nghiệp và sự tăng mạnh của lượng giao dịch thương mại. Trước khi thống nhất, sản phẩm xuất khẩu chính là nguyên liệu thổ sản nhưng sau khi thống nhất đã chuyển thành các sản phẩm như đồ kim hoàn, vàng, bạc, nhân sâm ...

Silla nhập từ nhà Đường những sản phẩm công nghệ, sách, quần áo, đồ lụa cao cấp ... Đây phần lớn là những xa xỉ phẩm dùng cho giới quý tộc. Thông qua cảng Ulsan (Uý Sơn), những thương nhân Arập cũng mang vào những sản vật của phương Nam như hương liệu, vải vóc và đá quý kích thích tính xa xỉ của giới quý tộc Silla. Do chỉ sùng bái những hàng ngoại nhập xa xỉ nên vào thời Heungdeokwang (Hưng Đức vương) đã hạ lệnh cấm xa xỉ.

Từ Silla đi sang nhà Đường bằng đường biển có hai đường: đường đi từ Dangseong (Đương Thanh) sang bán đảo Sơn Đông được sử dụng từ trước khi thống nhất và đường xuất phát từ vịnh Ulsan đi qua biển Namhae rồi từ vùng phụ cận đảo Heuksan đến bán đảo Sơn Đông hoặc phía Nam Trung Quốc. Đương thời, cảng Ulsan là một cảng giao dịch quốc tế rất phồn thịnh, đến cả những thương nhân Arập cũng ra vào cảng. Do người Silla qua lại nhiều nên ở bán đảo Sơn Đông và một phần lưu vực sông Hoài Hà đã xuất hiện Sillabang (Tân La phường) là làng của người Silla. Ngoài ra, còn có cả quan sảnh cai quản gọi là Sillaso (Tân La sở) và chùa có tên là Sillawon (Tân La viện).

Nhiều lưu học sinh Silla được phái sang Đường để học thêm học vấn hay tôn giáo. Đại sư Uisang (Nghĩa Tương) học giáo lý của Hoa Nghiêm Tông ở Đường về nước và mở Hoa Nghiêm Tông của Silla. Woncheuk (Viên Trắc) đã nâng cao lý luận Phật giáo lên một bậc và có ảnh hưởng rất lớn đến giới Phật giáo của nhà Đường. Hyecho (Tuệ Siêu) sau nhiều lần đi qua Đường sang Ấn Độ đã viết Wangocheonchukgukjeon (Vãng ngũ thiên trúc quốc truyện). Trong số những lưu học sinh của Silla, có rất nhiều người học tại Quốc Tử Giám, là cơ quan giáo dục của nhà Đường, và đỗ đạt trong các kỳ thi khoa cử của Đường. Trong số những người đỗ đạt nổi tiếng phải kể đến Gim Un-gyeong (Kim Vân Khanh), Choe Chi-won (Thôi Trị Viễn). Choe Chi-won đã rất nổi tiếng ở Đường bởi những áng văn chương kiệt xuất. Ông đã để lại văn tập "Gyewonpilgyeong" (Quế uyển

bút canh). Trong số những lưu học sinh có rất nhiều người xuất thân là Yukdupum (lục đầu phẩm). Đây là những người tiên phong dám đứng ra chỉ trích sự mâu thuẫn của chế độ Golpum (Cốt phẩm).

Bulguksa (Phật Quốc tự)

Phật giáo của Silla có ảnh hưởng lớn đối với Nhật Bản. Những sách do các tăng lữ Silla mà đầu tiên phải kể đến là Eui Sang và Wonhyo (Viên Hiệu) viết đã được truyền đọc rộng rãi trong giới Phật giáo Nhật Bản.

Vì sao Balhae (Bột Hải) được gọi là "Haedong Seongguk" (Hải Đông Thịnh Quốc)?

Dae Jo-yeong (Đại Tộ Vinh) thanh lập Balhae

Sau khi Goguryeo bị diệt vong, những tàn dân người Goguryeo bị phân tán thành nhiều nhánh. Một bộ phận quý tộc bị lôi kéo sang phía nhà Đường còn lại phần lớn dân chúng đã chống lại nhà Đường một cách tích cực, dồn quân đội nhà Đường và Andong Dohobu (An Đông đô hộ phủ) vào vùng Yodong. Cũng vào thời điểm này thủ lĩnh của tộc người Georan, tộc người bị nhà Đường thống trị và bóc lột một cách tàn bạo, cũng nổi dậy. Lợi dụng tình thế đó, Dae Jo-yeong, người ở Yoseo, đã lôi kéo người Goguryeo và người Malgal vượt qua sông Liêu Hà tiến về phía Đông, quy tập lực lượng. Quân đội nhà Đường truy kích đoàn quân này nhưng Dae Jo-yeong đã chống trả lại và tập hợp những tàn dân Goguryeo và người Malgal tiến vào Dongmosan (Đông Mẫu Sơn) thuộc

tỉnh Cát Lâm để định đô và lập nên nhà nước Balhae (698).

Dân Balhae chủ yếu là người Goguryeo và người Malgal. Hạt nhân của tầng lớp thống trị là người Goguryeo, còn tầng lớp bị trị chủ yếu là người Malgal. Trong các thư từ ngoại giao gửi sang Nhật Bản, Balhae tự xưng là Goryeo (Cao Ly) và tuyên bố rằng mình đã thu phục vùng đất của Goguryeo. Điều này cho thấy ý thức kế thừa Goguryeo của Balhae rất rõ ràng. Nhật Bản cũng công nhận điều này. Với việc nhà nước Balhae được thành lập đã tạo ra tình thế Nam Bắc quốc trong lịch sử Hàn, ở đó Silla thống nhất và Balhae là hai nhà nước độc lập.

Haedong Seongguk (Hải Đông thịnh quốc)

Sau khi kiến quốc, Balhae buộc phải đối địch với Silla và nhà Đường, những nước đã tiêu diệt Goguryeo. Do đó, Balhae kết giao với tộc Dolgwol ở phía Bắc, và vượt biển để kết giao thân thiện với Nhật Bản.

Muwang (Vũ Vương) của Balhae chinh phục các bộ tộc Malgal ở vùng lân cận, mở rộng lãnh thổ. Do đó, nhà Đường định lợi dụng người Malgal và Silla để cô lập Balhae. Để đối phó với ý đồ này, Muwang của Balhae đã tấn công vào phía Bắc của Beijing (Bắc Kinh) và vùng Sandong (Sơn Đông) của nhà Đường. Sau này, khi đã ổn định được tình hình, Munwang (Văn Vương) thay đổi chính sách đối ngoại kết giao quan hệ thân thiện với nhà Đường, thu nhận nền văn minh tiên tiến, tập trung vào việc hoàn bị các chế độ trong nước.

Tại thời điểm này việc giao lưu giữa Balhae và Silla cũng đã được thực hiện. Từ biên giới của Silla đến Donggyeong (Đông Kinh) của Balhae có 39 Yeok (dịch – trạm trao đổi thư từ công văn) được dựng lên, và trong 5 mạng giao thông của Balhae cũng có Silla-do (Tân La đạo: con đường Tân La).

Thời kỳ hưng thịnh nhất của Balhae là vào giữa thế kỷ thứ 9, dưới thời Seonwang (Tuyên Vương). Vào thời kỳ này, một mặt Balhae cử nhiều lưu học sinh sang Đường học, một mặt buộc nhiều bộ tộc của Malgal phải phục tùng và mở rộng xuống phía Tây đến tận vùng đất Yodong. Do đó, lãnh thổ của Balhae được mở rộng, phía Bắc lên tới sông Hắc

Long, phía Đông ra tới Yeonhaeju (Diên Hải châu), phía Tây vươn tới Yodong, phía Nam xuống tới vùng Yeongheung (Vĩnh Hưng) – sông Daedong. Balhae trở thành quốc gia rộng lớn nhất trong lịch sử Hàn.

Dấu vết cung điện của Sanggyeongseong (Thượng kinh thành) Balhae

Đương thời, Trung Quốc gọi Balhae là Haedong Seongguk (Hải Đông thịnh quốc) với ý nghĩa là đất nước hưng thịnh ở phía Đông. Nhưng đến cuối thế kỷ thứ 9, từ một nước có thế lực mạnh ở vùng Manju, Balhae đã dần suy yếu và kết cục đã bị tộc Georan tiêu diệt (926).

Chế độ chính trị của Balhae

Sau khi ổn định quốc gia, Balhae dốc sức vào việc tiếp nhận chế độ văn vật của nhà Đường để tạo ra một chế độ hoàn hảo. Balhae điều hành quốc gia một cách tự chủ, sử dụng niên hiệu riêng, gọi vua là Thiên tôn hay Hoàng đế.

Trong chính quyền trung ương, dưới vua có 3 Seong (tỉnh) là Jeongdangseong (Chính đường tỉnh), Seonjoseong (Tuyên chiêu tỉnh), Jungdaeseong (Trung đài tỉnh), dưới mỗi Seong này lại có 6 Bu (bộ). Ba Seong của Balhae bề ngoài mô phỏng theo chế độ của nhà Đường nhưng phương thức điều hành có những điểm độc đáo riêng. Nếu ở Trung Quốc, 3 Seong được điều hành theo phương thức bình quân thì ở Balhae, Jeongdangseong là trung tâm của 3 Seong. Dưới Jeongdangseong là 6 bộ được phân chia để xử lý các công việc của đất nước.

Khu vực hành chính địa phương được tổ chức thành 5 kinh, 15 phủ,

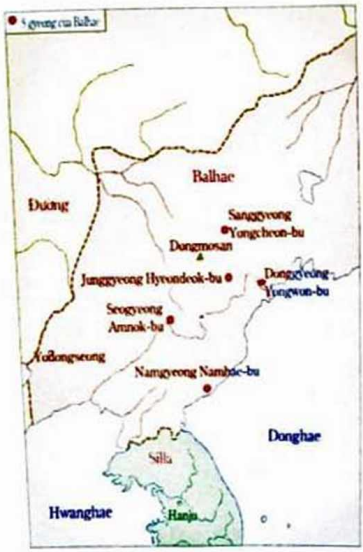

Biên giới của Balhae tại thời kỳ toàn thịnh

62 châu. Có 5 mạng giao thông như Jogong-do (Triều cống đạo), Ilbon-do (Nhật Bản đạo) ... được thiết lập. Về mặt đối ngoại, đây là đường nối liền Đường, Silla, Nhật Bản và Georan. Về mặt đối nội, nó liên kết 5 kinh lại với nhau và lấy Sanggyeong (Thượng kinh) làm trung tâm. Các làng xã là đơn vị hành chính nhỏ nhất ở địa phương do các thế lực địa phương cai quản. Điều này cho thấy tầng lớp thống trị thuộc dòng dõi Goguryeo đã không thể giải thể được tổ chức xã hội truyền thống của Malgal mà duy trì nó đồng thời tiến hành điều hoà giữa hai tập đoàn. Chính điểm này về sau đã trở thành nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của Balhae.

2. Sự sụp đổ của Silla và quá trình hình thành Hậu Tam quốc

Tóm tắt

Từ nửa sau thế kỷ thứ VIII, ở Silla, việc tranh giành quyền lực giữa những quý tộc thuộc đẳng cấp Jingol trong chính quyền trung ương ngày càng trở nên gay gắt. Ở địa phương thế lực hào tộc và những thế lực trên biển cũng đã trở nên lớn mạnh. Trong tình hình như vậy, những nông dân bị lâm vào cảnh khó khăn cùng cực đã nổi dậy ở khắp các địa phương. Lợi dụng cơ hội này, những người mở rộng được thế lực riêng đã dựng nên quốc gia cho mình, mở ra một thời kỳ mới, thời kỳ Hậu Tam quốc.

Sự chuyển biến của tầng lớp trí thức và thế lực địa phương vào thời điểm mạt kỳ Silla

Xã hội Silla rung chuyển

Sau khi thống nhất, Silla vẫn tiếp tục duy trì được sự phồn thịnh. Nhưng từ nửa cuối thế kỷ thứ 8 trở đi, Silla bị mắc kẹt bởi cuộc tranh giành quyền lực của giới quý tộc. Quyền lực bị rơi vào tay một số quý tộc thuộc đẳng cấp Jingol. Bên cạnh đó, cuộc tranh giành giữa vua và quý tộc, giữa quý tộc với quý tộc cũng thường xuyên xảy ra. Các quý tộc tiếp tục khuyếch trương nông trang, nuôi quân đội riêng và xung đột lẫn nhau và nhà nước không thể quản lý được.

Những cuộc tranh giành quyền lực như thế bắt đầu từ thời Hyegongwang (Huệ Cung vương). Cuộc đấu tranh để tranh giành quyền lực giữa các quý tộc bắt đầu nổ ra đồng thời với việc Hyegongwang lên ngôi vua khi tuổi còn trẻ. Kết cục là Hyegongwang bị giết. Do vậy việc kế tục vương vị của dòng họ Muyeolwang đã chấm dứt. Sau đó, cuộc đấu tranh giành vương vị ngày càng trở nên gay gắt hơn dẫn đến tình

trạng hỗn loạn. Trong gần 150 năm đã thay đổi tới hai mươi đời vua làm cho vương quyền bị dần suy yếu.

Lúc này, ở các địa phương, những cuộc phản loạn cũng liên tiếp xảy ra. Vào nửa đầu thế kỷ thứ IX, Gim Heon-chang (Kim Hiến Chương), đô đốc Ungju (Ung Châu, Gongju ngày nay) đã tạo phản, Jang Bo-go (Trương Bảo Cao) từng giữ trấn Cheonghae (Thanh Hải) cũng đã nổi dậy chống lại chính quyền trung ương. Tất cả những cuộc nổi dậy này đều liên quan đến việc tranh giành vương vị xảy ra tại chính quyền trung ương.

Những thế lực địa phương mới nổi lên

Cuộc tranh giành vương vị diễn ra gay gắt giữa các quý tộc đã làm lung lay chế độ Golpum (cốt phẩm), vốn là trật tự thân phận có tính truyền thống của Silla, dẫn đến sự hỗn loạn về mặt xã hội. Ngay khi xã hội Silla rơi vào tình trạng hỗn loạn, thế lực thuộc giới Yukdupum (lục đầu phẩm) và thế lực hào tộc địa phương đã tiến hành cải biến xã hội với tư cách là những người tiên phong.

Thế lực Yukdupum là tầng lớp đặc biệt phản đối thể chế xã hội lấy đẳng cấp Jingol làm trung tâm. Mặc dù họ là tầng lớp quý tộc trung ương nhưng cũng mang trong lòng những bất mãn lớn do con đường thăng tiến quan chức bị hạn chế. Do đó, họ vừa đi đầu trong việc phê phán những mâu thuẫn của chế độ Golpum vừa tìm kiếm một con đường đi mới cho mình. Choe Chi-won (Thôi Trí Viễn) xuất thân từ tầng lớp Yukdupum nhưng đã xa rời chính giới, sống cuộc sống lang thang phiêu bạt cũng chính là vì lý do này. Họ đã giúp cho thế lực mới nổi lên để mưu cầu việc xây dựng một xã hội mới.

Mặt khác, trong khi ở chính quyền trung ương những quý tộc thuộc đẳng cấp Jingol đang đánh lẫn nhau thì ở địa phương, các hào tộc đã nuôi dưỡng được thế lực riêng với ý lật đổ xã hội lấy đẳng cấp Jingol làm trung tâm. Trong số những hào tộc này có rất nhiều người xuất thân từ thôn chủ, song ngoài ra cũng có cả những thế lực quân sự, thế lực thương nhân trên biển và có cả các thế lực từ chính quyền trung ương chuyển về.

Những thôn chủ được giao việc hành chính của làng xã được sở hữu nhiều ruộng đất và gia súc như bò, ngựa nhiều hơn những nông dân bình thường khác nên họ có thể duy trì được tiềm lực kinh tế. Hào tộc đã động viên người dân đắp thành xung quanh thôn, tự điều hành lấy quân đội của riêng mình và tự xưng là thành chủ hay tướng quân.

Họ vừa trực tiếp cai trị địa phương, đồng thời tự đặt ra các chức quan và thu thuế. Một mặt, họ tập hợp lực lượng nông dân, mặt khác, họ thu nhận tầng lớp tăng lữ thuộc giáo phái Thiền tông và những trí thức thuộc tầng lớp Yukdupum để nuôi dưỡng thế lực thống trị cho mình. Những hào tộc này vừa thách thức chính quyền trung ương Silla vừa dần dần chuẩn bị cho việc xây dựng một xã hội mới.

Nguyên nhân của việc Silla bị phân tách thành Hậu Tam quốc

Khởi nghĩa nông dân lam rung chuyển toan đất nước

Đến cuối thế kỷ thứ IX, thời Jinseong Yeowang (Chân Thành nữ vương), sự hỗn loạn của xã hội cuối thời Silla trở nên nghiêm trọng hơn. Giới quý tộc trung ương tha hoá, lún sâu vào vòng hưởng lạc xa xỉ. Ở nhiều châu quận trên toàn quốc, thuế không thể thu được theo đúng định mức nên dẫn đến việc ngân khố quốc gia bị trống rỗng, nguồn tài chính bị cạn kiệt. Do đó, vua đã cử các quan lại xuống địa phương để đốc thúc việc thu thuế nhưng mệnh lệnh của vua đã không được thi hành. Choe Chi-won đã dâng để án cải cách lên Jinseong Yeowang với ý đồ dẹp yên sự hỗn loạn này.

Vào thời kỳ này, nạn mất mùa và các bệnh truyền nhiễm hoành hành khắp nơi khiến cho cuộc sống của người nông dân vô cùng bi thảm. Nhiều nông dân không chịu nổi nạn đói hoành hành đã bỏ quê hương đi tha hương cầu thực hoặc nhập các băng đảng trộm cắp.

Vào cuối thế kỷ thứ IX, nông dân nổi dậy ở khắp nơi trên toàn quốc. Trong khi đó, do sự thiếu thốn về tài chính, chính phủ trung ương lại cử quan lại đi đốc thúc việc thu thuế. Chính vì lý do này mà sự phẫn nộ

của nông dân bị dồn nén lâu ngày đã bùng nổ. Lấy địa phương Sangju làm căn cứ, Wonjong (Nguyên Tông) và Aeno (Ai Nô) đã nổi dậy. Tiếp theo đó, Yanggil (Lương Cát) ở Bukwon (Bắc Nguyên, Wonju ngày nay), Gihwon (Kì Huyên) ở Juk-ju (Trúc Châu, Juksan ngày nay), Gyeonhwon (Chân Huyên) ở Wansan-ju (Hoàn Sơn Châu, Jeonju ngày nay) và Gungye (Cung Duệ) – thuộc cấp của Yanggil ... đã nối tiếp nhau nổi dậy.

Trong các hào tộc địa phương cũng có nhiều người định lợi dụng cuộc khởi nghĩa nông dân để mở rộng thế lực của mình. Họ đã trang bị vũ khí, từng bước tập trung lực lượng và trở thành những người có thế lực trong vùng.

Sự truyền bá của các tư tưởng mới

Cuối thời Silla, cùng với sự biến đổi về mặt xã hội, tư tưởng cũng có nhiều thay đổi. Thiền tông, một giáo phái mới của Phật giáo, đã phát triển mạnh trong thời kỳ này. So với Giáo tông, một giáo phái coi trọng kinh điển và giáo lý, phát triển dựa vào sự hậu thuẫn của vương thất và quý tộc, thì Thiền tông coi việc giác ngộ Phật tính tồn tại trong lòng cá nhân mỗi con người hơn là giáo lý và nhấn mạnh đến việc giải thoát thông qua việc tu dưỡng tinh thần.

Nhưng đến cuối thế kỷ thứ IX, những hào tộc địa phương có quan tâm nhiều đến Thiền tông hơn các vương thất bởi Thiền tông giúp ích nhiều cho các hào tộc địa phương trong việc tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng. Thiền tông phủ nhận quyền uy truyền thống nên nó nhận được sự hoan nghênh của dân chúng và các hào tộc. Đến cuối thế kỷ thứ IX, Thiền tông đã thành lập được 9 San (sơn).

Trong khi đó, thuyết phong thuỷ địa lý đã được Doseon phổ biến rộng rãi. Những nhà Nho học như Choe Chi-won cũng quan tâm đến thuyết phong thủy địa lý và Thiền tông. Do đó, vào cuối thời Silla, Thiền tông, Nho giáo và thuyết phong thuỷ địa lý được kết hợp với nhau và có ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng xã hội mới. Có sự biến đổi hệ tư tưởng như vậy là do thế lực hào tộc địa phương và thế lực Yukdupum (lục đầu phẩm) ở chính quyền trung ương chỉ đạo.

Sự mở màn của thời kỳ Hậu Tam quốc

Cuối thế kỷ thứ IX, phong trào khởi nghĩa của nông dân bùng nổ ở hầu khắp các vùng miền của Silla. Những người thành công trong việc lợi dụng sự hỗn loạn này để tập hợp lực lượng xây dựng đất nước là Gyeonhwon và Gungye.

Hình thể của Hậu Tam quốc

Gyeonhwon xuất thân từ vùng Sangju (Thượng Châu), vốn là quân nhân canh giữ vùng bờ biển Tây Nam. Ngay khi nông dân nổi dậy tiến hành khởi nghĩa ở nhiều nơi trên toàn quốc làm rung chuyển cả đất nước, ông đã tập hợp thế lực thương nhân trên biển của vùng biển Hwanghae (Hoàng Hải) và những toán cướp lại thành đội quân chủ lực của mình rồi đứng ra lãnh đạo. Sau khi vượt qua Na-ju (La Châu), chiếm lĩnh Mujin-ju (Vũ Trấn Châu, Gwangju ngày nay), Gyeonhwon tiến lên phía Bắc định đô ở Wansan-ju (Hoàn Sơn Châu) và lập ra nước Hu-Baekje (Hậu Bạch Tế) (900).

Gungye xuất thân từ trong vương tộc Silla nhưng bị hại trong cuộc tranh giành quyền lực của chính quyền trung ương nên mang lòng căm thù sâu sắc đối với Silla. Đầu tiên, Gungye là thuộc hạ của Yanggil nhưng sau khi đã từng bước xây dựng được lực lượng ông đã tách ra khỏi Yanggil tự đứng ra lập nên một lực lượng lớn mạnh ở tỉnh Gangwon và một phần tỉnh Gyeonggi ngày nay.

Tiếp đó, được sự giúp đỡ của một số hào tộc ở vùng trung bộ, trong đó có cả cha con Wang Geon (Vương Kiến) ở vùng Songak (Thông Nhạc) ông đã lấy Songak làm căn cứ dựng nên nhà nước Hu-Goguryeo (Hậu Cao Câu Ly) và lên ngôi vua (901). Từ đó, Silla bị phân liệt và thời đại Hậu Tam quốc bắt đầu.

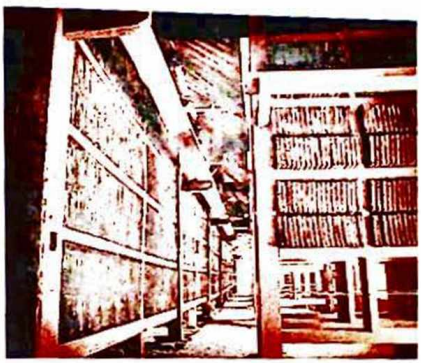

IV. Sự hình thành và phát triển của Goryeo (Cao Ly)

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
Wang Geon thành lập Goryeo	918		
	938	Ngô Quyền đại thắng quân Nam Hán	
	939~944	Vương triều họ Ngô	
	945~968	Thập nhị sứ quân	
Thực thi chế độ khoa cử	958		
	960		Trung Quốc: nhà Tống được thành lập
	968	Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước	
	968~980	Nước đại Cồ Việt của họ Đinh	
Thực thi Jeonsigwa (Điển sai khoa)	976	Vương triều Tiền Lê của Lê Hoàn	
	980~1009		Vladimir I (980~1015) lấy Chính thống giao lam tôn giao của người Nga
Thiết đặt 12 mục, 3 thanh va 6 bộ trên toàn quốc	983		
Xây dựng Gukjagam (Quốc Tu Giam)	992		
	1009~1225	Vương triều nha Lý	
Đại thắng ở Gwiju	1019		Bắt đầu triều đại của Yaroslav ở Nga
	1054	Lý Thanh Tông lấy quốc hiệu la Đại Việt	Cơ đốc giao phân tach thanh Đông - Tây
	1070	Xây dựng Văn Miếu	
	1075	Mở ky thi Nho học đầu tiên	
	1076~1077	Lý Thường Kiệt đanh đuổi quân Tống	
	1076	Lập Quốc Tử Giam	
	1096~1270		Cuộc viễn chinh của Thập tự quân
Yun Gwan (Doãn Quan) chinh phạt Yeojin (Nữ Chân)	1107		
	1115		Trung Quốc: nhà Kim lập quốc
Loạn I Ja-gyeom (Lý Tử Khiêm)	1126		
Phong trao đổi đô về Seogyeong của Myocheong (Diêu Thanh)	1135		
	1137		Thành lập đế quốc Seljuk Turk
Gim Bu-sik (Kim Phu Thức) biên soạn Tam quốc sử ky	1145		
Chinh biến của võ thần	1170		
	1192		Nhật Bản: xây dựng chế độ Mạc phủ Kamakura
Sự tập quyền của Choe Chung-heon (Thôi Trung Hiến)	1196		
Loạn Manjeok (Vạn Tích)	1198		
	1206		Jenghiz Khan (Thanh Cat Tư Hãn) thiết lập đế quốc Mông Cổ

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
	1215		Nước Anh: soạn Đại hiến chương (Magna Carta)
	1226	Vương triều Trần thiết lập	Nước Pháp: Bắt đầu triều đại Louis IX (Saint Louis)
Mông Cổ xâm lược lần thứ nhất	1231		Nước Anh: Lập trường đại học Cambridge
Dời đô về Ganghwa	1232		
In chữ bằng bản khắc in kim loại (Kim thuộc hoạt tự) đầu tiên của thế giới	1234		
Khắc Goryeo Daejanggyeong (Cao Ly đại tạng kinh) (~1251)	1236		Nước Nga: Bắt đầu triều đại của Alexander Nevsky
	1241		Đế quốc Roma thần thanh, thanh lập Đồng minh Hanja
Dời đô về lại Gaeseong (Khai Thanh)	1257	Mông Cổ xâm lược lần thứ nhất	
	1270		Cuộc thập tự chinh lần thứ 8, Tunis bị tấn công
	1271		Trung Quốc: Nhà Nguyên thanh lập
	1272	Lê Văn Hưu hoan thanh "Đại Việt sử ký"	Nước Anh: bắt đầu triều đại của Edward I
	1285	Mông Cổ xâm lược lần thứ 2	Nước Pháp: Bắt đầu triều đại của Philip IV
	1287~1288	Mông Cổ xâm lược lần thứ 3	Osman I sang lập triều đại Ottoman (1288 ~ 1918)
	1299		Xuất bản "Đông du ký" của Marco Polo
	1321		Nước ý: Dante hoan thanh tác phẩm "Thần khuc"
	1338		Nhật Bản thanh lập Mạc phủ Muromachi: Anh - Pháp: chiến tranh 100 năm (1338 ~ 1453)
Hồi phục Ssangseong Chong-gwanbu (Song thanh tổng quản phủ)	1356		
	1357		Nạn dịch hạch (Black Death) ở châu Âu
	1361~1389	Chế Bồng Nga xâm lược	
	1368		Trung Quốc: nhà Nguyên diệt vong, nhà Minh thanh lập
Lui quân về ở Wihwa-do(đảo Ủy Hoa)	1388		
Goryeo diệt vong, Joseon kiến quốc	1392		Baghdad bị Tamerlane – người Mông Cổ – chiếm đong

1. Sự phát triển của Goryeo

Tóm tắt

Sau khi dẹp yên sự hỗn loạn của thời Hậu Tam quốc, Thái Tổ Wang Geon (Vương Kiến) của Goryeo đã gia cố cho nền móng của một quốc gia thống nhất và cố gắng ổn định xã hội. Vào thời Seongjong (Thành Tông), Nho giáo được coi là ý niệm chính trị của quốc gia, nhà nước đã thiết đặt nhiều chế độ nhằm củng cố thêm cho nền tảng của một thể chế tập quyền trung ương. Ngay sau khi kiến quốc, Goryeo xúc tiến chính sách Bắc tiến cố gắng thu phục lại vùng đất cũ của Goguryeo.

Ý nghĩa lịch sử của việc thống nhất Hậu Tam quốc và sự ra đời của nhà nước Goryeo

Thành lập nhà nước Goryeo

Vào thời điểm Goryeo thành lập, bán đảo Hàn đang bị phân liệt thành Hậu Tam quốc. Gyeonhwon xây dựng Hu-Baekje chiếm lĩnh phần lớn vùng Tây Nam bộ của bán đảo Hàn và gây áp lực đối với Silla nằm ở vùng Đông Nam bộ với một lực lượng quân sự lớn mạnh. Gungye lập Hu-Goguryeo và dời đô về Cheorwon (Thiết Nguyên), thuộc vùng trung bộ của bán đảo Hàn và đổi tên nước thành Taebong (Thái Phong). Taebong chiếm giữ một phần vùng đất thuộc trung bộ bán đảo Hàn, phô trương thế lực, cạnh tranh với Hu-Baekje và Silla.

Wang Geon là thuỷ tổ kiến quốc của Goryeo. Ông xuất thân từ vùng Songak, trở thành thuộc hạ dưới quyền của Gungye. Sau khi chiếm được Geumseong (Naju), là vùng hậu phương của Hu-Baekje, ông đã lập được công lớn và được lên chức Sijung (Thị trung). Mặt khác, Gungye lúc nay tự xưng là Mireukbul (Di Lặc Phật) do nghi ngờ những người xung quanh đã liên tục mắc sai lầm trong việc cai trị, đánh mất lòng dân. Do

đó, các hạ thần đã phế truất Gungye và đưa Wang Geon lên ngôi vị quốc vương. Wang Geon đổi tên nước thành Goryeo, lấy niên hiệu là Cheonsu (Thiên Thụ) (918) và năm sau ông dời đô từ Cheorwon về Songak.

Thống nhất Hậu Tam quốc

Khác với Gyeonhwon và Gungye, Wang Geon có được thế lực địa phương vững chắc, ông hiểu rõ lòng dân trong vùng, đặt ra những kỷ luật nghiêm khắc đối với quân đội, không gây hại cho dân cho nên ông được dân chúng khắp nơi hoan nghênh. Ông đã tiến hành chính sách coi trọng nhân tâm bằng cách giảm bớt thuế để thu phục lòng dân, những người đã từng chịu nỗi thống khổ bởi sưu thuế hà khắc.

Để thống nhất Hậu Tam quốc, Goryeo một mặt tiến hành công kích Hu-Baekje, mặt khác sử dụng chính sách hoà hợp đối với Silla. Gyeongsunwang (Kinh Thuận vương) của Silla do quốc lực đã bị suy yếu trước sự tấn công của Hu-Baekje không thể bảo toàn quốc gia được nữa nên đã tự mình giao lại đất nước cho Goryeo (935).

Trong khi đó, trong nội bộ Hu-Baekje xảy ra sự phân hoá xoay quanh việc kế thừa vương vị. Singeom (Thần Kiếm), con trai cả, đã giam cha mình là Gyeonhwon vào chùa Geumsan (Kim Sơn) và đoạt lấy vương vị. Gyeonhwon thoát khỏi chùa Geumsan, chạy sang Goryeo. Lợi dụng tình hình này Goryeo đã đẩy lùi quân Hu-Baekje của Singeom và cuối cùng thống nhất được Hậu Tam quốc (936).

Chính sách của Taejo (Thái Tổ) Wang Geon

Ngay sau khi lập nước, Taejo Wang Geon tiến lên phương Bắc và tiếp tục duy trì chính sách Bắc tiến. Ông đặt tên nước là Goryeo với ý nghĩa kế thừa Goguryeo xưa.

Seogyeong (Tây Kinh) là thủ đô của Goguryeo nên Taejo đã coi đây là căn cứ địa của chính sách Bắc tiến. Taejo thường xuyên qua lại nơi này để đi tuần thú các vùng phương Bắc, cho thấy ý chí muốn hồi phục lại lãnh thổ của Goguryeo. Chính sách Bắc tiến đã trở thành nguồn động

1. Sự phát triển của Goryeo

Tóm tắt

Sau khi dẹp yên sự hỗn loạn của thời Hậu Tam quốc, Thái Tổ Wang Geon (Vương Kiến) của Goryeo đã gia cố cho nền móng của một quốc gia thống nhất và cố gắng ổn định xã hội. Vào thời Seongjong (Thành Tông), Nho giáo được coi là ý niệm chính trị của quốc gia, nhà nước đã thiết đặt nhiều chế độ nhằm củng cố thêm cho nền tảng của một thể chế tập quyền trung ương. Ngay sau khi kiến quốc, Goryeo xúc tiến chính sách Bắc tiến cố gắng thu phục lại vùng đất cũ của Goguryeo.

Ý nghĩa lịch sử của việc thống nhất Hậu Tam quốc và sự ra đời của nhà nước Goryeo

Thành lập nhà nước Goryeo

Vào thời điểm Goryeo thành lập, bán đảo Hàn đang bị phân liệt thành Hậu Tam quốc. Gyeonhwon xây dựng Hu-Baekje chiếm lĩnh phần lớn vùng Tây Nam bộ của bán đảo Hàn và gây áp lực đối với Silla nằm ở vùng Đông Nam bộ với một lực lượng quân sự lớn mạnh. Gungye lập Hu-Goguryeo và dời đô về Cheorwon (Thiết Nguyên), thuộc vùng trung bộ của bán đảo Hàn và đổi tên nước thành Taebong (Thái Phong). Taebong chiếm giữ một phần vùng đất thuộc trung bộ bán đảo Hàn, phô trương thế lực, cạnh tranh với Hu-Baekje và Silla.

Wang Geon là thuỷ tổ kiến quốc của Goryeo. Ông xuất thân từ vùng Songak, trở thành thuộc hạ dưới quyền của Gungye. Sau khi chiếm được Geumseong (Naju), là vùng hậu phương của Hu-Baekje, ông đã lập được công lớn và được lên chức Sijung (Thị trung). Mặt khác, Gungye lúc này tự xưng là Mireukbul (Di Lặc Phật) do nghi ngờ những người xung quanh đã liên tục mắc sai lầm trong việc cai trị, đánh mất lòng dân. Do

đó, các hạ thần đã phế truất Gungye và đưa Wang Geon lên ngôi vị quốc vương. Wang Geon đổi tên nước thành Goryeo, lấy niên hiệu là Cheonsu (Thiên Thụ) (918) và năm sau ông dời đô từ Cheorwon về Songak.

Thống nhất Hậu Tam quốc

Khác với Gyeonhwon và Gungye, Wang Geon có được thế lực địa phương vững chắc. ông hiểu rõ lòng dân trong vùng, đặt ra những kỷ luật nghiêm khắc đối với quân đội, không gây hại cho dân cho nên ông được dân chúng khắp nơi hoan nghênh. Ông đã tiến hành chính sách coi trọng nhân tâm bằng cách giảm bớt thuế để thu phục lòng dân, những người đã từng chịu nỗi thống khổ bởi sưu thuế hà khắc.

Để thống nhất Hậu Tam quốc, Goryeo một mặt tiến hành công kích Hu-Baekje, mặt khác sử dụng chính sách hoà hợp đối với Silla. Gyeongsunwang (Kinh Thuận vương) của Silla do quốc lực đã bị suy yếu trước sự tấn công của Hu-Baekje không thể bảo toàn quốc gia được nữa nên đã tự mình giao lại đất nước cho Goryeo (935).

Trong khi đó, trong nội bộ Hu-Baekje xảy ra sự phân hoá xoay quanh việc kế thừa vương vị. Singeom (Thần Kiếm), con trai cả, đã giam cha mình là Gyeonhwon vào chùa Geumsan (Kim Sơn) và đoạt lấy vương vị. Gyeonhwon thoát khỏi chùa Geumsan, chạy sang Goryeo. Lợi dụng tình hình này Goryeo đã đẩy lùi quân Hu-Baekje của Singeom và cuối cùng thống nhất được Hậu Tam quốc (936).

Chính sách của Taejo (Thái Tổ) Wang Geon

Ngay sau khi lập nước, Taejo Wang Geon tiến lên phương Bắc và tiếp tục duy trì chính sách Bắc tiến. Ông đặt tên nước là Goryeo với ý nghĩa kế thừa Goguryeo xưa.

Seogyeong (Tây Kinh) là thủ đô của Goguryeo nên Taejo đã coi đây là căn cứ địa của chính sách Bắc tiến. Taejo thường xuyên qua lại nơi này để đi tuần thú các vùng phương Bắc, cho thấy ý chí muốn hồi phục lại lãnh thổ của Goguryeo. Chính sách Bắc tiến đã trở thành nguồn động

Hyeonleung (Hiến Lăng), mộ của Thái Tổ Goryeo

lực cho việc khôi phục lại lãnh thổ cho đến tận khu vực sông Amnok sau này.

Để thu phục các thế lực địa phương, Taejo thiết lập quan hệ hôn nhân với các hào tộc, mở rộng chính sách thừa nhận sự tồn tại của họ như phong quan chức và cấp điền thổ cho họ hoặc ban tặng tên họ.

Để thống nhất được dân tộc, ông cũng nhìn nhận nhiều thế lực ở địa phương như những thế lực cai trị. Trong số những người này, không chỉ có các thế lực địa phương xuất thân từ Silla thống nhất mà còn có các thế lực xuất thân từ Baekje và Goguryeo xưa. Taejo cũng tích cực chấp nhận những tàn dân của Balhae và cho họ tham dự vào thế lực thống trị của Goryeo.

Taejo có ý định mở rộng chính sách cho phép các hệ tư tưởng đa dạng như Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, thuyết phong thuỷ địa lý cùng tồn tại. Ông có ý định tiếp nhận văn hoá ngoại lại trên quan điểm mở cửa nhưng vẫn mang tính chủ thể như tiếp thu nền văn vật của Trung Quốc nhưng ra lệnh không được rập khuôn mà phải cải biến sao cho phù hợp với phong tục của Goryeo.

Ý nghĩa của việc thành lập nhà nước Goryeo

Thế lực địa phương lớn mạnh từ cuối thời Silla thống nhất đã nổi lên với tư cách là thế lực thống trị mới của vương triều Goryeo. Đội quân chủ lực tiến hành kiến thiết quốc gia Goryeo là thế lực địa phương đứng đầu là Wang Geon.

Goryeo dung hoà văn hoá đa dạng của Silla, Baekje, Goguryeo để tạo ra cơ sở cho một nền văn hoá dân tộc mới lấy tính đa dạng, mở cửa làm đặc trưng. Nếu như việc thống nhất Tam quốc của Silla là điểm xuất

phát cho sự thống nhất dân tộc thì việc thống nhất Hậu Tam quốc của Goryeo là sự hoàn thành việc thống nhất dân tộc mang tính thực chất mà ở đó dung hợp những thế lực đa dạng xuất thân từ Tam quốc cũ và cả người Balhae.

Quá trình hoàn chỉnh chế độ chính trị của Goryeo

Sự ổn định của vương quyền

Ngay sau khi Hyejong (Huệ Tông) lên ngôi, cuộc đấu tranh giành quyền lực xoay quanh việc kế thừa vương vị đã xảy ra giữa các vương tử và những người thuộc ngoại thích. Chính bởi điều này mà một mặt Jeongjong (Định Tông) đã cố gắng loại bỏ các thế lực có thể đe dọa đến vương quyền, mặt khác, xúc tiến việc dời đô về Seogyeong.

Kế nghiệp Jeongjong, Gwangjong (Quang Tông) đã tích cực triển khai nhiều chính sách để ổn định vương quyền. Gwangjong thực thi Nobi Angeombeop (Nô tỳ an kiểm pháp) để giải phóng những nô tỳ mà các hào tộc đang chiếm giữ một cách bất hợp pháp, cho phép họ trở lại làm lương dân. Chính sách này đã làm suy yếu nền tảng kinh tế của thế lực hào tộc và góp phần vào việc tăng cường vương quyền.

Lần đầu tiên thi hành chế độ khoa cử để tuyển dụng nhân tài mới theo năng lực và học thức Nho giáo, coi những người này là những quan liêu trung thành với quốc vương và giao cho họ giải quyết những công việc hành chính và chính trị. Gwangjong đã tiến hành tiêu diệt trên phạm vi rộng lớn các thế lực hào tộc và những công thần bất mãn với chính sách này nên ở chính quyền trung ương. Các thế lực này đã bị suy yếu.

Trên nền tảng như vậy, Seongjong (Thành Tông) đã tiếp nhận kiến nghị của Choe Seung-ro (Thôi Thừa Lão) coi tư tưởng chính trị Nho giáo là ý niệm căn bản cho việc thống trị và xây dựng nhiều chế độ trên cơ sở đó.

Xây dựng chế độ chính trị

Goryeo vừa tiếp nhận với quy mô lớn nền văn hoá chính trị của Đường, Tống – là những nền văn hoá tiên tiến được truyền bá rộng rãi ở vùng Đông Á lúc bấy giờ – đồng thời phát triển những yếu tố mới phù hợp với tình hình thực tế của Goryeo. Về mặt cơ quan chính trị trung ương, mặc dù Goryeo tiếp nhận mô hình Samseong Yukbu (tam tỉnh lục bộ) của Đường, Tống nhưng lại điều hành theo chế độ Iseong (nhị tỉnh) là Sangseoseong (Thượng thư tỉnh) và Jungseomunhaseong (Trung thư môn hạ tỉnh), tức là đã hợp nhất Jungseoseong (Trung thư tỉnh) và Munhaseong (Môn hạ tỉnh) lại thành Jungseomunhaseong cho phù hợp với tình hình thực tế của Goryeo. Jungseomunhaseong điều hành công việc chính trị của quốc gia, có nhiệm vụ thẩm tra và quyết định chính sách còn Sangseoseong cai quản Yukbu (lục bộ) và đảm đương các công việc hành chính.

Ngoài ra còn đặt các cơ quan như Samsa (Tam ty), Eosadae (Ngự Sử đài), Jungchuwon (Trung Xu viện) ... Bên cạnh đó cũng đặt ra cơ quan gọi là Dobyeongmasa (Đô binh mã sứ) là cơ quan hội nghị mà các quan lại cấp cao thuộc Jungseomunhaseong và Jungchuwon họp nhau lại để bàn luận những chính sách quan trọng như các vấn đề quốc phòng.

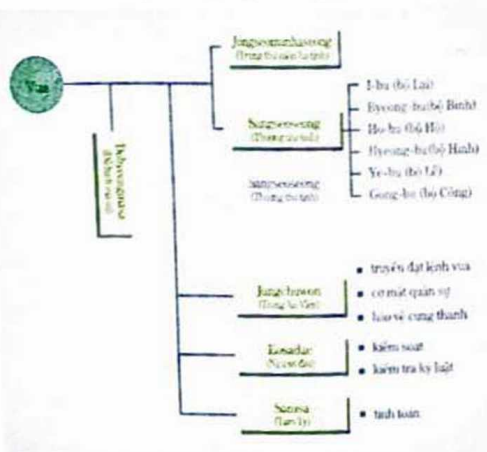

Cơ cấu chính trị trung ương thời kỳ Goryeo

Ở Goryeo, cùng với việc quan niệm chính trị theo lập trường Nho giáo được tăng cường, các cơ quan đảm đương nhiệm vụ kiểm tra và phê phán chính sách của quốc vương và đại thần cũng được phát triển.

Ở sơ kỳ Goryeo, hành chính địa phương chủ yếu được giao cho các thế lực địa phương và được chính phủ trung ương thừa nhận nhưng dần dần chính phủ trung ương

thâu tóm quyền lực các của địa phương. Vào thời Seongjong (Thành Tông), chính phủ trung ương đã đặt ra 12 Mok (mục) và cử các quan lại từ trung ương xuống đảm nhận các công việc hành chính của địa phương. Do đó, các chế độ đối với địa phương cũng dần dần được xây dựng và đến thời Hyeonjong (Hiến Tông) thì chế độ này đã được định hình.

Yanggye ngũ đô

Goryeo chia đất nước ra thành ba khu vực lớn. Ở khu vực Bắc bộ, đã cho đặt Donggye (Đông giới) và Bukgye (Bắc giới) ở những vùng có chung đường biên giới với các dân tộc khác hợp lại gọi là Yanggye (Lưỡng giới). Tại vùng đất chính yếu có tầm quan trọng về mặt quân sự của khu vực này đã cho đặt Dohobu (đô hộ phủ).

Thủ đô Gaegyeong (Khai Kinh) và vùng xung quanh được gọi là khu vực Gyeonggi (Kinh kỳ). Pyeongyang (Bình Nhưỡng) – thủ đô của Goguryeo – được gọi là Seogyeong (Tây Kinh), Gyeongju (Khánh Châu) – thủ đô của Silla – được gọi là Donggyeong (Đông Kinh) cùng với Gaegyeong hợp thành tam kinh.

Khu vực phía Nam Yanggye được chia thành năm đạo (tỉnh), trong đó mok được thiết đặt ở khu vực đông dân, có nguồn sản vật phong phú, dưới đó là các quận, huyện.

Ở những đơn vị hành chính như vậy triều đình phái các Suryeong (Thủ lệnh) xuống cai quản. Những huyện sở thuộc không có các Suryeong được phái xuống thì các hương lại xuất thân từ hào tộc ở địa phương đó sẽ đứng ra quản hạt công việc hành chính của địa phương và nhận sự điều hành cũng như giám sát của huyện chủ có Suryeong.

Để sản xuất những vật phẩm cần thiết cho quốc gia, những khu vực hành chính đặc thù như So (sở), Bugok (bộ khúc), Hyang (hương) ... đã

được thiết lập. Dân của Bugok, Hyang chủ yếu làm nông nghiệp, còn dân của So thì chủ yếu làm thủ công nghiệp.

Quân đội được hình thành từ nhị quân, lục vệ của trung ương và quân châu huyện của địa phương. Nhị quân được giao nhiệm vụ canh giữ cung thành còn lục vệ được giao nhiệm vụ phòng ngự thủ đô Gaeseong và biên giới quốc gia. Quân châu huyện của địa phương được giao công việc tạp dịch và nhiệm vụ trị an, quân thường bị của Yanggye thì được giao nhiệm vụ phòng bị khu vực biên cương.

Chế độ giao dục và khoa cử

Thời Goryeo, kỳ thi tuyển chọn quan văn có chế thuật khoa và minh kinh khoa. Ngoài khoa cử ra, chế độ ấm tự tuyển dụng những người có công với đất nước, những con em của quan lại cao cấp vào làm quan không qua thi cử cũng rất phát triển. Ngoài ra còn có tạp khoa tuyển chọn quan kỹ thuật, tăng khoa tuyển chọn các tăng lữ. Mặt khác, do võ khoa tuyển chọn các võ quan không được thi hành nên chỉ chọn riêng ra những người có võ nghệ và sức khoẻ tráng kiện để đưa vào ban võ.

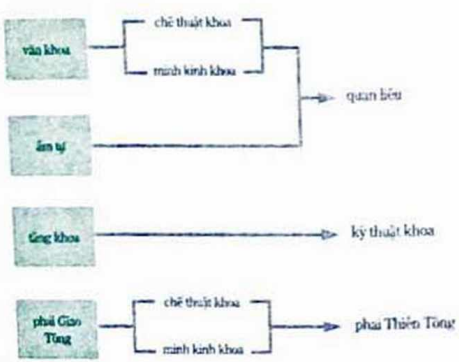

Chế độ khoa cử thời đại Goryeo

Ngay từ rất sớm Goryeo đã quan tâm đến giáo dục như cho xây dựng trường học ở Gaegyeong và Seogyeong. Để nuôi dưỡng những nhân tài và quan lại có năng lực điều hành quốc gia, Goryeo đã cho xây dựng Quốc Tử Giám ở Gaegyeong và các trường học (hương hiệu) ở địa phương.

Thành quả Goryeo đạt được khi thực hiện chính sách Bắc tiến

Tình hình ở khu vực Đông Bắc Á

Đầu thế kỷ thứ X, trên bán đảo Hàn, vùng Manju và đại lục Trung Quốc có rất nhiều các vương triều lớn nhỏ nhưng sau đó nhà Tống, Georan, và Goryeo đã nổi lên với tư cách là những vương triều thống nhất hùng mạnh của các khu vực làm hình thành nên trật tự quốc tế đa cực ganh đua lẫn nhau trên địa bàn khu vực Đông Bắc Á.

Georan chiếm lĩnh khu vực phía Bắc Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc và tiến hành khuếch trương lực lượng. Vì thế mà Georan không thể tránh khỏi xung đột với chính sách Bắc tiến của Goryeo nhằm giành lại lãnh thổ của Goguryeo cũ. Georan tiếp tục tiến xuống chinh phục phía Nam, mặt khác cứ sứ đoàn sang Goryeo nhằm làm giảm sự cảnh giác của Goryeo đối với mình đồng thời tạo ra khoảng cách giữa Goryeo và các cộng đồng tàn dân Balhae hay tộc người Yeojin ở khu vực xung quanh Goryeo. Nhưng vì coi Georan là một nước dã man đã tiêu diệt Balhae vốn là nước đã kết giao quan hệ hoà hảo với Georan nên Goryeo cho các cộng đồng cũng như các quốc gia láng giềng đã từng bị Georan uy hiếp thấy một cách rõ ràng chính sách đối ngoại của mình bằng cách từ chối kết giao với Georan.

Mặt khác, Georan và Tống đang đối đầu nhau xung quanh việc tranh giành quyền chi phối lục địa Trung Quốc. Georan cảnh cáo việc Goryeo liên minh với Tống, còn Tống thì để không chế Georan đã cố gắng cải thiện mối quan hệ với Goryeo. Goryeo lợi dụng tình hình này ở đại lục thiết lập quan hệ ngoại giao với Tống và ngăn chặn Georan. Vào thời Jeongjong, Goryeo tổ chức ra Gwanggun (Quang quân) để phòng bị sự xâm lược của Georan, đồng thời tiến hành xây dựng một nền quốc phòng vững mạnh như đắp các thành lũy ở vùng biên giới. Đến thời Seongjong (Thành Tông) thì Goryeo lại chỉ coi trọng việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Tống mà coi nhẹ việc phòng bị đối với những động tĩnh của Georan.

Sự xâm lược và thất bại của Georan

Mục tiêu tấn công đầu tiên của Georan là nước Tống. Nhưng trước tiên để dẹp bỏ thế lực hậu thuẫn cho nhà Tống, Georan đã chinh phạt nước Jeongan (Định An), là nước do những người dân Balhae di tản xuống lập nên. Tiếp đó vào thời Seongjong (Thành Tông), Georan đã xâm lược Goryeo. Khi đó, Goryeo do chưa chuẩn bị tốt về mặt quân sự để đề phòng sự xâm lược của Georan nên đã quyết định phái Seo Hui (Từ Hy) làm đại diện hiệp thương sang thăm dò ý đồ của Georan.

Trong quá trình hiệp thương, ý đồ xâm lược của Georan đã lộ rõ qua việc yêu cầu Goryeo cắt đứt quan hệ với nhà Tống. Seo Hui đã ký hoà ước trong đó Georan hứa sẽ trả lại cho Goryeo vùng đất rộng 280 lý ở phía Đông sông Amnok vốn là đương sang Georan để bù cho việc Goryeo cắt đứt quan hệ với nhà Tống.

Goryeo đã đẩy lui tộc người Yeojin đang sinh sống ở khu vực này từ sau khi Goguryeo và Balhae bị diệt vong, đồng thời cho xây dựng 6 thành và biến vùng đất này thành lãnh thổ của Goryeo. Nhờ vậy, Goryeo đã cho xây dựng 6 châu ở Gangdong (Giang Đông), khôi phục lãnh thổ đến tận sông Amnok. Georan biết được rằng vùng đất này sẽ trở thành yếu địa có tính chiến lược sau này nên đã yêu cầu Goryeo nhượng lại nhưng Goryeo khước từ.

Sau đó, lợi dụng chính biến xảy ra ở Goryeo, Gangjo (Khang Triệu) phế Mokjong (Mục Tông), đưa Hyeonjong (Hiến Tông) lên ngôi và tiến hành xâm lược Goryeo lần nữa. Trong đợt xâm lược lần thứ 2 của Georan, thành Gaegyeong bị hạ nhưng quân đội do Yang Gyu (Dương Quy) chỉ huy đã đánh bại quân Georan khi quân Georan đã ký kết giảng hoà và rút quân.

Lần thứ 3 Georan xâm lược Goryeo, quân đội Goryeo do Gang Gam-chan (Khương Ham Tan) chỉ huy đã tiêu diệt hầu như toàn bộ quân Georan tại Gwiju (Quy Châu) (1019). Chiến thắng này được gọi là Gwiju Daecheop (Quy Châu đại tiệp - Đại thắng ở Quy Châu). Do bị tổn thất vô cùng nặng nề, từ sau đó, Georan đã ngừng chính sách xâm lược bằng quân sự đối với

Goryeo.

Sau này, hai nước đã giảng hoà và cử sứ thần qua lại lẫn nhau. Sau khi hoà bình được lập lại, Goryeo dốc sức vào việc tăng cường củng cố quốc phòng để phòng bị sự xâm lược của các dân tộc phương Bắc. Thời Hyeonjong (Hiến Tông), theo lời khuyên của Gang Gam-chan, ông đã cho đắp thành Naseong (La thành) bao quanh thủ đô Gaeseong. Sau đó, cho đắp Cheollijangseong (Thiên Lý trường thành) từ cửa sông Amnok đến Doryeonpo (Đô Liên Bổ) của vùng duyên hải Donghae để tăng cường sự phòng bị ở đường biên giới quốc gia.

Xây dựng 9 thành ở Đông Bắc

Ở vùng Manju, nhiều bộ tộc Yeojin có quan hệ rất mật thiết với Goryeo ngay từ buổi đầu Goryeo dựng nước và cũng đang phải đối phó với sự uy hiếp xâm lược của Georan. Những tộc người Yeojin này vốn đã gọi Goryeo là mẫu quốc và thực hiện nghĩa vụ đối với mẫu quốc theo hình thức triều cống. Các tộc người này thường đem cống cho Goryeo ngựa, cung tên, những sản phẩm thổ sản ... và nhận về từ Goryeo những nhu yếu phẩm cần thiết như lương thực, các sản phẩm thủ công ... Đại đa số những người này đều đứng về phía Goryeo chống lại Georan trong cuộc chiến tranh giữa Georan và Goryeo. Do Goryeo đã giành được thắng lợi trong chiến tranh nên sự uy hiếp về mặt quân sự của Georan đối với những tộc người này cũng giảm đi rất nhiều. Số tù trưởng của các bộ tộc Yeojin được nhận quan tước của Goryeo sau khi kết thúc chiến tranh với Georan tăng nhanh. Cũng có nhiều người Yeojin hàng phục Goryeo vì muốn trở thành dân Goryeo. Kể cả sau này, cho đến tận cuối thế kỷ XI, những tộc người Yeojin vẫn duy trì mối quan hệ mật thiết với Goryeo trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự ...

Đến thế kỷ thứ XII, cùng với việc Georan bị suy thoái, các bộ tộc Yeojin ở khu vực Đông Bắc Á cũng dần dần lớn mạnh. Wanyenbu (Hoàn Nhan Bộ) thống nhất các tộc người Yeojin lại và thế lực này đã tiến xuống phía Nam đến tận vùng phụ cận Cheollijangseong (Thiên Lý

Trường Thành), gây ra xung đột với Goryeo.

Do vậy, dưới thời Sukjong (Túc Tông), Goryeo đã phái quân đi chinh phạt Yeojin dưới sự chỉ huy của Yun Gwan (Doãn Quán) nhưng đã thất bại nên phải lập nên một đội quân đặc biệt, gọi là Byeolmuban (Biệt vụ ban). Vào thời Yejong (Duệ Tông), Yun Gwan dẫn Byeolmuban đi chinh phạt Yeojin và đã thu phục được tộc người Yeojin, xây dựng 9 thành trì ở vùng Đông Bắc. Nhưng do bộ tộc người Yeojin yêu cầu trả lại đất, cùng với việc phòng bị khó khăn nên cuối cùng Goryeo phải trả lại vùng đất này cho người Yeojin.

Sau này bộ tộc Yeojin lớn mạnh lên và lập nên nước Kim, tấn công Georan. Để đánh nhau với nước Kim, Georan yêu cầu Goryeo chi viện quân sự. Goryeo từ chối yêu cầu này và cải thiện quan hệ với nước Kim, thu phục lại vùng đất ở lưu vực sông Amnok mà Georan đã từng chiếm lĩnh.

Nước Kim tiêu diệt Georan, thống lĩnh Manju, Mông Cổ và vùng Bắc bộ của Trung Quốc và gây thêm áp lực đối với Goryeo. Do đó, Goryeo đã phải ký minh ước huynh đệ để có thể duy trì quan hệ hoà bình với nước Kim nhưng vì thế chính sách Bắc tiến bị gián đoạn trong một thời gian.

Giao lưu đối ngoại phát triển mạnh

Sau khi kiến quốc, Goryeo tiến hành mở cửa thực hiện chính sách đối ngoại thông thoáng, cho phép người nước ngoài như người Tống, người Georan và người Yeojin ra vào tự do. Sau khi chiến tranh với Georan kết thúc, quan hệ đối ngoại ổn định trở lại, việc giao lưu giữa Goryeo và nhà Tống diễn ra rất sôi động. Goryeo đã cử các sứ thần, học giả và tăng lữ ... sang Tống, tiếp nhận một cách tích cực nền văn minh phát triển của Tống để hoàn thiện các thể chế của mình. Mặt khác, nhà Tống muốn thông qua việc cải thiện quan hệ với Goryeo để kìm chế những dân tộc khác ở xung quanh.

Mặt khác, do Goryeo rất khuyến khích việc buôn bán với nước ngoài nên có nhiều thương nhân người Arập đã đến Goryeo để trao đổi buôn

bản. Khi đó Byeongnan-do (Bích Lan độ) thuộc vùng cửa sông Yeseong (Lễ Thành), nằm ở vùng ngoại ô phía Tây của kinh đô Gaegyeong là bến cảng giao dịch quốc tế phát triển rất phồn thịnh.

Lần đầu tiên đất nước của người dân Hàn được thế giới biết đến với cái tên Korea – bắt nguồn từ chữ Goryeo (Cao Ly) – chính là nhờ việc giao lưu đối ngoại phát đạt như vậy của vương triều Goryeo. Về chính sách ngoại giao, trong quan hệ với các nước như Tống, Georan ... Goryeo một mặt vẫn thực hiện được một cách có hiệu quả chính sách vừa ôn hoà vừa cứng rắn (ôn kiện sách cương ngạnh sách) mặt khác vẫn thông qua chính sách đối thoại có lợi để mưu cầu lợi ích cho quốc gia.

Cùng với việc giao lưu và thương mại với nước ngoài phát triển, dưới thời Goryeo đã có những người nước ngoài từ các vùng gần xa đến sống tại Goryeo. Phần đông là người Hán, người Georan và người Yeojin, ngoài ra cũng có một số người từ các khu vực khác cũng đến đây sinh sống. Đặc biệt là ở vùng duyên hải miền Trung của bán đảo Hàn có một nhóm người có tên gọi là Hwasan Issi (Hoa Sơn Lý thị – họ Lý ở Hoa Sơn) đến cư trú trong thời gian dài. Nhóm người này

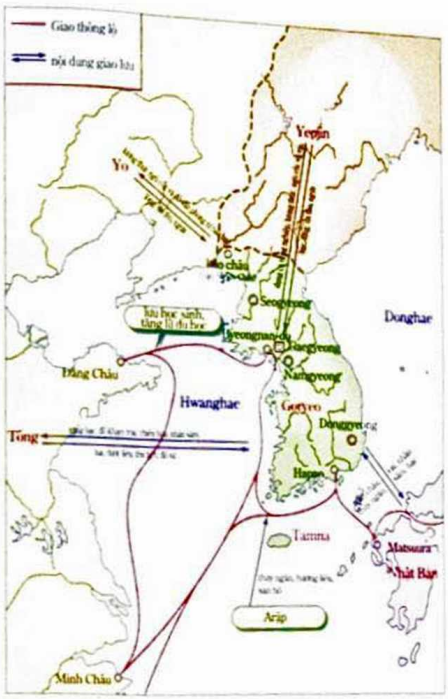

Bản đồ giao dịch thương mại (Mậu dịch đồ) của thời đại Goryeo

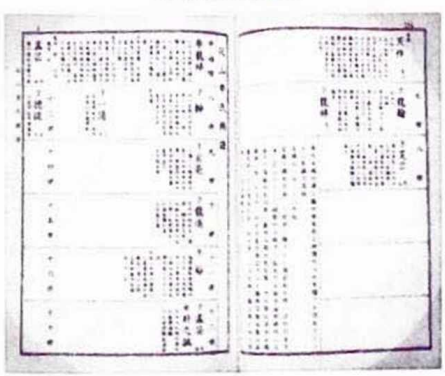

Gia phả của dòng họ Ly Hoa Sơn
(Hwasan Issi, Hoa Sơn Ly thị)

vốn là hoàng thân quốc thích của vương triều Lý ở Việt Nam. Đầu thế kỷ thứ 13 ngay sau khi vương triều Lý bị diệt vong, nhóm người này đã mang cả gia tộc đến Goryeo sinh sống.

2. Sự thành lập chính quyền võ thần

Tóm tắt

Đến thời trung kỳ Goryeo, xã hội Goryeo có nhiều mâu thuẫn chồng chất, đồng thời cũng có nhiều vấn đề xảy ra trong đời sống chính trị xã hội. Do đó, loạn I Ja-gyeom (Lý Tự Khiêm) và phong trào dời đô về Seogyeong (Tây Kinh) của Myocheong (Diệu Thanh) xảy ra. Kết cục là cuộc chính biến của các võ thần đã nổ ra. Từ trung kỳ Goryeo trở đi, tầng lớp tiện dân và nông dân phải chịu sự thống khổ do những mâu thuẫn xã hội mang lại và đã tiến hành cuộc đấu tranh tích cực chống lại chính quyền của các võ thần.

Tại sao xảy ra loạn I Ja-gyeom (Lý Tự Khiêm) và cuộc vận động dời đô về Seogyeong (Tây Kinh) của Myocheong (Diệu Thanh)?

Sự bất an về mặt xã hội

Từ sau thế kỷ thứ 12, xã hội Goryeo dần dần biến động. Một bộ phận quan lại lên được các chức vị ở trung ương thông qua khoa cử đã nắm giữ những chức vụ quan trọng do có học vấn xuất chúng hoặc do thiết lập được mối quan hệ hôn nhân với các vương thất và thâu tóm được trong tay thực quyền chính trị.

Để duy trì quyền lực, những người này đã đưa thân tộc, bè phái của mình lên những chức vị quan trọng và cô lập thế lực tân tiến có tài năng được bổ nhiệm vào chính giới thông qua con đường khoa cử. Do đó, thế lực tân tiến này có nhiều bất mãn. Vì điều này mà tình hình chính trị bất ổn diễn ra ở mọi nơi.

Một bộ phận quan lại và những người có quyền thế đã tiến hành cho vay nặng lãi, hoạt động phi pháp như cướp đất của dân chúng và mở rộng cơ sở kinh tế cho mình. Dân chúng đã khó khăn trong việc tìm

kiếm kế sinh nhai do bị những kẻ có quyền thế cướp mất đất đai lại phải chịu sưu cao thuế nặng do cuộc chinh phạt Yeojin mang lại. Hiện tượng người dân bỏ quê hương đi tha hương cầu thực xuất hiện ở khắp nơi trên toàn quốc. Trong hoàn cảnh như thế, ý nghĩ về một thời kỳ khủng hoảng lan rộng khắp trong xã hội. Chẳng hạn như thời kỳ này thịnh hành thuyết phong thuỷ địa lý mê tín cho rằng "Địa đức của Gaegyeong đã bị suy kiệt không còn phù hợp với tư cách của một thủ đô nữa nên phải dời đô đến vùng đất khác."

Loạn I Ja-gyeom

Gia tộc Gyeongwon Issi (Khánh Nguyên Lý thị) đã có quan hệ hôn nhân nhiều đời với vương thất và trở thành một gia tộc ngoại thích có thế lực nhất. Đặc biệt I Ja-gyeom (Lý Tử Khiêm) đã gả hai con gái của mình cho Yejong (Duệ Tông) và Injong (Nhân Tông) làm vương phi nên trở thành người có quyền lực tối cao. I Ja-gyeom nhận được rất nhiều điền thổ từ vương thất nhưng vẫn cướp đoạt ruộng đất của dân chúng khiến cho lòng căm thù của họ tăng cao. Quyền lực của I Ja-gyeom còn cao hơn cả quyền lực của nhà vua.

Chính điều này làm cho vua Injong thấy mối đe doạ đối với vương vị của mình và muốn loại trừ I Ja-gyeom nhưng lại bị chính ông ta phản lại và lâm vào tình thế hiểm nghèo, cung điện bị đốt cháy. Sự kiện này được gọi là loạn I Ja-gyeom (1126). Nhưng về sau, Vua Injong đã sai thuộc hạ của I Ja-gyeom loại trừ ông ta.

Cuộc vận động dời đô về Seogyeong của Myocheong (Diệu Thanh)

Do loạn I Ja-gyeom, quyền lực của vương thất bị giảm mạnh. Nhưng người ta cũng đã tỉnh ngộ trước việc số gia tộc được hưởng đặc quyền đang độc chiếm quyền lực chính trị. Hơn nữa, sự bất mãn đối với việc kết giao quan hệ với nước Kim dưới sự chỉ đạo của I Ja-gyeom theo kiểu kẻ yếu phục tùng kẻ mạnh đối với tộc người Yeojin – tộc người đã từng triều cống cho Goryeo – cũng tương đối lớn.

Lúc này, Myocheong (Diệu Thanh), một tăng lữ xuất thân ở Seogyeong và văn thần Jeong Ji-sang (Trịnh Trí Thường) lợi dụng lúc lòng dân bất mãn như vậy đã khuyên Injong về mặt đối ngoại nên tuyên bố Goryeo là nước có hoàng đế (hoàng đế quốc), sử dụng niên hiệu riêng và tiến hành chinh phạt nước Kim. Để thực hiện điều này, họ khẩn thiết đề nghị dời đô về Seogyeong. Injong nghe theo lời những người này nên đã cho xây dựng cung điện Daehwagung (Đại Hoa cung) ở Seogyeong và thường xuyên lui về đó.

Nhưng thế lực chính trị ở Gaegyeong phản đối việc dời đô về Seogyeong. Do đó, Myocheong đã cầm đầu những người ở Seogyeong nổi loạn (1135). Những người này đặt tên nước là Daewiguk (Đại Vĩ quốc) và lấy niên hiệu là Cheongae (Thiên Khai). Ngay sau khi Myocheong làm loạn, quân triều đình do Gim Bu-sik (Kim Phu Thức) làm quan tư lệnh đã tấn công Seogyeong và khoảng một năm sau, cuộc phản loạn bị dập tắt. Kết quả của cuộc phản loạn là Seogyeong – nơi từng là đô thị lớn, chỉ đứng sau thủ đô, đã bị san bằng, rất nhiều người bị thương vong. Về mặt kinh tế, cuộc nổi loạn này đã gây ra khó khăn lớn cho dân sinh và tài chính quốc gia.

Nguyên nhân duy trì sự tồn tại của chính quyền võ thần

Cuộc chính biến của các võ thần

Loạn I Ja-gyeom và phong trào dời đô của Myocheong mặc dù đã bị đàn áp và để lại nhiều hậu quả nhưng nền chính trị với trung tâm là các văn thần bảo thủ vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề nan giải. Lòng dân có những dao động lớn, còn các võ thần thì mang trong lòng sự bất mãn về tình trạng phân biệt đối xử đã diễn ra trong một thời gian dài. Sự bất mãn của quân nhân cấp dưới ngày càng lớn vì họ luôn phải quanh quẩn trong những công việc tạp dịch và bị đối xử thấp kém.

Vua Uijong (Nghị Tông) kế nghiệp vua Injong (Nhân Tông) cũng thường xuyên gây ra mâu thuẫn về mặt chính trị với các văn thần. Do có sự kiềm hãm của các văn thần nên về cuối đời, vua Uijong khó khăn lắm

mới duy trì được vương quyền dựa vào những người thân cận. Hơn nữa, Uijong lại thích vui chơi và hội hè cho nên mặc dù trong tình hình kinh tế quốc gia khó khăn vẫn huy động bách tính xây dựng cung đình, khiến họ phải khốn khổ vì lao dịch.

Cuối cùng lợi dụng thời cơ vua Uijong vui chơi ở Bohyeonwon (Phổ Hiền Viện) ở vùng phụ cận Gaegyeong các võ thần do Jeong Jung-bu (Trịnh Trung Phu) cầm đầu đã làm chính biến (1170). Phe của Jeong Jung-bu sau khi loại trừ các văn thần và đày vua Uijong đi biệt xứ, độc chiếm chính quyền.

Ngay sau khi các võ thần thâu tóm chính quyền thì một bộ phận các văn thần do Gim Bo-dang (Kim Bố Đương) cầm đầu đã tiến hành khởi nghĩa nhằm phục hồi lại vương vị cho vua Uijong nhưng bị thất bại. Vua Uijong và rất nhiều văn thần bị sát hại. Sau này, trong nội bộ các võ thần có sự chia rẽ, Jeong Jung-bu bị sát hại, Gyeong Dae-seung (Khánh Đại Thăng) và I Ui-min (Lý Nghĩa Mân) lần lượt trở thành người có quyền lực tối cao trong chính quyền võ thần.

Thanh lập chính quyền Choessi (Thôi thị – Họ Thôi)

Choe Chung-heon (Thôi Trung Hiến) đã loại bỏ I Eui-min và trở thành người có quyền lực tối cao. Sau đó, chính quyền của họ Thôi được duy trì suốt 4 đời, khoảng 60 năm. Chính quyền Thôi thị được duy trì khá ổn định so với các chính quyền võ thần khác và tạo ra những công cụ cơ bản làm giá đỡ cho một thể chế tập quyền võ thần.

Thời đó, tuy có vua nhưng những chính sách quan trọng của quốc gia đều do người nắm giữ quyền hành của phái võ thần quyết định. Những công cụ chính trị trước đó chỉ có tính hình thức, còn về thực chất, công cụ quyền lực mới do các võ thần tạo ra mới đóng vai trò thực thi chính sách. Trước khi có chính quyền Thôi thị, Jungbang (Trọng phòng) là công cụ quyền lực tối cao nhưng từ khi có chính quyền Thôi thị nó được thay thế bằng Gyojeongdogam (Giao định đô giam). Người có quyền lực tối cao là người chịu trách nhiệm chính của cơ quan này và cũng là người quyết định những chính sách quan trọng của quốc gia.

Nguyên nhân của các phong trào đấu tranh của tiện dân và nông dân phat triển mạnh mẽ dưới thời chính quyền võ thần

Bối cảnh của phong trao đấu tranh

Từ trung kỳ Goryeo trở đi, những người có quyền thế, các quan lại địa phương và các hương lại viện cớ thu thuế đã cướp bóc một cách trắng trợn những sản phẩm của dân chúng. Hơn nữa, việc lợi dụng quyền lực và hành vi cho vay nặng lãi để cưỡng chế, chiếm đoạt đất đai của dân chúng cũng xảy ra nhiều. Không thể chịu đựng được những hành động đó, nhiều người dân đã bỏ nơi cư trú đi phiêu bạt lang thang và trở thành dân tha phương hay dân trộm cướp.

Kể cả sau khi chính quyền võ thần được thành lập, những kẻ thống trị cũng vẫn bóc lột dân chúng một cách nặng nề. Hơn nữa, trong sự biến động về chính trị, trong hàng ngũ của chính quyền võ thần cũng có nhiều người xuất thân thấp kém. Thậm chí, trong số những người nắm giữ quyền lực của chính quyền võ thần có cả những người xuất thân từ nô tỳ đã làm cho trật tự thân phận bị chao đảo, hy vọng được thăng tiến để thay đổi thân phận ngày càng lớn hơn.

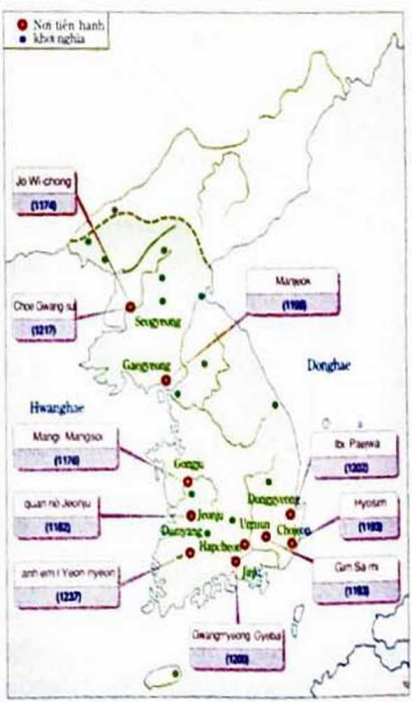

Phong trao đấu tranh của tiên dân va nông dân

Khởi nghĩa của tiện dân và nông dân

Trong thời kỳ hỗn loạn, trước khi

chính quyền Thôi thị được xác lập, chính quyền võ thần không ổn định, phong trào phản kháng của các tầng lớp dưới như tiện dân, nông dân diễn ra rất sôi động. Lấy phong trào đấu tranh chống lại chính quyền võ thần của Jo Wi-chong (Triệu Vị Sủng) làm động cơ, người dân ở vùng Tây Bắc đã tiến hành khởi nghĩa trên quy mô lớn. Cuộc khởi nghĩa của họ đã diễn ra trong suốt mấy năm mới bị đàn áp.

Ở Myeonghak-so (Minh Hạc sở), Gongju thuộc Trung bộ, những người nông dân bị cực khổ bởi gánh nặng sưu thuế đã đứng lên khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của anh em Mangi (Vong Y), Mangsoi (Vong Sở Y). Họ đã chiếm lĩnh được một phần Chungcheong-do và có ý định tấn công vào Gaegyeong.

Ở vùng Đông Nam bộ, Gim Sa-mi (Kim Sa Di) và Hyosim (Hiếu Tâm) tiến hành phong trào đấu tranh ở Unmun (Vân Môn – Cheongdo, Gyeongsang-do ngày nay) và ở Chojeon (Thảo Điền – Ulsan ngày nay) hình thành nên một thế lực liên hiệp, đồng thời lại liên kết với các địa phương Gyeongju và Gangneung để mở rộng thế lực của mình.

Thế lực nổi dậy lớn ở địa phương ngay khi nhận được sự hưởng ứng của dân chúng tại địa phương cũng đã dương cao ngọn cờ phục hưng Baekje, Goguryeo và Silla cũ. Sau khi ở Gyeongju đưa ra khẩu hiệu phục hưng Silla thì ở Seogyeong, Damyang cũng hô hào khẩu hiệu phục hưng Baekje và Goguryeo dẫn đến phong trào phục hưng Tam quốc nổi lên. Cũng có thể gọi đây là một trong những đặc trưng của thời kỳ này. Ngoài ra, cuộc khởi nghĩa của nô tỳ và dân chúng ở những khu vực hành chính đặc thù như Bugok (bộ khúc), So (sở) cũng là đặc trưng của cuộc khởi nghĩa của các tầng lớp dưới.

Ước mơ giải phóng thân phận

Phong trao phản kháng của các nô tỳ, người phải chịu cực khổ vì các loại tạp dịch do bị lệ thuộc vào cá nhân hay các quan sảnh diễn ra quyết liệt chưa từng có. Hơn nữa, trong phong trào phản kháng, họ đã đưa ra yêu cầu đòi giải phóng thân phận.

Ở Jeonju, để phản đối lại những tư dịch hà khắc của các quan địa

phương những nô tỳ ở cửa quan đã đứng lên khởi nghĩa. Ở Gaegyeong, Manjeok – một nô tỳ trong tư gia của Choe Chung-heon – đã đứng lên khởi xướng phong trào giải phóng thân phận nhưng thất bại do bị phát hiện trước khi tiến hành. Sau này, trong suốt gần 30 năm, những phong trào giải phóng thân phận theo hình thức tương tự đã được triển khai rộng khắp trên toàn quốc.

3. Chiến tranh với Mông Cổ và phục hồi tinh thần tự chủ

Tóm tắt

Ngay sau khi bị Mông Cổ xâm lược, Goryeo đã dời đô về Ganghwa-do và tiến hành cuộc đấu tranh bền bỉ trong gần 40 năm. Đặc biệt tầng lớp tiện dân và nông dân đã dũng cảm chiến đấu và giành được thành quả to lớn. Ngay khi chính phủ Goryeo giảng hoà với Mông Cổ, Sambyeolcho (Tam Biệt Sao) đã tiếp tục cuộc chiến tranh chống lại Mông Cổ. Sau khi Goryeo giảng hoà với nhà Nguyên và bị nhà Nguyên gây áp lực và can thiệp, vua Gongmin (Cung Mẫn) đã lợi dụng thời điểm giao thời giữa nhà Minh và nhà Nguyên để đẩy lùi thế lực của nhà Nguyên và thúc đẩy việc xây dựng chính sách tự chủ.

Goryeo đã đương đầu với sự xâm lược của Mông Cổ như thế nào?

Tiếp xúc với Mông Cổ

Vào thế kỷ thứ XIII, một biến đổi to lớn đã diễn ra ở đại lục Trung Quốc. Trên thảo nguyên Mông Cổ Chingiz Khan (Thành Cát Tư Hãn) đã lập nên đế quốc Mông Cổ, tấn công nước Kim và bắt đầu bành trướng thế lực xuống vùng Đông Á. Lúc này, tộc người Georan đã phụ thuộc vào nhà Kim lấy việc Mông Cổ xâm lược nước Kim làm cơ hội nổi dậy nhưng bị quân Mông Cổ đánh bại. Georan tiến hành xâm lược Goryeo.

Goryeo liên kết với quân Mông Cổ đẩy lùi quân Georan tại thành Gangdong (Giang Đông) – vùng phụ cận của Seogyeong. Nhân đó, Goryeo đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Mông Cổ. Sau đó, Mông Cổ đã yêu cầu Goryeo cung cấp nhiều tài vật. Nhưng sự kiện sứ thần Mông Cổ trên đường từ Goryeo về nước bị sát hại đã làm cho quan hệ

ngoại giao giữa Mông Cổ và Goryeo bị gián đoạn.

Cuộc đấu tranh chống quân Mông Cổ

Goryeo và Mông Cổ duy trì tình trạng quan hệ căng thẳng trong một thời gian dài và kết cục là chiến tranh đã xảy ra do sự xâm lược của Mông Cổ (1231). Quân dân Goryeo đã đồng tâm hiệp sức tiến hành chiến tranh chống lại quân Mông Cổ. Đặc biệt, tại thành Gwiju (Quy Châu), dưới sự chỉ huy của Bak Seo (Phác Tế), quân dân trong thành đã đương đầu với quân Mông Cổ để giữ thành đến cùng.

Ở vùng Chungju thuộc Trung bộ, khi quân Mông Cổ tràn vào, các quan quân trong thành đều bỏ chạy nhưng các nô tỳ ở đây đã chiến đấu đến cùng để giữ thành. Những người từng là thảo địch gây phản loạn chống đối với chính quyền cũng đã tham gia chiến đấu chống lại quân Mông Cổ. Chính quyền Thôi thị vận động toàn dân vào sống ở các đảo và núi để tiến hành chiến tranh chống quân Mông Cổ. Thủ đô Gaegyeong được dời về Ganghwa-do (Giang Hoa đảo), là hòn đảo tiếp giáp với vùng bờ biển phía Tây Nam.

Cùng năm đó, quân Mông Cổ lại xâm lược Goryeo nhưng nhân dân Gwangju thuộc Trung bộ đã đối đầu và đánh đuổi quân Mông Cổ. Đặc biệt, tại trận chiến đấu ở thành Cheoin (Xử Nhân), Gim Yun-hu (Kim Doãn Hầu) và dân bugok ở đây đã giết chết Sallita (Sat Lễ Thạp), quan tư lệnh của quân Mông Cổ. Quân Mông Cổ bị tan rã hoàn toàn.

Sau khi chinh phục nước Kim, Mông Cổ chính thức tiến hành chinh phạt Goryeo và Nam Tống. Quân Mông Cổ đã nhiều lần xâm nhập vào đất Goryeo. Lúc này, Gim Yun-hu (Kim Doãn Hầu) cùng với các nô tỳ đã chiến đấu đến cùng để giữ thành Chungju.

Để thu phục lòng dân và hy vọng dùng sức mạnh của Đức Phật để đẩy lùi quân Mông Cổ, chính quyền Thôi thị đã cho khắc Palman Daejanggyeong (Bát Vạn Đại Tạng Kinh) tại Ganghwa-do. Công việc này được hoàn thành sau 16 năm. Palman Daejanggyeong là sản phẩm của cuộc chiến tranh chống Mông Cổ và là một trong những di sản văn hoá rất đáng tự hào của dân tộc Hàn. Nhưng bản khắc mộc của Daejanggyeong

(Đại Tạng Kinh) làm vào thế kỷ thứ XI được bảo quản tại chùa Buin (Phu Nhân tự) ở Daegu và tháp 9 tầng của chùa Hwangnyong (Hoàng Long tự) ở Gyeongju đã bị quân Mông Cổ thiêu cháy.

Giảng hòa với quân Mông Cổ

Chính quyền Choessi trong khi tranh loạn ở Ganghwa-do đã không quan tâm đến dân chúng bị lầm than bởi sự xâm lược của quân Mông Cổ mà ngược lại còn sống xa hoa, thực hiện những chính sách vô lý như thu thêm sưu thuế để duy trì chính quyền, dẫn đến làm mất lòng dân. Vì thế, người nắm quyền lực tối cao là Choe Ui đã bị sát hại và chính quyền Choessi sụp đổ.

Ngay sau khi chính quyền Choessi, thế lực lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ, bị sụp đổ, việc giảng hoà với quân Mông Cổ được thực hiện. Thái tử của Goryeo được phái đi thương lượng giảng hoà đã tìm đến Khubilai Khan (Hốt Tất Liệt Khan) lúc này đang rơi vào tình trạng khó khăn bởi cuộc phân tranh thừa kế ngai vị và đã được ông đón tiếp niềm nở. Nhờ vậy, thái tử đã ký được hiệp thương giảng hoà một cách thuận lợi chưa từng có. Trong đó, 6 điều kiện mà Goryeo đưa ra đều đã được chấp nhận.

Sau khi ký kết hiệp thương, ảnh hưởng về mặt chính trị của vua và các văn thần đã trở nên lớn mạnh nhưng các võ thần vẫn thâu tóm quyền chủ đạo về chính trị. Việc củng cố sau chiến tranh vẫn bị trì hoãn do đấu tranh quyền lực trong nội bộ chính quyền Goryeo. Các võ thần lo lắng về việc ảnh hưởng chính trị của Mông Cổ sẽ được mở rộng và chính quyền võ thần sẽ bị sụp đổ nên từ chối việc dời đô về lại Gaegyeong nhưng sự đối kháng này cũng không duy trì được lâu. Kết cục, người nắm quyền lực cuối cùng của phái võ thần bị sát hại, vương chính được khôi phục và chính phủ Goryeo đã dời đô về lại Gaegyeong.

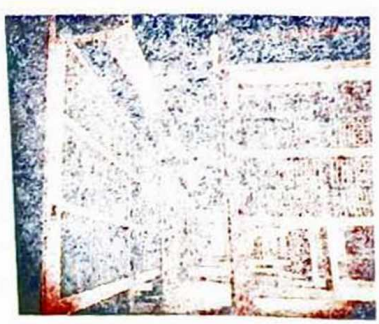

Palman Daejanggyeong (Bát Vạn Đại Tạng Kinh) được bảo quản ở chùa Haein

Cuộc kháng chiến của Sambyeolcho (Tam Biệt Sao)

Sambyeolcho – lực lượng quân sự cơ bản của chính quyền võ thần đã từng phản đối việc dời đô về lại Gaegyeong – cùng với thế lực chủ chốt của chính quyền võ thần vẫn tiếp tục cuộc chiến tranh chống quân Mông Cổ sau khi thủ đô đã được dời về lại Gaegyeong. Họ rời Ganghwa-do xuống Jin-do chiến đấu với quân đội liên minh gồm quân triều đình Goryeo và quân Mông Cổ. Khi Jin-do bị hạ, một bộ phận những người này lại rời căn cứ địa về Jeju-do và tiếp tục cuộc chiến tranh nhưng cuối cùng đã bị đàn áp.

Sự biến đổi của xã hội Goryeo thời kỳ bị nhà Nguyên can thiệp

Sự can thiệp vào nội bộ Goryeo của nhà Nguyên

Cùng với việc cuộc kháng chiến của Sambyeolcho bị đàn áp là việc Goryeo bắt đầu bị nhà Nguyên can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia. Từ đây, Goryeo đã phải chịu sự can thiệp của nhà Nguyên trong gần 80 năm. Lúc này, ở cả hai nước đều có những thay đổi lớn về mặt chính trị. Ở Goryeo, chính quyền võ thần bị lật đổ, nền chính trị lấy vua làm trung tâm được khôi phục, vua và thế lực văn thần lại nắm quyền chủ đạo trong việc điều hành chính sự. Ở Mông Cổ, sau cuộc tranh giành quyền lực, Khubilai (Thế tổ – Hốt Tất Liệt) trở thành Khan, chinh phục Nam Tống, đặt quốc hiệu là Nguyên theo kiểu Trung Quốc và dời kinh đô về Bắc Kinh ngày nay.

Sau này, mặc dù nhà Nguyên thừa nhận phong tục và chế độ của Goryeo nhưng vẫn có ý đồ mở rộng lực ảnh hưởng của mình đối với Goryeo. Tuy Goryeo vẫn duy trì được thể chế tự trị, có quốc vương và chính phủ riêng nhưng nhà Nguyên đã can thiệp vào nội chính của Goryeo thông qua cơ quan Jeongdong Haengseong (Chinh Đông hành tỉnh) mà nhà Nguyên đã đặt ở Goryeo qua việc mượn cớ là để chinh phạt Nhật Bản.

Quốc vương Goryeo kết hôn với công chúa của nhà Nguyên, vương tử

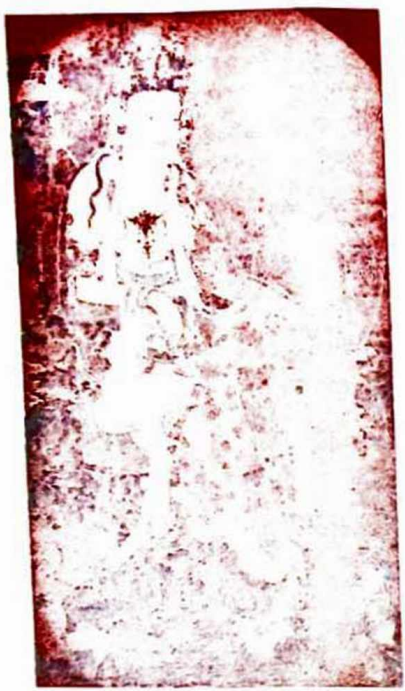

Thuy nguyệt quan âm đồ, bức tranh vẽ Phật tiêu biểu của thời kỳ Goryeo, Nhật Bản sở trang

sinh ra được trưởng thành và được giáo dục ở Nguyên, sau đó được đưa về nước và trở thành vua.

Nhà Nguyên đã đặt quốc vương Goryeo dưới sự khống chế của mình và gián tiếp thống trị Goryeo thông qua quốc vương.

Bắt đầu cải cách chính trị

Do không có nền tảng chính trị trong nước nên sau khi lên ngôi quốc vương Goryeo đã điều hành chính trị bằng cách bổ nhiệm những người thân cận đã từng chăm sóc hầu hạ mình ở Nguyên vào các chức quan. Do ngôi vị của vua thường xuyên bị thay đổi bởi sự can thiệp của nhà Nguyên nên sự hoán đổi thế lực chính trị thường xuyên diễn ra dẫn đến việc thực hiện các chính sách không được liên tục. Vì thế, những nhân vật xuất thân từ hoạn quan, dịch quan, quân nhân đã từng phục tùng nhà Nguyên và những người thân thích của họ đã nổi lên với tư cách là một thế lực thống trị mới. Thế lực này cùng với một bộ phận những danh môn của thời kỳ trước hình thành nên bộ phận tối cao (thượng tầng bộ) của tầng lớp thống trị. Những người này được gọi là nhóm Gwonmunsejok (Quyền môn thế tộc).

Nhóm Gwonmunsejok cướp đoạt ruộng đất của dân chúng, mở nông trang và biến những người dân nghèo thành nô tỳ canh tác nông trang cho họ. Vì thế, người dân phải nộp sưu thuế giảm đi, thu nhập từ việc nộp sưu thuế của quốc gia cũng giảm sút dẫn đến nền tài chính của quốc gia bị lâm vào tình trạng quẫn bách.

Để giải quyết vấn đề này, vua Chungseon (Trung Tuyên) đã có ý đồ cải cách lại chế độ kinh tế, chính trị nhưng thất bại. Vua Chungmok (Trung Mục) sau đó cũng đã xúc tiến việc cải cách nhưng cũng không thành

công. Sở dĩ có tình trạng như vậy là do quốc vương Goryeo chịu sự can thiệp và điều hành của nhà Nguyên nên không thể tiến hành cải cách một cách triệt để. Thế lực chính trị thường xuyên bị thay đổi làm cho lực lượng những người chủ trương tiến hành cải cách luôn ở tình trạng non yếu. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân khác làm cho việc cải cách không thể đi đến thành công.

An Hyang An Hương

Tiếp thu Seongnihak (Tính lý học)

Cùng với việc giao lưu với nhà Nguyên diễn ra sôi nổi, Goryeo đã tiếp thu Seongnihak từ nhà Nguyên. Những học giả của Goryeo và nhà Nguyên đã thường xuyên tiếp xúc với nhau thông qua Mangwondang (Vạn quyển đường) do vua Chungseon xây dựng nên tại kinh đô của nhà Nguyên. Do đó, những trí thức của Goryeo như An Hyang (An Hương), I Je-hyeon (Lý Tế Hiền) ... đã tiếp nhận Seongnihak như là một học thuyết Nho giáo mới.

I Je-hyeon Lý Tế Hiền

Trong số này, những người trang bị cho mình những trí thức về Seongnihak đã trở thành quan lại thông qua khoa cử và bắt đầu hình thành nên thế lực chính trị mới. Họ vừa tham gia việc cải cách chính trị mà vua Chungseon và vua Chungmok thi hành vừa quan sát hiện thực của Goryeo và có ý thức phê phán đối với hiện thực này. Thế lực này được gọi là Sinjinsadaebu (Tân tiến sỹ đại phu).

Nhóm người này phê phán nhóm Gwonmunsejok đã lún sâu vào mâu thuẫn do dựa vào thế lực của nhà Nguyên và họ chủ trương kiến thiết xã hội với trật tự chính trị mới. Cùng với việc nhà Nguyên suy thoái, họ

đã bắt đầu có được vị trí nhất định với tư cách là thế lực chính trị mới thay cho giới Gwonmunsejok.

Cải cách chính trị hậu kỳ Goryeo mưu cầu điều gì?

Cải cách chính trị của vua Gongmin (vua Cung Mẫn)

Đến khoảng giữa thế kỷ XIV, khi nhà Nguyên bắt đầu suy thoái, trong xã hội Goryeo, không khí cải cách lên cao. Để thoát khỏi sự can thiệp của nhà Nguyên, vua Gongmin (Cung Mẫn) đã xúc tiến cuộc cải cách phản Nguyên.

Vua Gongmin phá bỏ Jeongdong Haengseong, tấn công Ssangseong Chonggwanbu (Song thành tổng quản phủ), hồi phục lại lãnh thổ vùng Đông Bắc thuộc phía Bắc Cheollyeong (Thiết Lĩnh). Hơn nữa, ông còn cho khôi phục lại chế độ quan lại đã bị thay đổi do sự can thiệp của nhà Nguyên, cấm các phong tục sinh hoạt theo kiểu Mông Cổ. Tiếp đó, ông cho thanh trừng thế lực đã dựa vào nhà Nguyên làm trái luật pháp, phế ba Jeongbang (chính phòng) đã từng chỉ đạo các việc hành chính nhân sự tại mật thất dưới thời kỳ tập quyền của võ thần. Nhờ đó, ông đã thâu nắm được thể chế và pháp luật, tăng cường được vương quyền. Vua Gongmin bổ nhiệm các Sin Don làm chủ quản các việc như: dẹp bỏ những nông trang bất hợp pháp, trả lại ruộng đất cho chủ cũ, giải phóng nô tỳ ở các nông trang, cho phép họ trở lại làm lương dân.

Thiên sơn đại liệp đồ là tác phẩm của vua Gongmin được truyền lại (Viện bảo tàng trung ương quốc gia)

Những điều khoản cải cách của vua Gongmin được dân chúng rất

hoan nghênh. Nhưng sau khi nắm được quyền lực, Sin Don cũng trở nên biến chất và bị phê phán. Kết cục, do sự phản đối của nhóm Gwonmunsejok, Sin Don bị loại bỏ và vua Gongmin cũng bị sát hại.

Cải cách chính trị của vua Gongmin bị thất bại do lúc đó, thế lực tích cực xúc tiến việc cải cách còn non yếu, tình hình trong nước bất an do sự xâm nhập của Waegu (Oa khấu, giặc Nhật) và giặc Honggeon (giặc Hồng Cân).

Đánh đuổi giặc Waegu và giặc Honggeon

Vào thời vua Gongmin, giặc Waegu và giặc Honggeon thường xuyên xâm nhập vào Goryeo. Giặc Honggeon là quân nông dân của tộc người Hán đã lợi dụng lúc nhà Nguyên bị suy thoái để tạo phản. Khi giặc Honggeon tiến vào đến Gaegyeong, vua Gongmin phải đi lánh nạn ở tận vùng Andong là vùng đất thuộc Đông Nam bộ.

Waegu là giặc biển có căn cứ ở đảo Tsushima (đảo Đối Mã) của Nhật Bản. Từ đầu thế kỷ XIV, lợi dụng lúc tổ chức thủy quân của Goryeo bị tan rã, chúng đã xâm nhập vào vùng duyên hải và tiến hành các hoạt động cướp bóc. Dưới thời vua Gongmin, Ganghwa-do cũng đã bị giặc Waegu cướp phá, kể cả Gaegyeong cũng đã bị uy hiếp.

Do sự xâm nhập của giặc Waegu, việc vận chuyển sưu thuế bằng đường biển trở nên khó khăn, tình hình tài chính của quốc gia trở nên quẫn bách, đến cả những vùng đất cách xa bờ biển cũng bị thiệt hại lớn. Lúc này, Choe Yeong (Thôi Doanh), I Seong-gye (Lý Thành Quế) đã đứng ra đánh đuổi giặc Waegu, Choe Mu-seon (Thôi Mậu Tuyên) đã có công lớn trong việc dùng hoả pháo đánh đuổi giặc Waegu. Tiếp đó, Bak Wi (Phác Uy) đã mang theo 100 chiến thuyền đánh vào đảo Tsushima, sào huyệt của Waegu và đã giành được thắng lợi lớn.

Trong quá trình truy đuổi Waegu và giặc Honggeon, thế lực võ thần mà người cầm đầu là Choe Yeong và I Seong-gye đã dần trưởng thành và lớn mạnh.

Cải cách chế độ ruộng đất và sự diệt vong của vương triều Goryeo

Đầu tiên, Goryeo vẫn giữ quan hệ hữu hảo với nhà Minh, vương triều đã tiêu diệt nhà Nguyên. Nhưng nhà Minh yêu cầu Goryeo giao lại cho họ vùng lãnh thổ của Goryeo ở phía Bắc là Cheollyeong nên quan hệ giữa hai nước ngày càng xấu đi. Goryeo từ chối yêu cầu của nhà Minh, có ý định thu phục vùng đất Yodong mà nhà Minh đã chiếm giữ.

I Seong-gye mang theo 5 vạn quân hướng về Yodong. Tại Wihwa-do (Uy Hoa đảo), ông đem quân trở lại chiếm lĩnh Gaegyeong, phế truất vương vị của Uwang (Ngu vương), loại bỏ Choe Yeong – người chỉ đạo cuộc chinh phạt Yodong. Sự kiện này được gọi là sự kiện hồi quân ở Wihwa-do (Uy Hoa đảo hồi quân) (1388).

Phái của I Seong-gye bắt tay với thế lực Sinjinsadaebu (Tân tiến sĩ đại phu) – phái sĩ phu có tư tưởng cải cách cấp tiến như Jeong Do-jeon (Trịnh Đạo Truyền), Jo Jun (Triệu Tuân) và tiến hành một cuộc cải cách thực sự. Họ xác định mục tiêu chính của công cuộc cải cách này là việc cải cách ruộng đất, tiến tới kiểm soát chế độ điền thổ đã bị rối loạn, một nguyên nhân tạo ra những mâu thuẫn xã hội lúc bấy giờ. Họ đã chế định ra Gwajeonbeop (khoa điền pháp), tịch thu ruộng đất của các thế lực cũ như Gwonmunsejok phân chia lại cho giới quan lại cấp tiến.

Nhóm Gwonmunsejok bị tổn thất về mặt kinh tế nên cũng bị suy yếu về mặt chính trị. Những thế lực thuộc phái cải cách ôn hoà như Jeong Mong-ju (Trịnh Mộng Chu) cũng bị loại bỏ. Thế lực võ thần mà trung tâm là I Seong-gye và những Sinjinsadaebu tham gia cải cách như Jeong Do-jeon, Jo Jun ... đã trở thành thế lực thống trị mới. Cuối cùng, họ đã lật đổ vương triều Goryeo và lập nên vương triều Joseon (Triều Tiên) (1392).

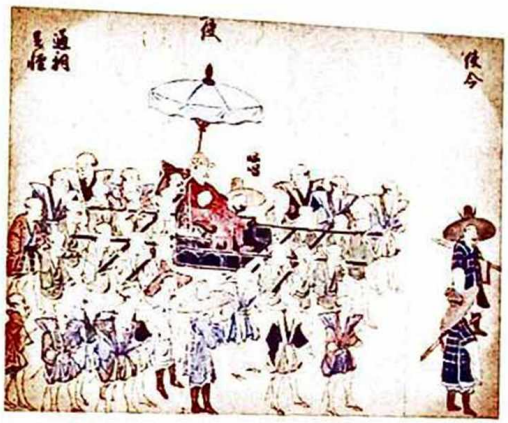

V. Sự hình thành và phát triển của vương triều Joseon (Triều Tiên)

Cải cách chế độ ruộng đất và sự diệt vong của vương triều Goryeo

Đầu tiên, Goryeo vẫn giữ quan hệ hữu hảo với nhà Minh, vương triều đã tiêu diệt nhà Nguyên. Nhưng nhà Minh yêu cầu Goryeo giao lại cho họ vùng lãnh thổ của Goryeo ở phía Bắc là Cheollyeong nên quan hệ giữa hai nước ngày càng xấu đi. Goryeo từ chối yêu cầu của nhà Minh, có ý định thu phục vùng đất Yodong mà nhà Minh đã chiếm giữ.

I Seong-gye mang theo 5 vạn quân hướng về Yodong. Tại Wihwa-do (Uy Hoa đảo), ông đem quân trở lại chiếm lĩnh Gaegyeong, phế truất vương vị của Uwang (Ngu vương), loại bỏ Choe Yeong – người chỉ đạo cuộc chinh phạt Yodong. Sự kiện này được gọi là sự kiện hồi quân ở Wihwa-do (Uy Hoa đảo hồi quân) (1388).

Phái của I Seong-gye bắt tay với thế lực Sinjinsadaebu (Tân tiến sĩ đại phu) – phái sĩ phu có tư tưởng cải cách cấp tiến như Jeong Do-jeon (Trịnh Đạo Truyền), Jo Jun (Triệu Tuấn) và tiến hành một cuộc cải cách thực sự. Họ xác định mục tiêu chính của công cuộc cải cách này là việc cải cách ruộng đất, tiến tới kiểm soát chế độ điền thổ đã bị rối loạn, một nguyên nhân tạo ra những mâu thuẫn xã hội lúc bấy giờ. Họ đã chế định ra Gwajeonbeop (khoa điền pháp), tịch thu ruộng đất của các thế lực cũ như Gwonmunsejok phân chia lại cho giới quan lại cấp tiến.

Nhóm Gwonmunsejok bị tổn thất về mặt kinh tế nên cũng bị suy yếu về mặt chính trị. Những thế lực thuộc phái cải cách ôn hoà như Jeong Mong-ju (Trịnh Mộng Chu) cũng bị loại bỏ. Thế lực võ thần mà trung tâm là I Seong-gye và những Sinjinsadaebu tham gia cải cách như Jeong Do-jeon, Jo Jun ... đã trở thành thế lực thống trị mới. Cuối cùng, họ đã lật đổ vương triều Goryeo và lập nên vương triều Joseon (Triều Tiên) (1392).

V. Sự hình thành và phát triển của vương triều Joseon
(Triều Tiên)

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
Vương triều Joseon thành lập	1392		
Dời đô về Hanyang (Hán Dương)	1394		
	1400	Vương triều Hồ (1400~1407)	Thiết lập vương quốc Baluba của Congo
Thực thi luật hiệu bài (Hopaebop)	1402		
Hoàn thành việc phân chia 8 tỉnh (đạo) Joseon	1407~1427	Thời kỳ đô hộ của nhà Minh	
	1413		
Vua Sejong lên ngôi	1418		
	1428	Bắt đầu thời Lê sơ (1428~1789)	
	1429		Jeanne d'Arc đánh quân Anh giải phóng Orleans
Làm ra máy đo lượng mưa (Trắc vũ khí)	1441		
Sáng tạo ra chữ Hunminjeongeum (Huấn dân chính âm)	1443		
	1450		Johannes Gutenber (người Đức) phát minh kỹ thuật in máy
	1453		Đế quốc Bizantine sụp đổ
	1455~1485		Chiến tranh Hoa Hồng
	1460~1497	Thời kỳ trị vì của Lê Thánh Tông	
	1471	Thu nạp vùng Quảng Nam	
	1479	Ngô Sĩ Liên biên soạn cuốn "Đại Việt sử ký toàn thư"	Bồ Đào Nha trục xuất người Do Thái
Hoàn thành cuốn "Gyeongguk Daejeon" (Kinh quốc đại điển)	1485		Nước Anh: Henry VII thành lập viện Tudor, tăng quyền lực của tòa án tối cao
	1492		Columbus tìm ra châu Mỹ
	1517		Nước Đức: Luther tiến hành cải cách theo đạo Tin Lành
	1527~1592	Chính quyền nhà Mạc	
	1532	Bắt đầu phong trào phục hưng nhà Lê của Nguyễn Kim	Rabelais (Pháp) viết cuốn "Gargantua và Pantagruel"
Xây dựng thư viện Baekundong (Bạch Vân động)	1543		Nicholas Copernicus công bố những phát kiến về thiên văn học
	1558	Nguyễn Hoàng nhậm chức trấn thủ Thuận Hoá	
Nhật Bản xâm lược bán đảo Hàn (Imjinwaeran)	1592	Vua Lê quay về Thăng Long	
	1598		Nước Pháp: Công bố sắc lệnh Nantes thừa nhận sự hợp pháp của đạo Huguenots

Lịch sử Han quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử cac nước khac
	1600		Nước Anh thanh lập cac công ty Đông Ân
Hoan thanh cuốn "Donguibogam" (Đông y bảo giam)	1610		
Injobanjeong (Nhân Tổ phản chính)	1623		
Cuộc xâm lược của người Hồ năm Đinh Mão (Jeongmyohoran – Đinh Mao Hồ loạn)	1627	Alexandre de Rhodes bắt đầu hoạt động truyền giao	Nhật Bản: Bắt đầu trục xuất người nước ngoại, chỉ cho người Ha Lan ở lại buôn ban
	1627~1672	Xung đột vũ lực giữa hai họ Trịnh - Nguyễn (Trịnh - Nguyễn phân tranh)	
Cuộc xâm lược của người Hồ năm Bính Tý (Byeongjahoran – Bính Tý Hồ loạn)	1636		Người Ha Lan chiếm Sri Lanka
	1640~1649		Cuộc cach mạng Thanh giao ở Anh
	1644		Trung Quốc: Nha Minh sup đổ, nha Thanh thanh lập
Hamel cập đảo Jeju-do	1653		
Chinh phạt Naseon	1654		

1. Sự hình thành của vương triều Joseon

Tóm tắt

Thế lực quân sự mới lên đứng đầu là I Seong-gye (Lý Thành Quế) và thế lực quan lại cấp tiến đứng đầu là Jeong Do-jeon (Trịnh đạo Truyền) sau khi thành lập nên nhà nước Joseon đã chọn Hanyang làm kinh đô. Sau khi thành lập, gần 100 năm xây dựng và củng cố nhiều chế độ khác nhau, nhà nước Joseon đã phát triển theo hình thức là nhà nước tập quyền trung ương. Nhờ đó, các mặt chính trị, xã hội được ổn định, văn hoá phát triển rực rỡ với việc sáng tạo, ban bố rộng rãi hệ thống chữ Hunminjeongeum (Huấn dân chính âm) và biên soạn nhiều cuốn sách

Phương hướng điều hành đất nước của những người sáng lập

Vương triều Joseon

Phái sĩ đại phu tiến bộ (Sinjinsadaebu) đứng đầu là Jeong Do-jeon và Jo

Geunjeongjeon, Gyeongbokgung (Cần Chính điện, cung Cảnh Phúc)

Jun đã bắt tay cùng với I Seong-gye, người đứng đầu của thế lực võ thần tân hưng (Sinheung Muin) với mong muốn cải cách lại xã hội đang suy thoái của Goryeo.

Với sự kiện hồi quân ở Wihwa-do, I Seong-gye đã phế bỏ vua Uwang và Choe Yeong, giành lấy thực quyền rồi cùng với sĩ đại phu thuộc phai cải cách tiến bộ thực hiện luật ruộng đất (Gwajeonbeop – Khoa điền pháp) nhằm ổn định lại chế độ ruộng đất đang ở trong tình trạng hỗn loạn và củng cố lại cơ sở kinh tế. Tiếp đó, họ đã loại bỏ những người như Jeong Mong-Ju, những người có chủ trương phản đối việc thành lập nên một nhà nước mới. Cuối cùng, I Seong-gye được tôn làm vua, dựng nên vương triều mới (1392).

Những người sáng lập ra vương triều mới này đã quyết định đặt tên nhà nước là Joseon với nghĩa là sự kế thừa của nhà nước Gojoseon (Triều Tiên cổ) và chọn Hanyang làm thủ đô. Hanyang là vùng đất có vị trí nằm ở trung tâm bán đảo Hàn nên rất dễ cho việc cai trị toàn bộ đất nước. Phía Nam có sông Hán chảy qua là điều kiện thuận tiện cho việc giao thông, đi lại bằng đường thủy. Không chỉ có vậy, đây còn là vùng đất được bao quanh bởi những ngọn núi cao nên cũng rất thuận lợi cho việc phòng ngự.

Ý nghĩa của việc thành lập nhà nước Joseon

Ý nghĩa của việc thành lập nhà nước Joseon không chỉ dừng lại ở việc đổng họ nắm vương quyền chuyển từ họ Wang (Vương) sang họ I (Lý) mà còn thể hiện sự thay đổi và phát triển có tính lịch sử trên nhiều phương diện. Có được như vậy là do những người sáng lập nên vương triều Joseon, ngay từ những ngày đầu đã tự mò mẫm tìm cho mình một hướng đi mới và hơn nữa đã luôn cố gắng để đưa hướng đi đó tới hiện thực.

Xã hội của vương triều Joseon là xã hội theo chế độ quan liêu, tuyển chọn những người đỗ đạt trong các khoa cử làm quan lại, vì thế, hệ thống chính trị của vương triều Joseon lấy quan lại trong ban văn và ban võ (yang ban) làm trung tâm. Các Yangban này một mặt kiềm chế

sự chuyên chế của nhà vua và nỗ lực mở rộng quyền lực chính trị của mình, đồng thời mặt khác tập trung sức lực vào việc nâng cao đời sống cho người dân.

Tầng lớp sĩ đại phu xây dựng nên vương triều Joseon chủ yếu là các nhà Seongnihak (Tính lý học). Vương triều Joseon ngay từ thời kỳ đầu đã đưa ra chủ trương đức trị theo lý luận và quan niệm của Seongnihak và thực hiện một nền chính trị lý tưởng mang tính Nho giáo. Từ vua, các sĩ phu cho đến những người dân thường đều ủng hộ theo lễ tục Nho giáo.

Vương triều Joseon trong vòng 100 năm đầu lập nước đã luôn cố gắng để chuẩn bị nền tảng cho đất nước và giữ ổn định xã hội. Với kết quả đó, vương triều Joseon đã có sự phát triển thịnh vượng, hoà bình cùng với nền văn hoá dân tộc đạt được trình độ phát triển cao.

Xây dựng nền tảng quốc gia

Vương triều Joseon đã dốc toàn bộ sức lực vào việc giữ ổn định vương quyền, tập trung mọi quyền lực về trung ương để hoạch định trật tự thống trị, lấy Nho giáo làm nguyên lý cơ bản để cai trị đất nước, tích cực khuyến khích nông nghiệp và tăng cường ổn định cuộc sống cho người dân.

Hoàng tử Bang-won (Phương Viễn – Thái Tông), con trai của Thái Tổ I Seong-gye đã tập hợp quân đội giết thế tử còn nhỏ tuổi và Jeong Do-jeon để giành lấy quyền binh. Sau đó, đến khi vua Taejong (Thái Tông) kế vị vua Jeongjong (Định Tông), vương quyền mới được ổn định và nền tảng quốc gia mới được củng cố vững chắc hơn.

Vua Taejong xoá bỏ tất cả tư binh (quân đội riêng), nắm lấy quyền lực về quân sự, cho thực thi Luật hiệu bài (Hopaebeop – Hiệu bài pháp), thống kê dân số toàn quốc trên cơ sở đó thực hiện việc thu thuế và tuyển quân. Giai đoạn vua Taejong tại vị, vương quyền được xác lập, các cơ sở xã hội, nền tảng quốc gia được củng cố vững chắc nên đến thời vua Sejong (Thế Tông) các mặt chính trị, kinh tế, xã hội được ổn định, văn hoá được phát triển.

Thời vua Sejong là thời kỳ để lại rất nhiều thành tựu rực rỡ trên nhiều

lĩnh vực. Ông đã cho thành lập Jiphyeonjeon (Tập hiền điện) ở ngay trong cung để tập hợp những người có tài nhằm nghiên cứu một cách sâu sắc về học thuật. Từ đó, tạo cơ sở cho chính trị Nho giáo và văn hoá truyền thống dân tộc phát triển rực rỡ.

Sau đó, Sejo (Thế Tổ) phế truất, chiếm đoạt ngôi vị của cháu mình là Danjong (Đoan Tông), cho giết sáu vị trọng thần trong đó có Seong Sam-mun (Thanh Tam Văn) tạo nên sự kiện Tử lục thần, củng cố quyền lực đồng thời cho thực hiện Luật ruộng đất (Jikjeonbeop – Tịch điền pháp) nhằm làm tăng ngân khố quốc gia, tăng cường sức mạnh quân đội và giữ vững quốc phòng. Đồng thời, ông cũng tiến hành trấn áp vụ phản loạn xảy ra ở vùng Hamgyeong-do nên quyền lực của nhà vua ngày càng trở nên vững mạnh.

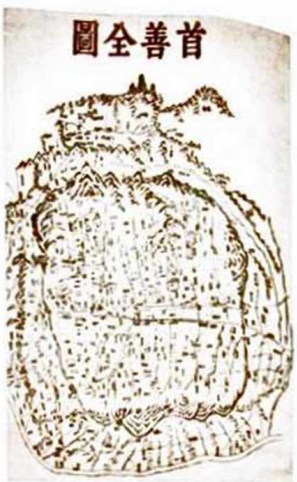

Bản đồ Seoul còn truyền lại đến ngày nay do Gim Jeong-ho vẽ

Với nền tảng sẵn có như vậy, đến thời vua Seongjong (Thành Tông), tất cả những pháp chế để cai trị đất nước đã được hoàn chỉnh hơn với sự ra đời của cuốn "Gyeongguk Daejeon" (Kinh quốc đại điển). Gyeongguk Daejeon là một bộ luật cơ bản để cai trị nhà nước Joseon. Việc biên soạn bộ luật này cho thấy việc trang bị và chỉnh đốn về cơ cấu tổ chức thống trị của vương triều mới đã được hoàn thành tốt đẹp.

Quan hệ đối ngoại trong thời kỳ đầu của vương triều Joseon

Ngay từ thời kỳ đầu xây dựng đất nước, vương triều Joseon đã đề ra chính sách mở rộng lãnh thổ. Jeong Do-jeon, với tư cách là nhân vật tiên phong trong việc đề ra chính sách này đã tiến hành phát động việc huấn luyện quân sự, tích trữ quân lương và xây dựng kế hoạch đánh nhà Minh. Nhưng kế hoạch này chưa kịp thực hiện thì Jeong Do-jeon bị giết, ngay cả đến ngôi vị của vua Taejo cũng không giữ được và kế hoạch chinh phạt Yodong bị phá sản.

Vương triều Joseon sau này luôn giữ mối quan hệ thân thiết với nhà

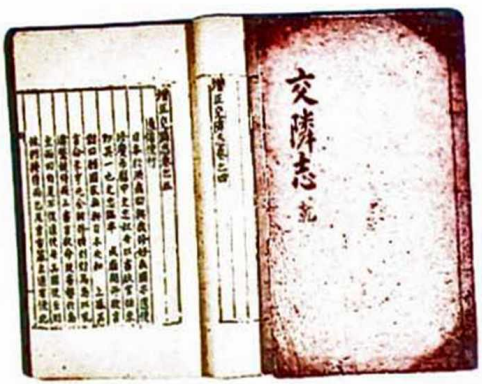

Sach chinh ly về lịch sử ngoại giao va chính sach đối ngoại với Nhật Ban, Yeojin ...

Minh, thường xuyên gửi sứ thần sang triều kiến. Qua mối quan hệ thân thiết với nhà Minh gọi là Sadae Oegyo (Ngoại giao đại sự – tôn trọng nước lớn) như vậy, vương triều Joseon đã có được những lợi ích nhất định về mặt kinh tế và văn hóa.

Một mặt, những đời vua đầu tiên của Joseon đã cho người dân ở vùng Chungcheong-do, Jeolla-do, Gyeongsang-do di trú đến Pyeongan-do và Hamgyeong-do, thúc đẩy việc khai hoang lưu vực sông Amnok và sông Duman. Vùng đất này là vùng thường xuyên bị tộc người Yeojin đến tranh chấp, quấy phá và thậm chí đến cư trú luôn ở đó. Vì thế, đến thời vua Sejong, ông đã cho đuổi người Yeojin ra khỏi vùng đất thuộc lưu vực sông Amnok và sông Duman, thành lập tại đây bốn quận và sáu trấn. Sau đó, khu vực này trở thành một phần lãnh thổ của Joseon tạo lập nên hành lang biên giới cho Joseon ở phía Bắc.

Mặt khác, Joseon tập trung tăng cường thủy quân, ngăn chặn sự cướp bóc của cướp biển Nhật Bản. Đến thời vua Sejong, ông đã cho đánh vào tận căn cứ của bọn Waegu là đảo Tsushima. Sau khi Nhật Bản đề nghị tạo lập mối quan hệ mậu dịch hoà bình giữa hai nước, vương triều Joseon đã cho xây dựng ba hải cảng trong đó có cảng Busan nhằm duy trì mối quan hệ thân thiết với Nhật Bản. Do người Nhật Bản chủ yếu thương cần các vật dụng sinh hoạt và các sản phẩm văn hoá như sách vở trong khi phía Joseon lại cần vũ khí và nguyên liệu hoặc đồ dùng của tầng lớp quý tộc Yangban nên tại những hải cảng này, người Nhật thường mang đến đồng, sulphur, hương liệu ... để đổi lấy lương thực, quần áo, sách vở ...

Ngoài ra, vương triều Joseon còn có quan hệ qua lại rộng rãi với nhiều nước như Ryukyu (Okinawa, Nhật Bản), Siam (Thai Lan), Java ...

Bộ may thống trị của vương triều Joseon và chức năng của nó

Bộ may chính quyền trung ương

Vương triều Joseon đã xây dựng nhiều quy tắc cũng như bộ máy chính quyền cho phù hợp với hoạt động của vương triều mới. Vì thế, so với thời Goryeo, ở thời kỳ này, thể chế tập quyền trung ương được tăng cường và sự ổn định về chính trị cũng được đẩy mạnh hơn.

Cơ quan quyền lực cao nhất để điều hành đất nước là Uijeongbu (Nghị Chính Phủ), dưới đó là Yukjo (Lục Tào hay còn gọi là Lục Bộ) và nhiều cơ quan khác. Uijeongbu quyết định các chính sách quan trọng của đất nước trên cơ sở có sự đồng ý của ba vị chính thượng còn Yukjo thì đảm đương các công việc hành chính của quốc gia. Các vị trưởng quan của Yukjo không chỉ gánh vác những công việc hành chính mà còn có quyền đưa ra ý kiến của mình ngang hàng với các quan tể tướng của Uijeongbu khi thảo luận về các công việc quan trọng của đất nước.

Bên cạnh đó, các cơ quan như Saganwon (Tư Gián Viện) có nhiệm vụ cảnh tỉnh, giúp nhà vua thực hiện Chính sự một cách đúng đắn. Saheonbu (Tư Hiến Phủ) có nhiệm vụ giám sát những hành vi tiêu cực trong quản lý và Hongmungwan (Hoằng Văn Quan) chuyên tư vấn việc nước và ghi chép các mệnh lệnh của vua. Ba cơ quan này được gọi chung là Eollon Samsa (Ngôn luận Tam Tư) đảm đương vai trò của cơ quan ngôn luận, giúp kiềm chế sự độc tài của vua và các đại thần.

Ngoài ra còn có cơ quan đảm trách việc làm thư ký cho nhà vua là Seungjeongwon (Thừa Chính Viện),

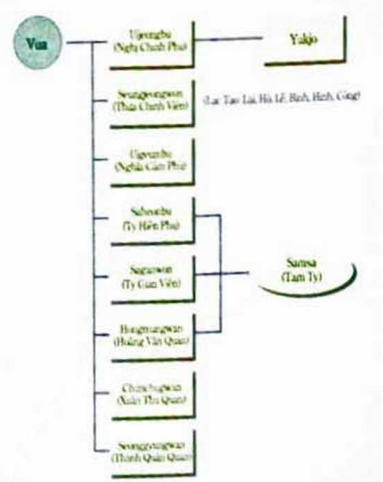

Bộ may chính quyền trung ương Joseon

Uigeumbu (Nghĩa Cấm Phủ) là cơ quan xét xử và trừng trị những tội nhân của quốc gia, Chunchugwan (Xuân Thu quán) là cơ quan chuyên ghi chép lại lịch sử và Seonggyungwan (Thành Quân Quán) là trường học cao nhất của Joseon. Cơ quan đảm trách những công việc hành chính của kinh đô là Hanseongbu (Hán Thành Phủ).

Cơ cấu hành chính địa phương

Joseon được chia thành 8 tỉnh (đạo), bên dưới chia thành các quận, huyện dưới sự quản lý của các quan lại địa phương được gọi là Suryeong (thú lệnh - quận thú và huyện lệnh). Các quan Suryeong không chỉ đảm trách những việc hành chính mà còn chịu trách nhiệm cả những việc liên quan đến quân sự và pháp luật của địa phương. Dưới nữa là các (hương lại) có nhiệm vụ nhận chỉ thị của các quan Suryeong và thực thi các công việc hành chính dưới địa phương. Bên cạnh đó, ở từng địa phương đều có những tổ chức tự quản được gọi là Yuhyangso (Lưu Hương Sở - sau gọi là Hương Sánh) do Yangban địa phương điều hành.

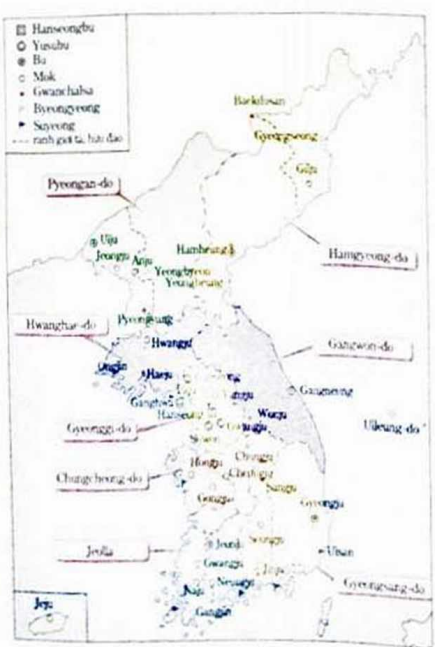

Tam đạo của Joseon

Tại Lưu Hương Sở, người ta liên tục thu thập thông tin trong dư luận, thực hiện công việc giáo hóa dân chúng đồng thời tư vấn cũng như tố cáo những hành vi tiêu cực của quan Suryeong. Vai trò của cơ quan này gần giống với vai trò của hội đồng nhân dân ở các địa phương hiện nay. Với cơ cấu như trên, công việc hành chính địa phương của nhà nước Joseon được thực hiện trên cơ sở có sự phối hợp giữa Hyangni và Yangban địa phương dưới sự quản lý của quan Suryeong.

Mặt khác, khi quốc gia có việc trọng

đại thì đây là cơ quan thực hiện những công việc kiểm điểm, phản ánh để có thể đưa lên nhà vua những ý kiến đóng góp của nhân dân. Nhà nước Joseon cũng cho xây dựng Sinmungo (Thần Văn Cổ - nơi đặt trống để người dân có thể đến đánh trống xin trình bày ý kiến của mình) giúp cho những người dân không biết chữ có thể bày tỏ được nguyện vọng của mình nhưng tác dụng của việc này rất hạn chế. Vì thế, sau này, vào những dịp khi nhà vua đi tuần hành, người ta thường gõ chiêng trống để thu hút sự chú ý của nhà vua, sau đó trực tiếp đến để bày tỏ những vướng mắc của mình.

Chế độ khoa cử và giáo dục

Quan lại thời kỳ Joseon chủ yếu được tuyển chọn thông qua thi cử và cơ quan giáo dục là cơ quan đảm nhiệm việc đào tạo quan lại. Nếu không phải là nô tỳ (tiện dân) thì ai cũng có thể được đi học nhưng trên thực tế, chủ yếu những đối tượng đi học là con cái của các gia đình Yangban.

Ở các Seodang (Thư đường), người học chủ yếu được học chữ, những kiến thức cơ bản về Nho giáo và Hán văn. Sau đó, họ được học những kinh điển của Nho học như Tiểu học (chủ yếu học làm toán, cách vật, viết chữ ...), Tứ thư tại các trường được nhà nước thành lập ở các địa phương (Hương hiệu) hoặc tại Sabu Hakdang (Tứ bộ học đường) ở kinh đô.

Seonggyungwan (Thành Quân Quan) là trường học đào tạo ở mức học cao nhất do nhà nước lập ra và được đặt tại kinh đô. Tại đây, người ta tiến hành giáo dục những kiến thức Nho học ở trình độ cao cho những Saengwon (sinh viên) và Jinsa (tiến sĩ) đã đỗ trong kỳ thi Tiểu khoa. Những môn học như y học, luật học, thiên văn học, toán học, ngoại ngữ .... được dạy riêng ở các quan sở.

Các kỳ thi để tuyển dụng quan lại được chia ra thành các ban: văn khoa, võ khoa và tạp khoa. Thời

Chế độ khoa cử

gian thi được chia làm hai loại: có kỳ thi định kỳ được tiến hành 3 năm một lần và có những kỳ thi đặc biệt được tiến hành không theo quy định về thời gian. Đối tượng dự thi ở văn khoa chủ yếu là con cái của các gia đình Yangban, ở võ khoa thường là con em Yangban, hương lại và thường dân, còn ở tạp khoa chủ yếu là tầng lớp trung lưu (Trung nhân).

Cách thức tuyển chọn quan lại của quốc gia chủ yếu dựa vào khoa cử nhưng cũng có những trường hợp tuyển dụng thông qua tiến cử hoặc qua gia thế.

Chế độ quân sự và binh dịch

Ngay từ những ngày đầu dựng nước, vương triều Joseon đã nỗ lực tăng cường sức mạnh quốc phòng, tất cả thường dân là nam giới từ 16 đến 60 tuổi đều có nghĩa vụ phải đi quân dịch.

Nhà nước Joseon đã cho thành lập tại kinh đô 5 vệ và ở các đạo (tỉnh) đều có Binh mã tiết độ sứ và Thuỷ quân tiết độ sứ có trách nhiệm quản lý, điều hành lục quân và thuỷ quân. Tại những ấp quan trọng của từng địa phương, người ta cũng cho xây dựng những bức tường thành phòng ngự vững chắc.

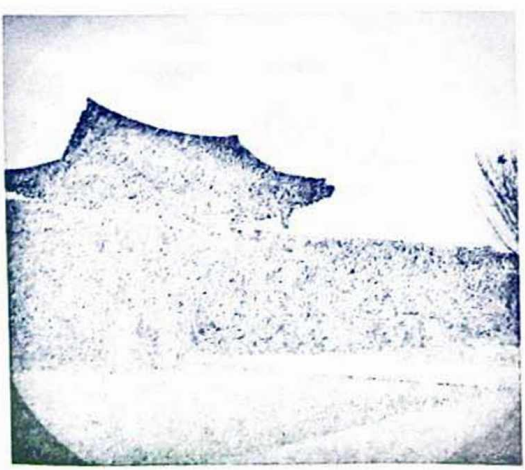

Haemi Eupseong (thành ấp Haemi)

Mặt khác, nhà nước Joseon thực hiện hình thức luân chuyển quân đội. Một phần quân đội của địa phương sẽ được chuyển lên kinh đô phục vụ nhằm tạo một sự liên kết chặt chẽ giữa quân đội của địa phương và quân đội trung ương. Ngoài quân đội chính quy, còn có một bộ phận là quân đội dự bị được gọi là Tạp sắc quân. Số quân này khi hoà bình thì làm công việc sản xuất như dân thường, chỉ khi đất nước gặp nguy khó

thì mới sung vào quân đội.

Hệ thống giao thông và thông tin

Hàng năm, thuế của các địa phương thu bằng lương thực được vận chuyển bằng đường sông và đường biển lên kinh đô và cất trữ vào kho dự trữ của nhà nước. Việc vận chuyển lương thực như vậy được gọi là Joun (Tào vận) và thường được vận chuyển lên kinh đô bằng thuyền. Nhưng riêng với hai tỉnh là Pyeongan-do (Bình An đạo) và Hamgyeong-do thì không phải vận chuyển thuế lương thực lên kinh đô mà được giữ ngay tại địa phương để dùng vào các chi phí cho quốc phòng và tiếp đãi sứ thần.

Để thuận tiện cho việc đi lại bằng đường bộ, nhà nước Joseon cho chuẩn bị một hệ thống dịch viện (trạm dịch). Ở những tuyến đường quan trọng, cứ khoảng 30 lý lại có một dịch (trạm nghỉ) để cho những người thực hiện công vụ của nhà nước có thể sử dụng. Còn tại các điểm quan trọng hay nguy hiểm (kẻ cướp hoặc thú dữ) trên các tuyến đường giao thông người ta cho xây dựng các viện để dân thường có thể ở trọ. Hiện nay, một số địa danh như: Janghowon (Trường Hồ viện) và Sariwon (Sa Lý viện) còn tồn tại là có nguồn gốc từ đây.

Bên cạnh đó, nhà nước Joseon cũng cho thực hiện hệ thống báo hiệu bằng lửa để có thể báo hiệu một cách nhanh chóng cho kinh đô khi có tình huống nguy cấp phát sinh ở những địa phương biên giới.

Động lực phát triển văn hoa dân tộc thế kỷ XV

Sáng tạo ra chữ Hunminjeongeum (Huấn dân chính âm)

Vua Sejong cho truyền bá chữ Hunminjeongeum (Huấn dân chính âm) vào năm 1446 đã tạo nên rất nhiều biến đổi về mặt xã hội của Joseon.Với sự ra đời của chữ Hunminjeongeum người dân Joseon đã có được văn tự riêng của chính dân tộc mình, từ đó giúp cho văn hoá dân tộc càng trở nên rực rỡ.

Chữ Hunminjeongeum được đánh giá là hệ thống chữ rất khoa học, sáng

tạo và dễ học đối với tất cả mọi người. Hệ thống chữ Hunminjeongeum là hệ thống chữ biểu âm với 28 phụ âm và nguyên âm. Vì thế, nó có thể ghi lại được cả những âm thanh khó nhất. Thậm chí lúc đương thời, khi hệ thống chữ này được sáng tạo ra, người ta đã đánh giá rằng nó có thể ghi lại được cả những âm thanh của hạc kêu, gió thổi.

Sự ra đời của chữ Hunminjeongeum đã tạo cho nền văn học quốc văn được phát triển với một sinh khí mới. Vào thời vua Sejong, tác phẩm văn học đầu tiên của Joseon viết bằng chữ Hunminjeongeum là "Yongbieocheonga" (Long phi ngự thiên ca) đã được xuất bản. Sau đó, có thêm tác phẩm "Worincheongangjigok" (Nguyệt ấn thiên giang chi khúc). Nhờ có sự ra đời của chữ Hunminjeongeum mà số người không biết chữ Hán giờ đây được biết chữ đã tăng lên.

Sự phát triển của học vấn và khoa học kỹ thuật

Ngay vào thời kỳ đầu của vương triều Joseon, học thuật đã được phát triển mạnh với việc xuất bản sách ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Thời kỳ này, chiếm được sự quan tâm lớn nhất của tất cả người dân trong nước là việc biên soạn sách lịch sử. Đầu tiên là cuốn "Joseonwangjo Sillok" (Triều Tiên vương triều thực lục), sau đó hàng loạt các sách lịch sử khác cũng được xuất bản như: "Dongguk Tonggam" (Đông quốc thông giám), "Goryeosa" (Cao Ly sử) ...

Joseonwangjo Sillok (Joseon vương triều thực lục) – cuốn sách lịch sử làm cơ sở cho việc tìm hiểu văn hoá và lịch sử thời kỳ Joseon

Bên cạnh đó, để có những thông tin địa lý cần thiết cho việc cai trị đất nước, người ta cũng tiến hành biên soạn sách địa lý "Dongguk Yeojiseungnam" (Đông quốc dư địa thắng lãm). Ngoài ra, còn có các sách như: "Gyeongguk Daejeon" (Kinh quốc đại điển), "Gukjo Oryeui" (Quốc triều ngũ lễ nghi), "Samgang Haengsildo" (Tam cương hạnh thực đồ) ... để xác định trật tự xã hội Nho giáo và hệ thống hành chính quốc gia.

Khoa học kỹ thuật cũng được phát triển mạnh ngay từ những ngày đầu của vương triều. Người Joseon đã làm được máy đo lượng mưa (Trắc vũ khí) trước người

Đồng hồ mặt trời

Đồng hồ nước

Máy đo lượng mưa

phương Tây đến 200 năm. Với máy này họ có thể đo lượng mưa và ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp. Cùng với nó, cuốn sách "Nongsajikseol" (Nông sự trực thuyết) giới thiệu các cách làm nông nghiệp phù hợp với đất đai thực tế của bán đảo Hàn cũng được xuất bản, giúp cho người dân có thể canh tác một cách có hiệu quả.

Kỹ thuật in phát triển cùng với việc cải thiện các bản in kim loại, máy Honcheonui (Hồn thiên nghi) cho phép người ta có thể quan sát được sự vận hành của các thiên thể, đồng hồ mặt trời và đồng hồ nước cũng được sáng tạo và đưa vào sử dụng. Với những phát minh này, có thể nói khoa học, kỹ thuật ở thời kỳ Joseon đã phát triển ở mức độ khá cao.

Trong thời kỳ Joseon, văn học bằng chữ Hán được đặt ở vị trí trung tâm trong nền văn học Hàn. Tầng lớp quý tộc Yangban đã học và đưa loại chữ này vào sử dụng trong sinh hoạt. Đặc biệt, việc viết thơ chữ Hán đã trở thành một phần trong cuộc sống của họ. Vì thế, đã có rất nhiều những tập thơ, văn chữ Hán được biên soạn. "Dongmunseon" (Đông văn tuyển) là tập sách tuyển chọn những bài thơ văn nổi tiếng từ thời Tam Quốc cho đến thời điểm lúc bấy giờ đã ra đời trong bối cảnh như vậy.

2. Sự phát triển của phái Sarim (Sĩ lâm)

Tóm tắt

Phái Sarim là một thế lực bắt đầu bước lên vũ đài chính trị trung ương từ cuối thế kỷ 15. Họ là các gián quan chủ yếu tập trung lên án những việc làm sai lệch cơ bản về mặt chính trị của phái cựu thần (huân cựu). Do vậy, phái cựu thần đã tạo ra sự kiện Sahwa (Sĩ hoạ) giáng trả lại phái Sarim một đòn mạnh về mặt chính trị. Phái Sarim đã phải lánh về các vùng quê vừa tập trung sức lực vào việc nghiên cứu học thuật và giáo dục thế hệ sau bằng việc xây dựng các trường học và hương ước vừa xây dựng thế lực. Vì thế, đến nửa cuối thế kỷ XVI, phái Sarim đã lấy lại được vị trí của mình trên vũ đài chính trị trung ương.

Tại sao phái cựu thần và phái Sarim lại đối lập với nhau?

Sự xuất hiện của phái Sarim

Sau khi dựng nước, trong vòng khoảng 100 năm, vương triều Joseon đã tập trung toàn bộ sức lực vào việc gây dựng các rường mối của đất nước và công việc này được hoàn thành ở giai đoạn đầu bằng việc biên soạn bộ "Gyeongguk Daejeon". Nhưng bắt đầu từ cuối thế kỷ XV, phái Sarim bước lên vũ đài chính trị trung ương và bắt đầu đối lập lại với phái cựu thần của triều đình. Phái Sarim gồm những học giả Nho học không hợp tác với vương triều Joseon trong việc xây dựng đất nước mà lui về sống ở các vùng quê và tập trung vào việc nghiên cứu học thuật và giáo dục.

Vào thời kỳ này, để phục hồi lại nền chính trị Nho giáo một cách hợp lý và thoả đáng, vua Seongjong đã trọng dụng Gim Jong-jik (Kim Tông Trực) và các đệ tử của ông vốn là những người xuất thân từ phái Yeongnam (Lĩnh Nam) đang rất có uy tín trong dân chúng. Họ chủ yếu

được bố trí làm trong các cơ quan ngôn luận và đánh giá chính sách. Nhóm người này dần dần lớn mạnh thành một thế lực chính trị luôn công kích mạnh mẽ những sai phạm của phái cựu thần và đi đầu cho xu thế chính trị công luận. Chính điều này đã làm cho sự đấu tranh về mặt chính trị giữa hai phái dần dần trở nên sâu sắc.

Khi vua Seongjong, người luôn bảo trợ cho phái Sarim qua đời và Yeonsangun (Yến Sơn Quân) lên thay, phái cựu thần đã công kích lại phái Sarim bằng việc tạo ra sự kiện Muo Sahwa (Mậu Ngọ sĩ họa). Sự kiện này làm cho phái Sarim bị tổn thất nặng nề. Nhưng sau sự kiện Jungjong Banjeong (Trung Tông phản chính), phái Sarim lại được trọng dụng và với vai trò trung tâm của Jo Gwang-jo (Triệu Quang Tổ) họ dự định xây dựng một nền chính trị Nho giáo lý tưởng nhưng một lần nữa lại bị thất bại bởi nạn Sahwa do phái cựu thần gây ra. Nạn Sahwa cũng xảy ra trong họ ngoại của nhà vua làm cho sự hỗn loạn về chính trị lại càng trở nên trầm trọng.

Phái Sarim bị tổn thất rất lớn sau bốn lần thanh trừng nhưng họ không hoàn toàn tan rã mà phát triển từng bước trên cơ sở xây dựng hệ thống các hương ước và trường học ở các vùng quê.

Sự xuất hiện của các đảng phái chính trị

Vua Seonjo (Tuyên Tổ) sau khi lên ngôi đã trọng dụng những người nổi tiếng về nhân cách và đạo đức của phái Sarim và muốn đi theo một nền chính trị văn trị, vì thế phái Sarim đã được đặt ở vị trí chủ đạo trong nền chính trị này.

Nhưng ngay bên trong nội bộ của phái Sarim lại bắt đầu có sự phân chia hình thành nên hai đảng phái là Dongin (Đông Nhân) và Seoin (Tây Nhân). Sự phân chia này bắt nguồn từ sự đối lập về mặt chính trị xoay quanh các vấn đề bổ nhiệm chức quan Ijojeollang (Lại tào thuyên lang) chức quan có quyền về mặt nhân sự và vấn đề cắt đứt với các thế lực chính trị cũ. Đặc biệt, mặc dù chức quan Ijojeollang là một chức quan nhỏ nhưng lại có vai trò quan trọng trong việc tạo nên sức mạnh về công luận nên sự mâu thuẫn xoay quanh vấn đề này càng trở nên sâu

sắc.

Cơ sở để phái Sarim có thể đóng vai trò chủ đạo trong xã hội Joseon cuối thế kỷ XVI

Sự phát triển về nông nghiệp

Trong thời Joseon, nông nghiệp là cơ sở kinh tế quan trọng nhất. Việc tăng cường sức sản xuất nông nghiệp là việc làm cần thiết không chỉ để bảo đảm đời sống của nhân dân mà còn giữ vững ổn định quốc gia. Vì thế, nhà nước đã bỏ rất nhiều công sức vào việc tăng cường khai hoang, cải tạo, mở rộng đất nông nghiệp, nâng cao kỹ thuật nông nghiệp để nâng cao sản lượng. Những nỗ lực được thực hiện từ cuối thời Goryeo đến thời Joseon mới có được thành quả, đất nhàn rỗi (hưu nhàn pháp) theo phương pháp canh tác dài hạn đến thời kỳ này đã được khắc phục, đất trên toàn bộ lãnh thổ hầu như có thể đưa vào sử dụng thường xuyên.

Ở nhiều vùng nông thôn, người ta tiến hành trồng bông và phát triển ngành dệt. Những loại cây ăn quả và dược thảo cũng được trồng. Thêm vào đó, việc phát hành cuốn sách "Nongsajikseol" (Nông sự trực thuyết) đã góp phần phổ cập rộng rãi kỹ thuật canh tác nông nghiệp. Đặc biệt, kỹ thuật canh tác nông nghiệp mới trên ruộng nước của Trung Quốc cũng đã bắt đầu được truyền bá ở một bộ phận các vùng đất phía nam của Joseon. Cách trồng lúa theo phương pháp "di ương pháp" với nguyên lý cây giống con đem ươm trong vườn ươm sau đó mới chuyển ra trồng ngoài ruộng đã được tiến hành.

Nongsajikseol
(Nông sự trực thuyết)

Do sự gia tăng của sức sản xuất nông nghiệp, chợ là nơi để mua bán nông sản cũng được hình thành và đến cuối thế kỷ XVI chợ đã được phát triển rộng khắp trên cả nước. Lúc này, phái cựu thần lợi dụng quyền lực của mình đã thực hiện những việc làm trái pháp luật để làm tăng thêm tài sản của mình như cải tạo các vùng đất thấp ven biển, từ đó sở hữu những nông

trường rộng lớn với nhiều nô tỳ.

Việc phổ cập hương ước

Một bộ phận các sĩ đại phu tiến bộ là các địa chủ vừa và nhỏ đã không hợp tác với triều đình Joseon và về sống ở các vùng quê, tập trung vào việc nghiên cứu học vấn và giáo dục. Họ giúp đỡ cho các công việc hành chính trong vùng như tổ chức Yuhyangso (Lưu hương sở) giáo hóa người dân và tư vấn cho quan Suryeong.

Phái Sarim cũng rất quan tâm tới việc phổ biến hương ước. Vì thế, họ đã tổ chức dịch cuốn "Yeossi Hyangyak" (Lữ Thị hương ước) và phổ biến ra toàn quốc. Dần dần họ làm ra các hương ước phù hợp với tình hình thực tế của Joseon và thi hành theo các đơn vị hành chính như quận, huyện, làng. Bên cạnh đó họ cũng đã chú ý đến việc ổn định cuộc sống của nông dân nghèo, đưa vào trong hương ước phương thức hoạt động cuả gye (khế), một hình thức vốn được tạo ra và tiến hành một cách tự phát ở làng xã.

Sự phát triển của trương phai Seongnihak

Vương triều Joseon coi Seongnihak là quan niệm thống trị và là nguyên lý cơ bản cấu thành nên sự vật và thế chế. Những học giả tiêu biểu thúc đẩy sự phát triển của Seongnihak là I Hwang (Lý Hoàng) và I I (Lý Nhĩ).

Phái Sarim chú yếu học tập và nghiên cứu Seongnihak. Họ coi Phật giáo cùng các tư tưởng khác là dị giáo và có thái độ bài kích, phủ nhận triệt để. Đối với họ, hai khái niệm "Trung" và "Hiếu" là quan trọng nhất và khuyến khích nhân dân làm theo điều đó. Họ còn cho

Yulgok I I (Lật Cốc Ly Nhĩ)

Toegye I Hwang
(Thối Khê Ly Hoàng)

phổ biến rộng rãi cuốn "Sohak" (Tiểu học) – là cuốn sách giáo khoa nói về luân lý của Seongnihak.

Bên cạnh đó, phái Sarim xây dựng các trường học, Seowon (thư viện), đề cao những nhà Nho có phẩm chất đạo đức tốt và dạy dỗ cho con em của tầng lớp cai trị địa phương. Trường học đầu tiên là trường "Baekundong Seowon" (Bạch Vân động thư viện), được Phong Cơ quận thú Ju Se-bung (Chu Thế Băng) xây dựng để thờ An Hyang (An Hướng) và để giáo dục cho thế hệ sau. Sau này, theo đề nghị của I Hwang, nhà vua đã ban cho trường học này bức hoành phi "Thiệu Tu thư viện". Những trường học như vậy đã có rất nhiều đặc quyền như: được nhà nước cấp đất, có nô tỳ và thư tịch đồng thời được miễn thuế hoàn toàn.

Sau này, các thư viện được mở rộng ra trên phạm vi toàn quốc với trung tâm là vùng Yeongnam (Lĩnh Nam). Những trường học này tập trung chủ yếu vào việc phát triển giáo dục và học vấn, mặt khác chúng cũng trở thành cơ sở để thúc đẩy sự đoàn kết trong bản thân đảng phái đó và đóng vai trò trung tâm trong việc mở rộng đảng phái chính trị.

3. Đấu tranh chống sự xâm lăng của người Wae (Nhật) và người Hồ

Tóm tắt

Imjinwaeran (Nhâm Thìn Oa loạn) là loạn cuộc xâm lược của người Nhật gây ra đối với người Joseon. Nhưng nhờ có thắng lợi của thuỷ quân và sự xuất sắc của nghĩa binh, trong bảy năm, vương triều Joseon đã đẩy lui được quân Nhật ra khỏi bờ cõi. Vào thời Gwanghaegun (Quang Hải quân), vương triều Joseon sử dụng chính sách ngoại giao trung lập giữa nhà Minh và nhà hậu Kim để phù hợp với sự biến đổi của tình thế bên ngoài. Trung Quốc đang trong giai đoạn quá độ giữa nhà Minh và nhà Thanh. Nhưng đến thời vua Injo (Nhân Tổ), do có chính sách thân Minh bài Kim, Joseon lại vấp phải sự xâm lược lần thứ hai của giặc Hồ. Sau lần này, triều đình xúc tiến đợt vận động Bắc phạt nhưng cuối cùng cũng đã không thể thực hiện được.

Vương triều Joseon đã chống lại sự xâm lược của người Wae như thế nào?

Sự xâm lược của người Wae

Vào cuối thế kỷ XVI, ở Triều Tiên, xã hội yangban chia rẽ, chế độ quân địch hỗn loạn khiến cho sức mạnh quốc phòng của Triều Tiên suy yếu. Trong khi đó, tình hình chính trị quốc tế ở khu vực Đông Á đang có những biến chuyển mạnh mẽ.

Ở Trung Quốc đại lục, tộc người Yeojin lại nổi dậy và ngày càng lớn mạnh. Trong khi đó, ở Nhật Bản, Toyotomi Hideyoshi (Phong Thần Tú Cát) đã dẹp yên sự hỗn loạn kéo dài trong suốt hơn 100 năm, đưa Nhật Bản vào thời kỳ thống nhất. Để hướng sự quan tâm của lực lượng chống đối ra bên ngoài và để thoả mãn tham vọng tiến vào đại lục của mình,

Toyotomi quyết định xâm chiếm Joseon.

Nhật Bản đã trang bị cho quân đội súng được du nhập từ phương Tây và chuẩn bị rất kỹ cho cuộc xâm lược. Sau đó, Nhật Bản yêu cầu Joseon cho mượn đường để tiến sang chinh phục nhà Minh và đã xuất 200.000 binh lính tới Joseon. Người ta gọi đây là sự kiện Imjinwaeran (Nhâm Thìn Oa loạn) ở Joseon.

Tháng 4-1592, quân Nhật sau khi cập vào vùng Busan đã chia làm ba mũi tiến lên phía Bắc. Chính quyền Joseon đã tổ chức phòng ngự ở vùng Chungju (Trung Châu) nhưng bị thất bại nên ngay khi quân Nhật tiến đến gần Hanyang, nhà vua đã phải rời bỏ kinh đô và lánh nạn đến vùng Uiju (Nghĩa Châu). Quân Nhật tiến lên đến tận vùng Pyeongyang và Hamgyeong-do, đặt toàn bộ bán đảo Hàn dưới quyền kiểm soát của mình.

Thuỷ quân và nghĩa binh

Khác với tình hình trong lục địa, trên mặt trận biển, quân Nhật đã chịu những thất bại nặng nề ở nhiều nơi. Thuỷ quân dưới sự lãnh đạo của tướng I Sun-sin (Lý Thuấn Thần) đã đưa thuyền con rùa (Geobukseon) ra giao chiến và giành thắng lợi đầu tiên ở Okpo (Ngọc Phủ), sau đó là chiến thắng ở các vùng biển Sacheon (Tứ Xuyên), Dangpo (Đường Phủ), Hansan-do (Nhân Sơn đảo) ...

I Sun-sin (Lý Thuấn Thần)

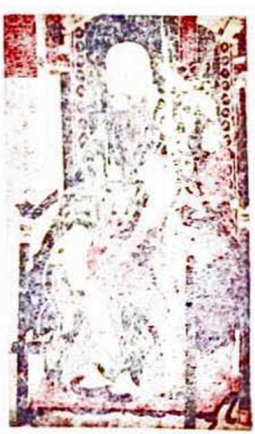

Tư Minh đại sư Yujeong (Duy Chính)

Với sự xuất sắc của thuỷ quân, Joseon đã giành được quyền làm chủ trên lãnh hải của mình, ngăn chặn được đường tiến công của quân Nhật, giữ được vùng vựa lúa Jeolla-do và vùng biển Hwanghae.

Cùng với thắng lợi của thuỷ

quân trên biển, ở các vùng trên toàn đất nước, phong trào nghĩa binh cũng nổi lên nhằm mục đích đấu tranh để giữ gìn vùng đất của mình và cứu nguy cho đất nước.

Nghĩa binh thông thạo địa hình nên họ đã vạch ra các chiến thuật và chiến lược phù hợp, vì thế, tuy số lượng quân ít ỏi nhưng các nghĩa binh cũng đã gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Phong trào nghĩa binh đầu tiên nổi lên ở Gyeongsang-do (Khanh Thượng đạo) nhờ công của Gwak Jae-u (Quách Tai Hựu). Sau đó, tại các vùng khác cũng xuất hiện nhiều nghĩa binh tiêu biểu như: Jo Heon (Triệu Hiến), Go Gyeong-myeong (Cao Kính Mệnh), Jeong Mun-bu (Trịnh Văn Phu), Yujeong (Duy Chính – hay còn được gọi là Tứ Minh đại sư) ...

Chống lại sự xâm lược của người Nhật

Trong lúc thuỷ quân đang giành được chiến thắng và hoạt động của phong trào nghĩa binh được phát triển nhanh chóng thì quân chi viện của nhà Minh tới và triều đình Joseon bắt đầu tổ chức phản công lại quân Nhật. Lúc này, Gim Si-min (Kim Thời Mẫn) ở Jinju (Trấn Châu), Gwon Yul (Quyền Lật) ở Haengju Sanseong (thành Hạnh Châu Sơn) đã giành thắng lợi to lớn.

Quân Nhật lúc này đã bị đẩy lùi đến vùng biển Gyeongsang-do. Trước tình hình chiến sự như vậy, quân Nhật đã đề nghị đình chiến để chấn chỉnh lại vùng chiến tuyến. Nhưng khi việc đàm phán kéo dài trong vòng 3 năm bị thất

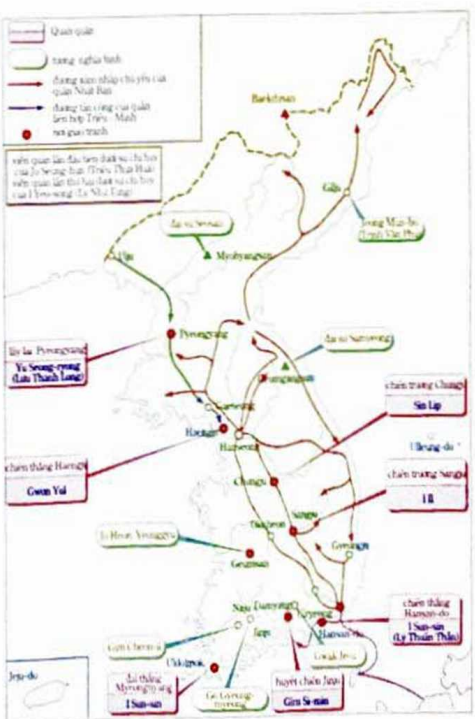

Hoạt động của quan quân và nghĩa binh

bại, quân Nhật lại bắt đầu tấn công.

Khác với năm Nhâm Thìn, lần này quân Joseon được trang bị kỹ càng cộng với sự phối hợp của quân nhà Minh nên đã đuổi được quân Nhật ra khỏi bờ cõi một cách dễ dàng. Thêm vào đó, tướng I Sun-sin được vương triều Joseon trọng dụng sau một thời gian bị thất sủng đã làm nên một cuộc đại phá quân Nhật ở Myeongnyang (Minh Lương). Cuối cùng, Toyotomi chết, tình hình trở nên rối loạn và quân Nhật bắt đầu rút quân ra khỏi Joseon. Trong khi tiêu diệt quân Nhật thất trận ở Noryang (Lô Lương), tướng I Sun-sin đã bị trúng đạn và hy sinh oanh liệt. Cuộc chiến tranh kéo dài bảy năm đến thời điểm này hoàn toàn kết thúc.

Hậu quả của sự xâm lược của người Nhật

Sau bảy năm chiến tranh, ý đồ xâm lược của người Nhật đã bị phá sản. Người Nhật đã không khuất phục được Joseon và cũng không lấy được đất của người Joseon. Nhưng Joseon cũng là nước chịu nhiều thiệt hại nhất trong cuộc chiến tranh này.

Đất đai trên toàn quốc bị bỏ hoang, đất có thể canh tác giảm xuống còn 1/3 so với trước chiến tranh, dân số giảm mạnh. Trong chiến tranh, có rất nhiều người bị bắt làm tù binh sang Nhật Bản, một số khác thì bị các thương nhân Bồ Đào Nha bán sang châu Âu làm nô lệ. Thêm vào đó, các văn tự về nô tỳ bị cháy trong chiến tranh làm uy tín của yangban bị suy giảm, hệ thống địa vị xã hội bị lung lay.

Những tổn thất về văn hoá của Joseon là rất lớn. Cung điện Gyeongbok (Cung Cảnh Phúc), chùa Bulguk (chùa Phật Quốc), sử khố ... bị đốt cháy, những sản phẩm văn hoá như: những bản in, thư tịch, đồ gốm, tranh ... cũng bị người Nhật cướp đi.

Cuộc chiến năm Nhâm Thìn không chỉ có Joseon mà cả Nhật Bản và Trung Quốc cũng chịu những tổn thất nặng nề. Tại Nhật Bản, chính quyền bị thay đổi. Nhà Minh sau chiến tranh trở nên suy yếu và cuối cùng bị mất quyền cai trị đất nước vào tay người Yeojin ở Manju. Song, việc các văn vật tân tiến và sản phẩm văn hoá của Joseon được mang

sang Nhật Bản cũng đã đóng góp vào sự phát triển của văn hoá Nhật Bản sau này.

Đặc phái thông tín sứ

Tranh vẽ đoàn thông tín sứ

Sau chiến tranh, Nhật Bản đã cử sứ thần đến Joseon và yêu cầu thiết lập mối quan hệ giao hảo giữa hai nước. Vì vậy, Joseon đã thiết lập lại quan hệ ngoại giao với Nhật Bản, cử tăng lữ Yujeong (Duy Chính) sang Nhật Bản đưa những người Joseon bị bắt làm tù binh trở về nước. Nhưng phía Joseon cấm không cho sứ thần của Nhật Bản vào kinh đô mà chỉ cho phép họ xem xét công việc ở Waegwan (Oa Quán), Dongnae (Đông Lai) rồi trở về nước. Trong khi đó, thông tín sứ của Joseon đã có thể sang tận Edo (Giang Hộ), hiện nay là Tokyo (Đông Kinh) – của Nhật Bản để thực hiện các hoạt động ngoại giao tích cực của mình.

Thông tín sứ Joseon nhận các yêu cầu của phía Nhật Bản và khi đi lại trên đất Nhật họ đã nhận được sự đón tiếp rất thân thiện, đồng thời họ cũng đóng góp rất nhiều cho sự phát triển văn hoá của Nhật Bản. Thậm chí đến mức sau mỗi lần thông tín sứ Joseon quay trở về nước thì ở Nhật Bản, văn hoá và phong tục của Joseon lại được phổ biến rộng rãi. Nhưng sau này, những ý kiến phản đối thông tín sứ Joseon trong người Nhật ngày càng nhiều nên đến đầu thế kỷ 19, sau hơn 200 năm duy trì, việc cử thông tín sứ sang Nhật Bản của Joseon bị chấm dứt.

Tại sao Gwanghaegun (Quang Hải Quân) lại áp dụng chính sách ngoại giao trung lập?

Tình hình Đông Á

Sau khi nước Kim bị quân Mông Cổ tấn công và diệt vong, tộc người Yeojin tràn xuống và sinh sống ở vùng Manju. Tộc người Yeojin lúc này vẫn chưa hình thành được sức mạnh thống nhất nên đã thiết lập mối quan hệ phục tùng và phụ thuộc vào Joseon và nhà Minh. Nurhaci (Nô Nhi Cáp Xích) dần dần bắt đầu tổ chức tập hợp dân tộc Yeojin lại và đến cuối thế kỷ XVI thì thống nhất được tộc người này. Bước vào đầu thế kỷ XVII, ngay sau khi tộc người Yeojin trở nên mạnh hơn trong khi sức mạnh của nhà Minh ngày càng suy yếu, Nurhaci đã xây dựng nên một quốc gia mới, đối kháng với nhà Minh.

Chính sách ngoại giao trung lập của Gwanghaegun (Quang Hải Quân)

Là người nối ngôi Seonjo (Tuyên Tổ), Gwanghaegun đã nỗ lực giải quyết những hậu quả của chiến tranh. Trước tiên, ông cho làm mới sổ sách về đất đai và hộ tịch, bảo đảm nguồn thu nhập tài chính quốc gia và xây dựng lại những ngành nghề đã bị thiệt hại trong chiến tranh. Ông cũng quan tâm đến vấn đề quốc phòng như cho sửa chữa lại thành quách, vũ khí, huấn luyện quân đội ... Đồng thời, ông cũng cho Heo Jun (Hứa Tuân) xuất bản cuốn sách "Donguibogam" (Đông y bảo giám) nhằm lưu giữ lại những kinh nghiệm về những bệnh tật lan tràn làm thiệt hại nhiều sinh mạng đã xảy ra trong thời kỳ chiến tranh, loạn lạc.

Gwanghaegun nhận biết được tình hình đã thay đổi, nhà Minh đang yếu đi trong khi tộc người Yeojin ở phương Bắc đang lớn mạnh, nên đã thực thi một chính sách đối ngoại thận trọng. Tộc người Yeojin đã lập nên nhà nước Hậu Kim, uy hiếp đến sự tồn vong của nhà Minh và để đề phòng cho điều này, nhà Minh đã yêu cầu Joseon xuất binh.

Vương triều Joseon đã nhận được sự giúp đỡ của nhà Minh trong

chiến tranh chống lại người Nhật nên rất khó có thể từ chối được yêu cầu này. Nhưng Gwanghaegun nhận thấy việc tạo mối quan hệ thù địch với nhà nước Hậu Kim mới nổi lên vào lúc này không phải là kế sách hay nên sau khi lệnh cho Gang Hong-lip (Khương Hoằng Lập) xuất binh ông đã cho tiến hành chính sách ngoại giao mềm dẻo tùy theo sự biến đổi của tình hình. Dưới thời Gwanghaegun, với chính sách ngoại giao trung lập như vậy, Joseon đã tránh được nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.

Lúc bấy giờ, một bộ phận của phái Sarim đưa vấn đề danh phận và đạo nghĩa của nhà Minh ra để phê phán chính sách ngoại giao của Gwanghaegun. Thêm vào đó, Gwanghaegun và chính quyền Bukin (Bắc nhân) vì muốn bảo đảm sự ổn định về mặt quyền lực nên đã thực hiện những việc đi ngược với luân lý Nho giáo và gây tiếng xấu về mặt đạo đức như đã giết Yeongchang Daegun (Vĩnh Xương đại quân) và phế bỏ Inmok Daebi (Nhân Mục đại phi). Sau này, Gwanghaegun bị mất ngôi bởi sự tạo phản của những người thuộc phái Seoin (Tây nhân) với sự kiện Injo Banjeong (Nhân Tổ phản chính).

Nguyên nhân của việc xúc tiến phong trào Bắc phạt sau sự kiện Byeongjahoran (Bính Tý Hồ loạn – Cuộc xâm lược của người Hồ năm Bính Tý)

Byeongjahoran

Khác với thời Gwanghaegun, chính quyền Seoin trong thời vua Injo (Nhân Tổ) có chính sách thân với nhà Minh và bài xích Hậu Kim, tạo nên sự đề phòng của Hậu Kim đối với Joseon. Cuối cùng, ngay khi trong nội bộ Joseon có cuộc nổi loạn của I Gwal (Lý Quát) làm cho tình hình xã hội trở nên rối loạn, quân Hậu Kim đã nhân cơ hội này vượt qua sông Amnok, kéo xuống tận vùng Hwanghae-do (Hoàng Hải đạo) tạo nên sự kiện Jeongmyohoran (Đinh Mão Hồ loạn) năm 1627. Nhưng lúc đó, do binh lực của Hậu Kim không mạnh đến mức có thể chinh phục được Joseon nên đã phải lập hòa nghị tạm thời và kéo quân về nước.

Sau đó, nước Hậu Kim ngày một lớn mạnh, đổi quốc hiệu là Thanh và

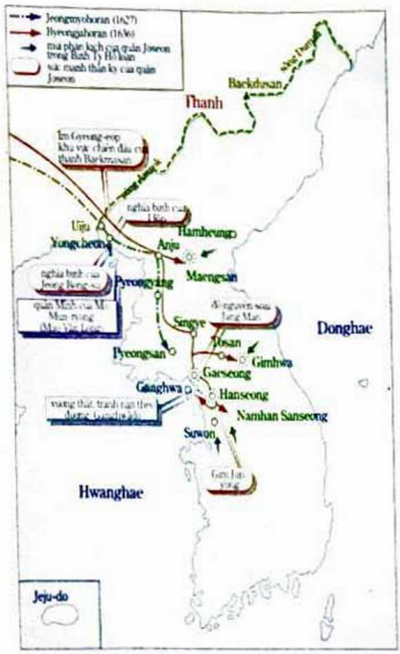

Jeongmyohoran (Đinh Mão Hồ loạn) và Byeongjahoran (Bính Tý Hồ loạn).

gây sức ép đòi Joseon phải thực hiện quan hệ chư hầu với nhà Thanh. Khi triều đình Joseon từ chối yêu cầu đó, vua Taejong (Thái Tông) của nhà Thanh đã huy động 100.000 quân kéo xuống tiến đánh Joseon gây nên cuộc xâm lược của người Hồ vào năm Bính Tý (Byeongjahoran - Bính Tý Hồ loạn). Ngay khi quân Thanh tiến vào đánh chiếm Hanyang, vua Injo và các hạ thần đã lui tới Namhan Sanseong (Nam Hán Sơn thành) và chiến đấu suốt 45 ngày đêm nhưng cuối cùng phải chấp nhận yêu cầu của nhà Thanh và đồng ý nghị hoà một cách bất bình đẳng.

So với cuộc chiến tranh với người Nhật, cuộc chiến tranh với người Hồ tuy ngắn hơn nhưng những tổn thất ở vùng Tây Bắc hoàn toàn không nhỏ. Đặc biệt, những tổn hại của tầng lớp sĩ đại phu Joseon là không thể xoá được trong cả một quãng thời gian dài.

Phong trào Bắc phạt

Nhà nước Joseon từ quan lại tới dân chúng với những tổn thất to lớn trong hai cuộc chiến tranh như vậy đều dấy lên ý chí phục thù và đối địch với người Hồ. Vì thế, ở Joseon đã xuất hiện chủ trương Bắc phạt đòi trả thù sau thất bại với người Hồ.

Đặc biệt, vua Hyojong (Hiếu Tông) - người đã từng bị bắt làm con tin ở triều đình nhà Thanh - đã coi mục tiêu Bắc phạt là chính sách quan trọng nhất. Vua Hyojong đã cùng với Song Si-yeol (Tông Thời Liệt) và I Wan (Lý Hoàn) ... tập trung sửa sang lại Nam Hán Sơn thành, Bắc Hán Sơn thành và huấn luyện cho binh sĩ nhưng đã không thể thực hiện chủ trương Bắc phạt. Bởi vì lúc này, nhà Thanh đang một mặt vừa đàn áp

sự phản kháng của người Hán mặt khác vừa tăng cường sự thống trị ở Trung Quốc nên đang duy trì một sức mạnh quân sự rất lớn.

Vương triều Joseon sau đó không thể không giữ mối quan hệ với nhà Thanh đang nổi lên như một cường quốc. Theo đó, sự giao lưu về mặt kinh tế lẫn văn hoá cũng trở nên thường xuyên hơn. Đến cuối thế kỷ XVIII, chủ trương phải tiếp nhận nền văn hoá phát triển của nhà Thanh dần dần cũng trở nên có sức thuyết phục tại Joseon.

Vào thời điểm này, khi người Nga xâm phạm vào vùng phụ cận sông Hắc Long nằm ở phía Bắc Manju, nhà Thanh đã yêu cầu Joseon gửi quân chi viện. Vì thế, vương triều Joseon lần thứ hai đã phải điều động quân tham chiến và giành được chiến thắng.

Tại sao Gwanghaegun (Quang Hải Quân) lại áp dụng chính sách ngoại giao trung lập?

Tình hình Đông Á

Sau khi nước Kim bị quân Mông Cổ tấn công và diệt vong, tộc người Yeojin tràn xuống và sinh sống ở vùng Manju. Tộc người Yeojin lúc này vẫn chưa hình thành được sức mạnh thống nhất nên đã thiết lập mối quan hệ phục tùng và phụ thuộc vào Joseon và nhà Minh. Nurhaci (Nô Nhi Cáp Xích) dần dần bắt đầu tổ chức tập hợp dân tộc Yeojin lại và đến cuối thế kỷ XVI thì thống nhất được tộc người này. Bước vào đầu thế kỷ XVII, ngay sau khi tộc người Yeojin trở nên mạnh hơn trong khi sức mạnh của nhà Minh ngày càng suy yếu, Nurhaci đã xây dựng nên một quốc gia mới, đối kháng với nhà Minh.

Chính sách ngoại giao trung lập của Gwanghaegun (Quang Hải Quân)

Là người nối ngôi Seonjo (Tuyên Tổ), Gwanghaegun đã nỗ lực giải quyết những hậu quả của chiến tranh. Trước tiên, ông cho làm mới sổ sách về đất đai và hộ tịch, bảo đảm nguồn thu nhập tài chính quốc gia và xây dựng lại những ngành nghề đã bị thiệt hại trong chiến tranh. Ông cũng quan tâm đến vấn đề quốc phòng như cho sửa chữa lại thành quách, vũ khí, huấn luyện quân đội ... Đồng thời, ông cũng cho Heo Jun (Hứa Tuân) xuất bản cuốn sách "Donguibogam" (Đông y bảo giám) nhằm lưu giữ lại những kinh nghiệm về những bệnh tật lan tràn làm thiệt hại nhiều sinh mạng đã xảy ra trong thời kỳ chiến tranh, loạn lạc.

Gwanghaegun nhận biết được tình hình đã thay đổi, nhà Minh đang yếu đi trong khi tộc người Yeojin ở phương Bắc đang lớn mạnh, nên đã thực thi một chính sách đối ngoại thận trọng. Tộc người Yeojin đã lập nên nhà nước Hậu Kim, uy hiếp đến sự tồn vong của nhà Minh và để đề phòng cho điều này, nhà Minh đã yêu cầu Joseon xuất binh.

Vương triều Joseon đã nhận được sự giúp đỡ của nhà Minh trong

chiến tranh chống lại người Nhật nên rất khó có thể từ chối được yêu cầu này. Nhưng Gwanghaegun nhận thấy việc tạo mối quan hệ thù địch với nhà nước Hậu Kim mới nổi lên vào lúc này không phải là kế sách hay nên sau khi lệnh cho Gang Hong-lip (Khương Hoằng Lập) xuất binh ông đã cho tiến hành chính sách ngoại giao mềm dẻo tùy theo sự biến đổi của tình hình. Dưới thời Gwanghaegun, với chính sách ngoại giao trung lập như vậy, Joseon đã tránh được nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.

Lúc bấy giờ, một bộ phận của phái Sarim đưa vấn đề danh phận và đạo nghĩa của nhà Minh ra để phê phán chính sách ngoại giao của Gwanghaegun. Thêm vào đó, Gwanghaegun và chính quyền Bukin (Bắc nhân) vì muốn bảo đảm sự ổn định về mặt quyền lực nên đã thực hiện những việc đi ngược với luân lý Nho giáo và gây tiếng xấu về mặt đạo đức như đã giết Yeongchang Daegun (Vĩnh Xương đại quân) và phế bỏ Inmok Daebi (Nhân Mục đại phi). Sau này, Gwanghaegun bị mất ngôi bởi sự tạo phản của những người thuộc phái Seoin (Tây nhân) với sự kiện Injo Banjeong (Nhân Tổ phản chính).

Nguyên nhân của việc xúc tiến phong trao Bắc phạt sau sự kiện Byeongjahoran (Bính Tý Hồ loạn – Cuộc xâm lược của người Hồ năm Bính Tý)

Byeongjahoran

Khác với thời Gwanghaegun, chính quyền Seoin trong thời vua Injo (Nhân Tổ) có chính sách thân với nhà Minh và bài xích Hậu Kim, tạo nên sự đề phòng của Hậu Kim đối với Joseon. Cuối cùng, ngay khi trong nội bộ Joseon có cuộc nổi loạn của I Gwal (Lý Quát) làm cho tình hình xã hội trở nên rối loạn, quân Hậu Kim đã nhân cơ hội này vượt qua sông Amnok, kéo xuống tận vùng Hwanghae-do (Hoàng Hải đạo) tạo nên sự kiện Jeongmyohoran (Đinh Mão Hồ loạn) năm 1627. Nhưng lúc đó, do binh lực của Hậu Kim không mạnh đến mức có thể chinh phục được Joseon nên đã phải lập hòa nghị tạm thời và kéo quân về nước.

Sau đó, nước Hậu Kim ngày một lớn mạnh, đổi quốc hiệu là Thanh và

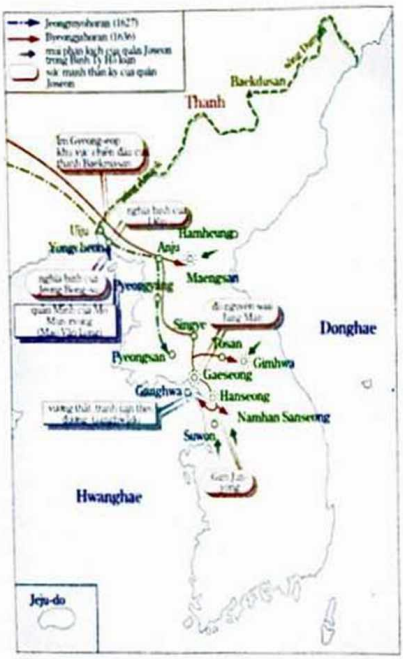

Jeongmyohoran (Đinh Mão Hồ loạn) và Byeongjahoran (Bính Tý Hồ loạn).

gây sức ép đòi Joseon phải thực hiện quan hệ chư hầu với nhà Thanh. Khi triều đình Joseon từ chối yêu cầu đó, vua Taejong (Thái Tông) của nhà Thanh đã huy động 100.000 quân kéo xuống tiến đánh Joseon gây nên cuộc xâm lược của người Hồ vào năm Bính Tý (Byeongjahoran - Bính Tý Hồ loạn). Ngay khi quân Thanh tiến vào đánh chiếm Hanyang, vua Injo và các hạ thần đã lui tới Namhan Sanseong (Nam Hán Sơn thành) và chiến đấu suốt 45 ngày đêm nhưng cuối cùng phải chấp nhận yêu cầu của nhà Thanh và đồng ý nghị hoà một cách bất bình đẳng.

So với cuộc chiến tranh với người Nhật, cuộc chiến tranh với người Hồ tuy ngắn hơn nhưng những tổn thất ở vùng Tây Bắc hoàn toàn không nhỏ. Đặc biệt, những tổn hại của tầng lớp sĩ đại phu Joseon là không thể xoá được trong cả một quãng thời gian dài.

Phong trào Bắc phạt

Nhà nước Joseon từ quan lại tới dân chúng với những tổn thất to lớn trong hai cuộc chiến tranh như vậy đều dấy lên ý chí phục thù và đối địch với người Hồ. Vì thế, ở Joseon đã xuất hiện chủ trương Bắc phạt đòi trả thù sau thất bại với người Hồ.

Đặc biệt, vua Hyojong (Hiếu Tông) - người đã từng bị bắt làm con tin ở triều đình nhà Thanh - đã coi mục tiêu Bắc phạt là chính sách quan trọng nhất. Vua Hyojong đã cùng với Song Si-yeol (Tống Thời Liệt) và I Wan (Lý Hoàn) ... tập trung sửa sang lại Nam Hán Sơn thành, Bắc Hán Sơn thành và huấn luyện cho binh sĩ nhưng đã không thể thực hiện chủ trương Bắc phạt. Bởi vì lúc này, nhà Thanh đang một mặt vừa đàn áp

sự phản kháng của người Hán mặt khác vừa tăng cường sự thống trị ở Trung Quốc nên đang duy trì một sức mạnh quân sự rất lớn.

Vương triều Joseon sau đó không thể không giữ mối quan hệ với nhà Thanh đang nổi lên như một cường quốc. Theo đó, sự giao lưu về mặt kinh tế lẫn văn hoá cũng trở nên thường xuyên hơn. Đến cuối thế kỷ XVIII, chủ trương phải tiếp nhận nền văn hoá phát triển của nhà Thanh dần dần cũng trở nên có sức thuyết phục tại Joseon.

Vào thời điểm này, khi người Nga xâm phạm vào vùng phụ cận sông Hắc Long nằm ở phía Bắc Manju, nhà Thanh đã yêu cầu Joseon gửi quân chi viện. Vì thế, vương triều Joseon lần thứ hai đã phải điều động quân tham chiến và giành được chiến thắng.

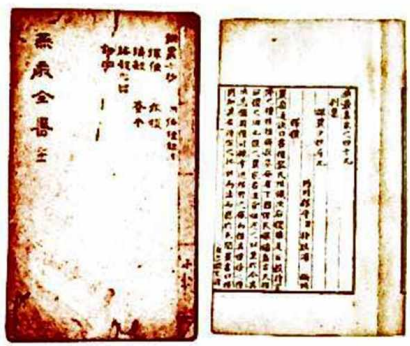

VI. Những biến động của xã hội Joseon

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
	1677	Nhà Mạc ở Cao Bằng sụp đổ	
	1698	Hợp nhất Biên Hoa và Gia Định	
Thực hiện Daedongbeop (luật Đại đồng) trên toàn quốc	1708		
Xây dựng cột mốc biên giới Baekdusan (núi Bạch Thủ)	1712		
Thực hiện Tangpyeongchaek (chính sách Đàng Bình)	1725		
Thực hiện Gyunyeokbeop (luật quân dịch)	1750		Cuộc cách mạng công nghiệp bắt đầu ở Anh
	1762		Rousseau (Pháp) hoàn thành cuốn "Khế ước xã hội"
	1765		James Watt phát minh máy hơi nước
	1771	Bắt đầu phong trào Tây Sơn	
Xây dựng Gyujanggak (Khuê Chương Các)	1776		Tuyên ngôn độc lập của Mỹ được ký ở Philadenphia
	1782	Nguyễn Nhạc lên làm vua	Thai Lan: Thành lập triều đại Chakri và xây dựng thủ đô Bangkok
I Seung-hun (Lý Thừa Huân) truyền đạo Thiên chua Cảm Tây học	1784		Thành lập triều đại Kajar ở Batư
	1786	Nguyễn Huệ vào thành Thăng Long	Anh bắt đầu thống trị bán đảo Malay
	1788	Nguyễn Huệ lên ngôi vua, lấy hiệu Quang Trung	Hiến pháp Mỹ được phê chuẩn
	1789	Quang Trung hoàng đế đại pha quân Thanh	Cách mạng Pháp, tuyên ngôn nhân quyền Washington trở thành tổng thống Mỹ đầu tiên
	1792	Hoàng đế Quang Trung băng hà	
	1802	Nguyễn Ánh chiếm thanh Thăng Long	John Dalton giới thiệu lý thuyết nguyên tử vào hoá học
	1802~1945	Vương triều nhà Nguyễn	
	1804	Nhà Nguyễn, lấy quốc hiệu là Việt Nam	Napoleon I trở thành hoàng đế Pháp
Cuộc nổi dậy của Hong Gyeong-lae (Hồng Cảnh Lai)	1811		Bắt đầu triều đại của Mohammed Ali ở Ai Cập
	1820~1840	Thời kỳ trị vì của vua Minh Mạng	
	1825	Vua Minh Mạng đàn áp Kitô giáo	Bolivia đành được độc lập
	1840~1842		Nhà Thanh - Anh quốc, chiến tranh thuốc phiện
	1850		Trung Quốc: phong trào Thái Bình Thiên Quốc
	1858	Quân Pháp đánh chiếm Đà Nẵng	
	1859	Quân Pháp đánh chiếm Gia Định	De Lesseps bắt đầu đào kênh Suez Darwin xuất bản cuốn "Nguồn gốc giống loài"
Choe Jae-u sáng lập ra Donghak (Đông học)	1860		Điều ước Bắc Kinh
	1861~1865		Mỹ: nội chiến Nam - Bắc
Phong trào nông dân Jinju (Tấn Châu)	1862	Pháp đánh 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Hiệp ước Nhâm Tuất	Bismarck trở thành thủ tướng Đức và lập ra đế quốc Đức

1. Nền chính trị Bungdang (Bằng Đảng) và Tangpyeongchaek (Đãng Bình sách)

Tóm tắt

Vào thời vua Yeongjo (Anh Tổ) và vua Jeongjo (Chính Tổ), để có thể ngăn cản những mặt trái của nền chính trị Bungdang, vương triều Joseon đã thực hiện Tangpyeongchaek (chính sách Đãng Bình) và nhiều cải cách khác. Với nền chính trị được cải cách như vậy, dưới thời vua Yeongjo và Jeongjo, ở mức độ nào đó, xã hội cũng đã được ổn định, kinh tế phát triển và nền văn hoá văn minh cũng có những nét mới mẻ hơn. Ở thời kỳ này, các học giả phái Silhak đã đưa ra nhiều phương án nhằm ổn định cuộc sống của nhân dân, xây dựng đất nước.

Quá trình phát triển của nền chính trị đảng phái Bungdang

Sự vận động của nền chính trị Bungdang

Phái Sarim coi trọng công luận hơn bất tất cả và việc tạo nên các cuộc tranh luận đã đưa cơ quan ngôn luận lên vị trí trung tâm. Những quan lại Samsa lấy Hongmungwan làm trung tâm và đã tạo nên công luận chung thông qua việc thảo luận có phê bình trong tầng lớp sĩ phu ở mọi địa vị.

Lúc đầu, các đảng (được gọi là Bungdang) cố gắng thực hiện một nền chính trị đúng đắn và xây dựng những chính sách hợp lý trên cơ sở công nhận sự tồn tại và phản ánh của đảng đối lập. Theo đó, vào thời kỳ đầu của nền chính trị Bungdang, những phản ánh và kiến giải đều được sử dụng trong đảng cầm quyền và đã tạo nên một nền chính trị vững mạnh.

Do các Bungdang được hình thành trên cơ sở của các học phái và có liên quan chặt chẽ với các xu hướng học thuật nên các học phái càng đa

dạng thì các Bungdang xuất hiện càng nhiều. Từ đó, giữa các Bungdang nổ ra sự cạnh tranh về cả học thuật và chính trị. Chính trong quá trình này, nền chính trị Joseon thời hậu kỳ đã có được sự đổi mới mang tính chất bước ngoặt.

Bước triển khai của nền chính trị Bungdang

Sau cuộc chiến tranh với người Wae năm Nhâm Thìn, phái Bukin vốn là những người tham gia nhiệt tình vào hoạt động nghĩa binh đã nắm được quyền lực chính trị. Nhưng sau khi phái Bukin bị sụp đổ vối sự kiện Nhân Tổ phản chính mà phái Seoin tạo ra thì quyền lực chính trị lại chuyển theo hướng có sự tham gia của cả phái Namin (Nam nhân), trong đó ưu thế thuộc về phái Seoin.

Nền chính trị Bungdang được phát triển và cùng với nó cấu trúc chính trị cũng bị thay đổi. Vào thời vua Jungjong (Trung Tông), Bibyeonsa (Bị Biên Tư), vốn là cơ quan được thành lập để giải quyết các vấn đề quốc phòng, đã chiếm vị trí là công cụ chính trị tối cao từ cuối thế kỷ XVII cùng với sự phát triển của nền chính trị Bungdang. Với sự lớn mạnh của Bibyeonsa, chức năng của Uijeongbu bị suy giảm và quyền lực của nhà vua theo đó cũng bị thu hẹp lại.

Sự biến chất của nền chính trị đảng phái

Sự cạnh tranh giữa các Bungdang càng lớn thì nền chính trị Bungdang ngày càng trở nên biến chất. Thời vua Hyeonjong (Huyện Tông) xảy ra đến hai lần tranh cãi về lễ pháp xoay quanh chuyện tang phục của vương thất, thời vua Sukjong (Túc Tông) cũng đã phải trải qua nhiều lần thế cuộc đảo lộn, thậm chí còn xuất hiện cả hiện tượng phủ định sự tồn tại của các đảng phái đối lập. Như vậy, nền chính trị Bungdang giờ đây có xu hướng chỉ quan tâm đến lợi ích của đảng phái của mình hơn là dựa trên những lý lẽ và chủ trương thích hợp.

Từ cuối thế kỷ XVII, nền chính trị Bungdang biến thành cuộc đấu tranh chính trị khốc liệt nhằm nâng cao vị thế của Bungdang mình và đẩy các Bungdang đối lập ra khỏi vũ đài chính trị và cuối cùng đã hình

thành nên thể chế chuyên chế hoá của chính quyền phái Seoin. Như vậy, phái Namin đã bị suy yếu. Trong quá trình đấu tranh này, phái Seoin một lần nữa lại chia thành hai phái: Noron (Lão luận) và Soron (Thiếu luận). Trong đó, phái Noron chi phối chủ yếu nền chính trị nhưng rồi sau đó ngay trong phái này, một số ít các gia đình đặc biệt đã nổi lên trở thành trung tâm của đảng, dẫn đến sự hỗn loạn về mặt chính trị. Những gia đình này đã độc chiếm về mặt quyền lực và truyền lại theo hình thức thế tập làm cho nền chính trị phát triển theo hình thức tập quyền lâu dài.

Mục đích thực thi Tangpyeongchaek (sách lược Đăng Bình)

Tangpyeongnon (Đăng Bình thuyết)

Sự mâu thuẫn về mặt chính trị giữa các Bungdang càng sâu sắc thì trật tự chính trị càng trở nên hỗn loạn và quyền lực của nhà vua càng suy yếu. Vì thế, vua Sukjong lần đầu tiên đã đưa ra Tangpyeongchaek để điều chỉnh lại sự đối lập giữa hai phái Noron và Soron đang ngày càng trở nên sâu sắc. Tuy nhiên, do tình hình chính trị không thuận lợi nên chính sách này không thể thực hiện được.

Yeongjo (Anh Tổ)

Vua Yeongjo là vị vua đã được trực tiếp chứng kiến những mặt trái của nền chính trị Bungdang từ trước khi lên ngôi nên ngay sau khi nắm quyền ông đã cho rằng việc xoá bỏ sự đối lập giữa các Bungdang và tăng cường quyền lực của nhà vua là việc làm quan trọng nhất về mặt chính trị và ông đã cho thực hiện một cách cơ bản Tangpyeongchaek.

Vua Yeongjo bằng việc thực hiện Tangpyeongchaek đã sử dụng một cách công bằng người của mỗi đảng phái và tăng cường quyền lực của nhà vua. Tangpyeongchaek là chính sách được thực hiện nhằm duy trì sự quân bình và ngăn chặn sự mâu thuẫn, đối

lập sâu sắc giữa các đảng phái.

Việc thực thi Tangpyeongchaek

Thông qua việc điều chỉnh về mặt chính trị, vua Yeongjo chú trọng sử dụng những người có thái độ ôn hoà và thoả hiệp trong quan hệ giữa các đảng phái và tăng cường quyền lực của nhà vua. Đồng thời ông cũng cho xoá bỏ lệ quan Ijojeollang, vốn là chức quan đảm nhiệm về mặt nhân sự, tiến cử những người có quan hệ với bản thân nhằm xoá bỏ mặt trái của sự độc quyền một đảng.

Đầu tiên, vua Yeongjo làm rõ ý chí của mình là cương quyết không cho người sáng lập ra các đảng phái hoạt động chính trị vĩnh viễn và để ngăn chặn việc độc chiếm lâu dài của phái Noron, ông đã cho thực hiện Tangpyeongchaek theo hướng bãi chức những người có xu hướng cứng rắn và sử dụng một cách đồng đều những người theo chủ trương ôn hoà của phái Namin và phái Soron. Thêm vào đó, để phổ biến rộng rãi Tangpyeongchaek, ông cũng cho xây dựng Tangpyeongbi (Đảng Bình bia) ở Seonggyungwan với nội dung cấm các Bungdang đấu tranh với nhau.

Bằng việc thực hiện Tangpyeongchaek, những người của phái Soron và phái Namin đã được trọng dụng làm cho sự độc chiếm của phái Noron ở mức độ nào đó đã bị hạn chế, đồng thời làm cho việc tuyển chọn nhân sự không dựa vào đảng phái mà dựa trên khả năng trở nên khả thi hơn. Theo đó, quyền lực của nhà vua cũng được nâng cao.

Trên cơ sở quyền lực được mở rộng, vua Yeongjo thực hiện một loạt cải cách nhằm ổn định dân sinh và đẩy mạnh sản xuất. Trước tiên, để làm giảm gánh nặng quân dịch cho người dân, ông cho thi hành Gyunyeokbeop (Luật quân dịch) và cải cách nền tài chính quốc gia. Tiếp đó, ông cho giảm nhẹ các hình phạt, cấm các hình phạt quá nặng hoặc quá hà khắc và cho khôi phục lại hình thức khai báo để tránh cho người dân khai gặp phải những việc oan ức. Ông cũng cho biên soạn nhiều cuốn sách bổ sung thêm cho hệ thống văn hoá của quốc gia như: "Sok-Daejeon" (Tục đại điển), Sok-Oryeui" (Tục ngũ lễ nghĩa), "Dongguk Munheonbigo" (Đông

quốc văn hiến bị khảo).

Vua Jeongjo (Chính Tông) và Gyujanggak (Khuê Chương Các)

Là người nối ngôi vua Yeongjo, vua Jeongjo (Chính Tổ) cũng cho thực hiện Tangpyeongchaek.

Ngay sau khi nắm quyền, vua Jeongjo đã cho xây dựng Gyujanggak (Khuê Chương Các) để đào tạo nhân tài đồng thời coi đó là công cụ chính trị hỗ trợ cho các chính sách và quyền lực của bản thân. Tại Gyujanggak, người ta tập trung hàng vạn quyển sách nhằm giúp cho các học giả trẻ có thể nghiên cứu học vấn. Vì thế, dưới thời vua Jeongjo, Gyujanggak đã trở thành trung tâm chính trị và cải cách, thúc đẩy văn hoá văn nghệ.

Jeongjo Chính Tổ

Vua Jeongjo cho rằng việc điều hành quốc gia phải lấy quân chủ làm chủ đạo và để tăng thêm sức mạnh quyền lực của bản thân, song song với việc cai trị theo quan điểm văn trị ông đồng thời cũng đẩy mạnh sức mạnh quân sự một cách rất thực tế. Ông cho thành lập đội quân cận vệ lấy tên là Jangyongyeong (Trảng Dũng Doanh), cho xây dựng Hwaseong (Hoa thành) ở Suwon (Thuỷ Nguyên), phía Nam kinh thành và đặt doanh trại bên ngoài của Jangyongyeong ở

Toà nha Gyujanggak ở hậu uyên cung Changdeok thời vua Jeongjo

Suwon Hwaseong
(Hoa Thành – Thuỷ Nguyên)

đó.

Trên cơ sở quyền lực được tập trung, vua Jeongjo cho thực hiện rất nhiều chính sách để đẩy mạnh nền văn hoá, văn nghệ và ổn định đời sống của nhân dân.

Về mặt kinh tế, nông nghiệp được phát triển, thương nghiệp ngày càng hoạt động một cách tự do, việc khai thác khoáng sản cũng được mở rộng. Vì thế, ngành công thương nghiệp được phát triển rất mạnh, dân số ở kinh thành ngày càng đông, hình thành nên rất nhiều làng mới ở ngoài kinh thành, thuyền bè đi lại trên sông Hán trở nên tấp nập.

Về mặt văn hoá, rất nhiều sách được xuất bản trong thời kỳ này như: "Daejeontongpyeon" (đại điển thông biên), "Dongmunhwigo" (đồng văn vị khảo), "Takjiji" (Đạc chi chí), "Gyujangjeonun" (Khuê Chương toàn vận) ... Ngoài ra, ông còn nỗ lực cải thiện việc tổ chức và điều hành trên toàn xã hội như giảm sự phân biệt đối xử đối với con cái của các thê thiếp, vợ lẽ.

Với sự cải cách dưới thời vua Yeongjo và Jeongjo, chính trị xã hội đã tương đối được ổn định, cuộc sống của người dân cũng trở nên sung túc hơn.

Xã hội mà các học giả phái Silhak muốn xây dựng

Sự xuất hiện của phái Silhak

Bắt nguồn từ Trung Quốc, học thuyết Seongnihak được sử dụng như một nguyên lý phổ biến trong sinh hoạt, chính trị không chỉ ở xã hội Joseon mà còn ở các các nước Đông Á khác. Nhưng ở Joseon, từ các học giả cho đến các chính trị gia đều tin tưởng vào Seongnihak, cho rằng chỉ có Seongnihak là đúng còn tất cả các học phái khác đều sai và có xu hướng tuyệt đối hoá Seongnihak.

Sau hai cuộc chiến tranh với người Wae và người Hồ, bước sang nửa cuối thế kỷ XVII đã xuất hiện nhiều ý kiến xét lại về hoạt động học thuật mà Seongnihak coi là trọng tâm. Bởi vì, Seongnihak không thực hiện được vai trò của nó trong việc giải quyết những vấn đề khó khăn

của xã hội và chấn chỉnh lại xã hội đang hỗn loạn.

Vì thế, một bộ phận học giả đã phản đối Seongnihak ở việc Seongnihak chỉ quan tâm đến mặt lý thuyết và hình thức, không có tác động thiết thực trong việc giúp giải quyết những vấn đề khó khăn của xã hội thực tại và chủ trương cần phải nghiên cứu những học thuyết có tính thực tế.

Vào thời hậu kỳ Joseon, khi phái Noron nắm giữ quyền hành trong một thời gian dài, chính trị trung ương tập trung trong tay một vài gia đình của phái Noron nên nhiều Yangban vì vậy đã trở nên thất thế. Ở các vùng nông thôn, do sự phát triển của kỹ thuật nông nghiệp đã xuất hiện tầng lớp phú nông, trong khi đó, những người nông dân nghèo lại rơi vào tình cảnh không có đất canh tác nên số người phải rời bỏ nông thôn đi đến các vùng khác ngày càng tăng cao. Thậm chí, trong thời kỳ này còn xuất hiện những trường hợp một số gia đình Yangban trở nên nghèo khó và phải đi làm thuê trên đất của người khác để duy trì kế sinh nhai. Ở thành thị, nhiều mâu thuẫn xã hội nảy sinh như song song với sự xuất hiện của tầng lớp đại thương nhân chi phối nền công thương nghiệp và ngày càng trở nên giàu có thì những người buôn bán nhỏ lại trở nên sa sút, vật giá tăng mạnh ... Trong hiện thực xã hội như vậy, phái Silhak đã xuất hiện với những mong muốn cải cách xã hội.

Phái Silhak đã đưa ra phương án để cải cách hiện thực chính trị, xã hội đương thời. Một bộ phận thế lực tập quyền cũng muốn cải cách hiện thực xã hội nhưng những người nỗ lực trong công việc này lại chủ yếu là những người không tham gia vào chính quyền. Vì thế, có rất nhiều các nhà Silhak là những người thuộc phái Namin bị đẩy ra khỏi chính trường trong một thời gian dài.

Các học giả Silhak đã đưa ra những đề án để cải cách hiện thực chủ yếu về xã hội, kinh tế và chính trị nhưng đối tượng nghiên cứu của họ thì ngoài các lĩnh vực đó ra còn bao trùm ở rất nhiều mặt như: Lịch sử, địa lý, khoa học tự nhiên, nông học ...

Các nhà tiên phong cho phong trào Silhak là I Su-gwang (Lý Tuy Quang), Gim Yuk (Kim Dục). I Su-gwang là người viết cuốn "Jibongyuseol" (Chi phong loại thuyết) hệ thống lại một cách sâu rộng nền văn hoá truyền thống của Trung Quốc và Joseon. Gim Yuk có công lớn trong việc mở

Tranh Canh tuốt lua của Gim Hong-do

Tranh Lớp học của Gim Hong-do

Tranh lò rèn của Gim Hong-do

rộng việc thực hiện "Daedongbeop" (Phép đại đồng) và sử dụng tiền xu.

Phái Jungnong (Trọng nông) và phái Jungsang (Trọng thương)

Sang thế kỷ XVIII, Silhak được mở rộng nhanh chóng. Trong nội bộ phái Silhak bị chia làm hai nhóm: một nhóm chủ trương coi trọng nông nghiệp và cần phải cải cách chế độ ruộng đất và một nhóm chủ trương phải mở rộng hoạt động công thương nghiệp và cải tiến kỹ thuật.

Những nhà Silhak tập trung vào việc giải quyết vấn đề nông nghiệp được gọi là những người theo học phái Jungnong. Những người theo học phái này gồm có các học giả tiêu biểu như: Yu Hyeong-won (Liễu Hình Viên), I IK (Lý Nhĩ) và Jeong Yak-yong (Đinh Nhược Dung) ... Họ quan tâm đến vấn đề nông nghiệp và đưa ra những phương án cải cách chế độ ruộng đất trên cơ sở lấy người nông dân làm trung tâm.

Yu Hyeong-won chủ trương chia những diện tích đất nông nghiệp nhất định cho nông dân còn I IK thì cho rằng nên trao cho nông dân những mảnh đất được trồng cấy từ đời này qua đời khác và người nông dân không được trao bán những mảnh đất đó. Jeong Yak-yong thì chủ trương phân phối đất theo phương thức cùng sở hữu, cùng canh tác và cùng thu hoạch. Như vậy, cách thức thực hiện cụ thể trong phương án cải cách chế độ ruộng đất của mỗi người là khác nhau nhưng tất cả đều

có một điểm chung là lấy người nông dân trực tiếp canh tác trên ruộng đất làm trung tâm để giải quyết những mâu thuẫn trong xã hội nông thôn.

Các học giả theo phái coi trọng công thương nghiệp được gọi là những người theo học phái Jungsang (Trọng thương). Khác với những người sống ở nông thôn như trường phái Jungnong, họ là những người được trưởng thành trong không khí đô thị của Hanyang. Học thuyết của họ có liên quan sâu sắc đến sự phát triển của công thương nghiệp vào cuối thời kỳ Joseon. Phái Jungsang chủ trương đạt tới một xã hội thịnh vượng thông qua việc phát triển công thương nghiệp. Đó chính là sự phát triển mới của phái Silhak .

Do phái Jungsang trong khi đưa ra lý thuyết chấn hưng nền công thương nghiệp đã chủ trương tiếp nhận văn hoá phát triển của nhà Thanh nên còn được gọi là phái Bukhak (Bắc học). Trong phái này nổi lên có: Yu Su-won (Liễu Thọ Viên), Hong Dae-yong (Hồng Đại Dung), Bak Ji-won (Phác Chỉ Nguyên), Bak Je-ga (Phác Tế Gia) ... đây là những người có ý chí mạnh mẽ trong việc đưa ra luận thuyết Bắc học đi ngược lại với luận thuyết Bắc phạt mà các chính trị gia trước họ đã kiên trì theo đuổi. Họ đã đi sang Trung Quốc nhằm tìm những cơ hội để có thể tiếp xúc với nền văn minh của Trung Quốc để từ đó cải cách một cách tương đối hiện thực của nhà nước Joseon lúc này đã trở nên lạc hậu.

Phái Jungsang tự nhìn nhận lại mình và thấy được tính ưu việt của văn hoá nhà Thanh nên đã chủ trương phải học văn hoá của nhà Thanh để cải cách tình hình thực tế của Joseon. Điều đáng lưu tâm trong chủ trương của học phái này là lòng quyết tâm mạnh mẽ muốn thay đổi hiện tại. Vì thế, trong các tác phẩm của họ có cả sự phê phán mạnh mẽ đối với xã hội Yangban đương thời.

Đặc biệt, những người thuộc phái Jungsang chủ trương một mặt đặt trọng tâm vào việc phát triển công thương nghiệp và nâng cao sức sản xuất bằng việc đổi mới kỹ thuật, mặt khác tiến hành phát triển hệ thống phương tiện giao thông như thuyền, bè để đẩy mạnh việc lưu thông hàng hoá nên đã có thể thúc đẩy sự phát triển cường thịnh của đất nước.

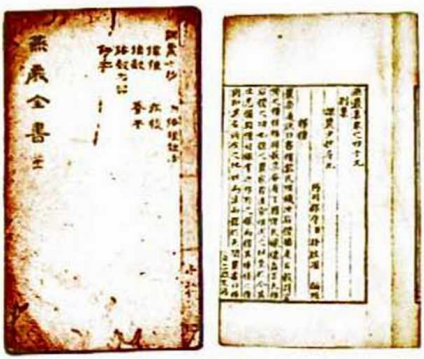

Sach của Bak Ji-won (Phac Chi Nguyên) viết về thương công nghiệp bao gồm "Yeolha Ilgi" (Liệt Hà nhật ký)

Sự quan tâm và phê phán của các học giả phái Silhak về hiện thực xã hội được thể hiện qua những nghiên cứu của họ ở các mặt như: Lịch sử, địa lý, ngôn ngữ, phong tục ... Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu quốc học đã trở nên phát triển.

Trong nghiên cứu lịch sử, có các học giả nổi tiếng như: An Jeong-buk (An Đỉnh Phúc), Yu Deuk-gung (Liễu Đắc Cung) ... An Jeong-bok viết cuốn "Dongsa Gangmok" (Đông sử cương mục) trong đó chỉnh lý một cách hệ thống lịch sử Hàn từ thời Dangun Joseon đến cuối kỳ Goryeo. Yu Deuk-gong trong "Balhaego" (Bột Hải khảo) đã đề cập một cách tích cực lịch sử Balhae với tư cách là lịch sử Hàn. Cách nghĩ cho rằng lịch sử Hàn bao gồm lịch sử của cả bán đảo Hàn và vùng Đông Bắc Trung Quốc là ý kiến chung của các nhà Silhak.

Về nghiên cứu địa lý có các học giả nổi tiếng là: I Jung-hwan (Lý Trọng Hoàn), Jeong Sang-gi (Trịnh Thượng Kỳ), Gim Jeong-ho (Kim Chính Hạo) ... I Jung-hwan đã tiến hành tìm hiểu điều kiện địa lý của Joseon đồng thời điều tra một cách rất tỉ mỉ phong tục cũng như sinh hoạt kinh tế của từng vùng miền và viết nên cuốn sách "Taengniji" (Trạch Lý Chí). Cuốn sách này nguyên được viết với mục đích giới thiệu những nơi mà các sĩ đại phu bị thất thế có thể đến sinh sống nhưng do đây là cuốn địa lý nhân văn tốt nhất trong thời kỳ đó nên người ta đã đặc biệt quan tâm đến nó ở khía cạnh mối quan hệ nhân quả giữa tự nhiên và sinh hoạt của con người.

Jeong Sang-gi đã nâng cao trình độ làm bản đồ của Joseon lên một bước khi ông làm ra Dongguk Jido (bản đồ Triều Tiên – đông quốc địa đồ) với tỷ lệ xích là 1 thước (xích): 100 lý đầu tiên. Trong cuốn "Daedong Yeojido" (Đại Đông dư chí đồ), Gim Jeong-ho đã biểu thị một cách rất đầy

đủ và tỉ mỉ cả những mạch núi, sông suối và đường giao thông. Đến cuối kỳ Joseon, do sự phát triển của nền thương nghiệp nên việc buôn bán trao đổi hàng hoá được mở rộng dẫn đến sự quan tâm của mọi người đối với giao thông ngày càng lớn và bản đồ dần dần cũng được điều chỉnh chính xác hơn.

Daedongyeojido (Đại đông dư chí đồ)

Việc nghiên cứu ngôn ngữ cũng được phát triển với sự ra mắt của những cuốn sách như: "Hunminjeongeum Unhae" (Huấn dân chính âm vận giải) nghiên cứu về âm vận của Sin Gyeong-jun (Thân Cảnh Tuấn) và "Eonmunji" (Ngạn Văn Chí) của Yu Hui (Liễu Hy).

Về y học, cuốn "Donguibogam" (Đông y bảo giám) của Heo Jun (Hứa Tuấn) xuất bản dưới thời Gwanghaegun (Quang Hải Quân) đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển không chỉ của nền y học Joseon mà đối với cả nền y học của Trung Quốc và Nhật Bản. Đặc trưng của cuốn sách này là chú trọng về y học dự phòng và đưa ra những phương pháp điều trị có sử dụng dược thảo truyền thống. Ngoài ra, I Je-ma (Lý Tế Mã) dưới thời Gojong (Cao Tông) còn đưa ra một học thuyết được gọi là "Sasanguiseol" (Tứ tượng y thuyết) với chủ trương phải gắn việc điều trị bệnh với thể chất của từng con người cụ thể.

Ý nghĩa của phong trào Silhak

Silhak là học phái nghiên cứu học thuật bằng phương pháp thực chứng và áp dụng các kết quả nghiên cứu đó vào sinh hoạt thực tế trên tinh thần tự do phê phán. Từ đó, các nhà nghiên cứu Silhak đưa ra những

kết luận bằng các chứng cớ xác thực. Phong cách làm việc như vậy của họ đã cho thấy thái độ "Thực sự cầu thị" về học vấn.

Với những nghiên cứu như vậy, phái Silhak một cách tự nhiên đã mang trong mình đặc tính dân tộc bởi vấn đề mà các học giả Silhak quan tâm chính là thực tế của xã hội Joseon. Bên cạnh đó, phái Silhak cũng mang trong nó tính hướng tới cận đại, muốn tiến đến với một xã hội mới thông qua việc cải cách các mâu thuẫn xã hội và phát triển sản xuất. Tinh thần này của các học giả Silhak đã có ảnh hưởng lớn đến các nhà tư tưởng của phong trào Gaehwa (Khai hoá) vào thế kỷ XIX.

Tuy nhiên, phương án cải cách của các học giả phái Silhak đã không được phản ánh thông qua các chính sách cụ thể. Đó là do các học giả Silhak hầu như chỉ dồn tâm trí của mình vào việc nghiên cứu học thuật nên các phương án cải cách của họ đều rất xa vời đối với nền chính trị đương thời, đồng thời cũng là do hình thái chính trị quẻ quặt được gọi là "Sedojeongchi" (nền chính trị thế đạo) của vương triều Joseon thế kỷ XIX đã không dung nạp những suy nghĩ và chủ trương của phái Silhak vào chính sách của nhà nước.

2. Sedojeongchi (nền chính trị Thế đạo) và sự nổi dậy của nông dân

Tóm tắt

Khi nền chính trị thế đạo được thực hiện thì kỷ cương chính trị bị sụp đổ, việc mua bán chức vụ trở nên thịnh hành, tham quan xuất hiện khắp nơi dẫn đến các chính sách về ruộng đất, quân đội và lương thực trở nên hỗn loạn cực độ làm cho đời sống của người nông dân vô cùng khốn khổ. Trước tình hình như vậy, bất mãn của tầng lớp Yangban địa phương với chính quyền trung ương càng trở nên sâu sắc, ý thức của người nông dân cũng dần dần trưởng thành và cuối cùng sự bất mãn đối với giai cấp thống trị của nông dân đã bùng lên thành những cuộc nổi loạn. Trong hoàn cảnh đó, Thiên Chúa giáo và phong trào Donghak (Đông học) đã được truyền bá rộng rãi trong dân chúng và xã hội nông thôn.

Những mặt trái của Sedojeongchi

Vua nhỏ tuổi và thế lực ngoại thích

Kế vị vua Jeongjo, vua Sunjo (Thuần Tổ) lên ngôi khi tuổi còn nhỏ nên quyền lực đã tập trung vào tay của một số gia đình thông gia với hoàng cung. Nền chính trị đó được gọi là Sedojeongchi (Chính trị Thế đạo).

Các gia đình thông gia của vương thất hầu hết đều thuộc phái Noron, trong đó tiêu biểu có gia đình thế đạo Andong Gimssi (họ Kim ở An Đông) và gia đình Pungyang Jossi (họ Triệu ở Phong Nhượng). Đây là những gia đình luôn độc chiếm các chức vụ cao trong triều và làm rối loạn chính sách quốc gia. Vua bị đặt vào tình trạng không nắm được thực quyền và bị những người này chi phối. Nền chính trị Thế đạo như thế kéo dài trong vòng sáu mươi năm, qua ba đời vua là: Sunjo (Thuần Tổ), Heonjong (Hiến Tông) và Cheoljong (Triết Tông).

Dưới nền chính trị Thế đạo, nhà vua chỉ tồn tại như một con rối, quyền lực của nhà nước nằm trong tay các gia đình thế đạo, thậm chí cả họ hàng gần gũi với nhà vua cũng phải chịu uy thế của các gia đình thế đạo này. Do thế lực chống đối lại các gia đình này đều bị tiêu diệt nên các gia đình Yangban khác cũng đành phải im lặng và chịu đựng.

Sự hỗn loạn về kỷ cương chính trị

Dưới nền chính trị Thế đạo, do không có thế lực nào đứng ra chống lại sự độc chiếm của các gia đình thế đạo nên kỷ cương chính trị ngày càng trở nên rối ren và suy đồi. Sự hỗn loạn về kỷ cương chính trị đó được thể hiện rõ trong việc tổ chức thi cử và bổ nhiệm quan lại.

Hiện tượng đút lót để mua bán quan chức diễn ra ngang nhiên, việc đỗ đạt bất chính không dựa trên năng lực trong thi cử cũng xuất hiện nhiều. Hơn nữa, cho dù đã đỗ đạt trong thi cử nhưng không chạy chọt các gia đình thế đạo đang nắm quyền hành thì cũng khó có được một chức quan tốt.

Những gia đình thế đạo này coi địa vị, chức vụ là một công cụ để tích góp tài sản và họ ngang nhiên bán các chức quan để thu tiền tích lũy tài sản riêng. Rất nhiều quan lại đã phải đút lót, xu nịnh, bợ đỡ những gia đình này để có thể duy trì được địa vị của mình. Và những quan lại này lại thu gom tài sản của mình bằng cách thu thuế của dân nhiều hơn.

Nền chính trị Thế đạo như vậy kéo dài đã khiến cho thật giả trở nên lẫn lộn và đất nước đi đến chỗ suy vong, mọi thống khổ không ai khác ngoài người dân phải gánh chịu.

Sự hỗn loạn về Samjeong (Tam chính)

Giai đoạn này, những thuế chủ yếu mà người nông dân phải chịu bao gồm: Jeonse (Điền thuế), Gunpo (Quân bố) và Hwangok (Hoàn cốc). Ba loại thuế này được gọi là Samjeong (Tam chính). Hoàn cốc là nhà nước cho người nông dân vay lúa vào mùa xuân, đến mùa thu, khi thu hoạch người nông dân phải trả lại cho nhà nước số lúa đã vay cộng thêm lợi

tức. Lợi tức vốn là khoản được dùng để bổ sung, bù đắp lại những thất thoát do nhiều nguyên nhân gây ra nhưng đến cuối thời Joseon, lợi tức được thu như thuế và được sử dụng như nguồn tài chính làm kinh phí cho nhà nước. Các mục thuế và tiền thuế đều được quy định bằng pháp luật nhưng các quan lại sau này đã làm ra các hạng mục mới, nâng số thuế phải đóng lên gấp mấy lần so với quy định nên dù chỉ có chút ít quyền lực họ cũng đã có thể sống sung túc.

Nguyên nhân xảy ra liên tiếp các cuộc nổi dậy của nông dân

Sự bất bình của nông dân

Do sự hỗn loạn của chế độ Samjeong và sự bóc lột của tầng lớp tham quan ô lại, đời sống của người nông dân trở nên cơ cực. Rất nhiều người nghèo đói và lâm vào cảnh nợ nần đã phải từ bỏ quê hương đi lang bạt và trở thành dân lang thang. Hoặc là họ phải đến vùng núi xa xôi hẻo lánh và trở thành Hwajeonmin (Hoả điền dân, người đi khai hoang) hoặc vượt biên giới, sang cư trú tại các vùng Gando của Manju hoặc vùng Yeonhae-ju của Nga. Ngoài ra, cũng có những người đi lên thành phố, vào những khu khai mỏ hoặc khu làm thủ công bán sức lao động để kiếm sống.

Xã hội nông thôn trở nên khó khăn cũng là lúc người nông dân bắt đầu biểu lộ sự bất mãn của họ. Lúc đầu, họ chỉ thể hiện sự bất mãn một cách nhẹ nhàng là phỉ báng bọn tham quan ô lại. Họ thường phản ứng bằng cách truyền tai cho nhau những việc làm bất chính của quan lại, dán thông cáo lên tường để cảnh cáo những quan lại biến chất ...

Nhưng khi tình trạng vẫn không được cải thiện, người nông dân đã sử dụng những phương pháp mạnh mẽ và tích cực hơn như: không đóng thuế, đưa ra các kháng nghị tập thể, lăng mạ quan Suryeong ... Sau đó các việc như tập kích quan nha, đánh quan lại biến chất ... cũng xảy ra. Bên cạnh đó, một bộ phận nông dân thậm chí còn tham gia vào các nhóm trộm cắp làm cho sự hỗn loạn trong xã hội ngày càng trở nên

trầm trọng. Vì thế, nhà nước đã biệt phái quan Amhaengeosa (ám hành ngự sử) nhằm chấn chỉnh lại kỷ cương xã hội nhưng cũng không đạt được hiệu quả.

Cuộc nổi dậy của Hong Gyeong-lae (Hồng Cảnh Lại)

Sang thế kỷ XIX, sự bất mãn của tầng lớp nông dân ngày càng lớn và nhiều cuộc nổi dậy bùng lên ở khắp nơi. Trong đó, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của Hong Gyeong-lae và của nông dân vùng Jinju (Tấn châu).

Cuộc nổi dậy của Hong Gyeong-lae là cuộc đấu tranh do Hong Gyeong-lae – một Yangban sa sút – lãnh đạo với lực lượng chủ yếu là tầng lớp nông dân bất mãn về sự tham nhũng và sự phân biệt đối xử vô lý của chính quyền Sedo (thế đạo) (1811). Cuộc nổi dậy này đã tiến hành kế hoạch chuẩn bị trong hơn nửa năm, tập trung được tầng lớp yang ban địa phương, lôi kéo được nhiều thương nhân lớn, huy động và huấn luyện được nhiều lao động khai thác mỏ làm quân chủ lực. Cuộc nổi dậy đã chiếm được một số vùng phía Bắc sông Cheongcheon nhưng trong cuộc chiến tại Jeongjuseong (thanh Định Châu) họ đã thua và bị đàn áp.

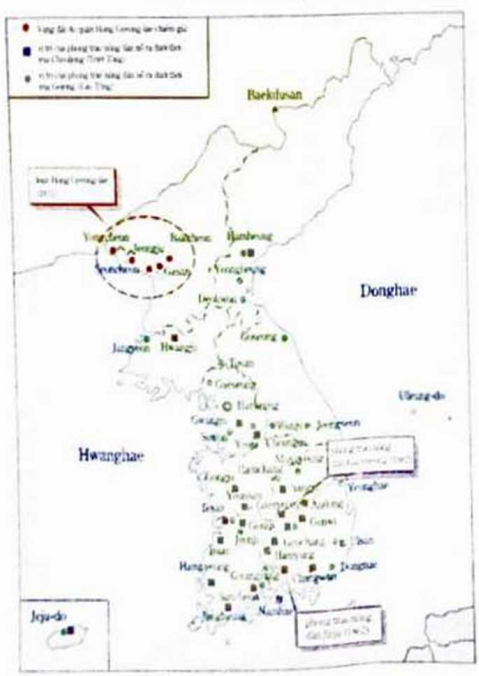

Phong trao nông dân thê kỷ 19

Cuộc nổi dậy của Hong Gyeong-lae được sự giúp đỡ của đông đảo nông dân Pyeongan-do nên đã chiến đấu và kháng chiến được trong một khoảng thời gian khá dài. Nhưng do cuộc nổi dậy chỉ được tiến hành một cách hạn chế ở vùng Pyeongan-do, đồng thời, cũng do những người lãnh đạo phong trào đã không đưa ra được phương án cải cách để lôi kéo một cách có tổ chức tầng lớp nông

dân nên đã đi đến thất bại. Tuy nhiên, họ cũng đã giáng được một đòn mạnh vào chính quyền đương thời và gây được ảnh hưởng rộng lớn đến các cuộc nổi dậy sau này.

Cuộc nổi dậy của nông dân Jinju

Các phong trào nông dân nổi lên mạnh mẽ, nhất là dưới thời vua Cheoljong với trung tâm là vùng Samnam (Tam Nam) và mở rộng lên phía Bắc tới vùng Hamheung (Hàm Hưng), phía Nam xuống tới vùng Jeju-do (đảo Jeju). Tiêu biểu là phong trào nông dân Jinju (1862) mà người lãnh đạo chống lại sự tham ô của quan lại địa phương là Yu Gye-chun (Liễu Kế Xuân) vốn xuất thân từ tầng lớp Yangban bị thất thế. Trước đây họ cũng đã nhiều lần gửi đơn để nghị lên tận chính quyền trung ương yêu cầu chấm dứt ngay tình trạng quan lại tham nhũng nhưng không được chấp nhận nên cuối cùng họ đã phải chọn giải pháp nổi dậy bạo động. Sự phản kháng này của nông dân không chỉ là sự phản kháng đối với sự hỗn loạn của chế độ Samjeong và sự đè nén của tầng lớp tham quan ô lại mà còn là sự phản ánh những mâu thuẫn trong cấu trúc chính trị, xã hội Joseon. Vì thế có thể nói, đây là phong trào đấu tranh có tính tự giác của nông dân đối với mâu thuẫn xã hội đương thời.

Bối cảnh xã hội dẫn đến sự phát triển rộng rãi của Thiên chúa giáo và phong trào Donghak

Mơ ước về một thế giới mới

Do sự lũng đoạn của nền chính trị Thế đạo, trật tự đất nước trở nên rối loạn, cuộc sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn dẫn đến tình trạng người dân có xu hướng tìm đến những sự giúp đỡ về mặt tinh thần và dựa dẫm vào sức mạnh của siêu nhiên. Đây chính là lúc mà những tư tưởng có tính dự đoán về một thế giới mới, những tín ngưỡng cầu phúc và đáp ứng mong muốn cá nhân được phát triển rộng rãi.

Tư tưởng dự báo của Jeonggamnok (Trịnh Giám Lục) cho rằng vương triều họ Lý sẽ sụp đổ và vương triều họ Trịnh sẽ lên thay, hay tín

ngưỡng Di Lặc, cho rằng Phật Di Lặc là Phật của tương lai sẽ xuống trần gian và giúp đỡ cho chúng sinh, hay tư tưởng Hucheon Gaebyeok (Hậu Thiên Khai Tịch) dự đoán rằng thế giới hiện tại sẽ sụp đổ và được thay thế bởi một thế giới mới ... là những tư tưởng manh tính chất dự báo được biết đến một cách rộng rãi. Những dự báo này cho thấy mong muốn của nhân dân về một thế giới mới và nó cũng tiếp thêm hy vọng cho họ về một thế giới sẽ đến trong tương lai.

Tín ngưỡng dân gian với nền móng là tín ngưỡng Musok (Vu tục – lên đồng) đã ăn sâu vào đời sống của người dân. Tín ngưỡng Musok là tín ngưỡng dân gian có niềm tin vào vạn vật là hữu linh đồng thời do sự điều hoà của các quỷ thần mà tạo thành cát, hung, hoạ, phúc. Vì thế, con người cần phải thông qua sự phù phép và các câu thần chú của các bà đồng để xua đuổi quỷ thần làm cho những điều xấu lui xa và cầu cho những điều tốt đẹp sẽ đến. Tín ngưỡng dân gian này đã trở thành chỗ dựa tinh thần cho người dân và ngày càng phát triển trong không khí xã hội đầy bất ổn của thế kỷ XIX.

Sự truyền bá Thiên Chúa giáo

Thiên Chúa giáo được truyền bá vào Joseon thông qua Trung Quốc. Các sứ thần Joseon khi đến Trung Quốc đã mang về những tài liệu có liên quan đến Thiên Chúa giáo mà họ được nhận từ các nhà truyền giáo phương Tây và phổ biến rộng rãi ở Joseon.

Tầng lớp Yangban lúc đầu tiếp nhận Thiên Chúa giáo như một phần của nền học thuật phương Tây. Sau đó, dưới thời vua Jeongjo, một số học giả bắt đầu nhìn nhận và tin tưởng Thiên Chúa giáo như là một tín ngưỡng. I Seung-hun (Lý Thừa Huân) sau khi được vị mục sư người phương Tây ở nhà Thanh làm lễ rửa tội đã quay trở về và lập nên giáo hội Thiên Chúa giáo ở Joseon.

Ở thời kỳ đầu, chủ yếu chỉ có tầng lớp Yangban, tầng lớp không được tham gia vào nắm chính quyền và tầng lớp trung nhân là tin tưởng vào Thiên Chúa giáo nhưng sau đó, dần dần cả những người ở tầng lớp thường dân và phụ nữ cũng tin vào tôn giáo này. Ngay khi hoạt động tín

ngưỡng của Thiên Chúa giáo trở nên phát triển và số lượng các tín đồ ngày càng tăng thì chính quyền Joseon đã ra lệnh cấm hoạt động đối với Thiên Chúa giáo. Sự cấm đoán này là do chính quyền Joseon cho rằng Thiên Chúa giáo đã không coi trọng ý thức thờ cúng tổ tiên của Nho giáo đồng thời tư lại theo tướng bình đẳng và cho rằng thế giới tương lai mới quan trọng nên sẽ làm đảo lộn về cơ bản trật tự xã hội của Joseon.

Dưới thời vua Jeongjo, Thiên Chúa giáo không bị cấm nghiêm ngặt lắm nhưng ngay khi vua Sunjo lên ngôi, Thiên Chúa giáo đã bị đàn áp trên phạm vi rộng lớn. Mặc dù vậy, nó vẫn được truyền bá và mở rộng mạnh mẽ trong tầng lớp thường dân và phụ nữ Joseon.

Sự hình thành của Donghak

Trong khi tình hình xã hội trở nên rối ren, lòng dân bất an thì tôn giáo đương thời lại không phát huy được đúng vai trò của nó. Phật giáo thì lánh vào các vùng núi, xa cách với xã hội, Nho giáo cũng xa dần với nông dân. Tôn giáo mới được truyền bá là Thiên Chúa giáo phát triển trong tầng lớp thường dân và phụ nữ nhưng đây là tôn giáo được du nhập từ phương Tây, thêm vào đó là không khí bài ngoại của dân Joseon trước sự uy hiếp xâm lược của phương Tây ngày càng lên cao nên có nhiều người vẫn còn cảnh giác với tôn giáo này. Cũng chính lúc đó, Choe Je-u (Thôi Tế Ngu), một Yangban sa sút ở vùng Gyeongju (Khánh châu), đã dung hợp Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo với tín ngưỡng dân gian truyền thống để tạo ra một tôn giáo mới gọi là Donghak.

Choe Je-u (Thôi Tế Ngu)

Donghak đối lập lại với Thiên Chúa giáo và thế lực phương Tây, giữ gìn bản sắc của Joseon và luôn hướng tới những người dân cùng khổ. Vì vậy mà nó không chỉ đơn thuần là một phong trào tôn giáo mà có thể coi là một phong trào xã hội nhằm chấn chỉnh lại nền chính trị hỗn loạn và xã hội tăm tối, giúp cho cuộc sống của người dân khốn khổ.

Donghak mang trong mình ý thức bài ngoại, mong muốn

cứu đất nước khỏi sự xâm lược của thế lực phương Tây mà tiêu biểu là Thiên Chúa giáo và đem lại cuộc sống yên bình cho người dân. Ngay bản thân cái tên Donghak được đặt ra cũng mang ý nghĩa là đối lập với Seohak (Tây học) của Thiên Chúa giáo.

Điều được nhấn mạnh nhất trong giáo lý của Donghak là "Nhân nãi Thiên" có nghĩa là "Con người chính là Trời". Theo đó, "nhân tâm cũng chính là thiên tâm và phụng sự con người cũng chính là phụng sự Trời". Điều đó có nghĩa là phải vượt qua các vấn đề phân biệt về thân phận, giai cấp và con người phải được bình đẳng. Đây chính là nguyên nhân mà Donghak đã được những người nông dân đang bị áp bức đón nhận.

Trên cơ sở giáo lý như vậy, Donghak đã được mở rộng nhanh chóng ở các vùng nông thôn. Lúc này, chính quyền đó coi Donghak là tôn giáo làm đảo lộn thế giới và lừa phỉnh nhân dân nên đã xử tử hình giáo chủ Choe Je-u và đàn áp phong trào Donghak.

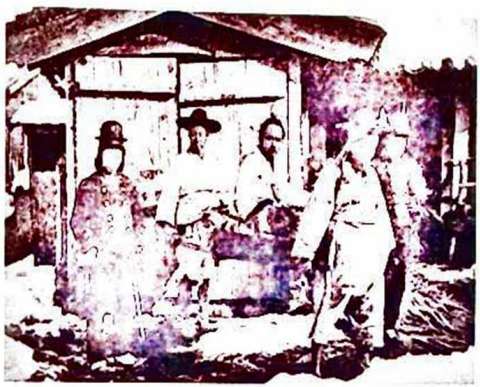

VII. Phong trào khai hoá và dân tộc tự chủ

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
Vua Gojong (Cao Tông) lên ngôi, Heungseon Daewongun (Hưng Tuyên đại viện quân) nắm quyền	1863		Mỹ: Lincoln Tuyên bố giải phóng nô lệ, chấm dứt chế độ nô lệ ở các bang li khai
Phương Tây xâm chiếm Ganghwa-do (Gojong năm thứ 3)	1866	Người Pháp thám hiểm sông Mê Kông	
	1867	Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ	
	1868		Nhật Bản: Minh Trị (Meiji) duy tân
Mỹ xâm chiếm Ganghwa-do (Gojong năm thứ 8)	1871		Đức thống nhất, William I lên ngôi hoàng đế Đức
	1873	Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất	
	1874	Hiệp ước Giáp Tuất	Henry Morton Stanley thám hiểm sông Congo
Ký điều ước Ganghwa-do	1876		
Cử đoàn thị sat điều tra Nhật Bản Sinsayuramdan (Thân sĩ du lãm đoàn) và Yeongseonsa (danh tuyên sứ) sang Thanh để học kỹ thuật quân sự mới.	1881		Tunis trở thành xứ bảo hộ của Pháp
Imogullan (Nhâm Ngọ quân loạn), ký hiệp ước thông thương với Mỹ, Anh, Đức	1882	Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai	Thành lập liên minh 3 nước: Đức, Áo, Hung, Ý
Lần đầu tiên sử dụng cơ Thai Cực	1883	Hiệp ước Harmand (25-8-1883). Bùng nổ phong trao nông dân Yên Thế (1883-1913)	
Gapsinjeongbyeon (chính biến Giáp Thân)	1884	Hiệp ước Patenotre (6-6-1884)	Chiến tranh Pháp - Trung (nhà Thanh)
Sự kiện Geomun-do	1885	Phong trao Cần vương bùng nổ	Ký điều ước Thiên Tân Trung - Nhật
	1887	Pháp thành lập Liên bang Đông Dương	
Hamgyeong-do, thực hiện lệnh thu lương thực (Banggongnyeong-Phong cốc lệnh)	1889		Nhật Bản : Meiji Mutsuhito ban hành hiến pháp hiện đại của Nhật.
Phong trao nông dân Donghak, Cải cách Giáp Ngọ	1894	Pháp thành lập bộ thuộc địa, Đông Dương mới trực thuộc bộ thuộc địa	Chiến tranh Trung (nhà Thanh) - Nhật

1. Nền chính trị của Heungseon Daewongun (Hưng Tuyên Đại viện quân)

Tóm tắt

Heungseon Daewongun lên nắm chính quyền trong bối cảnh bên trong thì nông dân nổi dậy khắp nơi, bên ngoài các thế lực phương Tây gây áp lực đòi mở cửa thông thương. Ông đã từ chối một cách dứt khoát yêu cầu thông thương vì mục đích xâm lược của các thế lực phương Tây, mặt khác ông cũng cho cải cách nội chính để giữ vững vương quyền đồng thời ổn định cuộc sống cho nhân dân.

Dự định cải cách của Heungseon Daewongun?

Tình hình trong và ngoài nước

Thời kỳ những năm trước và sau 1860, vương triều Joseon phải đối mặt với nhiều khó khăn từ bên trong và bên ngoài. Trong nước, quyền lực của Sedojeongchi tồn tại trong suốt 60 năm nay đã suy yếu, chính trị mất dần kỷ cương, lại thêm vấn nạn Samjeong khiến nông dân khắp nơi liên tục nổi dậy khởi nghĩa. Cùng lúc đó, phong trào Donghak hình thành và phát triển nhanh chóng với sự hưởng ứng nhiệt tình của tầng lớp nông dân vốn đã rất bất mãn với cuộc sống thực tại và mong muốn có một cuộc cải cách xã hội.

Đạo Thiên chúa mặc dù bị đàn áp và bị nhà nước cấm đoán nhưng vẫn ngày càng được truyền bá rộng rãi. Mặt khác, tàu thuyền của một số nước phương Tây đã xuất hiện ở gần biển Joseon để đe dọa và yêu cầu thông thương. Lúc này, Trung Quốc bị phương Tây xâm lược và Bắc Kinh đã thất thủ, trong khi Nga đang chiếm giữ Yeonhae-ju nên biên giới của Joseon được tiếp giáp với biên giới của Nga qua sông

Duman .

Điều này khiến nhân dân Joseon vô cùng lo lắng về họa xâm lăng của phương Tây và vì vậy, họ muốn ổn định chính trị để đất nước có được sự an toàn hơn trước họa ngoại xâm.

Cải cách nội chính

Ngay khi vua Gojong (Cao Tông) lên ngôi lúc còn nhỏ tuổi, Heungseon Daewongun đã nhanh chóng thực hiện một loạt cải cách nhằm ổn định tình hình đất nước. Nhân dân Joseon bấy lâu chịu bao thống khổ vì các chính sách chính trị sai lầm đã nhiệt liệt hưởng ứng các chính sách cải cách của Heungseon Daewongun.

Mục tiêu cải cách của Heungseon Daewongun là củng cố vương quyền và củng cố nền tài chính quốc gia. Trước hết, ông tiêu diệt các thế lực mạnh của thời kỳ Sedojeongchi như dòng họ Andong Gimssi, trọng dụng nhân tài mà không phân biệt dòng dõi.

Ông cũng sửa đổi lại phần lớn trường học Seowon (thư viện) vốn có nhiều đặc quyền miễn thuế, miễn lao dịch là nguyên nhân gây khó khăn cho nguồn thu tài chính của đất nước và gây phiền nhiễu cho nhân dân. Heungseon Daewongun tuyên bố kiên quyết "Ta sẽ không tha thứ cho bất cứ ai làm hại đến nhân dân Joseon, dù đó là Khổng Tử hồi sinh" và bỏ hầu hết seowon, chỉ giữ lại 46 cái. Để chấn chỉnh loạn Samjeong, ông cho thực hiện Yangjeon (lượng điền, đo đạc ruộng đất), thực hiện Hopoje (Hộ bổ chế, chế độ hộ bổ) theo đó, cả giới Yangban cũng phải nộp Gunpo (quân bổ – tưng hộ nộp vải thay cho đi quân dịch). Đồng thời, ông cũng xoá bỏ Hwangokje (chế độ hoan cốc) thực hiện Sachangje (chế độ Xã thương, xây dựng kho trong từng làng xã).

Heungseon Daewongun
(Hưng Tuyên đại Viện Quân)

Hơn nữa, Heungseon Daewongun còn cho trùng tu xây lại cung Gyeongbok đã bị quân Nhật đốt phá và cho biên soạn cuốn "Daejeonhoetong" (Đại điển hội thông) để chỉnh lý lại các quy định, pháp luật của nhà nước và ổn định về

chính trị.

Những cải cách này đã ổn định được tình hình chính trị rối loạn do nền chính trị Sedojeongchi để lại, làm giàu thêm quốc khố và phần nào đáp ứng được sự mong đợi của nhân dân. Nhưng chính sách này cũng bị một số Yangban phản đối quyết liệt. Nhất là việc sửa đổi các Seowon gây bất bình cho nhiều Yangban.

Mặt khác, để xây lại cung Gyeongbok, Heungseon Daewongun đã cho phát hành "Đương bách tiền" (Dangbaekjeon), thu quỹ bắt buộc, thu thuế qua lại cửa thành ra vào kinh đô gây bất bình trong dân chúng. Việc phát hành tiền làm giá cả sinh hoạt tăng lên khiến cho cuộc sống của nhân dân và kinh tế đất nước cũng có phần trở nên khó khăn.

Lý do Heungseon Daewongun từ chối quan hệ thông thương với phương Tây

Đàn áp Thiên Chúa giáo và sự xâm lược của các thế lực phương Tây

Vào thời Heungseon Daewongun cầm quyền, đã có rất nhiều tín đồ Thiên chúa giáo ở Joseon và các nhà truyền đạo người Pháp vẫn lén lút truyền đạo ở khắp các tỉnh. Ban đầu, Heungseon Daewongun đối xử ôn hoà với đạo Thiên chúa nhưng năm 1860, sự kiện phương Tây chiếm đóng Bắc kinh của nhà Thanh và việc quân Nga ngấp nghé biên thuỳ đã khiến Joseon phải cảnh giác hơn với Nga và các thế lực phương Tây. Heungseon Daewongun cũng nhận thấy những hiểm họa từ nước Nga. Vì vậy, ông định mượn sức mạnh của Pháp thông qua các nhà truyền đạo người Pháp trong nước để ngăn chặn thế lực của Nga nhưng các nhà truyền giáo Pháp chủ trương không tham gia chính trị vì vậy Joseon đã không thiết lập được quan hệ ngoại giao với Pháp.

Cuối cùng, khi làn sóng phản đối đạo Thiên chúa trong nước dâng lên mạnh mẽ, để bảo vệ địa vị chính trị của mình, Heungseon Daewongun bắt đầu đàn áp Thiên chúa giáo. Kết quả là 9 nhà truyền giáo Pháp và rất nhiều con chiên đã bị bắt và bị xử tử hình.

Pháp lập tức viện cớ những cái chết của các nhà truyền giáo đòi Joseon mở cửa thông thương, và tiến vào đảo Ganghwa (Giang hoa), chiếm sơn thành Ganghwa (Giang Hoa sơn thành) (năm 1866). Quân Pháp cướp phá các thư tịch và văn hoá phẩm ở đảo Ganghwa. Sau khi Heungseon Daewongun cầm quyền, chính quyền Joseon đã chấn chỉnh lại lực lượng quân sự từng có hoạt động phòng chống ngoại xâm ở các địa phương, chiêu mộ các tay súng để tăng cường bảo vệ các vùng ven bờ sông Hàn và cuối cùng đã đánh lui quân Pháp .

Sau sự kiện này, người phương Tây đứng đầu là Oppert E.J. định đào mồ cha của Heungseon Daewongun lên nhưng thất bại và phải bỏ trốn. Sự việc này càng khiến cho sự thù ghét người phương Tây của nhân dân Joseon tăng lên mạnh mẽ.

Sự xâm lược của phương Tây và Cheokhwabi (Xích hoà bia)

Khởi đầu, tàu buôn General Sherman của Mỹ theo sông Daedong tiến đến gần Pyeongyang. Những người phương Tây trên tàu đòi thông thương. Các nhà quản lý địa phương cho biết nhà nước cấm thông thương buôn bán với nước ngoài và yêu cầu họ rút lui. Nhưng họ trèo lên bờ, cướp bóc tài sản của nhân dân, bắt các nhà quản lý, gây náo loạn đường phố. Các nhà quản lý và nhân dân Pyeongyang nổi giận, đốt cháy tàu General Sherman.

Cheokhwabi (Xích hoà bia)
"Chủ trương hoà nghị không chống lại quân man rợ phương Tây xâm chiếm, chủ hoà là bán nước"

Sau sự việc này, hạm đội của quân Mỹ đã kéo đến Ganghwa (năm 1871). Đảo Ganghwa sau vụ đánh bại quân Pháp, đã được bảo vệ vững chắc và luôn sẵn sàng đối phó với giặc ngoại xâm vì thế chính phủ Joseon hạ lệnh cho Ganghwa nghênh chiến. Kết cục, quân Mỹ không thắng nổi sự kháng cự quyết liệt của quân dân Joseon và đã phải rút lui.

Sau hai lần bị phương Tây gây hấn liên tiếp, chính phủ Joseon dựng Cheokhwabi (Xích hoà bia) ở khắp

các địa phương để toàn dân biết chủ trương chống giao lưu thông thương với phương Tây của nhà nước.

Mặt khác, Nhật Bản với chế độ chính trị mới sau cuộc cải cách Minh Trị Duy tân cũng đã đòi giao lưu thông thương với Joseon. Trong văn bản ngoại giao đó, vua Nhật có những biểu hiện coi thường vua Joseon và có nội dung không phù hợp với thông lệ ngoại giao vì vậy chính phủ Joseon đã từ chối yêu cầu này.

Chính sách bài ngoại, từ chối thông thương với phương Tây và Nhật Bản của Joseon tuy làm chậm quá trình tiếp thu văn hoá phương Tây nhưng nó đã thể hiện tinh thần tự chủ chống ngoại xâm của dân tộc.

2. Mở cửa thông thương và phong trào khai hóa

Tóm tắt

Sau khi Heungseon Daewongun mất vị thế, Joseon ký điều ước Ganghwa-do với Nhật Bản, sau đó giao lưu với tất cả các nước phương Tây. Từ đó, chính phủ thực hiện chính sách khai hoá, ngày càng mở rộng việc giao lưu, tiếp xúc với văn minh phương Tây. Nhưng sự đối lập giữa phái Gaehwa chủ trương cải cách và phái Choeksa chủ trương giữ gìn truyền thống trật tự cũ ngày càng sâu sắc vì thế cuộc bạo loạn Nhâm Ngọ, chính biến Giáp Thân đã xảy ra.

Nội dung và tính chất của điều ước Ganghwa-do

Sự kiện Unyoho (Vân Dương hiệu)

Heungseon Daewongun nắm quyền được 10 năm thì suy yếu, chính quyền Joseon tập trung vào tay thế lực dòng họ Min do vương phi cầm đầu. Thế lực chính trị thay đổi làm cho các chính sách ngoại giao cũng thay đổi theo.

Lúc này, Nhật Bản rảo riết yêu cầu thông thương với Joseon. Sau cuộc Duy tân Minh Trị, Nhật Bản đã thiết lập thể chế mới và để gây áp lực đòi thông thương với Joseon, tàu chiến mang tên Unyoho đã tiến vào Ganghwa gây ra cuộc đọ súng với quân Joseon. Viện cớ này, Nhật Bản ép Joseon ký vào điều ước thông thương. Nhật Bản đã bắt chước theo đúng phương pháp mà phương Tây đã làm là dùng lực lượng quân sự gây áp lực với các nước Châu Á.

Điều ước Ganghwa

Chính quyền Joseon từ chối đối thoại với Nhật vì cho rằng hành động của Nhật là dã man và xâm phạm chủ quyền nhưng một số quan chức

Joseon sớm nhận thấy sự cần thiết của khoa học kỹ thuật phương Tây nên đã chủ trương giao thương với Nhật. Trong bối cảnh trong và ngoài nước như thế, đại diện hai nước đã họp và cùng ký kết điều ước Ganghwa-do (1876)

Là điều ước đầu tiên của Joseon ký với nước ngoài trong thời kỳ cận đại, điều ước Ganghwa-do có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Theo điều ước này, Joseon sẽ mở cửa 3 hải cảng và cho phép người Nhật cư trú ở những nơi nhất định trong khu vực.

Điều ước này thể hiện Joseon là một nước có chủ quyền nhưng trong đó cũng có một số qui định bất lợi cho Joseon như: Cho phép Nhật Bản tự do đo đạc vùng bờ biển Joseon và chấp nhận cái gọi là pháp quyền ngoại trị, tức là người Nhật Bản cư trú ở Joseon vẫn theo pháp luật Nhật Bản. Đây là nội dung bất bình đẳng biểu hiện rõ nét trong điều ước.

Sau đó, Joseon cũng đã lần lượt ký các điều ước thông thương với Mỹ, Anh và các nước phương Tây khác, tích cực thực hiện chính sách mở cửa, hoà vào dòng chảy chung của lịch sử thế giới. Nhưng những điều ước ký với các nước phương Tây cũng rất bất bình đẳng vì nó thừa nhận pháp quyền ngoại trị.

Vì sao có sự đối lập giữa phái Gaehwa (Khai hoa) và phái Cheoksa (Xích tà)?

Đưa đoàn thị sát và lưu học sinh ra nước ngoài

Sau khi ký điều ước Ganghwa-do, chính phủ Joseon bắt đầu thực hiện chính sách khai hoá. Theo đó, Gim Gi-su (Kim ý Tu) và Gim Hong-jip (Kim Hoằng Tập), những sứ thần đi Nhật về đã tâu trình với vua về sự phát triển của Nhật Bản và triều đình đã cử các quan chức trẻ sang Nhật Bản để thị sát các thiết bị công nghệ, thành tựu văn hoá và các cơ quan, bộ máy nhà nước của Nhật Bản.

Sau khi về nước, họ viết du hành ký, tấu trình chuyến đi cho quốc vương, và việc này đã rất có ích cho công cuộc khai hoá của nhà nước. Triều đình cũng cử các lưu học sinh sang nhà Thanh học cách huấn

luyện quân sự và chế tạo vũ khí hiện đại ở thành phố Thiên Tân.

Để chủ động triển khai chính sách khai hoá, chính phủ lập ra Tongnigimuamun (Thống lý cơ vụ nha môn) tổ chức quân đội theo kiểu mới gọi là Byeolgigun (Biệt kỹ quân), đội quân này được huấn luyện là để sử dụng vũ khí mới của Nhật Bản.

Sự đối lập giữa phái Gaehwa và phái Cheoksa

Sau khi ký điều ước Ganghwa-do với Nhật Bản, có nhiều người chủ trương phát triển đất nước và tiến hành chính sách khai hoá một cách tích cực. Họ đã lập ra phái Khai hoá.

Đồng thời, cũng có nhiều Nho sinh coi Nhật Bản và phương Tây là những kẻ man rợ và phản đối việc giao lưu, đòi giữ gìn và bảo vệ văn hoá Nho giáo truyền thống của Joseon và đã tổ chức phong trào Wijeongcheoksa (Vệ chính xích tà).

Như vậy có thể thấy, trong quá trình thực hiện chính sách khai hoá của chính phủ, có sự đối lập giữa tư tưởng Gaehwa và tư tưởng Cheoksa và đây cũng là sự bất đồng giữa thế lực dòng họ Min và thế lực Heungseon Daewongun. Sự phản kháng của nhân dân Joseon đối với thế lực Nhật Bản bị đè nén, tình hình chính trị ngày càng trở nên hỗn loạn.

Khi thực hiện chính sách khai hoá, nhìn chung, những binh lính cũ bị đối đãi tồi tệ hơn so với những binh lính mới là Byeolgigun (Biệt kỹ quân). Vì vậy, khi binh lính cũ được nhận lương trả chậm bằng gạo lẫn cát sạn, họ đã rất bất bình, nổi dậy giết những quan chức cao cấp của chính phủ, những kẻ vốn bị lính cũ thù ghét, đốt sứ quán Nhật, giết sĩ quan Nhật đang đảm đương công việc huấn luyện Byeolgigun. Sự kiện này được gọi là Imogullan (Nhâm Ngọ quân loạn – cuộc bạo loạn của quân đội năm Nhâm Ngọ) (1882).

Nhân cơ hội này, Heungseon Daewongun lại nắm chính quyền. Nhưng nhận thấy cơ hội khuếch trương thế lực của mình vào Joseon đã đến, nhà Thanh cử quân sang bắt cóc Heungseon Daewongun, nhờ đó, thế lực dòng họ Min lại nắm được chính quyền. Sau đó, nhà Thanh cử

Bak Yeong-hyo
(Phác Vịnh Hiếu)

Cờ Thái cực được làm năm 1882

Cờ Thái cực hiện nay

cố vấn ngoại giao và cố vấn quân sự đến Joseon và tiến hành can thiệp vào nội chính của Joseon.

Bên cạnh đó, chính phủ Joseon còn bị Nhật ép ký tiếp hiệp ước Jemulpo (Tế Vật Phố). Theo hiệp ước này, Joseon phải trả bồi thường thiệt hại cho Nhật về vụ quân loạn Nhâm Ngọ và cho phép quân đội Nhật Bản đóng quân tại Seoul lấy cớ là để bảo vệ các cơ quan ngoại giao của Nhật. Sau hiệp ước Jemulpo, Bak Yeong-hyo (Phác Vịnh Hiếu) được cử đi Nhật và đây là lần đầu tiên Thái cực kỳ được sử dụng.

Đảng Gaehwa muốn đạt được điều gì qua chính biến Giáp Thân?

Chính biến Giáp Thân

Sau vụ quân loạn Nhâm Ngọ, Joseon bị nhà Thanh can thiệp nội chính. Thế lực dòng họ Min nắm lại chính quyền, thực hiện chính sách khai hoá một cách dè dặt vì vậy việc khai hoá hầu như không có tiến triển. Điều này khiến cho phái Gaehwa đang muốn phát triển đất nước theo kiểu Duy tân Minh Trị của Nhật đã rất bất bình. Năm 1884, lực lượng phái Gaehwa là Gim Ok-gyun (Kim Ngọc Quân), Bak Yeong-hyo (Phác Vịnh Hiếu), Seo Gwang-beom (Từ Quang Phạm), Hong Yeong-sik (Hồng Anh Thực) nhân tiệc chúc mừng khai trương cục Bưu chính

Gim Ok-gyun
(Kim Ngọc Quân)

(Ujeongguk) đã gây đảo chính gọi là Gapsinjeongbyeon (chính biến Giáp Thân).

Họ lập nên chính phủ mới và tiến hành cải cách chính trị. Chính sách cải cách này xây dựng quyền tự chủ của Joseon đối với nhà Thanh, cải cách chế độ trợ thuế và đả phá Munbeol (Môn phiệt - những thế tộc lộng quyền chính trị). Nghĩa là đảng Gaehwa đã có dự định cải cách một số lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị để xây dựng một quốc gia cận đại. Nhưng cuộc đảo chính đã bị quân Thanh can thiệp và thất bại sau 3 ngày. Gim Ok-gyun, Bak Yeong-hyo ... phải sang Nhật tỵ nạn.

Nguyên nhân thất bại của chính biến Giáp Thân là do Phái Gaehwa lẽ ra nên vận động sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân thì lại dựa vào Nhật Bản để làm đảo chính. Hơn nữa lực lượng quân Thanh lại đông hơn so với quân Nhật Bản. Vì vậy, cuộc chính biến đã thất bại.

Kết quả của cuộc chính biến Giáp Thân

Chính quyền đảng Gaehwa tan vỡ sau 3 ngày, vua Gojong vô hiệu hoá toàn bộ những cải cách do phái này tuyên bố và cử phái đoàn đàm phán sang Nhật, phán đối Nhật đã tham gia chính biến và đòi Nhật trả Gim Ok-gyun cùng những người đang tỵ nạn chính trị về nước. Nhưng ngược lại, Nhật Bản đã thị uy bằng vũ lực và đòi Joseon phải xin lỗi, bồi thường cho cơ quan ngoại giao của Nhật đã bị cháy và các nhân viên trong đó đã thiệt mạng. Vì vậy, Joseon đã phải ký điều ước Hanseong (Hàn thành) xin lỗi và trả bồi thường cho Nhật.

Chính biến Giáp Thân thất bại đã gây bất lợi về vị thế chính trị của Nhật so với nhà Thanh, vì thế Nhật Bản đàm phán với nhà Thanh và ký điều ước Thiên Tân. Theo đó, quân đội cả 2 nước Thanh - Nhật đều rút quân khỏi Joseon và cam kết sau này nếu điều quân sang Joseon sẽ thông báo cho nhau biết. Nhưng cũng từ đó, hai nước này đã cạnh tranh nhau và tăng cường bành trướng kinh tế vào Joseon, 10 năm sau chiến tranh Trung - Nhật bắt đầu xảy ra.

3. Phong trào nông dân Donghak và cải cách Giáp Ngọ

Tóm tắt

Chính phủ sau khi cho phép tàu buôn các nước vào cảng Joseon đã thực hiện cải cách và tiếp thu văn hoá phương Tây nhưng vẫn không giải quyết được các vấn đề của nông dân. Nông dân càng cực khổ hơn vì sự xâm lược kinh tế của nước ngoài. Do đó, phong trào nông dân Donghak đã nổ ra nhằm bảo vệ đất nước chống lại sự xâm lược của các thế lực nước ngoài và thay đổi chính sách chính trị sai lầm nhưng phong trào này bị quân Nhật dập tắt. Sau đó, Gabogaehyeok (cải cách Giáp Ngọ) đã được thực hiện.

Những thay đổi trong đời sống của người nông dân sau khi mở cửa thông thương

Sự kiện Geomun-do

Sau khi cuộc chính biến Giáp Thân thất bại, nhà Thanh càng can thiệp sâu vào chính trị, ngoại giao của Joseon. Để hạn chế sự can thiệp nội chính của nhà Thanh, Joseon đã đặt quan hệ hữu nghị với Mỹ nhưng thấy Mỹ tỏ thái độ thờ ơ thì lại quay ra kết thân với Nga.

Để mở rộng mạng lưới cảng không đóng băng, thực hiện chính sách Nam tiến, Nga đã ký hiệp ước thông thương với Joseon và thuê Gyeongheung, Hamgyeongbuk-do. Đồng thời cử công sứ Waeber, K.I. sang Joseon xây dựng thế lực thân Nga và vì vậy các cường quốc đều đã chú ý hơn đến Joseon, cuộc cạnh tranh giữa các thế lực xâu xé Joseon ngày càng trở nên quyết liệt. Đặc biệt, Anh đã chiếm Geomun-do để đối phó với ý đồ Nam tiến của Nga. Bán đảo Joseon bị tranh giành và rơi vào khủng hoảng có tính quốc tế. Trong thời gian này,

cũng có chủ trương muốn biến Joseon thành một nước trung lập. Nguyên nhân là do sự đối lập giữa các cường quốc đang xâu xé Joseon ngày càng rõ rệt và quyết liệt.

Lệnh tích trữ lương thực (Banggongnyeong – Phòng cốc lệnh)

Sau cuộc chính biến Giáp Thân, Nhật Bản mất dần sự ảnh hưởng về chính trị đối với Joseon vì vậy ngày càng tăng cường bành trướng hơn về mặt kinh tế.

Sau khi thông thương được với cảng của Joseon, Nhật Bản đã mua nhiều gạo, đỗ và các lương thực khác của Joseon và bán hàng hoá là vải của đế quốc Anh cho Joseon. Vào những năm đói kém, mất mùa, lương thực bị xuất hết cho Nhật càng làm cho đời sống của nông dân thêm cực khổ. Hơn nữa, sau cuộc bạo loạn quân đội năm Nhâm Ngọ, các nhà buôn Trung Quốc cũng đã hoạt động mạnh hơn, cạnh tranh với các thương gia Nhật Bản vì vậy nền kinh tế ở nông thôn Joseon càng trở nên kiệt quệ.

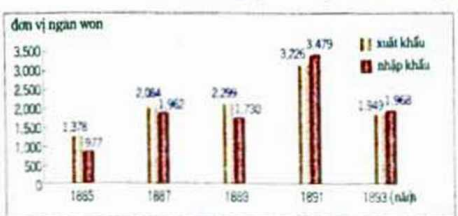

Tình hình mậu dịch với Nhật sau khi mở cửa thông thương

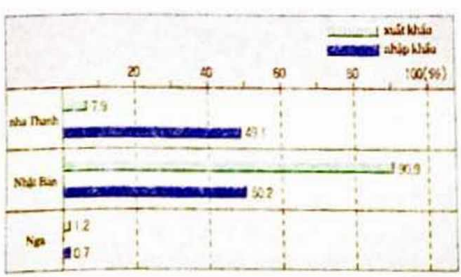

Lượng mậu dịch năm 1893

Để chống lại sự bành trướng kinh tế của Nhật Bản, một số địa phương đề ra Banggongnyeong (Phòng cốc lệnh – lệnh tích trữ lương thực) nhằm ngăn chặn các thương gia Nhật mua lương thực. Nhưng Nhật Bản đã đòi Joseon phải bồi thường vì cho rằng điều này đã làm thiệt hại cho Nhật. Joseon đã phải tuân theo và thiệt hại càng trở nên lớn hơn.

Lúc này, đa số nông dân là các tá điền, sau khi trả thuế cho điền chủ và đóng các khoản thuế khác cho nhà nước họ chỉ còn lại nợ nần triền miên. Trong tình cảnh đó, lại thêm có sự bành trướng kinh tế của Nhật,

đời sống nông dân càng trở nên vô cùng khó khăn. Trong nông dân, tâm lý bài Nhật ngày càng lan rộng. Đồng thời sự mất tín nhiệm đối với triều đình ngày càng rõ nét vì triều đình đã không có khả năng ứng phó với các chính sách bành trướng kinh tế của các thế lực nước ngoài. Trong bối cảnh đó, tư tưởng Donghak đã được phổ biến rộng khắp.

Quá trình triển khai và ý nghĩa phong trào nông dân Donghak

Sự phổ cập của Donghak

Nhà nước Joseon đã coi Donghak là tà đạo và đã xử tử hình người khởi xướng của Donghak là ông Choe Je-u, nhưng những đệ tử của ông đã soạn lại và tiếp tục tuyên truyền học thuyết Donghak. Khi đó, nông thôn Joseon rất bất ổn về chính trị và khó khăn về kinh tế. Vì vậy, tư tưởng Donghak nhanh chóng được phổ biến rộng rãi trong nông dân và hình thành nên các tổ chức đoàn thể.

Trước sự đàn áp của chính phủ, phái Donghak tập hợp ở Samnye, Jeolla-do, đòi chính phủ ngừng đàn áp Donghak và khôi phục danh dự cho ông Choe Je-u. Sau cuộc tập hợp ở Samnye, 40 nhà lãnh đạo của Donghak đã đến cung Gyeongbok kiến nghị. Cùng lúc đó ở Boeun (Bảo Ân), Chungcheong-do, những người phái Donghak cùng khoảng 2 vạn nông dân đã tổ chức mít tinh với chủ trương không chỉ đòi tự do tín ngưỡng cho Donghak mà còn đòi xử lý các quan lại tham nhũng và tẩy chay các thế lực ngoại xâm.

Sự Bùng nổ của phong trào nông dân Donghak

Trong bối cảnh sự bành trướng kinh tế của thế lực nước ngoài và sự hỗn loạn chính trị khiến đời sống nông thôn ngột ngạt như vậy thì ở Jeolla-do, Quận Thủ Gobu (Cổ Phụ) là Jo Byeong-gap (Triệu Bính Giáp) đã gây ra nhiều hành động bất chính, phiền nhiễu nông dân. Vì vậy, Jeon Bong-jun (Trần Bông Chuẩn) đã ra khẩu hiệu "trừ diệt tham quan ô lại, cứu bách tính" và tập hợp nông dân để tấn công vào trụ sở quan lại.

Đồng thời phá kho lương thực chia cho nông dân, giải phóng cho những người bị giam giữ. Đó là khởi đầu của phong trào nông dân Donghak (1894).

Chính phủ đã cử một số quan lại đến nhưng họ không biết xử lý sự việc đúng đắn, khiến tình hình càng trở nên xấu đi. Jeon Bong-jun cùng Gim Gae-nam (Kim Khai Nam), Son Hwa-jung (Tôn Hoa Trung), là những người có thế lực của phái Donghak, đã gửi thông báo đến nông dân để thành lập tổ chức đội quân nông dân.

Đội quân nông dân chiếm giữ Jeonju

Đội quân nông dân thắng quân triều đình trong trận chiến Hwangtohyeon (Hoàng Thổ Hiên) đã chiếm được một phần Jeolla-do. Trong trận Jangseong (Trường Thành) họ cũng đã đánh bại quân triều đình do Seoul phái đến. Ở khắp các nơi, khí thế nông dân sôi sục và cuối cùng họ cũng đã chiếm được Jeonju.

Triều đình đã phải nhanh chóng nhờ đến viện trợ của quân Thanh để dẹp đội quân nông dân này. Nhân đà đó, Nhật cũng đã cử quân tới. Để tránh sự tham gia can thiệp của thế lực nước ngoài, đội quân nông dân đã nhanh chóng ký hoà ước với triều đình. Sau khi rút khỏi Jeonju, đội quân nông dân đã tạm thời giải tán.

Đề án cải cách do nông dân gửi triều đình đã phản ánh được những suy nghĩ của nông dân, nêu rõ những mâu thuẫn về chính trị và phản đối sự xâm lược của nước ngoài.

Nông dân thiết lập nên các đơn vị tự trị gọi là Jipgangso (Chấp cương sở) ở các địa phương của Jeolla-do với dự định sẽ giải quyết lần lượt các vấn đề mà chế độ chính trị sai lầm đã gây ra.

Sự thất bại của phong trao nông dân Donghak

Sau khi ký hoà ước Jeonju, nông dân giải tán, triều đình yêu cầu Nhật rút quân. Nhưng Nhật không những từ chối đề nghị này mà còn xâm phạm cung đình. Vì thế, khi các hành vi xâm lược của Nhật đã quá lộ liễu, nông dân đã lại nổi dậy chống lại quân Nhật.

Đội quân nông dân đã từng Bắc tiến đến Seoul mở trận chiến quyết liệt với quân Nhật và quân triều đình tại Gongju. Nhưng họ không địch lại được với quân Nhật được trang bị vũ khí tối tân nên đã bị hy sinh rất nhiều, cuối cùng họ thất bại và đã bị đẩy lùi.

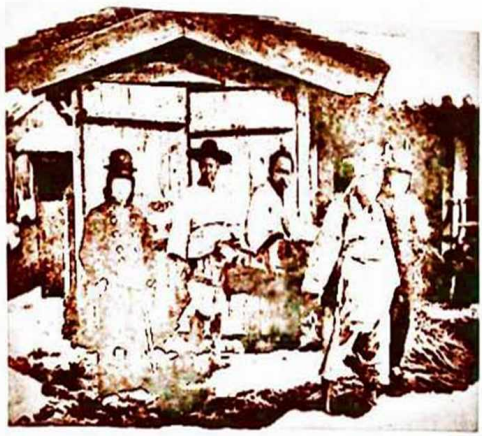

Jeon Bong-jun thủ lĩnh của nông dân Donghak bị bắt giải lên Seoul

Đội quân nông dân tổ chức trận quyết tử cuối cùng ở Taein (Thái Nhân) nhưng đã không xoay chuyển được tình thế. Cuối cùng, Jeon Bong-jun lúc đó đang nấu mình trong nhà dân với mưu đồ tái chiến cũng đã bị bắt và bị xử tử hình.

Như vậy, ước mơ của những người nông dân muốn xây dựng một xã hội mới, xây dựng một quốc gia tự chủ đã tan vỡ.

Nội dung và hạn chế của cải cách Giáp Ngọ

Thực hiện cải cách cận đại

Phong trào nông dân Donghak đã góp phần tìm ra con đường cải cách để chấn chỉnh nền chính trị sai lệch. Chính quyền Joseon có chú trọng đến các vấn đề nông dân đưa ra để tiến hành cải cách nhưng các thế lực phản đối cải cách cũng không phải là ít.

Lúc này, quân Nhật bao vây cung Gyeongbok, phế bỏ thế lực của dòng họ Min, dựng Heungseon Daewongun lên để tiến hành các cải cách. Nội các do Gim Hong-jip làm thủ tướng được dựng lên, Gungukgimucheo (Quân quốc cơ vụ xứ) cũng được lập ra để đẩy mạnh cải cách các chính sách của nhà nước. Gungukgimucheo là cơ quan lâm thời thực hiện các chính sách cải cách chủ yếu của quốc gia về chính trị, kinh tế, xã hội.

Những cải cách này gọi là cải cách Giáp Ngọ. Cải cách Giáp Ngọ có

nội dung manh nha từ phong trào Khai hoá xuất phát từ những phong trào của nông dân mưu cầu một xã hội mới sau thời hậu kỳ Joseon. Cải cách này hàm chứa nguyện vọng của dân tộc đối với việc cải cách xã hội truyền thống. Nội dung của cải cách bao gồm những điều đã được phái Kaehwa trong chính biến Giáp Thân đưa ra và bao gồm cả điều khoản xoá bỏ chế độ đẳng cấp mà nông dân trong phong trào Donghak đã chủ trương đề ra, nó cũng bao gồm nhiều nội dung quan trọng cải cách các chế độ xã hội, kinh tế, chính trị trong thời cận đại.

Nhật Bản thắng lợi trong chiến tranh Trung - Nhật thì sự can thiệp của Nhật càng quá đáng hơn. Heungseon Daewongun bị thất sủng vì đã không nhiệt tình trong chỉ đạo cải cách, Bak Yeong-hyo và Seo Gwang-beom đang tỵ nạn ở Mỹ và Nhật quay về nước để chỉ đạo cải cách, tuyên bố điều Hongbeom (Hồng Phạm) để thể hiện cho tinh thần và nội dung cải cách của mình. Đồng thời tuyên bố Gyoyuk Ipguk Joseo" (Giáo dục lập quốc trợ thư) nhấn mạnh vào tầm quan trọng của giáo dục và chuẩn bị tiến hành phát triển nền giáo dục cận đại.

Hạn chế của cải cách Giáp Ngọ

Gungukgimucheo (Quốc quân cơ vụ xứ) trong vòng 5 tháng đã tuyên bố 200 đề án cải cách nhưng không thực hiện được triệt để. Nguyên nhân là do nhân dân thấy bất an về chính trị xã hội và có ác cảm đối với sự can thiệp mang tính xâm lược của Nhật Bản. Những người chủ trương cải cách lại chưa xem xét thấu đáo tình hình thực tế của Joseon, dự tính cải cách theo hướng cận đại giống với Nhật Bản. Điều này thậm chí có thể trở thành hiểm họa dọn đường cho Nhật Bản xâm lược Joseon. Việc cải cách quân sự để tăng cường quốc phòng bị xem nhẹ và cải cách ruộng đất, vốn là nguyện vọng thiết thực của nông dân cũng không được thực hiện. Điều này đã gây nên sự bất mãn trong nông dân.

VIII. Sự triển khai của phong trào bảo vệ chủ quyền

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khác
Biến cố Ất Mui, Yu Gil-jun (Du Cat Tuân) viết Seoyugyeonmun (Tây du kiến văn)	1895		Cuba: José Martí lãnh đạo cuộc nổi dậy chống Tây Ban Nha
Quốc vương lánh nạn tại toà công sứ Nga, Thanh lập Hiệp hội độc lập, phat hanh Độc lập Tân văn	1896	Phong trào Cần Vương chấm dứt	Đại hội Olimpic lần thứ nhất
Đại Hàn đế quốc ra đời	1897	Bắt đầu cuộc khai thac thuộc địa lần thứ nhất (1897~1914)	
Khai mạc Vạn dân công đồng hội, phat hành Hoàng thanh Tân văn	1898		Trung Quốc : Cải cách Mậu Tuất. Chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha
Khai thông đường sắt nối Seoul - Incheon	1899	Sat nhập Lao vao Đông Dương	Hội nghị hoà bình đầu tiên tại Hague, Chiến tranh Anh - Boer bùng nổ
Khai thông đường sắt nối Seoul - Busan,	1904	Phan Bội Châu và các nha yêu nước lập Duy Tân hội	Chiến tranh Nga - Nhật
Điều ước Ất Tỵ, Sang lập Thiên đạo giáo	1905	Phong trao đông Du của Phan Bội Châu va Duy Tân hội (1905~1908)	Nga: Cách mạng 1905, Einstein đề ra thuyết tương đối
Nhật Bản lập Phủ Thống giam	1906		Anh: Hạ thuỷ chiếc tàu chiến lớn đầu tiên Dreadnought mở đầu việc xây dựng hải quân trên thế giới.
Phong trào trả nợ cho quốc gia, Hoàng đế Gojong (Cao Tông) thoai vị, giải tan quân đội, thanh lập Tân dân hội	1907	Đông Kinh Nghĩa Thục	Hội nghị quốc tế ở La Haye (Hà Lan) soạn thảo 13 điều công ước ngăn ngừa chiến tranh, hoa giải xung đột và bảo vệ nền trung lập
	1908	Phong trao chống thuế ở Trung Kỳ	Nổ ra cuộc khủng hoảng Balkan
Nghĩa cử của nghĩa sỹ An Jung-geun (An Trọng Cân), sáng lập Đại tôn giáo	1909		Lần đầu tiên Louis Bleroit (Pháp) vượt biển Manche bằng phi cơ
Chủ quyền đất nước rơi vao tay đế quốc Nhật	1910		Nền cộng hoa Bồ Đao Nha được thành lập

1. Hiệp hội độc lập và Đại Hàn đế quốc

Tóm tắt

Sự kiện ba cường quốc can thiệp và sự kiện Nhật sát hại Hoàng hậu Myeongseong (Minh Thành) xảy ra giữa lúc Nhật Bản và Nga đang tranh giành nhau bán đảo Hàn. Lúc này, Hiệp hội Độc lập được thành lập để triển khai các phong trào bảo vệ độc lập tự chủ của dân tộc.

Đế quốc đại Hàn được thành lập nhờ vận động tự chủ tự cường của quốc dân đã thực hiện một số cải cách, tạo nên diện mạo mới của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều khó khăn do khuynh hướng bảo thủ của tầng lớp cầm quyền và sự can thiệp của thế lực nước ngoài.

Nguyên nhân xảy ra sự kiện Ất Mùi

Sự can thiệp của 3 cường quốc

Nhật giành được thắng lợi trong chiến tranh Trung - Nhật và can thiệp ngày càng sâu vào nội chính Joseon, bắt đầu thể hiện dã tâm xâm lược Joseon. Vua Gojong (Cao Tông) và Hoàng hậu Myeongseong cố tìm cách để đưa Joseon thoát khỏi sự can thiệp của Nhật Bản.

Là người chiến thắng trong chiến tranh Trung - Nhật, Nhật giành lấy bán đảo Yodong từ tay Trung Quốc nhằm gây dựng thế lực ở đại lục Trung Hoa và ngăn chặn quá trình Nam tiến của Nga. Nga thực hiện chính sách Nam tiến từ trước, vội lôi kéo Pháp và Đức vốn là những nước đã có quan hệ kinh tế từ lâu ở khu vực này, yêu cầu Nhật trả lại bán đảo Yodong về cho nhà Thanh. Sự kiện này được gọi là sự kiện tam quốc can thiệp (3 cường quốc can thiệp).

Nhật Bản không thể từ chối yêu cầu của 3 nước nên buộc phải tuân theo. Ngay khi nhận thấy vị thế hàng đầu của Nga sau sự can thiệp của

3 nước, vua Gojong và Hoàng hậu Myeongseong vốn bất mãn với Nhật đã tiến hành nhiều chính sách để lợi dụng thế lực của Nga.

Sát hại Hoàng hậu Myeongseong và Danballyeong
(đoạn phat lệnh – lệnh cắt toc ngắn)

Với mưu đồ xâm lược Joseon, Nhật Bản rất lo ngại trước những động thái này của Joseon và cho rằng Hoàng hậu Myeongseong là chướng ngại lớn nhất, công sứ Nhật đã cho quân lính lẻn vào cung ám sát Hoàng hậu Myeongseong (1895). Hành động dã man của Nhật Bản đã chà đạp lên chủ quyền của Joseon và bị dư luận thế giới lên án gay gắt. Chính phủ Nhật đã biện minh rằng không hề biết đến sự việc này.

Mặt khác, nội các thân Nhật được lập nên dưới áp lực của Nhật tỏ ra sẵn sàng tiến hành các cải cách một cách triệt để thay vì thụ động như trước đây. Chẳng hạn như những cải cách sử dụng dương lịch thay âm lịch, thực hiện chế độ bưu điện, định ra niên hiệu là Geonyang (Kiến Dương), ban bố Danballyeong (Đoạn phat lệnh – lệnh cắt tóc ngắn).

Sự kiện Ất Mùi

Việc Nhật sát hại Hoàng hậu Myeongseong và can thiệp nội chính Joseon đã làm bùng lên tinh thần kháng Nhật của người dân Joseon. Đặc biệt Danballyeong đã châm ngòi cho sự phẫn nộ của dân Hàn bùng phát dưới nhiều hình thức như gửi kháng nghị về sự sai trái của Danballyeong, công chức từ chức hoặc sinh viên bãi học ... Các Nho sinh thì phản bác rằng " Thân thể con người do cha mẹ trao cho nên việc làm tổn hại hay thay đổi nó đều là bất hiếu, dù cắt cổ cũng không cắt được búi tóc".

Sau khi mở cửa thông thương, Nhật Bản liên tục bành trướng kinh tế, chính trị và đặc biệt vụ ám sát Hoàng hậu Myeongseong cùng với Danballyeong đã khiến làn sóng phản kháng trong nhân dân Joseon dâng cao và cuối cùng đã phát triển thành phong trào nghĩa binh kháng Nhật. Phong trào nghĩa binh này do các nho sinh từng cảnh báo về sự xâm lược và phản đối việc ký hiệp ước với Nhật Bản, giao lưu với

phương Tây đứng ra lãnh đạo.

Lúc này, cầm đầu nghĩa quân là I So-eung (Lý Chiêu ứng) và Yu In-seok (Liễu Lân Tích), những người chịu ảnh hưởng của I Hang-ro (Lý Hãng Lão). Tướng I So-eung hoạt động chủ yếu ở vùng Chuncheon (Xuân Xuyên) còn tướng Yu In-seok lấy vùng Jecheon (Đê Xuyên) làm trung tâm và đã chiếm lĩnh được thành Chungju (Trung châu).

Phong trào nghĩa binh đã ngăn chặn được sự xâm lược của Nhật và trở thành một dòng chảy trong phong trào chung của dân tộc nhằm bảo vệ dân tộc, bảo vệ đất nước.

Yu In-seok (Liễu Lân Tích)

Xã hội mà lãnh đạo Hiệp hội Độc lập muốn dựng nên

Quốc vương lánh nạn tại toà công sứ Nga

Khi phong trào nghĩa binh kháng Nhật được triển khai, Nga đã tranh thủ sự hỗn loạn trong nội bộ Joseon để mở rộng thế lực của mình. Nga đưa lực lượng của mình vào trong nội các Joseon đồng thời tìm cách tiếp cận với vua Gojong vốn đang thù ghét Nhật Bản. Sau vụ Hoàng hậu Myeongseong bị ám sát, vua Gojong càng căm ghét Nhật, muốn dựa thế Nga để tránh sự đe dọa của Nhật nên đã chuyển đến ở toà công sứ Nga (1896).

Trong thời gian vua Gojong ở đó một năm, Nga đã can thiệp

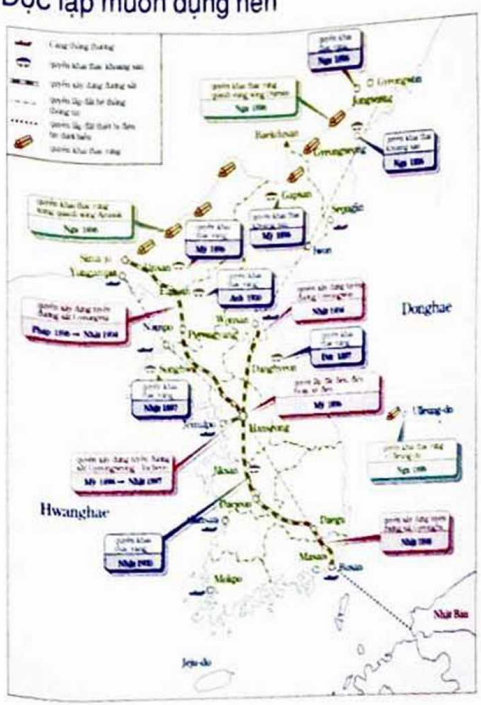

Sự chia sẻ quyền lợi của các nước lớn

vào nội chính của Joseon bằng cách cố vấn về quân sự và về tài chính. Điều này khiến một dân tộc độc lập như Joseon đã dần dần mất đi uy tín quốc tế. Cũng trong thời gian này, bắt đầu từ Nga, các nước khác như Nhật, Mỹ cũng tranh nhau tìm kiếm các quyền lợi như: quyền khai thác khoáng sản, quyền xây dựng đường sắt, quyền khai thác rừng ...

Hoạt động của Dongnip Hyeopoe (Hiệp hội Độc lập)

Trước sự bành trướng liên tục của các thế lực nước ngoài, đe dọa quyền tự chủ của đất nước, trong nhân dân đã dấy lên làn sóng bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc. Seo Jae-pil (Từ Tài Bật), chủ bút báo Độc lập Tân văn, đã cùng các trí thức phái Gaehwa đứng ra thành lập Hiệp hội Độc lập (1896).

Ban đầu, Dongnip Hyeopoe có cả các quan chức cao cấp của chính phủ tham gia, nhưng dần dần nó phát triển rộng theo chiều hướng mở rộng sang quần chúng nhân dân, được tổ chức thành các chi hội ở từng địa phương và phát triển thành các đoàn thể trên toàn quốc. Dongnip Hyeopoe không hạn chế tư cách hội viên, không chỉ các học giả, thương nhân, nông dân, người lao động mà cả tầng lớp bị xã hội coi rẻ trước đây cũng được tham gia. Phương hướng hành động của Dongnip Hyeopoe là khai sáng cho quốc dân, tham gia các hoạt động chính trị để bảo vệ độc lập, tự chủ cho đất nước, bảo vệ quyền lợi của nhân dân, thông qua cải cách để làm giàu cho đất nước.

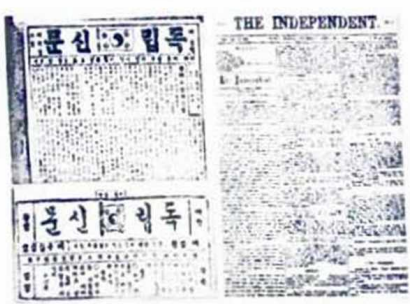

Dongnip Sinmun (Độc lập Tân văn)

Dongnip Hyeopoe thông qua báo "Dongnip Sinmun" (độc Lập Tân văn) khai sáng cho đồng bào, quyên góp tiền ủng hộ của nhân dân, kéo sập cổng trước đây từng để đón tiếp sứ thần Trung Quốc, dựng thay vào đó cổng độc lập, thường xuyên mở các hội thảo, diễn thuyết để cổ xuý tinh thần độc lập tự chủ của quốc dân. Đặc biệt, Dongnip Hyeopoe chủ trương phải hoạt động chính trị theo

phương châm tôn trọng quyền lợi của quốc dân thì mới có thể xây dựng đất nước giàu mạnh.

Dongnip Hyeopoe khởi xướng các phong trào phản đối các nước đã giành mất quyền lợi của Joseon và yêu cầu vua Gojong đang trú ngụ tại toà công sứ Nga hồi cung.

Manmin Gongdonghoe (Vạn dân cộng đồng hội)

Trong các hoạt động của Dongnip Hyeopoe, đặc trưng nổi bật nhất là Manmin Gongdonghoe (Vạn dân cộng đồng hội). Manmin Gongdonghoe được tổ chức tại Jongno, Seoul đã tập hợp đông đảo quần chúng do hội viên Dongnip Hyeopoe chủ trì, dân thường cũng tham gia (1898).

Manmin Gongdonghoe đã thảo luận về các vấn đề chính trị xã hội và dâng lên vua bản kiến nghị của nhân dân thành phố như yêu cầu cải cách chính trị phản đối hệ thống chính trị phụ thuộc nước ngoài, đòi thực hiện nền chính trị nghị hội mang tính chất cận đại.

Ngay khi các chủ trương đưa ra của Manmin Gongdonghoe mà trung tâm là quần chúng nhân dân trở nên mạnh mẽ hơn, một số nhà chính trị bảo thủ cảm thấy lo ngại và đã tìm bắt các cán bộ hoạt động của Dongnip Hyeopoe. Nhân cớ Dongnip Hyeopoe xung đột với Hwangguk Hyeophoe (Hiệp hội Hoàng Quốc) do những Bobusang (bảo phụ thương - người buôn bán hàng rong) thành lập, chính phủ đã giải tán Dongnip Hyeopoe.

Hoạt động của Dongnip Hyeopoe đã khích lệ tinh thần độc lập tự chủ, có ảnh hưởng rất lớn đến các phong trào dân tộc chống ngoại xâm của nhân dân Joseon.

Những nỗ lực của Đại Hàn đế quốc trong việc xây dựng quốc gia tự chủ

Thành lập Đại Hàn đế quốc

Thông qua các hoạt động của Dongnip Hyeopoe, nhân dân ngày càng lên tiếng đòi độc lập tự chủ, dư luận của quần chúng đòi vua Gojong đang tạm trú tại toà công sứ Nga hồi cung ngày càng mạnh mẽ.

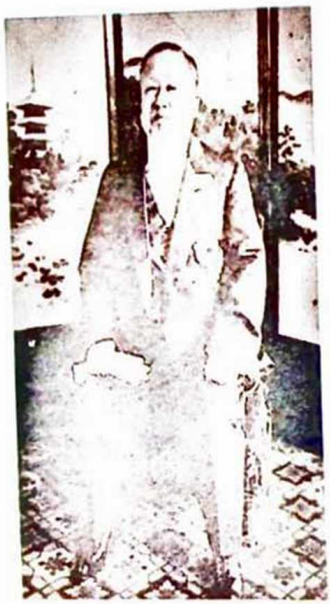

Vua Gojong (Cao Tông)

Trước tình thế đó, vua Gojong đã quay về cung Gyeongun (Khánh Vận – Deoksugung ngày nay). Vua Gojong đặt quốc hiệu là Daehanjeguk (Đại Hàn Đế Quốc) nhằm nâng cao uy tín quốc tế của đất nước, vốn đã bị mai một trong một thời gian, đặt niên hiệu là Gwangmu (Quang Vũ), cử hành lễ lên ngôi hoàng đế, tạo nên diện mạo tự chủ cho quốc gia (1897).

Cải cách Gwangmu (Quang Vũ)

Đại Hàn Đế Quốc lợi dụng tình thế các thế lực nước ngoài cạnh tranh để xác lập nền tự chủ của đất nước, thực hiện một số cải cách để phát triển đất nước, đặc biệt tập trung phát triển công nghiệp và chấn hưng giáo dục.

Để đảm bảo nguồn tài chính, nhà nước thực hiện việc đo điền thổ theo kiểu mới, thành lập các nhà máy, công xưởng để phát triển công thương nghiệp. Nhà nước thành lập các trường y, trường học nghề, trường Gwangmu và trường công thương ... để bồi dưỡng doanh nhân và các kỹ sư mới. Với các chính sách của nhà nước như vậy, các cá nhân đã tự thành lập và điều hành công xưởng, nhiều trường tư thục cũng được thành lập.

Mặt khác, Đại Hàn Đế Quốc đã cải cách quy chế quân đội, tăng cường quân đội bảo vệ Seoul và cung đình, đóng quân ở các địa phương để bảo vệ đất nước, tự chủ độc lập, chống ngoại xâm. Đại Hàn Đế Quốc liên tục nỗ lực cải cách để phát triển đất nước độc lập tự chủ, song các thế lực nước ngoài vẫn không chịu buông tha.

2. Sự xâm lược của Nhật và chiến tranh nghĩa binh

Tóm tắt

Nhật thắng lợi trong chiến tranh Nga - Nhật và lần lượt giành quyền lợi về các mặt quân sự, ngoại giao của Đại Hàn Đế Quốc. Nhân dân Hàn tổ chức các phong trào dân tộc mạnh mẽ chống xâm lược Nhật Bản. Thời kỳ này có 2 phong trào lớn kháng Nhật là phong trào Khai sáng ái quốc và chiến tranh nghĩa binh với quy mô được triển khai trên toàn quốc.

Phản đối điều ước Ất Tỵ

Điều ước ất Tỵ

Sau chiến tranh Trung - Nhật, Nga mở rộng thế lực chiếm quyền xây dựng đường sắt Manju và bành trướng thế lực ở bán đảo Hàn. Thế lực của Nga tăng lên cùng sự đối đầu với Nhật Bản ngày càng mạnh mẽ. Lúc này, Anh, vốn là nước đối đầu với Nga, đã ký hiệp ước đồng minh có hiệu lực trên toàn thế giới với Nhật và giúp đỡ Nhật. Sự đối đầu giữa hai nước đã phát triển thành cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904).

Nhật Bản sau thắng lợi trong chiến tranh Nga - Nhật đã chính thức xâm lược bán đảo Hàn. Nội dung chủ yếu nhất trong điều ước Ất Tỵ là yêu cầu được xây dựng Tonggambu (Phủ Thống giám) đặt tại Seoul và cướp quyền ngoại giao (1905). Ito Hirobumi (Y Đằng Bạc Văn), người nhận nhiệm vụ đứng đầu Phủ Thống giám đã một mặt tiến hành áp bức tự do chính trị của nhân dân Hàn mặt khác bắt đầu thực hiện thực dân hoá trên bán đảo Hàn.

Văn bản điều ước Ất Tỵ

Toà nha Phủ Thống giám của đế quốc Nhật

Cuộc đấu tranh phản đối điều ước Ất Tỵ

Mặc dù hoàng đế Gojong cự tuyệt, Nhật Bản vẫn đơn phương công bố điều ước Ất Tỵ làm cho sự phẫn nộ của người dân Hàn bùng phát dưới nhiều hình thức. Các thương nhân đồng loạt đóng cửa hàng để bày tỏ sự chống đối, học sinh bãi học ...

Một số cựu quan chức cao cấp như I Sang-seol (Lý Tương Thiết) và Choe Ik-hyeon (Thôi ích Huyền) đã cùng các Nho sinh chủ trương vô hiệu hoá điều ước, gửi kháng nghị buộc tội kẻ bán nước. Jang Ji-yeon (Trương Chỉ Uyên) đã đăng các bài xã luận trên báo Hoàng Thành tân văn, vạch bộ mặt xâm lược của Nhật và phê phán gay gắt một số đại thần thân Nhật đã ký điều ước.

Lúc đó, Min Yeong-hwan (Mân Vịnh Hoàn) – người được giao nhiệm vụ bảo vệ hoàng đế Gojong đã tự sát sau khi để lại di chúc cho đồng bào để biểu thị sự phản đối.

Giữa lúc dân chúng nổi dậy phản đối điều ước Ất Tỵ, hoàng đế Gojong tuyên bố vô hiệu hoá việc ký kết này và lên án sự bất hợp lý của điều ước trước cộng đồng thế giới. Đặc biệt, ông đã cử đặc phái Hulbert đến Mỹ trên cơ sở hiệp định hai bên gọi là Triều - Mỹ thông thương hữu nghị để thế giới biết rằng điều ước Ất Tỵ đã bị vô hiệu hoá (1907). Tuy nhiên, do tình thế lúc đó, quốc tế đã thừa nhận sự thống trị Đại

Hàn của Nhật Bản nên những cố gắng ngoại giao của hoàng đế Gojong đã không gặt hái được thành công.

Mặt khác, sau điều ước Ất Tỵ, các đội quân nghĩa binh có quy mô lớn đã nổi dậy chiến đấu chống Nhật ở khắp nơi. Tiêu biểu là các hoạt động của những người cầm đầu nghĩa binh như: Min Jong-sik (Mân Tông Thực), Choe Ik-hyeon (Thôi ích Huyền), Sin Dol-seok.

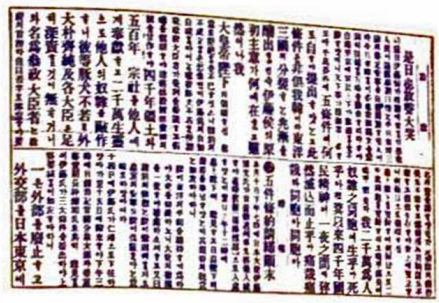

"Sillya Bangseong Daegok"
(Hôm nay hãy khóc to lên)

Đội nghĩa binh do thủ lĩnh xuất thân thường dân là Sin Dol-seok lãnh đạo hoạt động ở vùng Diên Đông Hải có lúc quân số đã lên tới hàng ngàn người. Cho đến lúc này, hầu hết các thủ lĩnh nghĩa binh đều là những quan chức cao cấp cũ hoặc xuất thân từ tầng lớp Nho sinh nên sự xuất hiện của một thủ lĩnh xuất thân từ thường dân như Sin Dol-seok cho thấy hoạt động của nghĩa binh đã phát triển thành phong trào bảo vệ chủ quyền tổ quốc của toàn dân tộc.

Các phong trào yêu nước

Trong khi cuộc chiến đấu của các nghĩa binh đang nổ ra trên toàn quốc thì các hoạt động trong và ngoài nước chống ngoại xâm, rửa mối thù dân tộc, ngăn chặn bọn bán nước, bọn đầu sỏ xâm lược cũng được tiếp tục phát triển.

Tại San Francisco, Jeon Myeong-un (Điền Minh Vân) và Jang In-hwan (Trương Nhân Hoán) đang ngụ cư tại Mỹ đã bắn chết Stevens. D.W., người Mỹ từng phát ngôn ca ngợi sự xâm lược Đại Hàn của Nhật Bản.

An Jung-geun
(An Trọng Căn)

An Jung-geun (An Trọng Căn), một thủ lĩnh nghĩa binh, người phát động cuộc chiến tranh kháng

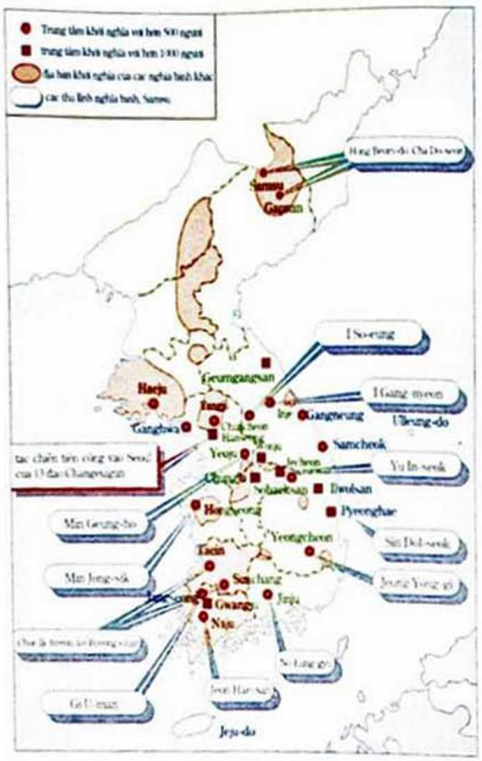

Hoạt động của nghĩa binh

Hình ảnh đội quân nghĩa binh (1907)

Nhật khắp trong và ngoài nước cũng đã hạ sát tên tổng trưởng đầu tiên của Phủ Thống giám là Ito Hirobumi (Y Đăng Bác Văn), kẻ tiến phong xâm lược Đại Hàn khi tên này đến Cáp Nhĩ Tân để hội đàm với đại diện của Nga. Việc hạ sát này thể hiện rõ ý chí và khao khát độc lập của dân tộc Hàn.

Quá trình mở rộng của chiến tranh nghĩa binh sau khi quân đội bị giải tán

Ép buộc Hoàng đế Gojong thoái vị

Nhật Bản dùng quân đội ép Hoàng đế Gojong thoái vị vì ông đã cản trở sự xâm lược của chúng (1907). Khi tin này lan ra, nhân dân Hàn phản đối quyết liệt nhưng Nhật Bản đã dùng vũ lực đàn áp và cưỡng chế Đại Hàn ký hiệp ước Hàn-Nhật mới. Theo hiệp ước này, người Nhật được bổ nhiệm vào tất cả các chức danh thứ trưởng của các bộ thuộc khối hành chính. Theo đó, sự giám sát tình hình nội chính Đại Hàn của Nhật Bản ngày càng gắt gao hơn.

Chiến tranh nghĩa binh lan rộng

Sau khi ép vua Gojong thoái vị,

viện cớ tài chính của Đại Hàn khó khăn, Nhật ra lệnh giải tán quân đội. Ngay lập tức, các quân nhân phản đối và bắt đầu tổ chức đấu tranh chống Nhật.

Với sự gia nhập của các quân nhân bị giải ngũ, đội quân nghĩa binh hoạt động có tổ chức hơn, được trang bị vũ khí hiện đại hơn và sức chiến đấu mạnh hơn rất nhiều.

Cuộc chiến đấu kháng Nhật của các nghĩa binh đã mang tính chất của cuộc chiến tranh chống Nhật có quy mô trên toàn quốc. Nghĩa quân tổ chức chiến đấu với quân Nhật ở khắp các địa phương. Đồng thời đề ra chủ trương phải đuổi hết quân Nhật ra khỏi Seoul, và nghĩa quân các địa phương đã lập kế hoạch liên kết tác chiến, tổng tấn công vào Seoul.

Một vạn quân nghĩa binh tập kết ở Yangju (Dương Châu), Gyeonggi-do, trong đó 300 quân tinh nhuệ đã tiến sát tới vùng phụ cận của Seoul nhưng bị quân Nhật đánh phủ đầu nên kế hoạch không thành. Sau đó, cuộc chiến đấu kháng Nhật ở các địa phương vẫn tiếp tục diễn ra nhưng lực lượng yếu hơn so với quân Nhật. Quân Nhật đã mở các cuộc tác chiến quy mô lớn và dần dần làm suy yếu được hoạt động của nghĩa binh.

Một số đội nghĩa binh sau khi chủ quyền đất nước bị tước đoạt đã lánh sang Manju hoặc Yeonhae-ju và hoạt động độc lập ở đó.

Vấn đề Gando (Gian đao) và Dokdo (độc đao)

Vấn đề Gando (Gian đao)

Gando (Gian đảo) là đất của Goguryeo và sau đó thuộc Balhae vốn là đất của dân tộc Hàn từ rất lâu. Vào đời vua Sukjong (Túc Tông), triều đình Joseon và nhà Thanh đã lấy dãy núi Baekdusan (Bạch Đầu sơn) làm ranh giới và ghi dấu Gando thuộc lãnh thổ Joseon. Sau đó, rất nhiều người Joseon đã chuyển đến Gando và sinh sống, canh tác ở đó. Vì thế, khi nhà Thanh yêu cầu người Hàn rút lui và khẳng định Gando là đất của mình, Joseon đã cử quan cai trị đến dẹp yên và bảo vệ những người dân từ Joseon tới.

Hoạt động của nghĩa binh

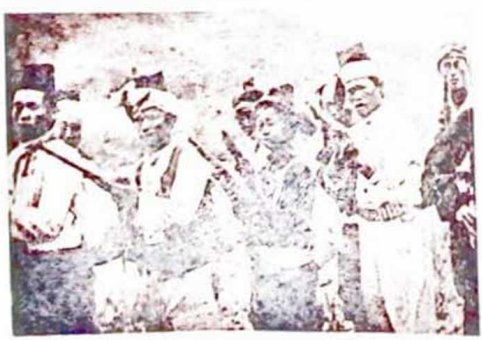

Hình ảnh đội quân nghĩa binh (1907)

Nhật khắp trong và ngoài nước cũng đã hạ sát tên tổng trưởng đầu tiên của Phủ Thống giám là Ito Hirobumi (Y Đăng Bác Văn), kẻ tiên phong xâm lược Đại Hàn khi tên này đến Cáp Nhĩ Tân để hội đàm với đại diện của Nga. Việc hạ sát này thể hiện rõ ý chí và khao khát độc lập của dân tộc Hàn.

Quá trình mở rộng của chiến tranh nghĩa binh sau khi quân đội bị giải tán

Ép buộc Hoàng đế Gojong thoái vị

Nhật Bản dùng quân đội ép Hoàng đế Gojong thoái vị vì ông đã cản trở sự xâm lược của chúng (1907). Khi tin này lan ra, nhân dân Hàn phản đối quyết liệt nhưng Nhật Bản đã dùng vũ lực đàn áp và cưỡng chế Đại Hàn ký hiệp ước Hàn-Nhật mới. Theo hiệp ước này, người Nhật được bổ nhiệm vào tất cả các chức danh thứ trưởng của các bộ thuộc khối hành chính. Theo đó, sự giám sát tình hình nội chính Đại Hàn của Nhật Bản ngày càng gắt gao hơn.

Chiến tranh nghĩa binh lan rộng

Sau khi ép vua Gojong thoái vị,

viện cớ tài chính của Đại Hàn khó khăn, Nhật ra lệnh giải tán quân đội. Ngay lập tức, các quân nhân phản đối và bắt đầu tổ chức đấu tranh chống Nhật.

Với sự gia nhập của các quân nhân bị giải ngũ, đội quân nghĩa binh hoạt động có tổ chức hơn, được trang bị vũ khí hiện đại hơn và sức chiến đấu mạnh hơn rất nhiều.

Cuộc chiến đấu kháng Nhật của các nghĩa binh đã mang tính chất của cuộc chiến tranh chống Nhật có quy mô trên toàn quốc. Nghĩa quân tổ chức chiến đấu với quân Nhật ở khắp các địa phương. Đồng thời đề ra chủ trương phải đuổi hết quân Nhật ra khỏi Seoul, và nghĩa quân các địa phương đã lập kế hoạch liên kết tác chiến, tổng tấn công vào Seoul.

Một vạn quân nghĩa binh tập kết ở Yangju (Dương Châu), Gyeonggi-do, trong đó 300 quân tinh nhuệ đã tiến sát tới vùng phụ cận của Seoul nhưng bị quân Nhật đánh phủ đầu nên kế hoạch không thành. Sau đó, cuộc chiến đấu kháng Nhật ở các địa phương vẫn tiếp tục diễn ra nhưng lực lượng yếu hơn so với quân Nhật. Quân Nhật đã mở các cuộc tác chiến quy mô lớn và dần dần làm suy yếu được hoạt động của nghĩa binh.

Một số đội nghĩa binh sau khi chủ quyền đất nước bị tước đoạt đã lánh sang Manju hoặc Yeonhae-ju và hoạt động độc lập ở đó.

Vấn đề Gando (Gian đảo) và Dokdo (độc đảo)

Vấn đề Gando (Gian đảo)

Gando (Gian đảo) là đất của Goguryeo và sau đó thuộc Balhae vốn là đất của dân tộc Hàn từ rất lâu. Vào đời vua Sukjong (Túc Tông), triều đình Joseon và nhà Thanh đã lấy dãy núi Baekdusan (Bạch Đầu sơn) làm ranh giới và ghi dấu Gando thuộc lãnh thổ Joseon. Sau đó, rất nhiều người Joseon đã chuyển đến Gando và sinh sống, canh tác ở đó. Vì thế, khi nhà Thanh yêu cầu người Hàn rút lui và khẳng định Gando là đất của mình, Joseon đã cử quan cai trị đến dẹp yên và bảo vệ những người dân từ Joseon tới.

Đặc biệt, cuối thế kỷ XIX, khi sự xâm lược của Nhật trở nên rõ ràng thì số nông dân di cư đến Gando ngày càng tăng lên. Dân di cư đến Gando đã cải tạo đất, sinh sống ở mọi nơi, xây dựng trường học, tiến hành dạy học theo tinh thần dân tộc để chuẩn bị cho phong trào độc lập sau này.

Sau điều ước Ất Tỵ, Nhật đã ký hiệp ước Gando với nhà Thanh (1909) chấp nhận Gando là đất thuộc lãnh thổ của nhà Thanh và trả giá đắt để đổi lấy quyền xây dựng đường sắt .

Vấn đề Dokdo (Độc đảo)

Dokdo (Độc đảo) là đảo liền kề đảo Ulleung-do (đảo Uất Lăng). Ngay từ xa xưa đã là đất của người Hàn. kể thời kỳ Joseon, để ngăn chặn bọn tội phạm đào tẩu, quan lại Joseon đã bắt dân Ulleung-do phải chuyển về bản thổ nhưng ngư dân Joseon vẫn lấy nơi này làm tụ điểm chính để đánh bắt cá. Đặc biệt, vào thời vua Sukjong, triều đại Joseon, An Yong-bok (An Long Phúc), người sống ở Dongnae (Đông Lai) đã đuổi những ngư dân Nhật qua lại đảo này về Nhật và khẳng định chắc chắn chủ quyền lãnh thổ của Joseon.

Tuy nhiên, sau đó, ngư dân Nhật Bản ở gần Ulleung-do vẫn thường đến đây đánh bắt cá bất hợp pháp. Do đó, chính phủ đã đặt quan trưởng cai trị ở Ulleung-do và khuyến khích dân di cư đến đó. Từ đó, Ulleung-do được kiểm soát Dokdo. Nhưng trong chiến tranh Nga - Nhật, Nhật Bản đã đơn phương sát nhập Dokdo vào lãnh thổ của mình.

3. Phong trào Khai sáng ái quốc

Tóm tắt Dân tộc Hàn vừa tiến hành chiến tranh nghĩa binh với phong trào toàn dân tộc kháng Nhật vừa triển khai phong trào Khai sáng ái quốc. Những người yêu nước đã tổ chức các đoàn thể vận động khai sáng ái quốc, phát triển công nghiệp và giáo dục để xây dựng đất nước giàu mạnh, đồng thời triển khai phong trào trả các món nợ cho Nhật Bản để đất nước được tự lập về kinh tế.

Nguyên nhân hội Sinmin (Tân dân hội) xúc tiến phong trào tạo nguồn lực dân tộc

Phong trào Khai sáng ái quốc

Hiệp hội Độc lập hoạt động với mục tiêu độc lập tự chủ của đất nước đã bị tầng lớp quan lại bảo thủ giải tán, thế lực nước ngoài xâm lược ngày càng trắng trợn, cuộc khủng hoảng của dân tộc đã thức tỉnh ý thức vượt khó bằng nội lực của nhân dân.

Vì vậy, để thực hiện quốc phú binh cường trên nền tảng công nghiệp và giáo dục đào tạo, các trí thức và quan chức cũ đã đi tiên phong cùng toàn dân tham gia hoạt động khai sáng. Những hoạt động này được triển khai trên nhiều lĩnh vực kinh tế, tôn giáo, học tập, thông tấn báo chí, giáo dục đào tạo, chính trị, đoàn thể.

Các đoàn thể của phong trào Khai sáng ái quốc

Sau khi Dongnip Hyeopoe bị giải tán, đoàn thể chính trị ra đời sớm nhất là Boanhoe (Hội Bảo an). Hội này đã đi tiên phong và hướng dẫn dư luận phản đối việc Nhật đòi quyền khai thác đất hoang trong thời gian chiến tranh Nga - Nhật. Kết cục, Nhật Bản đã phải từ bỏ việc đòi quyền

khai thác đất hoang nhưng Boanhoe cũng bị Nhật đàn áp và giải tán.

Sau khi Boanhoe bị giải tán, một số nhân vật của Dongnip Hyeopoe cũ tổ chức thành Heonjeong Yeonguhoe (Hội nghiên cứu hiến chính – Hội nghiên cứu về chính trị lập hiến) và chống sự xâm lược của Nhật. Hội này chủ trương cải cách chính trị theo chế độ hội nghị lập hiến cận đại.

Sau điều ước Ất Tỵ, Phủ Thống giám cấm các hoạt động chính trị của người dân Hàn. Những nhân vật quan trọng của Heonjeong Yeonguhoe tổ chức thành hội mới gọi là Daehan Jaganghoe (Đại Hàn tự cường hội). Daehan Jaganghoe đã tích cực tổ chức phong trào phản đối sự kiện cưỡng chế hoàng đế Gojong thoái vị.

Hoạt động của Tân dân hội

Sự giám sát, o bế của Phủ Thống giám ngày càng khắt khe, các tổ chức chính trị ngày càng khó hoạt động. Trong tình trạng đó, Sinminhoe đã được thành lập một cách bí mật vào năm 1907. Sinminhoe có các nhân vật chính là An Chang-ho (An Xương Hộ) và Yang Gi-tak (Lương Khởi Đạc) với hội viên chủ yếu là các giáo viên và sinh viên tham gia.

Sinminhoe hoạt động một cách bí mật nên đã tổ chức được nhiều hoạt động mà vẫn tránh được con mắt của Phủ Thống giám. Mục đích hoạt động của Sinminhoe là phát triển lực lượng để có thể xây dựng quốc gia độc lập tự chủ, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh giáo dục, phát triển công nghiệp, phát triển nền văn hoá dân tộc. Sinminhoe đã thành lập các trường Daeseong (Đại Thanh), trường Osan (Ngũ Sơn), điều hành công ty và Thái cực thư quán, phát hành tờ nhật báo "Daehanmaeil Sinbo" (Đại Hàn mỗi nhật tân bao) để khai sáng cho đồng bào. Đồng thời, các cán bộ của Sinminhoe đã thiết lập địa bàn hoạt động cho phong trào độc

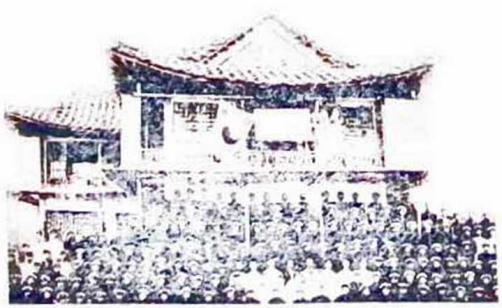

Toà nhà và học sinh trường Daeseong, Pyeongyang (Đại Thành, Bình Nhưỡng), do An Chang-ho (An Xương Hộ) thành lập

lập ở Măn Châu là nơi sự giám sát của Phủ Thống giám chưa ảnh hưởng tới để nuôi dưỡng lực lượng đấu tranh cho độc lập dân tộc. Sinminhoe cho những người có quan tâm đến độc lập dân tộc được di cư đến Manju và biến nơi đây thành khu vực cư trú của những người Hàn. Những người của Sinminhoe xây dựng các nông trang tạo tiềm lực kinh tế, đồng thời xây các trường học "trường Sinheung" (Tân Hưng) để giáo dục tinh thần dân tộc. Họ cũng mở các trường quân sự, huấn luyện những người trẻ tuổi chuẩn bị chiến đấu với quân Nhật, dồn tổng lực vào việc nuôi dưỡng lực lượng đấu tranh vì độc lập.

Ảnh hưởng của nền giáo dục thời cận đại và hoạt động ngôn luận đối với phong trào dân tộc

Phổ cập giáo dục cận đại

Tiến hành phong trào khai sáng, chính phủ đã mở các cơ quan giảng dạy tiếng Anh. Ở Wonsan, Hamgyeong-do, người dân đã mở Wonsan Haksa (Nguyên Sơn học xá) để dạy tri thức mới và tiếng nước ngoài. Đây chính là xuất phát điểm cho nền giáo dục mới của người dân Hàn.

Sau đó chính phủ mở "Yukyeong Gongwon" (Công viện dục anh) mời 3 giảng viên người Mỹ Hulbert. H.B. về dạy kiến thức mới và tiếng nước ngoài, chủ yếu là cho các con em của các Yangban. Mặt khác, các nhà truyền giáo đạo Tin lành người nước ngoài được sự hỗ trợ của chính phủ cũng đã xây dựng Baejae Hakdang (Bai tai học đương) và Ihwa Hakdang (Lý Hoa học đương) để dạy kiến thức mới, văn hoa phương Tây và tiếng Anh ...

Chính phủ cũng đã lần lượt xây dựng trường sư phạm, trường ngoại ngữ, các trường tiểu học, tập trung sức để đào tạo nhân tài. Suy nghĩ cho rằng giáo dục là quan trọng nhất đối với việc giành lại độc lập tự chủ và dân quyền ngày càng lớn rộng trong dân bởi thông qua giáo dục mới có thể khơi dậy cho người dân tinh thần, ý thức dân tộc. Tinh thần giáo dục lớn mạnh trong dân, song chỉ với những trường học do chính phủ xây dựng thì chưa đủ để có thể thúc đẩy sự nhiệt tình học tập nên

Ihwa Hakdang, ngay mới thanh lập

bắt đầu từ Seoul, các nơi khác trên toàn quốc cũng đã tự góp tiền để xây dựng các trường tư.

Hoạt động thông tấn báo chí

Cùng với giáo dục, báo chí đã đóng góp rất lớn vào sự phát triển văn hóa xã hội thời kỳ cận đại. Tờ báo được phát hành trong đại chúng sớm nhất là báo "Dongnip Sinmun" (Độc lập tân văn) (1896). Báo này do Seo Jae-pil (Tư Tài Bật) làm chủ bút, được phát hành bằng tiếng Hàn và tiếng Anh đã có cống hiến rất quan trọng vào việc thức tỉnh tinh thần tự chủ và khai sáng cho đồng bào, đồng thời cũng có tác dạng truyền thông tin tức về Đại Hàn cho những người nước ngoài đến bán đảo này.

Sau "Dongnip Sinmun", Hwangseong Sinmun" (Hoàng Thành tân văn) và "Jeguk Sinmun" (Đế Quốc tân văn) cũng được phát hành. "Hwangseong Sinmun" phát hành bằng tiếng Hàn xen chữ Hán, đã đăng tải nhiều tin bài về hoạt động ái quốc của đồng bào và nhiều diễn đàn ái quốc, cổ suý cho tinh thần dân tộc. "Jeguk Sinmun" được phát hành chủ yếu cho các đối tượng là phụ nữ nên dùng chữ Hàn và cũng đăng tải nhiều bài viết, diễn đàn cổ suý tinh thần dân tộc, khai sáng cho đồng bào.

Mặt khác, trên báo "Daehanmaeil Sinbo" có sự tham gia phát hành của người Anh đã đăng tải các diễn đàn, trao đổi tranh luận phản đối sự xâm lược của Nhật bất chấp sự giám sát khắt khe của Phủ Thống giám. Đặc biệt, tờ báo này có đóng góp to lớn trong việc khuấy động dư luận dân tộc với hàng loạt các ký sự, bài viết về phong trào dân tộc và hoạt động nghĩa binh.

Nguyên nhân dẫn đến phong trào Trả nợ cho quốc gia

Nhật Bản xây dựng bệnh viện, trường học, ngân hàng và hệ thống thiết bị cấp nước, đường sá ... với danh nghĩa là các công trình phục vụ

quá trình cận đại hoá của Đại Hàn. Mặc dù những công trình, thiết bị này phục vụ cho những người Nhật sang Đại Hàn làm việc nhưng chính phủ Nhật yêu cầu chính phủ Hàn phải vay của họ và chịu trách nhiệm về toàn bộ chi phí này. Vì vậy, Đại Hàn đã trở thành con nợ lớn của Nhật Bản.

Trong quá trình triển khai phong trào Khai sáng ái quốc, nhân dân cho rằng toàn dân cần hợp lực trả bằng được các khoản nợ của Nhật để thoát khỏi sự can thiệp của Nhật Bản. Vì vậy, phong trào trả nợ cho quốc gia đã dấy lên ở Daegu (1907) và lan ra toàn quốc. Toàn dân đóng góp quỹ bằng nữ trang, nhẫn, tiền ... dành dụm được và từ nguồn thông qua việc cấm hút thuốc và uống rượu. Nhiều đoàn thể, tổ chức, cơ quan cũng đi tiên phong trong phong trào gây quỹ.

Phong trào này mang tính chất của một phong trào dân tộc nhằm xây dựng tính tự chủ kinh tế để cứu nước nhưng cuối cùng đã phải chấm dứt do sự ngăn chặn của Phủ Thống giám.

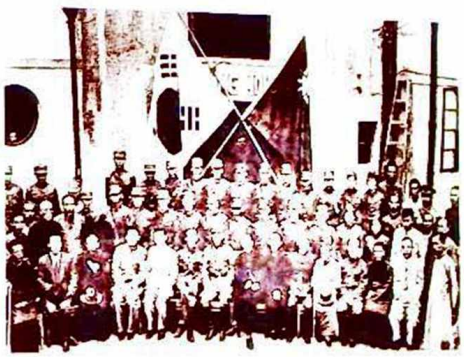

IX . Phong trào độc lập dân tộc

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khac
Bị đế quốc Nhật chiếm đoạt quốc quyền	1910		Bắt đầu triều đại của George IV, vua của Great Britain và Bắc Ireland
	1911		Trung Quốc: Cách mạng Tân Hợi
Tiến hành điều tra ruộng đất	1912	Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục hội	Chiến tranh Balkan lần thứ nhất
	1914		Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ
	1917	Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917~1918)	Cách mạng tháng 10 Nga
Phong trào 3. 1, Thanh lập chính phủ lâm thời Đại Hàn dân quốc	1919	Bắt đầu cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919~1929)	Ký hoà ước Versailles giữa các nước thắng trận trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất
Đại thắng Cheongsan-ri (Thanh Sơn lỵ), bắt đầu xuất bản "Joseon Ilbo" (Triều Tiên nhật bao) và "Donga Ilbo" (Đông A nhật bao)	1920		Thành lập Hội Quốc liên
	1923	Thành lập Tổ chức Tâm Tâm xã	Nước Đức: Cuộc đảo chính của Hitler ở Munich thất bại; Nước Anh: đảng Bảo thủ lên cầm quyền
	1925	Thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội; Phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu	Trung Quốc: Tưởng Giới Thạch lên cầm đầu Quốc Dân Đảng
Phong trao Vạn Tuế 6. 10	1926	Phan Chu Trinh mất	Đức gia nhập Hội Quốc liên
Sang lập Singanhoe (Tân Can hội)	1927	Thành lập Việt Nam Quốc Dân Đảng	Trung Quốc: Thành lập chính phủ quốc dân tại Nam Kinh
Phong trao kháng Nhật của học sinh Gwangju	1929	Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoan	Khủng hoảng kinh tế thế giới (1929~1933); Các hiệp ước Lateran tạo ra nhà nước Vatican độc lập ở Rome
	1930	Thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương; Khởi nghĩa Yên Bái; Cao trao cách mạng 1930~1931	Khủng hoảng kinh tế thế giới dẫn đến sự ra đời của các phong trào cực đoan
Sự biến Manju	1931		Khối liên hiệp Anh ra đời. Tây Ban Nha trở thành nước cộng hoa
Khởi nghĩa của I Bong-chang (Lý Phụng Xương) và Yun Bong-gil (Doãn Phụng Cát)	1932		Roosevelt trở thanh tổng thống Mỹ; Hội nghị quốc tế ở Lausanne (Thụy Sĩ) về chấm dứt bồi thường chiến tranh của Đức
	1936	Cuộc vận động dân chủ (1936~1939)	Trục phát xít Đức - Ý - Nhật được hình thanh
	1939	Bắt đầu cuộc vận động giải phong dân tộc	Bùng nổ Đại chiến Thế giới lần thứ hai (~1945)
Thanh lập Hanguk Gwangbokgun (Hàn Quốc Quang Phục quân)	1940	Quân Nhật tiến vào Việt Nam	Đức - Ý - Nhật ký hiệp ước tay ba chia các vùng ảnh hưởng; Churchill trở thanh thủ tướng Anh
Tuyên bố chiến tranh chống Nhật của chính phủ lâm thời	1941	Thành lập Mặt trận Việt Minh	Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ
Sự kiện Triều Tiên ngữ học hội	1942		Hội nghị các nước Đồng minh ở Washington
	1943		Hội nghị các nước Đồng minh ở Cairo (Ai Cập) và hội nghị thượng đỉnh tay ba (Liên Xô - Mỹ- Anh) ở Teheran
Độc lập	1945	Nhật đảo chính Pháp. Cuộc Cach mạng Thang Tam	Hội nghị Yalta (2-1945); Hội nghị 50 nước ở San Francisco thành lập Liên hợp quốc

1. Dân tộc lâm nạn

Tóm tắt

Có thể nói đặc trưng lớn nhất của ách thống trị thực dân của đế quốc Nhật Bản là ý đồ biến Đại Hàn mãi mãi trở thành một phần của Nhật Bản. Để thực hiện điều này, đế quốc Nhật đã thay đổi một cách toàn diện cấu trúc xã hội của Hàn và thúc đẩy việc đồng hoá người Hàn thành người Nhật. Chính vì vậy, nỗi thống khổ của người Hàn ngày càng trở nên lớn hơn.

Sau khi bị mất chủ quyền, dân tộc Hàn bị Nhật Bản đô hộ áp bức theo kiểu chủ nghĩa quân phiệt thông qua Bộ Tổng đốc Triều Tiên do Nhật Bản dựng lên tại Triều Tiên. Tổng đốc phủ Triều Tiên nắm quyền lập pháp, tư pháp, hành chính và quân sự, cho lực lượng cảnh sát hiến binh xâm phạm vào tự do và các quyền của dân tộc Hàn, độc chiếm nhiều đặc quyền. Sau phong trào 1-3, đế quốc Nhật đưa ra cái gọi là thống trị văn hoá nhưng đó chỉ là vẻ bề ngoài còn thực chất là chính sách chia rẽ dân tộc. Sau khi đã chính thức xâm lược vào đại lục, Nhật Bản đã đẩy mạnh chính sách triệt tiêu dân tộc lên một bước, ra sức vơ vét nguồn tài nguyên của Hàn. tuy nhiên dân tộc Hàn đã không chịu khuất phục trước sự thống trị tàn ác cuả đế quốc Nhật, kiên cường đứng lên triển khai các phong trào đấu tranh giành độc lập.

Sự cai trị của cảnh sát hiến binh Nhật

Chiếm đoạt chủ quyền dân tộc

Nhân sự kiện hoàng đế Gojong cử đặc sứ sang Hague, Hà Lan để công bố tính bất hợp lý của điều ước Ất Tỵ, đế quốc Nhật đã ép hoàng đế Gojong giải tán quân đội. Sau đó đế quốc Nhật giành quyền tư pháp và hành pháp cũng như quyền kiểm soát mọi lĩnh vực như quân đội, hành chính, trị an.

Ngay sau khi ổn định được phần nào các cuộc chiến chống Nhật của

nghĩa binh từng nổ ra rất mạnh mẽ, đế quốc Nhật đã tiến hành các hoạt động cụ thể nhằm thực dân hoá Đại Hàn. Đồng thời, xây dựng nên các phái thân Nhật như I Yong-gu (Lý Dung Cửu), Song Byeong-jun (Tống Bình Tuấn), đưa ra các bản yêu cầu hoặc đề nghị hợp nhất Đại Hàn với Nhật Bản. Đây là mưu kế được ngụy trang dưới luận điệu rằng bản thân người Hàn cũng mong muốn và yêu cầu được hợp nhất với Nhật Bản.

Cuối cùng, đế quốc Nhật đã phân bổ được quân đội và cảnh sát trên toàn quốc, chặn trước được các hoạt động kháng Nhật của người Hàn. Nhật Bản còn ký kết điều ước Hapbang (Hợp Bang) với nội các bán nước của I Wan-yong (Lý Hoàn Dụng) (1910). Với điều ước này, dân tộc Hàn đã phải trải qua sự phát triển mà những sáng tạo văn hoá lâu đời đã bị cướp mất và đất nước rơi vào ách nô lệ của đế quốc Nhật Bản.

Sự thống trị của cảnh sát hiến binh

Đế quốc Nhật sau khi chiếm đoạt quyền tự chủ dân tộc của Đại Hàn đã lập nên Bộ Tổng đốc Triều Tiên và cai trị người dân Hàn hết sức tàn ác. Tổng đốc Triều Tiên được bổ nhiệm trong số các đại tướng lục quân và hải quân của Nhật Bản giữ địa vị tuyệt đối về quyền hành pháp, tư pháp, quyền quân sự và các quyền hạn khác. Sự thống trị thực dân của đế quốc Nhật thể hiện qua các hanh động vũ lực tàn bạo và vô nhân đạo của cảnh sát hiến binh Nhật Bản. Quân hiến binh được bố trí trên toàn quốc và đảm nhiệm nhiệm vụ của cảnh sát.

Tổng đốc phu Triều Tiên

Mọi hoạt động chính trị của người Hàn bị cấm chỉ, các hoạt động hội họp và tập trung bị đàn áp, các đoàn thể ái quốc bị giải tán. Các tờ báo dân tộc như Hwangseong Sinmun, Daehanmaeil Sinmun bị cấm phát hành. Nhiều nhà hoạt động yêu nước bị bắt bớ, giam cầm và bị giết chóc. Để uy hiếp và khuất phục dân tộc Hàn, đế quốc Nhật đã buộc các giáo viên phải đeo dao và mặc đồng

phục. Dù vậy quân Nhật vẫn thấy bất an và cho nhiều quân đóng ở các địa điểm quan trọng trên bán đảo Hàn.

Sơ hình vụ Seodaemun

Để bắt người Hàn phục tùng sự thống trị của mình, đế quốc Nhật Bản đã phá bỏ những Seodang (thư đường) vốn là các cơ quan giáo dục truyền thống của người Hàn và thay vào đó là một vài trường học phổ thông. Tại các trường học, tiếng Nhật được lấy làm chính để tổ chức các môn học. Ngoài ra còn hạn chế đến mức thấp nhất các cơ hội để người Hàn có thể học đến bậc cao cấp. Trong trường học chỉ dạy các nội dung có tính thực dụng và những kỹ thuật ban đầu để phù hợp cho việc bóc lột. Dưới ách thống trị tàn bạo như vậy của đế quốc Nhật Bản, nhiều người lãnh đạo phải sống lưu vong ở nước ngoài, nghĩa binh cũng dần dần chuyển địa bàn hoạt động sang khu vực Manju và Yeonhae-ju của Nga.

Chính sách chia để trị

Ngay sau khi phong trào 1. 3 nổ ra, đế quốc Nhật nhận ra rằng việc dùng vũ lực để thống trị bán đảo Hàn là rất khó. Do đó, đế quốc Nhật đã dựng lên nền chính trị văn hoá với luận điệu tôn trọng văn hoá và tập quán của dân tộc Hàn, vì lợi ích của người Hàn.

Nhằm xoa dịu dân tộc Hàn, đế quốc Nhật tuyên bố tăng thêm các cơ hội giáo dục, cho phép phát hành báo bằng tiếng Hàn và bổ nhiệm cả người Hàn vào bộ máy quản lý của Bộ Tổng đốc, nơi mà trước kia chỉ có người Nhật được bổ nhiệm. Chế độ cảnh sát hiến binh được đổi sang chế độ cảnh sát thường và giảm dần sự đàn áp đối với người Hàn.

Chính sách bóc lột kinh tế của đế quốc Nhật

Hoạt động khảo sát ruộng đất

Dưới ách thống trị thực dân, dân tộc Hàn phải chịu nỗi thống khổ lớn do sự bóc lột về mặt kinh tế của đế quốc Nhật Bản. Ngay sau khi chiếm đoạt được chủ quyền dân tộc, đế quốc Nhật đưa ra và lấy danh nghĩa cải cách các quan hệ sở hữu mang tính cận đại để tiến hành cái gọi là hoạt động khảo sát ruộng đất. Hoạt động khảo sát ruộng đất được tiến hành theo 3 nội dung lớn là: khảo sát quyền sở hữu ruộng đất xác minh về mặt luật pháp, khảo sát giá cả ruộng đất và xác định giá ruộng đất chính thức, điều tra các hình thái và hình thức ruộng đất.

Theo đó, tất cả các quyền lợi mà nông dân đang nắm giữ trong tay như quyền canh tác, quyền khai hoang có tập quán từ hậu kỳ Joseon để lại đều bị phủ nhận. Tức là chỉ có quyền sở hữu của địa chủ mới được công nhận là quyền lợi duy nhất, còn các quyền lợi về ruộng đất của nông dân canh tác hoàn toàn bị phủ nhận. Chính vì vậy, ngoài thiểu số các địa chủ, hoạt động này đã nhanh chóng đem lại sự phá sản cho đa số nông dân.

Hơn nữa, rất nhiều đất đai như ruộng đất môn trung, nuộng đất của dòng họ hoặc ruộng đất công của làng xóm cùng với ruộng đất thuộc các cơ quan công cộng hoặc hoàng thân được phân loại thành ruộng đất không có chủ, nhiều trường hợp ruộng đất trở thành đất thuộc sở hữu của Bộ Tổng đốc.

Bộ Tổng đốc chuyển ruộng đất được quốc hữu hoá cho các công ty của người Nhật như công ty cổ phần khai thác Đông Dương hoặc cho những người Nhật sang Hàn Quốc, với giá rẻ, tạo điều kiện cho người Nhật có cơ hội sở hữu ruộng nhiều hơn nữa.

Chiếm đoạt nền sản xuất công nghiệp

Các hoạt động kinh tế của dân tộc Hàn bị suy yếu nghiêm trọng do chính sách chiếm đoạt công nghiệp của Nhật Bản, công cuộc phát triển công nghiệp của dân tộc bị chèn ép. Để nắm giữ nền công nghiệp

của Hàn, ngay từ rất sớm các cơ quan tín dụng của Nhật Bản đã vào bán đảo Hàn, hỗ trợ cho các hoạt động của thương nhân Nhật Bản, cho lưu thông hệ thống tiền tệ mới và chi phối tín dụng của Đại Hàn .

Bộ Tổng đốc Triều Tiên đã công bố lệnh công ty, quy định khi muốn thành lập các công ty ở bán đảo Hàn nhất thiết phải được sự đồng ý của Bộ Tổng đốc Triều Tiên. Điều này đã làm hạn chế các hoạt động kinh doanh của người Hàn, tạo nên những trở ngại để chèn ép sự tăng trưởng của tư bản của dân tộc Hàn.

Thực hiện chế độ độc quyền mua bán muối, thuốc lá, nhân sâm và coi đó là nguồn thu nhập của Bộ Tổng đốc Triều Tiên. Nguồn lâm sản cũng thuộc vào quyền sở hữu của Bộ tổng đốc Triều Tiên và người Nhật Bản. Rất nhiều lâm sản ở vùng sông Duman và sông Amnok bị chiếm đoạt. Các khoáng sản như vàng, bạc, vonfram, than đá và các ngư trường chủ yếu ở miền duyên hải đều bị người Nhật độc chiếm.

Bên cạnh đó, đế quốc Nhật còn tích cực đẩy mạnh chính sách chiếm đoạt công nghiệp, biến bán đảo Hàn thành bàn đạp cho việc xâm chiếm đại lục (Trung Quốc), cho xây dựng nên các cơ sở hạ tầng như đường bộ, đường sắt, hải cảng, viễn thông ...

Chiếm đoạt lương thực

Nhờ vào cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất, Nhật Bản đã có những bước phát triển về công nghiệp, dân số đô thị tăng nhanh làm cho Nhật Bản phải đối đầu với những khó khăn về vấn đề lương thực. Nhật Bản đã thực thi chế độ tăng lúa gạo ở bán đảo Hàn và muốn thông qua đây để giải quyết vấn đề lúa gạo của đất nước mình. Nhật đã tăng sản lượng lúa gạo bằng việc đẩy mạnh các cơ sở hạ tầng vận chuyển, cải tiến chủng loại và đưa số lúa gạo này về Nhật.

Bất chấp việc sản lượng lương thực không đạt được đúng theo kế hoạch, đế quốc Nhật vẫn mang về Nhật lượng lúa gạo nhiều hơn rất nhiều lần so với lượng lúa gạo gia tăng. Chính vì vậy mà lượng lương thực của Đại Hàn bị

Năm	lượng sản xuất	lượng bị chiếm đoạt
1912 ~ 1916 (bình quân)	12.303	1.056
1917 ~ 1921	14.101	2.196
1922 ~ 1926	14.501	4.342
1927 ~ 1931	15.798	6.607
1932 ~ 1936	17.002	8.757
1937	19.410	7.161

Bảng so sánh sản lượng lúa sản xuất được và lượng lúa bị Nhật lấy đi hàng năm
(Đơn vị: nghìn thạch)

giảm đáng kể. Không chỉ vậy, nông dân còn phải chịu những khổ nạn vì những khoản sưu thuế nặng nề.

Vì những lý do trên, nhiều nông dân bị bần cùng hoá đã phải tìm vào các vùng núi để sinh sống và trở thành dân Hwajeon (hoả điền – người dân canh tác trên đất bằng cách đốt rừng) hoặc phải rời bỏ quê hương xứ sở đi tha hương, đến những vùng đất khác như rời ra nước ngoài hoặc di cư đến vùng Manju.

Những khó khăn mà dân tộc Hàn phải trải qua dưới ách thống trị của Nhật Bản

Chính sách triệt tiêu dân tộc

Sau khi gây ra cuộc chiến tranh Trung - Nhật và xâm lược lục địa Trung Quốc, đế quốc Nhật đã tạo nên cuộc chiến tranh Thái Bình Dương bằng cuộc tập kích bất ngờ vào quân đội Mĩ (1941). Thêm vào đó, Nhật còn xâm lược các nước Đông Nam Á. Để tiến hành cuộc chiến tranh này, Nhật đã phát động thể chế động viên thời chiến, bắt buộc người Hàn phải ra chiến tuyến.

Bên cạnh đó, để nhổ tận gốc tinh thần dân tộc của người Hàn, Nhật Bản đã đưa ra "Ilseon Dongjoron" (Nhật - Tiên đồng tổ luận) với luận điệu Nhật Bản và Triều Tiên là có cùng một tổ tiên, đồng thời đưa ra các khẩu hiệu như: "Nội Tiên nhất thể" và "Hoàng quốc thần dân hoá". Cấm sử dụng tiếng Hàn mà thay vào đó là sử dụng tiếng Nhật, việc giảng dạy lịch sử Hàn cũng bị cấm. Đình chỉ hoạt động của các tờ báo viết bằng tiếng Hàn, nghiêm cấm các hoạt động nghiên cứu về ngôn ngữ và lịch sử dân tộc Hàn.

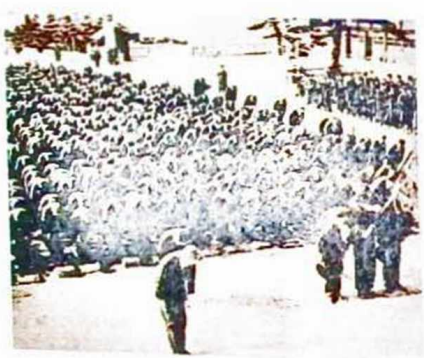

Các học sinh bị cưỡng chế phải cúi chào Singung (Thần cung)

Hơn nữa, Nhật Bản còn ép buộc người Hàn đổi tên theo kiểu Hàn sang tên theo

kiểu của người Nhật, xây dựng các đền thờ Thiên Hoàng của người Nhật ở các địa phương và bắt buộc học sinh, kể cả học sinh lớp nhỏ phải học thuộc "Hwangguk Sinmin Seoyakmun" (Hoàng quốc thần dân thệ ước văn).

Bóc lột tài nguyên nhân lực và vật chất

Bằng cuộc chiến tranh xâm lược, đế quốc Nhật đã biến bán đảo Hàn thành bình trạm cung cấp vật tư cho chiến tranh. Để sản xuất vật tư cho chiến tranh, đế quốc Nhật đã xây dựng hệ thống công trường phục vụ cho quân đội như các công trường hóa học, kim loại và máy móc, đẩy mạnh việc khai thác sắt, than đá và vonfram.

Hơn nữa, dưới danh nghĩa là "cung suất" (việc nộp sản vật theo nghĩa vụ), đế quốc Nhật không chỉ chiếm đoạt lương thực mà còn chiếm đoạt cả vật tư các loại. Trong giai đoạn cuối của chiến tranh, Nhật còn cướp đoạt bất cứ nguyên vật liệu nào có thể sản xuất thành vũ khí như sắt vụn, bát đồng, thìa, đũa, đinh, thậm chí cả việc bóc vỏ cây thông lấy nhựa để sử dụng làm nhiên liệu cho máy bay.

Không chỉ dừng lại ở việc chiếm đoạt của cải vật chất, đế quốc Nhật còn bắt người Hàn làm việc rất khổ cực theo chế độ lao động cưỡng chế tại các công trường và hầm mỏ. Thực thi chế độ chỉ nguyện quân, chế độ học binh (linh sinh viên), chế độ trưng binh, đẩy nhiều thanh thiếu

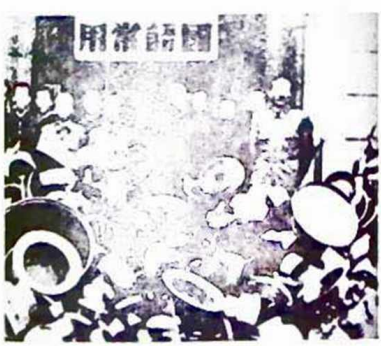

Những đồ làm bằng kim loại bị đong góp dưới hình thức cưỡng chế

Sơ uy an cho quân đội Nhật

niên ra nơi chiến trường .

Đế quốc Nhật còn chiếm đoạt sức lao động của nữ giới, lôi kéo và ép họ phải làm việc dưới những cái tên như "Đội báo quốc cần lao", "Đội phụ nữ cần lao đinh thân". Hơn nữa, đế quốc Nhật còn cưỡng ép nhiều phụ nữ đưa họ đến những nơi linh Nhật đóng quân ở khu vực châu Á, biến họ thành đội uý an (nô lệ tình dục) cho quân đội và phải sống cuộc sống hết sức phi nhân đạo.

2. Phong trào 1. 3

Tóm tắt Phong trào 1. 3 là một phong trào dân tộc được triển khai một cách rộng lớn trước tình hình thế giới đang hướng tới hòa bình và chủ nghĩa nhân đạo sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đang đặt ra yêu cầu độc lập tự chủ toàn diện cho dân tộc Hàn. Kết quả của phong trào này là đã thành lập được chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc tại Thượng Hải và thúc đẩy các phong trào dân tộc ở các nước Châu Á.

Quá trình triển khai và ý nghĩa của phong trào 1. 3

Bối cảnh của phong trào 1. 3

Trong quá trình tiến lên xã hội cận đại sau khi mở cửa, các phong trào dân tộc của Hàn Quốc đã được triển khai theo nhiều hướng khác nhau song sức mạnh của dân tộc vẫn không tập trung được về một mối. Nhưng sau khi bị mất quyền tự chủ, việc giành lại độc lập đã trở thành mục tiêu chung của cả dân tộc. Mặc dù phải chịu ách thống trị thực dân tàn bạo nhưng ý chí độc lập của người dân Hàn ngày càng trở nên mạnh mẽ, tinh thần này đã tạo tiền đề cho phong trào độc lập toàn dân. Các đoàn thể hoạt động trong phong trào độc lập dân tộc ở hải ngoại như ở Trung Quốc, ở Mỹ đã biết đến việc đề xướng ra chủ nghĩa dân tộc tự quyết, một hình thức để giải quyết vấn đề thế chiến thứ nhất, họ đã cử đại biểu đi dự hội nghị về giảng hoà ở paris và cũng đã gây dựng cho quỹ của phong trào vận động độc lập. Những lưu học sinh Hàn Quốc tại Nhật Bản nhận thấy tình hình quốc tế biến đổi chính là cơ hội phát triển phong trào độc lập nên đã thành lập Đoàn độc lập thanh niên Joseon tại Tokyo – Nhật Bản đưa ra bản kiến nghị và tuyên ngôn

độc lập yêu cầu trả lại nền độc lập cho Đại Hàn. Đây chính là tuyên ngôn độc lập ngày 8. 2. 1919.

Triển khai phong trào 1. 3

Ở trong nước, khi cuộc chiến tranh thế giới gần kết thúc, từ cuối năm 1918, các nhà lãnh đạo dân tộc trong nước mà trung tâm là giới tôn giáo như Son Byeong-hui (Tôn Bình Hy), I Seung-hun (Lý Thăng Huân), Han Yong-un (Hàn Long Vân) đã quan tâm đến những biến đổi của tình hình thế giới và liên kết các đoàn thể học sinh, sinh viên, chuẩn bị cho một phong trào trên quy mô lớn. Trong quá trình đó, vào đầu năm 1919 hoàng đế Gojong, người phản đối đến cùng điều ước Ất Tỵ – qua đời. Tin đồn đế quốc Nhật đã ám sát vua bằng thuốc độc đã lan rộng và gây kích động mạnh trong dân chúng. Hơn nữa, tin tức về tuyên ngôn độc lập phát biểu ngày 8. 2 của lưu học sinh tại Tokyo được truyền về, làm cho khát vọng độc lập của dân tộc Hàn càng sôi sục.

Sau khi các nhà lãnh đạo dân tộc thảo luận về phương hướng của phong trào dân tộc, ý chí độc lập tự chủ toàn diện của dân tộc Hàn đã được sáng rõ cả ở trong và ngoài nước. Theo đó, Dongnip Seoneonseo (Độc lập tuyên ngôn thư) được viết và được phát biểu một cách bí mật ở các địa phương.

Di tích Jeam-ri, nơi những người tham gia phong trào 1.3 hy sinh

Ngày 1. 3, thị dân và học sinh, sinh viên đã tập trung tại công viên Tapgol, Jongno đọc bản tuyên ngôn, vẫy cờ Thái cực và hô vang khẩu hiệu đòi độc lập. Ở từng địa phương cũng đã triển khai các cuộc biểu tình đòi độc lập, đọc tuyên ngôn và vẫy cờ Thái cực. Không khí của những cuộc biểu tình này sau đó đã lan rộng ra toàn quốc và lan

đến cả hải ngoại, những nơi có người Hàn sinh sống. Cảnh sát và quân đội Nhật đã đàn áp một cách dã man bằng súng, gươm đối với các đoàn biểu tình kêu gọi giành độc lập theo phương pháp hòa bình này. Lúc đó, Yu Gwan-sun (Lưu Khoan Thuận), người đã bị quân Nhật bắt giam khi tham gia vào cuộc biểu tình đòi độc lập ở Cheonan (Thiên An), Chungcheongnam-do, đã bị chết trong tù khi mới 16 tuổi, quân Nhật còn nhốt dân ở lý Jeam (Đề Am), Hwaseong (Hoa Thành) vào nhà thờ rồi châm lửa đốt và bắn chết. Nhiều nhà dân và trường học bị thiêu hủy và tàn phá bởi các hành động dã man của đế quốc Nhật.

Ý nghĩa của phong trào 1. 3

Phong trào 1. 3 là phong trào lớn nhất được triển khai một cách rộng rãi, tập hợp tất cả các phong trào dân tộc của người Hàn diễn ra liên tục trong thời gian trước đó. Phong trào 1. 3 đã xác nhận độc lập tự chủ trên toàn lãnh thổ là mục tiêu lớn nhất của toàn dân tộc Hàn, đây cũng chính là động cơ để các phong trào độc lập trong và ngoài nước được triển khai đa dạng hơn mà kết quả của nó chính là việc thành lập được chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc.

Phong trào 1. 3 đã có ảnh hưởng không nhỏ tới phong trào dân tộc ở châu Á, đặc biệt, đối với Trung Quốc và Ấn Độ. Dưới ảnh hưởng của phong trào 1. 3 nhiều phong trào đấu tranh dân tộc đã được triển khai.

Quá trình thanh lập và hoạt động của chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc

Thanh lập chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc

Phong trào 1. 3 mặc dù không giành ngay được độc lập nhưng đã mang lại cho dân tộc Hàn niềm hy vọng và ý chí giành độc lập. Cũng từ đó, các hoạt động nhằm thúc đẩy việc thành lập chính phủ lâm thời đã diễn ra cả ở trong và ngoài nước.

Trước khi phong trào dân tộc diễn ra, chính phủ quân Quang Phục Đại Hàn đã được tổ chức và đi vào hoạt động tại Yeonhae-ju nhưng cho

đến sau khi phong trào 1. 3 diễn ra thì việc thành lập chính phủ mới chính thức được tiến hành. Tại Seoul, chính phủ Hán Thành được tuyên bố thành lập. Tại Thượng Hải – Trung Quốc, chính phủ lâm thời của Đại Hàn Dân Quốc cũng được tổ chức. Tại một số vùng của nước Mỹ, việc thành lập chính phủ lâm thời cũng được xúc tiến và tại Yeonhae-ju, chính phủ lâm thời với trung tâm là nghị hội Đại Hàn Dân Quốc cũng đã được tổ chức.

Cùng với những hoạt động trên, ngay khi chính phủ lâm thời được thành lập ở các địa phương, các nhà hoạt động dân tộc đã cho rằng phải có một chính phủ thống nhất mới có thể đại diện cho toàn bộ dân tộc được. Chính vì vậy, họ đã tiến hành hợp nhất các chính phủ lâm thời tại các địa phương, trong và ngoài nước thành chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc tại Thượng Hải .

Lúc này, vì Thượng Hải là vùng đất không chịu ảnh hưởng của đế quốc Nhật và là nơi thuận tiện cho các hoạt động ngoại giao với nhiều nước nên đây là nơi thích hợp nhất để nhiều nhà lãnh đạo dân tộc tụ họp, tìm kiếm con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

Bản Tuyên ngôn độc lập Đại Hàn do chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc phát hành

Chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc mang trong mình thể chế quốc gia lấy chủ nghĩa dân chủ tự do và nền cộng hoà làm nền tảng, đi theo chế độ tổng thống và đã bầu ra I Seung-man (Lý Thừa Vãn) là tổng thống đầu tiên. Sau đó, chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc đã vài lần sửa đổi hiến pháp và trở thành trọng tâm của phong trào độc lập cho đến khi đất nước được giải phóng.

Hoạt động của chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc

Chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc cử Gim Gyu-sik (Kim Khuê Thực) tới dự hội nghị Paris với tư cách là đại biểu dân tộc, chủ trương giành lại độc lập cho Hàn Quốc, thành lập Hội đồng Âu

Kỷ niệm hội nghị Nghị chính viện lâm thời lần thứ 34 (12.1942)

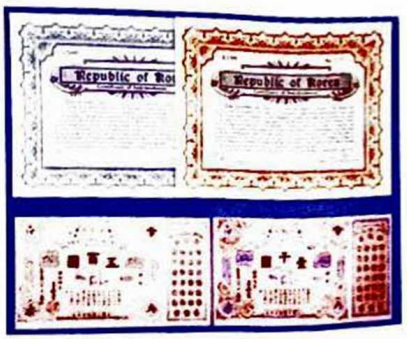

Công trái Độc lập được phát hành tại Mỹ (ảnh phía trên) và Trung Quốc (ảnh phía dưới) nhằm tạo dựng quỹ vận động độc lập.

Mỹ tại Mỹ, kêu gọi chính phủ và nhân dân Mỹ ủng hộ độc lập.

Quan trọng hơn cả, chính phủ lâm thời đã nỗ lực hợp nhất các phong trào độc lập đang được triển khai riêng lẻ ở nhiều nơi trong và ngoài nước, đồng thời cũng đã triển khai được phong trào độc lập một cách có tổ chức và hệ thống. Chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc thực hiện Yeontongje (chế liên thông) chỉ đạo các phong trào độc lập dân tộc ở từng địa phương trong nước, xây dựng quỹ cho phong trào độc lập, phát hành Dongnip Sinmun (Độc lập tân văn), đưa tin tức về phong trào độc lập tới đồng bào trong nước, thức tỉnh tinh thần độc lập, vạch ra phương hướng hoạt động cho các đoàn thể của phong trào.

Chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc là chính phủ tập hợp ý chí độc lập của toàn dân tộc, được thành lập trên nguyên tắc chủ nghĩa dân chủ. Mặc dù có không ít khó khăn do sự mâu thuẫn về tư tưởng và đường lối triển khai phong trào độc lập giữa các nhà lãnh đạo nhưng họ đã vẫn tiếp tục hoạt động vì độc lập của dân tộc cho đến khi tổ quốc được giải phóng.

3. Triển khai cuộc đấu tranh giành độc lập

Tóm tắt

Sau phong trào 1. 3, các phong trào dân tộc của nhân dân Hàn được triển khai theo nhiều xu hướng khác nhau. Một trong những dòng chảy chủ đạo là đấu tranh bằng vũ lực để chống lại sự xâm lược của đế quốc Nhật Bản. Cuộc đấu tranh giành độc lập lấy Manju và Trung Quốc làm căn cứ địa được triển khai liên tục cho đến khi đế quốc Nhật thất bại hoàn toàn. Đặc biệt, chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc đã thành lập đội quân Gwangbok, tuyên bố chiến tranh với đế quốc Nhật và đã cùng tham chiến với quân đồng minh trong chiến tranh chống Nhật. Các đoàn thể yêu nước như Nghĩa liệt đoàn hay Hàn nhân ái quốc đoàn cũng đã góp phần thức tỉnh tinh thần độc lập thông qua các hoạt động khởi nghĩa.

Thành quả đạt được của chiến tranh vũ trang giành độc lập của quân Độc lập

Cơ sở của chiến tranh giành độc lập

Từ nửa sau thế kỷ XIX, rất nhiều nông dân Hàn đã phải di cư đến vùng Manju và Yeonhae-ju để xây dựng cuộc sống mới. Để thúc đẩy phong trào dân tộc mang tính trường kỳ, các nhà lãnh đạo dân tộc đã dựa vào đồng bào cư trú ở các vùng Gando làm nền tảng để xây dựng cơ sở cho phong trào độc lập. Sau khi mất nước, rất nhiều trường học đã được thành lập ở Gando tiến hành huấn luyện quân đội, chuẩn bị cơ sở cho cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập.

Hoạt động của các phong trào giáo dục, dân tộc và hoạt động vũ trang của nghĩa binh chống Nhật được xúc tiến trong nước đã bị thu hẹp bởi chế độ thống trị của quân phiệt Nhật. Chính vì vậy, những khu vực cư trú của các nhóm của dân tộc Hàn như Lungjing (Long Tỉnh),

Yanji (Diên Cát), Hunchun (Hốn Xuân) ở phía đối diện với sông Duman, nơi Nhật Bản khó có thể không chế được đã trở thành trung tâm của phong trào dân tộc kháng Nhật.

Dân tộc Hàn đã tạo dựng nền tảng cho cuộc chiến tranh giành độc lập bằng các hoạt động huấn luyện quân sự và vận động giáo dục dân tộc lấy vùng Gando và Yeonhae-ju làm trung tâm và sau phong trào 1. 3, rất nhiều đội quân Độc lập đã được tổ chức. Đặc biệt, những đội như quân Đại Hàn Độc Lập, quân Bắc Lộ Quân Chính Thư, quân Tây Lộ Quân Chính Thư, quân Quốc dân hội của vùng Gando và Đoàn Huyết Thành của vùng Yeonhae-ju là lực lượng quân độc lập tiêu biểu. Các đội quân này đã tấn công vào quân Nhật tại các vùng phụ cận ở biên giới, đạt được những chiến thắng lớn, vượt qua sông Duman và sông Amnok tiến vào vào trong nước, tấn công vào các cơ quan thống trị của thực dân, sở cảnh sát, quân đội Nhật và đã có những đội quân giành được những thắng lợi lớn.

Thắng lợi của quân Độc lập

Nhằm ngăn chặn các hoạt động của quân Độc lập, quân Nhật đã tập kích vào Bongo-dong (Phượng Ngô động), nơi các lực lượng quân Độc lập đóng quân, bắt đầu từ lực lượng quân Đại Hàn Độc lập. Quân Đại Hàn Độc Lập do Hong Beom-do (Hồng Phạm Đô) chỉ huy biết trước ý đồ của Nhật nên đã chuẩn bị đối đầu với quân Nhật và đã giành được thắng lợi vang dội. Đây chính là cuộc chiến Bongo-dong (6. 1920).

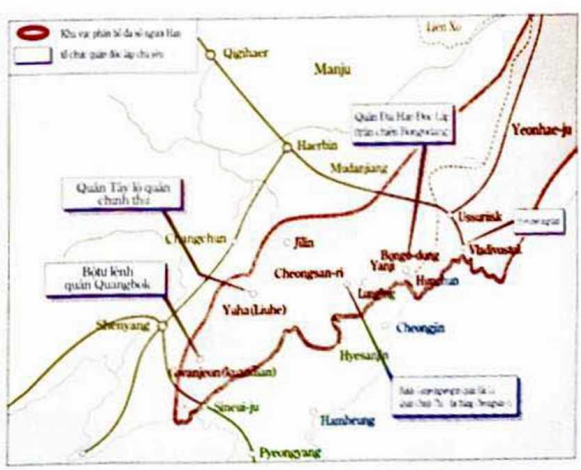

Bộ đội quân độc lập của vùng Manju và Yeonhae-ju

Quân đội Nhật sau khi thất bại tại Bongo-dong, một mặt đưa thêm các đội quân với quy mô lớn hơn tấn công vào quân Đại Hàn Độc Lập, mặt khác ra sức tàn sát người Hàn sống ở các khu vực xung quanh đội quân Đại Hàn Độc lập nhằm tiêu diệt hoàn toàn đội quân này.

Khởi đầu từ quân Bắc Lộ Quân Chính Thư do Gim Jwa-jin (Kim Tả Trấn) lãnh đạo, các lực lượng quân Độc lập đã tập kết tại Cheongsan-ri (lý Thanh Sơn) và chuẩn bị chiến đấu với quân Nhật. Cuộc chiến với quân của Nhật nổ ra, quân Độc lập sau 6 ngày chiến đấu ác liệt đã đẩy lùi quân Nhật bằng kế hoạch tác chiến hiệu quả, lợi dụng địa hình và bằng ý chí chiến đấu anh dũng không tiếc đến sinh mạng của mình. Đây chính là đại thắng Cheongsan-ri (10. 1920).

Đại thắng Cheongsan-ri là chiến thắng lớn nhất mà dân tộc Hàn giành được trong quá trình đấu tranh giành độc lập. Đây chính là món quà có ý nghĩa đem lại dũng khí và hy vọng về tương lai độc lập cho cả dân tộc Hàn.

Liệt sĩ I Bong-chang
(Lý Phụng Xương)

Hoạt động khởi nghĩa của các chí sĩ yêu nước được triển khai trong giai đoạn này

Cùng với các hoạt động của quân Độc lập và việc tiến hành kháng chiến chống Nhật có tổ chức của chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc, các chí sĩ yêu nước cũng đã liên kết lại với nhau thành các tổ chức bí mật và tiến hành đánh bom các cơ quan thống trị của thực dân, liên tiếp thực hiện những cuộc ám sát các nhân vật quan trọng của Nhật Bản ở trong và ngoài nước.

Sau phong trào 1. 3, tại ga Seoul, Gang U-gyu (Khương Vũ Khuê) – 65 tuổi, đoàn viên của đoàn Lão nhân Đại Hàn tại Vladivostok, Nga đã ném bom vào Tổng đốc người Nhật mới được bổ nhiệm là Saito.

Đội Nghĩa Liệt đoàn do Gim Won-bong (Kim

Nguyên Phượng) lãnh đạo, vào những năm 1920 đã triển khai các hoạt động khởi nghĩa một cách linh hoạt, lấy trung tâm là địa bàn trong nước và Thượng Hải. Các đoàn viên của Nghĩa Liệt đoàn cũng đã tấn công vào Phủ Tổng đốc Triều Tiên, sở cảnh sát Jongno, nơi thường xuyên có các cuộc tra tấn dã man các chí sĩ của phong trào độc lập, công ty cổ phần khai thác Đông Dương, cơ quan đặt ra để bóc lột dân Hàn về mặt kinh tế.

I Bong-chang (Lý Phụng Xương), đoàn viên của đội Hàn Nhân ái quốc đoàn do Gim Gu (Kim Cửu) lãnh đạo, vào năm 1923 tại Tokyo, Nhật Bản đã ném bom vào xe ngựa của hoàng đế Nhật Bản nhưng không thành công.

Yun Bong-gil (Doãn Phung Cát) đã ném bom vào lễ kỷ niệm sự kiện xâm chiếm Thượng Hải của quân đội Nhật, giáng một đòn lớn vào đầu quân Nhật. Hành động kháng cự của nghĩa sĩ Yun Bong-gil ở thời điểm đó đã gây xúc động cho người dân Trung Quốc vốn đang cảnh giác với ý đồ xâm lược của Nhật Bản. Đây cũng là động lực quan trọng thúc đẩy chính phủ và nhân dân Trung Quốc tích cực hợp tác trong cuộc đấu tranh kháng Nhật để giành độc lập của nhân dân Hàn.

Tổ chức và hoạt động của Hanguk Gwangbokgun (quân Quang Phục Hàn Quốc)

Hoạt động của Joseon Uiyongdae (Đội Triều Tiên nghĩa dũng) và Hanguk Gwangbokgun

Từ sau phong trào 1. 3, chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc đã lãnh đạo phong trào độc lập của dân tộc và ngay sau khi chiến tranh Trung - Nhật xảy ra đã cùng với chính phủ Trung Quốc chuyển từ Thượng Hải về Chungching (Trùng Khánh) và chỉ huy phong trào độc lập theo thể chế mới.

Mặt khác, cuộc xâm lược Trung Quốc của đế quốc Nhật ngày càng trở nên mạnh mẽ nên hoạt động của quân độc lập ở khu vực Manju gặp đã phải nhiều hạn chế. Do đó, để tiến hành một cách hiệu quả

cuộc đấu tranh giành Độc lập, các lực lượng quân đội của quân Độc lập phải di chuyển vào trong lục địa của Trung Quốc. Chính phủ lâm thời đại Hàn Dân Quốc đã lấy các đội quân độc lập này làm nền tảng để lập nên Hanguk Gwangbokgun (quân Quang Phục Hàn Quốc, 1940). Nhờ vậy, chính phủ lâm thời đã có thể có một lực lượng quân đội riêng để thúc đẩy cho cuộc chiến tranh giành độc lập với tư cách là một chính phủ độc lập.

Hanguk Gwangbokgun đã tập hợp được các lực lượng của phong trào độc lập đang triển khai cuộc chiến chống Nhật tại các địa phương ở Trung Quốc. Ngoài đồng bào cư trú ở Trung Quốc, các thanh niên bị quân Nhật bắt đi lính đã bỏ trốn và gia nhập quân Quang Phục.

Kỷ niệm thành lập Bộ tổng tư lệnh quân Hanguk Gwangbokgun

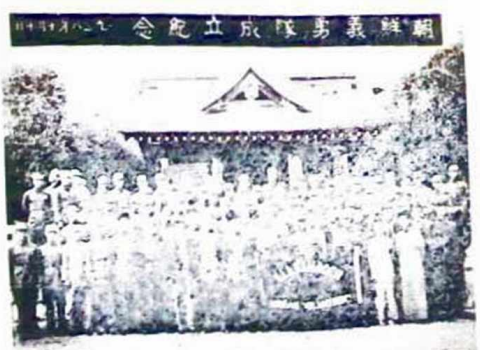

Sang lập Joseon Uiyongdae (Độ Triều Tiên nghĩa dũng đoàn)

Hoạt động của Hanguk Gwangbokgun

Ngay khi Nhật gây nên cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc đã thông cáo tuyên chiến với Nhật và cùng với quân Đồng minh triển khai cuộc đấu tranh giành độc lập. Lúc này, Hanguk Gwangbokgun đã hợp lực với quân Trung Quốc cùng chiến đấu với quân Nhật tại các địa phương ở Trung Quốc, đồng thời họ cũng đã tham gia chiến đấu chống Nhật cùng với quân đội Anh ở các chiến trường xa như Ấn Độ, Myanma. Đặc biệt, Hanguk Gwangbokgun đã đạt được những thành quả lớn trong cuộc chiến gây rối loạn ở hậu phương của địch.

Hanguk Gwangbokgun lập kế hoạch tác chiến tiến vào trong nước, đẩy lùi đế quốc Nhật, nhằm giải phóng đất nước. Kế hoạch này chưa thực hiện kịp vì trong lúc đợi mệnh lệnh xuất phát thì đế quốc Nhật đã đầu hàng quân đồng minh.

Mặt khác, vào năm 1938, đội Triều Tiên nghĩa dũng đoàn được thành lập với vài trò lãnh đạo của Gim Won-bong (Kim Viên Phượng) đã hợp tác với quân đội Trung Quốc chiến đấu chống đế quốc Nhật và hợp nhất một phần với Hanguk Gwangbokgun. Những người còn lại, không hợp nhất với Hanguk Gwangbokgun thì cùng với các nhà vận động theo chủ nghĩa xã hội lập nên Joseondongnip Dongmaeong (Đồng minh độc lập Triều Tiên) vào năm 1942 và đổi tên thành Joseon Uiyonggun (quân Triều Tiên nghĩa dũng) để tiếp tục cuộc kháng chiến chống Nhật.

Kiều bào sống tại Mỹ cũng tham gia vào quân đội Mỹ với tư cách là nghĩa dũng quân đấu tranh giành độc lập. Các cuộc đấu tranh giành độc lập một cách tích cực của dân tộc Hàn đã được nhiều nước biết đến, vấn đề độc lập của dân tộc Hàn đã mang lại sự quan tâm cho các cường quốc trên thế giới. Tại hội nghị Cairo (1943), nơi tập hợp các nước chủ chốt trong Liên hợp quốc và tuyên bố Potsdam (1945), một nền tảng hứa hẹn cho việc độc lập của Hàn Quốc đã được đặt ra.

4. Phong trào dân tộc trong nước

Tóm tắt Sau phong trào 1. 3, các phong trào dân tộc trong nước được triển khai hết sức đa dạng. Phong trào dân tộc lấy các nhà tư bản dân tộc làm trung tâm đã vận động thành lập đại học dân lập và vận động khuyến khích sản xuất trong nước. Học sinh, sinh viên đã tham gia vào phong trào đòi độc lập 10. 6 và phong trào học sinh kháng Nhật tại Gwangju. Các hoạt động nghiên cứu lịch sử Hàn và tiếng Hàn cũng phát triển mạnh mẽ để giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc trước chính sách triệt tiêu dân tộc của đế quốc Nhật.

Phương hướng xúc tiến phong trào tạo nguồn lực dân tộc

Phong trào dân tộc trên lĩnh vực mặt kinh tế

Trong những năm 1920, phong trào dân tộc đã được triển khai theo hướng tạo nguồn lực dân tộc trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Phong trào khuyến khích sản xuất vật chất đã góp phần phát triển nền công nghiệp của dân tộc, nuôi dưỡng nguồn vốn dân tộc và hình thành nên sự tự lập về mặt kinh tế .

Các đoàn thể như Hội tự sản xuất (Tự tác hội), Hội khuyến khích sản vật, Hội phụ nữ chuộng hàng thổ sản ... đã đi đầu, thúc đẩy cho các phong trào như khuyến khích dùng sản phẩm quốc nội, tự cấp tự túc, tiết kiệm tiêu dùng ... phát triển lên thành phong trào dân tộc về mặt kinh tế trên quy mô cả nước.

Trong khi đó, nông dân và người lao động với việc đấu tranh chống lại sự bóc lột về mặt kinh tế của đế quốc Nhật đã làm nổ ra các cuộc tranh luận về lao động và đất lĩnh canh. Những cuộc tranh luận này vừa mang tính chất của phong trào đấu tranh kinh tế vừa mang tính chất

Quảng cáo tuyên truyền khuyến khích dùng sản phẩm quốc nội của công ty cổ phần dệt Gyeongseong " Chúng ta hãy dùng những gì chúng ta làm ra"

của phong trào kháng Nhật .

Hoạt động giáo dục và ngôn luận

Phong trào tạo nguồn lực dân tộc cũng được triển khai thông qua giáo dục dân tộc. Để chống lại sự phân biệt đối xử trong giáo dục đối với người Hàn của đế quốc Nhật, phong trào vận động thành lập đại học dân lập bằng chính sức lực của dân tộc đã diễn ra. I Sang-jae (Lý Thường Tại) với vai trò trung tâm đã dấy lên cuộc vận động quyên góp tiền trên toàn quốc. Nhưng phong trào này đã không thể thành công bởi sự can thiệp và đàn áp của đế quốc Nhật.

Mặt khác, học sinh các cấp cũng đã lợi dụng kỳ nghỉ tham gia vào phong trào khai sáng nông dân, họ đã xây dựng các phòng học hoặc các lớp học ban đêm để đẩy lùi nạn mù chữ, phổ cập tiếng Hàn, đóng vai trò chủ lực trong các hoạt động cổ xúy ý thức dân tộc. Các cơ quan ngôn luận cũng đã tích cực

Phong trao khai sang nông thôn

tham gia phong trào tạo nguồn lực dân tộc. Báo "Joseon Ilbo" dẫn đầu phong trào phổ cập chữ viết, còn báo "Donga Ilbo" thì đóng vai trò chính trong việc đẩy mạnh phong trào xóa nạn mù chữ. Các cơ quan ngôn luận này đã tuyên truyền cho phong trào khuyến khích sản phẩm quốc nội, làm chủ trì trong các hoạt động lớn như đứng ra vận động quyên góp tiền. Trước những hoạt động ngôn luận này, đế quốc Nhật đã siết chặt hơn việc kiểm soát tình hình như kiểm duyệt, xóa bỏ các bài báo, tạm dừng hoặc đình chỉ hẳn việc phát hành.

Nguyên nhân nổ ra phong trào Vạn tuế 10. 6 và phong trào kháng Nhật của học sinh sinh viên Gwangju

Phong trào Manse 10. 6

Học sinh, sinh viên là lực lượng đi đầu và hoạt động mạnh trong phong trào dân tộc 1. 3, đã thực hiện các hoạt động chủ đạo trong các phong trào dân tộc sau này. Trong khi các phong trào độc lập bị hạn chế bởi sự đàn áp và giám sát của đế quốc Nhật thì các học sinh, sinh viên đã đứng ra thực hiện các hoạt động khai sáng dân chúng thông qua các hình thức như diễn thuyết, diễn kịch, lớp học ban đêm, hoạt động khai sáng nông thôn.

Mặt khác, học sinh sinh viên cũng đã phản đối sự phân biệt đối xử của đế quốc Nhật trong giáo dục, triển khai phong trào bãi học để chống đối lại những giáo viên Nhật Bản có thái độ miệt thị học sinh Hàn. Tiêu biểu cho các phong trào kháng Nhật do học sinh sinh viên dấy lên là phong trào Vạn tuế 10. 6 và phong trào kháng Nhật của học sinh Gwangju. Vào ngày lễ tang của vua Sunjong (Thuần Tông), hoàng đế cuối cùng của đế quốc đại Hàn diễn ra vào ngày 10. 6. 1926, khi đoàn tang lễ đi qua, các học sinh, sinh viên đã biểu tình thị uy vạn tuế. Để hưởng ứng hành động này, thị dân cũng đổ ra đường cùng hợp sức và đã bị lực lượng cảnh sát vũ trang của đế quốc Nhật đàn áp hết sức dã man. Phong trào 10. 6 với lực lượng chủ đạo là học sinh, sinh viên đã thổi một luồng sinh khí lớn vào phong trào dân tộc đang lắng dần

xuống sau phong trào 1. 3.

Hoạt động của Singanhoe (Tân Can Hội)

Bước vào những năm 1920, tư tưởng xã hội chủ nghĩa được du nhập. Tháng 4. 1925, Đảng Cộng sản Joseon được bí mật thành lập. Một phần của lực lượng bị cuốn vào chính sách li gián dân tộc của Nhật nên đã mở ra phong trào đòi tự trị chứ không phải là đòi độc lập. Singanhoe với tư cách là đoàn thể chính trị xã hội lớn nhất được xây dựng nên từ cuộc họp mặt của các nhà vận động dân tộc thuộc phái xã hội chủ nghĩa và phái dân tộc chủ nghĩa vào năm 1927, tích cực xây dựng tổ chức đến từng địa phương.

Singanhoe coi phong trào tự trị là chủ nghĩa cơ hội và tẩy chay phong trào này. Singanhoe cũng chủ trương loại bỏ các cơ quan thống trị thực dân của đế quốc Nhật, cấm chỉ sự phân biệt đối xử trong giáo dục đối với người Hàn, đồng thời cũng chủ trương tự do nghiên cứu học thuật và giảng dạy tiếng Hàn. Ngay khi phong trào kháng Nhật của học sinh Gwangju nổ ra, một mặt Hội đã phản đối các hành động đối xử phi lý và tàn ác của cảnh sát Nhật đối với sinh viên, học sinh Hàn trong quá trình điều tra, mặt khác cũng có kế hoạch biến phong trào này thành phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc trên toàn quốc. Bên cạnh đó còn có Geunu-hoe (Cẩn Hữu Hội), một đoàn thể phụ nữ, cũng được thành lập và hoạt động như là một hội kết nghĩa với Singanhoe.

Ngay khi hoạt động của Singan-hoe được triển khai một cách linh hoạt và chuẩn bị được khuếch trương lên thành phong trào dân tộc, thì đế quốc Nhật đã dùng đến nhiều phương pháp nhằm hạn chế, gây cản trở. Sau đó hoạt động của Singan-hoe rơi vào vòng luẩn quẩn và đi đến chỗ giải tán bởi những tranh chấp nội bộ.

Quy ước và cương lệnh của Singanhoe

Phong trào khang Nhật của học sinh Gwangju

Bao Donga Ilbo số đặc biệt đưa tin về phong trào khang Nhật của học sinh Gwangju.

Ngày 3. 11. 1929, xuất phát từ một xung đột nhỏ xảy ra giữa học sinh Hàn và Nhật tại Gwangju, Jeonnam, sự phẫn nộ với hành động phân biệt đối xử dân tộc diễn ra hằng ngày và sự kháng cự đối với Nhật đã bùng nổ thành cuộc biểu tình chống Nhật trên quy mô lớn. Trong một khoảng thời gian rất ngắn, cuộc biểu tình này đã lan rộng ra toàn quốc. Tại các địa phương, không chỉ có rất nhiều học sinh, sinh viên mà cả các công dân bình thường cũng tham gia vào các cuộc biểu tình thị uy chống Nhật. Uy thế của Singanhoe được hình thành vào năm 1927 giờ đây đã lớn mạnh trong quá trình triển khai những cuộc biểu tình này thành một phong trào đấu tranh dân tộc trên toàn quốc.

Phong trào biểu tình kháng Nhật của học sinh Gwangju với tính chất của cuộc đấu tranh phản kháng sự phân biệt đối xử dân tộc của đế quốc Nhật là cuộc đấu tranh dân tộc có quy mô lớn nhất trong các cuộc đấu tranh kháng Nhật của học sinh, sinh viên kể từ sau phong trào 1. 3. Phong trào này đã vượt ra khỏi hình thức bãi học tập thể mà phát triển hơn một bước là tiến hành dưới hình thức biểu tình thị uy, công khai đả đảo sự thống trị thực dân của đế quốc Nhật.

Sau phong trào biểu tình kháng Nhật của học sinh Gwangju, các học sinh, sinh viên đã lập ra những tổ chức bí mật, triển khai các phong trào độc lập chống lại ách thống trị của thực dân Nhật.

Nỗ lực bảo vệ văn hóa dân tộc của người Hàn

Nghiên cứu quốc ngữ

Để kế thừa tinh thần dân tộc và kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc

cần thiết phải có sự nghiên cứu và phổ cập quốc ngữ. Các học giả quốc ngữ đã lấy Joseoneo Yeonguhoe (Hội nghiên cứu tiếng Triều Tiên) và sau này là Joseoneo Hakhoe (Học hội tiếng Triều Tiên) làm trung tâm, dốn sức cho việc nghiên cứu và phổ cập tiếng Hàn. Joseoneo Hakhoe đã rất nỗ lực trong việc phổ cập tiếng Hàn, thống nhất về chính tả và quy định ngôn ngữ chuẩn. Đồng thời, họ cũng có dự định biên tập cuốn Đại từ điển quốc ngữ nhưng ý định này đã không thành do sự cản trở của đế quốc Nhật. Hoạt động nghiên cứu tiếng Hàn và phổ cập quốc ngữ của Joseoneo hakhoe đã cổ vũ cho tinh thần dân tộc, chống đối lại việc đế quốc Nhật cưỡng ép dân Hàn học tiếng Nhật và đồng thời cũng mang tính chất của một phong trào dân tộc nhằm kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc.

Bản thảo cuốn Urimal Keunsajeon (Đại từ điển quốc ngữ) (khoảng năm 1940)

Nghiên cứu lịch sử Hàn

Cùng với việc nghiên cứu chữ quốc ngữ, các hoạt động nghiên cứu lịch sử cũng được tiến hành hết sức sôi nổi. Từ rất sớm, Nhật Bản đã lợi dụng lịch sử của dân tộc Hàn cho hành động xâm lược của mình, xuyên tạc đối trá và đánh giá sai lệch về văn hóa và lịch sử Hàn. Để phản đối lại hành động này của Nhật, những nỗ lực nhằm cổ vũ ý thức

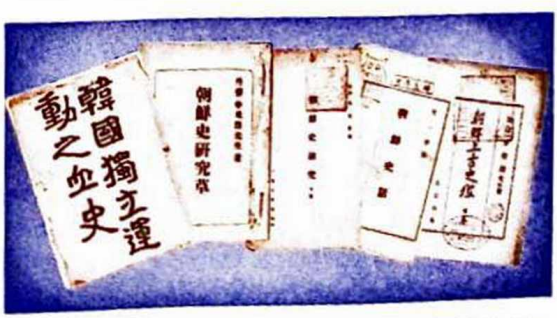

Sách lịch sử của giới ủng hộ phong trào chủ nghĩa dân tộc trong thời kỳ Nhật Bản đô hộ Hàn Quốc

dân tộc đã được thể hiện rất rõ trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử bằng việc nỗ lực phát triển lịch sử dân tộc một cách chủ động và tự chủ, làm sáng rõ những ghi chép về văn hóa mang tính sáng tạo của dân tộc. Vào giai đoạn cuối của đế quốc Nhật Bản, việc dạy lịch sử Hàn bị cấm hoàn toàn trong các trường học. Nhưng các chí sĩ yêu nước thông qua các lớp học buổi tối đã bí mật dạy lịch sử cho thanh thiếu niên. Trong số các giáo viên cũng có những người vừa phải trốn tránh sự kiểm soát của quân đội Nhật vừa bí mật dạy lịch sử và văn hóa truyền thống của Hàn cho các em học sinh.

Hoạt động tôn giáo

Từ sau khi bị mất chủ quyền dân tộc, đạo Daejonggyo lớn vốn là tôn giáo dân tộc được hình thành từ tín ngưỡng Dangun, một mặt vừa cổ vũ ý thức dân tộc cho đồng bào sống ở khu vực Manju, mặt khác vừa đi đầu trong phong trào đấu tranh vũ trang giành độc lập. Thiên đạo giáo cũng đã có những nỗ lực trong công cuộc khai sáng dân tộc và giữ vai trò trung tâm trong phong trào 1. 3.

Thiên chúa giáo và đạo Tin lành từ rất sớm đã cùng hợp sức tham gia vào phong trào khai sáng dân chúng và các hoạt động xã hội. Đặc biệt, rất nhiều nhà lãnh đạo giáo hội đã bị giam cầm và hy sinh do kháng cự lại hành động cưỡng ép tham gia bái thần ở các đền của đế quốc Nhật. Đạo Cơ đốc và Thiên đạo giáo đã giữ vai trò chủ đạo trong việc tuyên bố độc lập vào ngày 1. 3 và phát triển mở nộng phong trào 1. 3 về các địa phương.

Đối với Phật giáo, từ rất sớm Han Yong-un (Hàn Long Vân) đã đưa ra chủ trương Phật giáo duy tân luận, vừa tiếp nối truyền thống của Phật giáo dân tộc trong khi vừa tham gia như một đại biểu dân tộc của trong phong trào 1. 3. Còn viện Phật giáo do Bak Jung-bin (Phác Trọng Bân) sáng lập thì chủ trương coi trọng sự tiết kiệm và chăm chỉ lao động, đồng thời triển khai các hoạt động tình nguyện, đánh thức tinh thần tự lập.

Các đoàn thể tôn giáo này đã thành lập nhiều trường và thông qua

các hoạt động giáo dục đã có những cống hiến lớn trong việc nuôi dưỡng ý thức dân tộc và tinh thần kháng Nhật cho nhân dân Hàn.

Hoạt động văn hoa

Các lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật cũng có sự vận động liên tục nhằm kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc, làm sống lại tình cảm và tư tưởng dân tộc.

Sau phong trào 1. 3, những nhà văn như Han Yong-un (Hàn Long Vân), Sim Hun (Thẩm Huân) đã viết nhiều tác phẩm văn học biểu hiện tình yêu với dân tộc hoặc cổ xúy ý thức dân tộc. Các hoạt động văn học bị đàn áp và suy yếu nhiều từ khi Nhật Bản đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, thực thi chính sách triệt tiêu dân tộc nhưng các tác giả như: Yun Dong-ju (Doãn Đông Trụ), I Yuk-sa (Lý Lục Sử), I Sang-hwa (Lý Tương Hoa) cũng vẫn đưa ra được nhiều tác phẩm giúp thức tỉnh hồn dân tộc .

Ở lĩnh vực điện ảnh, Na Un-gyu (La Văn Khuê) đã đưa vào các bộ phim tâm hồn, tình cảm mang chất Hàn và ý thức đấu tranh của dân tộc, đóng góp một phần vào sự phát triển của nghệ thuật điện ảnh Đại Hàn. Trong lĩnh vực mỹ thuật, hoạt động của I Jung-seop (Lý Trọng Nhiếp) là nổi bật nhất. Cũng có một số người đã đi sưu tầm lại các tài sản văn hóa của Hàn bị bán sang Nhật và dồn sức lực của mình vào việc nỗ lực gìn giữ văn hóa dân tộc. Trên lĩnh vực âm nhạc đã xuất hiện các tác phẩm chan chứa tình cảm dân tộc như: Bongseonhwa (Hoa bông nước), Gohyang Saenggak (Nghĩ về quê hương), Bandal (Nửa vầng trăng) ... Các bài hát này được đồng bào nghe và hát một cách say sưa, giúp tăng thêm sự đoàn kết tinh thần của toàn dân tộc, một lòng cùng nhau tìm lại đất nước đã mất.

X. Hàn Quốc, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên sau giải phóng và những nỗ lực thống nhất

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khac
Quang Phục 15. 8 (giai phong khỏi ach đô hộ thực dân Nhật)	1945	Thanh lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoa	Chiến tranh thế giới thứ hai kết thuc; Nhật đầu hang. UN thanh lập
	1946	Ký kết: Hiệp định sơ bộ, tạm ước Fontainebleau; Khang chiến toan quốc bung nổ	Hội nghị tứ cường (Anh, Mỹ, Pháp, Liên Xô ở Paris; Mỹ đề ra kế hoạch Marshall nhằm tái thiết châu Âu
Thanh lập nước Đại Hàn Dân Quốc	1948		Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua bản Tuyên bố Nhân quyền
Chiến tranh Triều Tiên (25. 6)	1950	Chiến dịch Biên giới	Liên Xô va Trung Quốc phê chuẩn Hiệp ước hữu nghị va tương trợ giữa hai nước
	1951	Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II	
Ky hiệp định đình chiến	1953	Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954	Mỹ: đường lối mới của tổng thống Eisenhower
	1954	Chiến thắng điện Biên Phu; Ký hiệp định Geneve	Tây Đức gia nhập khối NATO
	1955	Bắt đầu kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế ở miền Bắc (1955-1957); Mỹ - Diệm lập chính đô "Việt Nam cộng hoa" ở miền Nam	Liên Xô va cac nước Đông Âu thanh lập khối Warsaw
Cach mạng 19. 4	1960	Đại hội đảng Lao động Việt Nam lần thứ III; Thanh lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam	Kennedy trở thành tổng thống Mỹ; Hội nghị quốc tế giám trừ quân bị
Chinh biến quân sự 16. 5	1961	Miền Bắc: Bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; Miền Nam: Bắt đầu "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ	Liên Xô phong tau vũ trụ có người lái; Mỹ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Cuba
Bắt đầu thực hiện kế hoạch 5 năm phat triển kinh tế	1962		Cấm vận Cuba
Bắt đầu chính quyền Park Jeong-hui (Thực Chính Hy)	1963	Đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm	Mỹ: Kennedy bị am sat, Johnson trở thành tổng thống
Bắt đầu gửi quân tham chiến tại Việt Nam (- năm 1973)	1964		Người Panama nổi dậy chống Mỹ Pháp thừa nhận Cộng hoa nhân dân Trung Hoa
Ký hiệp định Hon - Nhật	1965	Mỹ nem bom miền Bắc Việt Nam	Xung đột giữa Ấn Độ va Pakistan ở Pendjab Quân Mỹ đổ bộ Dominican
	1968	Tổng tiến công va nổi dậy Tết Mậu Thân; Mỹ chấm dứt nem bom miền Bắc	Mỹ: Nixon trung cử tổng thống; Ba phi hành gia Mỹ lần đầu tiên bay quanh mặt trăng

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khac
	1969	Chủ tịch Hồ Chi Minh mất; Thanh lập chính phu Cach mạng lâm thời Cộng hoa miền Nam Việt Nam	Nha du hanh vu trụ Mỹ Armstrong đặt chân lên mặt trăng.
Bắt đầu phong trao Nông thôn mới (Saemaul)	1970	Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương	Trung Quốc gia nhập Liên Hợp Quốc
Tuyên bố chung Nam - Bắc 4, 7, Duy Tân thang 10	1972		Nixon thăm Trung Quốc va Liên Xô; Thế vận hội mua he lần thứ 20.
Tuyên ngôn hoa bình thống nhất 23.6	1973	Hiệp định hoa bình Paris; Mỹ rut quân hoan toan khỏi Việt Nam	Chiến tranh Trung Đông lần thứ tư. Hội Nghị Geneve về hoa bình ở Trung Đông
	1975	Đại thắng mua xuân 1975, Việt Nam hoan toan thống nhất	Ký "Định ước Helsinki"; Angola tuyên bố độc lập; Thanh lập hệ thống kinh tế Mỹ Latinh (SELA)
	1976	Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thanh đang Cộng sản Việt Nam; Đổi tên nước thanh Cộng hoa xã hội chu nghĩa Việt Nam	Các nước Asean ký hiệp ước Bali; Trung Quốc: Mao Trạch Đông qua đời.
Xuất khẩu đạt 10 tỷ USD	1977	Ký hiệp ước hữu nghị va hợp tac Việt Nam - Lao	Mỹ: Carter trở thanh tổng thống; Giải thể SEATO; Thanh lập "Đại hội nhân dân Arập" (APC)
	1978	Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV)	Bình thường hoa quan hệ Mỹ -Trung; Ky thoả hiệp David về giải quyết xung đột ở Trung Đông
Sự kiện 26. 10	1979	Chiến tranh Biên giới ở phia Tây Nam va phia Bắc	Cuộc cach mạng Hồi giáo Iran thắng lợi; Hệ thống tiền tệ châu Âu bắt đầu hoạt động trong EEC; Liên Xô va Mỹ ký hiệp ước SALT 2
Phong trao dân chủ hoa 18. 5	1980	Kết thuc kế hoạch 5 năm (1976-1980)	Chiến tranh Iran - Iraq Zimbabue tuyên bố độc lập
Thanh lập chính quyền Jeon Du-hwan (Toàn Đậu Hoán)	1981	Bắt đầu kế hoạch 5 năm (1981-1985)	Mỹ: Reagan trở thanh tổng thống; Tau vũ trụ con thoi đầu tiên của Mỹ mang tên Columbia ha canh an toan.
	1986	Thực hiện chính sach "Đổi mơi"	Cach mạng dân chu Philippin; Tai nạn tại trung tâm hạt nhân Chernobyl; Liên Xô - Ấn Đô ký tuyên ngôn Delhi
Đấu tranh đoi dân chu thang 6	1987		Liên Xô: Gorbachev tuyên bố đường lối cải tổ va công khai hoa; Mỹ - Liên Xô ký hiệp định huy bỏ INF
Tổ chức Thế Vận hội Seoul	1988		Kết thuc chiến tranh Iran - Irắc; Chu tịch PLO Arafat tuyên bố thanh lập nha nước Palestine

Lịch sử Hàn quốc	Niên đại	Lịch Sử Việt Nam	Lịch sử các nước khac
	1990	Kết thuc kế hoạch 5 năm (1986~1990); Cộng đồng châu Âu (EC) quyết định thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam	Nước Đức thống nhất; Nam Phi tuyên bố từ bỏ chính sách phân biệt chủng tộc Apartheid
Hàn Quốc, Triều Tiên cùng gia nhập Liên Hợp Quốc	1991	Bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc; Bắt đầu kế hoạch 5 năm (1991~1995)	Liên Xô tan rã. Hội nghị Alma Ata tuyên bố thành lập các quốc gia có chủ quyền (SNG); Cộng đồng châu Âu (EC) ký hiệp ước Maastrich
Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Việt Nam	1992	Thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc; Tham gia "Hiệp ước Bali"; Sửa đổi Hiến pháp	Quân đội Liên Hợp Quốc đổ bộ vào Somalie giải quyết cuộc xung đột sắc tộc
Thành lập chính quyền Gim Yeong-sam (Kim Vịnh Tam)	1993		Thỏa thuận vòng đàm phán Urugoay; Ký Hiệp định khu vực tự do thương mại Bắc Mỹ; Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU)
Chủ tịch Triều Tiên Gim Il-seong (Kim Nhật Thành) mất	1994		Israel và Jordanie ký hiệp định hoà bình; Khánh thành đường hầm xuyên biển Manche (Eurotunnel)
Thực hiện chế độ địa phương tự trị	1995	Việt Nam gia nhập ASEAN; Bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ	WTO ra đời; Thủ tướng Irabin của Israel bị ám sát;
Thành lập chính quyền Gim Dae-jung (Kim đại Trung)	1998		
Hội nghị thượng đỉnh Nam - Bắc, Tuyên ngôn chung Nam - Bắc 15.6	2000		
Khai mạc Worldcup Hàn - Nhật	2002		
Thành lập chính quyền No Mu-hyeon	2003		

1. Giải phóng và phân chia Nam - Bắc

Tóm tắt

Năm 1945, Hàn Quốc được giải phóng, thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Nhật Bản. Toàn quốc phấn khởi, tràn đầy hy vọng vào việc xây dựng một nhà nước dân tộc mới. Tuy nhiên, thế giới bắt đầu đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, bán đảo Hàn bị phân chia thành hai miền Nam - Bắc, người dân Hàn đã phải trải qua thử thách nặng nề bởi chiến tranh Nam - Bắc.

Tình hình trong và ngoài nước sau giải phóng

Ngày 15. 8. 1945, người dân trên bán đảo Hàn được giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc Nhật Bản, thoát khỏi sự xâm lược ngoại bang triền miên kể từ khi khai quốc và có thể bắt đầu bắt tay vào xây dựng nhà nước tự chủ.

Tuy nhiên, người dân Hàn đã không thể theo đuổi con đường xây dựng đất nước của mình và kết cục lại bị phân chia thành hai miền Nam - Bắc. Nguyên nhân có thể được nhìn nhận là:

Thứ nhất, do ảnh hưởng của chiến tranh lạnh – sản phẩm của sự đối đầu Mỹ-Xô sau thế chiến thứ 2 – đã tác động mạnh mẽ lên bán đảo Hàn. Thứ hai, người dân Hàn đã không thể xây dựng được một lực lượng đủ mạnh để có thể

Niềm vui Độc lập (15. 8. 1945)

tự chủ, khắc phục được những ảnh hưởng của hệ thống chiến tranh lạnh.

Quá trình thành lập chính phủ Đại Hàn Dân Quốc và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên

Cùng với việc giải phóng đất nước, một số nhà lãnh đạo Hàn cũng đã thành lập ủy ban trù bị kiến quốc Triều Tiên nhằm duy trì trị an, chuẩn bị xây dựng một quốc gia độc lập. Song song với hoạt động này, nhiều chí sĩ yêu nước đang bị giam giữ tại các địa phương trên toàn quốc cũng đã được phóng thích và bắt đầu hoạt động chính trị trở lại, các hoạt động đã bị cấm trong một thời gian dài. Các chí sĩ yêu nước đã thành lập ra các chính đảng, đoàn thể xã hội theo tư tưởng, lý tưởng của mình.

Một mặt, với sự kiện đất nước được giải phóng sau ngày 15. 8, nhiều chí sĩ yêu nước sống và tham gia vào phong trào độc lập tại nước ngoài đã về nước, nhiều người dân bị đế quốc Nhật cưỡng chế đi lao dịch trong quân đội, tại nhà máy, hầm mỏ ... cũng đã có thể trở về tổ quốc. Tháng 10.1945 I Seung-man (Lý Thừa Vãn) – nhà hoạt động trong phong trào độc lập tại Mỹ – đã trở về nước. Sau đó một tháng, Gim Gu (Kim Cửu) cùng một số lãnh đạo chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc tại Trung Quốc cũng về nước. Tuy nhiên, sau một thời gian dài lưu vong tại nước ngoài trở về, mặc dù các nhà lãnh đạo đã lập ra các chính đảng, đoàn thể xã hội, nhưng do còn nhiều ý kiến trái ngược, kinh nghiệm chính trị của nhân dân còn non nớt nên cuối cùng đã không đạt được một ý kiến thống nhất về việc thành lập chính phủ.

Tại miền Bắc (nay là Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên) cũng có khá nhiều các lực lượng chính trị nổi lên. Trong số đó, nổi bật có hoạt động của lực lượng dân tộc chủ nghĩa Jo Man-sik (Triệu Mãn Thức) và lực lượng những người cộng sản trở về từ Trung Quốc và Liên Xô như Gim Il-seong (Kim Nhật Thành). Quân đội Liên Xô đã bí mật giúp đỡ cho những người cộng sản Triều Tiên. Do vậy, tại miền Bắc, chủ nghĩa Cộng sản đã được du nhập vào và những người theo tư tưởng cộng sản

chủ nghĩa đã nắm được quyền chính trị.

Thời gian đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, bán đảo Hàn trở thành nơi đấu tranh giữa hai nước Xô - Mỹ. Hiện thực chính trị của bán đảo này sau chiến tranh là tấm gương phản chiếu so sánh lực lượng của hai siêu cường. Cũng như tình hình nước Đức, hai nước Liên Xô và Mỹ đều vì lợi ích chiến lược đã giúp đỡ xây dựng chính quyền trong khu vực kiểm soát của mình trên bán đảo Hàn. Kết quả, cuộc tổng tuyển cử đã được tổ chức trong phạm vi khu vực miền Nam, lập ra nhà nước Đại Hàn Dân Quốc (15. 8. 1948) và miền Bắc cũng đã lập ra nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên (9. 9. 1948). Hai thể chế chính trị này càng ngày càng dấn sâu vào quan hệ thù địch trong khi tiếp tục hình thành quan hệ gắn bó chặt chẽ với hai nước Mỹ và Liên Xô.

Nguyên nhân và những ảnh hưởng mang tính lịch sử của cuộc chiến tranh 25. 6

Hai miền Nam và Bắc bán đảo Hàn đều thành lập quốc gia độc lập theo hai thể chế chính trị khác nhau. Quân đội Liên Xô và Mỹ đều lần lượt rút khỏi bán đảo Hàn vào cuối năm 1948 nhưng ảnh hưởng của hai siêu cường này ở bán đảo Hàn cũng như sự khác nhau về chế độ chính trị đã làm cho mâu thuẫn giữa Hàn Quốc và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên trở nên gay gắt. Đó là nguyên nhân làm bùng nổ cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950~1953).

Trước khi diễn ra cuộc chiến tranh, trên vùng biên giới Nam - Bắc đã diễn ra nhiều cuộc đụng độ nhỏ. Ngày 25. 6. 1950, chiến tranh Triều Tiên bùng nổ và kéo dài hơn 3 năm. Quân đội Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên tiến công quân sự vào Hàn Quốc. Quân đội Hàn Quốc buộc phải rút lui trước sự tấn công quy mô lớn của quân đội Bắc Triều Tiên. Kể từ khi cuộc chiến bùng nổ, trong 1 tháng, Bắc Triều Tiên đã chiếm được hầu như toàn bộ lãnh thổ miền Nam trừ đảo Jeju và một phần khu vực đông Nam như Daegu, Busan.

Theo đề nghị của Mỹ, Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc đã họp khẩn cấp và quyết định gửi quân Liên hợp quốc (Liên quân) đến Hàn Quốc. Sự

tự chủ, khắc phục được những ảnh hưởng của hệ thống chiến tranh lạnh.

Quá trình thành lập chính phủ Đại Hàn Dân Quốc và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên

Cùng với việc giải phóng đất nước, một số nhà lãnh đạo Hàn cũng đã thành lập ủy ban trù bị kiến quốc Triều Tiên nhằm duy trì trị an, chuẩn bị xây dựng một quốc gia độc lập. Song song với hoạt động này, nhiều chí sĩ yêu nước đang bị giam giữ tại các địa phương trên toàn quốc cũng đã được phóng thích và bắt đầu hoạt động chính trị trở lại, các hoạt động đã bị cấm trong một thời gian dài. Các chí sĩ yêu nước đã thành lập ra các chính đảng, đoàn thể xã hội theo tư tưởng, lý tưởng của mình.

Một mặt, với sự kiện đất nước được giải phóng sau ngày 15. 8, nhiều chí sĩ yêu nước sống và tham gia vào phong trào độc lập tại nước ngoài đã về nước, nhiều người dân bị đế quốc Nhật cưỡng chế đi lao dịch trong quân đội, tại nhà máy, hầm mỏ ... cũng đã có thể trở về tổ quốc. Tháng 10.1945 I Seung-man (Lý Thừa Vãn) – nhà hoạt động trong phong trào độc lập tại Mỹ – đã trở về nước. Sau đó một tháng, Gim Gu (Kim Cửu) cùng một số lãnh đạo chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc tại Trung Quốc cũng về nước. Tuy nhiên, sau một thời gian dài lưu vong tại nước ngoài trở về, mặc dù các nhà lãnh đạo đã lập ra các chính đảng, đoàn thể xã hội, nhưng do còn nhiều ý kiến trái ngược, kinh nghiệm chính trị của nhân dân còn non nớt nên cuối cùng đã không đạt được một ý kiến thống nhất về việc thành lập chính phủ.

Tại miền Bắc (nay là Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên) cũng có khá nhiều các lực lượng chính trị nổi lên. Trong số đó, nổi bật có hoạt động của lực lượng dân tộc chủ nghĩa Jo Man-sik (Triệu Mãn Thức) và lực lượng những người cộng sản trở về từ Trung Quốc và Liên Xô như Gim Il-seong (Kim Nhật Thành). Quân đội Liên Xô đã bí mật giúp đỡ cho những người cộng sản Triều Tiên. Do vậy, tại miền Bắc, chủ nghĩa Cộng sản đã được du nhập vào và những người theo tư tưởng cộng sản

chủ nghĩa đã nắm được quyền chính trị.

Thời gian đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, bán đảo Hàn trở thành nơi đấu tranh giữa hai nước Xô - Mỹ. Hiện thực chính trị của bán đảo này sau chiến tranh là tấm gương phản chiếu so sánh lực lượng của hai siêu cường. Cũng như tình hình nước Đức, hai nước Liên Xô và Mỹ đều vì lợi ích chiến lược đã giúp đỡ xây dựng chính quyền trong khu vực kiểm soát của mình trên bán đảo Hàn. Kết quả, cuộc tổng tuyển cử đã được tổ chức trong phạm vi khu vực miền Nam, lập ra nhà nước Đại Hàn Dân Quốc (15. 8. 1948) và miền Bắc cũng đã lập ra nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên (9. 9. 1948). Hai thể chế chính trị này càng ngày càng dấn sâu vào quan hệ thù địch trong khi tiếp tục hình thành quan hệ gắn bó chặt chẽ với hai nước Mỹ và Liên Xô.

Nguyên nhân và những ảnh hưởng mang tính lịch sử của cuộc chiến tranh 25. 6

Hai miền Nam và Bắc bán đảo Hàn đều thành lập quốc gia độc lập theo hai thể chế chính trị khác nhau. Quân đội Liên Xô và Mỹ đều lần lượt rút khỏi bán đảo Hàn vào cuối năm 1948 nhưng ảnh hưởng của hai siêu cường này ở bán đảo Hàn cũng như sự khác nhau về chế độ chính trị đã làm cho mâu thuẫn giữa Hàn Quốc và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên trở nên gay gắt. Đó là nguyên nhân làm bùng nổ cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950~1953).

Trước khi diễn ra cuộc chiến tranh, trên vùng biên giới Nam - Bắc đã diễn ra nhiều cuộc đụng độ nhỏ. Ngày 25. 6. 1950, chiến tranh Triều Tiên bùng nổ và kéo dài hơn 3 năm. Quân đội Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên tiến công quân sự vào Hàn Quốc. Quân đội Hàn Quốc buộc phải rút lui trước sự tấn công quy mô lớn của quân đội Bắc Triều Tiên. Kể từ khi cuộc chiến bùng nổ, trong 1 tháng, Bắc Triều Tiên đã chiếm được hầu như toàn bộ lãnh thổ miền Nam trừ đảo Jeju và một phần khu vực đông Nam như Daegu, Busan.

Theo đề nghị của Mỹ, Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc đã họp khẩn cấp và quyết định gửi quân Liên hợp quốc (Liên quân) đến Hàn Quốc. Sự

tham chiến của Mỹ và sự can thiệp của Liên Hợp Quốc vào cuộc chiến tranh Triều Tiên đã biến cuộc nội chiến thành cuộc chiến tranh quốc tế. Mỹ và Liên Hợp Quốc ủng hộ Hàn Quốc trong khi Liên Xô và Trung Quốc lại ủng hộ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Với thắng lợi của chiến dịch đổ bộ vào Incheon, quân đội Hàn Quốc và Liên quân đã bắt đầu phản kích. Ngày 28. 9. 1950 quân Hàn Quốc tái chiếm Seoul, vượt qua vĩ tuyến 38 và bắt đầu tiến vào Bắc. Quân đội Hàn Quốc và Liên quân tiến sát tới sông Amnok – tuyến biên giới giáp với Trung Quốc. Trước tình hình đó, Trung Quốc cũng bắt đầu tham gia một cách toàn diện vào cuộc chiến bằng việc gửi các đơn vị quân tình nguyện sang giúp đỡ Bắc Triều Tiên và mở những cuộc phản công đẩy lùi quân đội Liên quân và Hàn Quốc về phía Nam. Với sự kiện này, cuộc chiến đã trở thành cuộc chiến quốc tế với sự đối kháng giữa hai đầu não của hai hệ thống chính trị tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Tháng 3. 1951, chiến tuyến chỉ dạo động xung quanh vĩ tuyến 38. Đầu tháng 7 năm đó, phe Liên quân và phe Cộng sản bắt đầu bàn bạc để tiến tới ký hiệp định đình chiến. Trải qua 3 năm 5 tháng với 575 lần họp chính thức, ngày 27. 7. 1953, hiệp định đình chiến được ký kết.

Cuộc chiến tranh này đã gây ảnh hưởng to lớn đến lịch sử hiện đại của bán đảo Hàn trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ...

Về mặt chính trị, tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, thể chế lãnh đạo của Gim Il-seong được thúc đẩy. Còn tại Hàn Quốc, đồng thời với sự lớn mạnh của chế độ độc tài I Seung-man, tư tưởng chống Cộng sản cũng được đẩy mạnh.

Về mặt quân sự, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đã trở thành một pháo đài với chính sách tập trung tối cao cho quân sự. Trong khi đó, tại Hàn Quốc, số quân chính quy đã lên tới 630.000 quân. Quân đội có ảnh hưởng vô cùng to lớn trong xã hội của Hàn Quốc.

Về mặt kinh tế, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên bắt đầu công việc khôi phục đất nước thời hậu chiến, thực hiện đường lối đưa đất nước hướng tới thể chế kinh tế xã hội chủ nghĩa, tập thể hóa nông nghiệp, quốc hữu hóa công thương nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Sau chiến tranh, kinh tế Hàn Quốc chuyển sang chế độ

kinh tế tư bản chủ nghĩa một cách nhanh chóng.

Về phương diện quốc tế, cuộc chiến tranh Triều Tiên đã làm cho thế chế lưỡng cực thêm gay gắt, đẩy mạnh chạy đua vũ trang ...

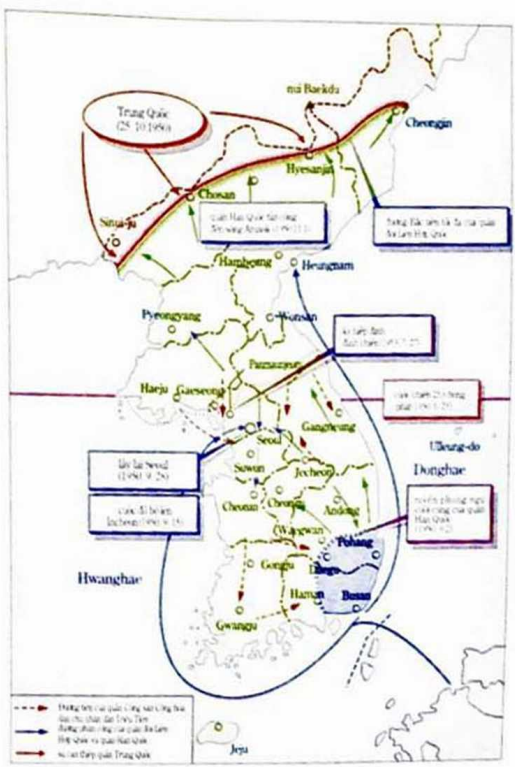

Tình hình cuộc chiến 25.6

Chiến tranh đã gây cho cả Hàn Quốc và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên những tổn thất nặng nề. Thiệt hại về nhân mạng bao gồm cả quân nhân và dân thường của hai miền Nam - Bắc cộng lại khoảng 2.800.000~3.690.000 người (chiếm 10% dân số hai miền), khoảng hơn 300.000 nhân sĩ Hàn Quốc bị bắt hoặc vượt sang miền Bắc, khoảng 450.000 đến 1.000.000 nhân sĩ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên vượt sang miền Nam. Thiệt hại về vật chất cũng rất nặng nề, công nghiệp chế tạo của Hàn Quốc bị thiệt hại 42% so với năm 1949. Tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, 60% công nghiệp, 20% công nghiệp khai khoáng, 78% nông nghiệp bị tàn phá. Tổn thất không chỉ là sinh mệnh và vật chất mà còn cả tinh thần. Sự thù địch giữa hai miền ngày càng sâu sắc. Kết quả của cuộc chiến, không phải là hòa bình thống nhất mà là cục diện đối đầu ngày càng căng thẳng.

2. Tăng trưởng kinh tế và sự phát triển dân chủ xã hội của Hàn Quốc

Tóm tắt

Chính quyền I Seung-man phải đối mặt với nhiều cuộc đấu tranh, phản kháng của nhân dân đối với nền chính trị độc tài, đầy rẫy tham nhũng và bất chính và cuối cùng bị sụp đổ bởi cách mạng 19. 4. Ngay sau đó, nội các Jang Myeon (Trương Miến) do quốc hội để cử bắt đầu điều hành nhà nước nhưng cũng ngay lập tức bị sụp đổ bởi chính biến quân sự do một số thế lực quân đội với trung tâm là Bak Jeong-hui (Phác Chính Hy) tổ chức. Chính quyền quân sự của Bak Jeong-Hui tuy đã tạo được sự tăng trưởng trong kế hoạch phát triển kinh tế song vấp phải sự phản kháng của quốc dân do âm mưu chiến quyền dài hạn. Để nắm chính quyền lâu dài, Tổng thống Bak Jeong-hui đã đề ra chính sách "Duy tân tháng 10". Ngay lập tức, toàn dân đã triển khai những cuộc đấu tranh phản đối. Kết cục, "Duy tân tháng 10" bị thất bại bởi sự kiện 26. 10. Liền kề sau đó, phong trào dân chủ hóa 18. 5 được triển khai ngay trong quá trình một số thế lực quân sự tập quyền. Thông qua phong trào dân chủ hóa chống lại chế độ quân sự độc tài những năm 1980, phong trào dân chủ hóa tại Hàn Quốc đã phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng. Năm 1988, cùng với nỗ lực cho sự phát triển chính trị, kinh tế của xã hội Hàn Quốc, Thế vận hội Seoul đã được tổ chức, nâng cao vị thế quốc tế của Hàn Quốc. Năm 1997, dù bị ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á nhưng thời gian sau đó, Hàn Quốc đã khắc phục được khủng hoảng, tiếp tục phát triển cả về chính trị và kinh tế.

Nguyên nhân và kết quả của cách mạng 19. 4 và chính biến quân sự 16. 5

Sau cuộc chiến tranh Nam - Bắc, để tái thiết đất nước, Tổng thống

Hàn Quốc I Seung-man đã đề ra thuyết Bắc tiến, đẩy mạnh chính sách chống cộng. Dưới thời chính quyền I Seung-man sự hỗn loạn chính trị vẫn tiếp diễn, chế độ dân chủ vẫn chưa có đất cắm rễ. Nhằm đảm bảo cho sự cầm quyền lâu dài của Tổng thống I Seung-man, đảng Tự do cầm quyền đã cưỡng chế thông qua bản sửa đổi Hiến pháp một cách vô lý, huy động các quan chức tiến hành tuyển cử bất chính. Do đó, nền dân chủ chủ nghĩa thực sự đã không được thực hiện trong khi chính trị độc tài ngày càng được củng cố. Do đi ngược lại với kỳ vọng vào một nền chính trị dân chủ của quốc dân, chính quyền I Seung-man đã tự làm mất đi sự ủng hộ của quốc dân dành cho mình.

Đoàn học sinh, sinh viên thị uy trên ra đường phố Seoul trong cach mạng 14. 9

Nhằm kéo dài thời gian nắm quyền, trong cuộc bầu cử Tổng thống tháng 3. 1960, đảng Tự do đã tiến hành nhiều đợt bầu cử bất hợp pháp. Bất bình trước những cuộc bầu cử bất hợp pháp cũng như trước sự độc tài của đảng Tự do, học sinh, sinh viên và nhân dân thành phố Seoul đã đứng lên đấu tranh. Chính phủ phải ra lệnh giới nghiêm, đàn áp biểu tình nhằm dập tắt phong trào đấu tranh này nhưng họ đã không khuất phục và đứng lên đòi Tổng thống I Seung-man từ chức. Cuối cùng, Rhee Seung-man buộc phải rời chức Tổng thống, đảng Tự do sụp đổ. Với cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên và nhân dân nhằm ủng hộ cho chủ nghĩa dân chủ, cách mạng 19. 4 là cuộc cách mạng hướng tới việc bảo vệ quyền lợi và tự do của nhân dân đồng thời thực hiện lý

tướng dân chủ.

Khi I Seung-man và đảng Tự do vừa sụp đổ, chính phủ quá độ ngay lập tức được thành lập để tiếp nhận tình hình. Lúc này, mọi vấn đề tập trung vào việc sửa đổi lập pháp với nội dung chủ yếu là xây dựng hệ thống nội các và Quốc hội lưỡng viện, đồng thời tiến hành tổng tuyển cử. Trong cuộc tổng tuyển cử, đảng Dân chủ đã giành chiến thắng áp đảo. Quốc hội mới bầu Yun Bo-seon làm Tổng thống mới, Thủ tướng Quốc vụ là Jang Myeon (Trương Miễn). Như vậy, năm 1960, nội các của Jang Myeon đã ra đời trong sự kỳ vọng của quốc dân.

Nội các của Jang Myeon đã có rất nhiều cố gắng xoá bỏ nền chính trị độc tài, thực hiện nền chính trị dân chủ, phát triển kinh tế. Tuy nhiên, chính quyền Jang Myeon đã không giải quyết được sự hỗn loạn sau cách mạng 19. 4, không dũng cảm xúc tiến các chính sách theo nguyện vọng của quốc dân. Chính quyền Jang Myeon không những đã không kế thừa một cách tích cực tinh thần cách mạng 19. 4 mà còn không thể trấn áp được sự mất ổn định chính trị do sự chia rẽ của nội bộ đảng cầm quyền là đảng Dân chủ, gây biểu tình triền miên, xã hội tiếp tục bị hỗn loạn.

Ngày 16. 5. 1961, nội các Jang Myeon, dù có một loạt nỗ lực nhằm thực hiện nền chính trị dân chủ, đã bị sụp đổ sau 9 tháng cầm quyền, phải quân sự gây chính biến do Bak Jeong-hui (Phác Chính Hy) chỉ đạo lên nắm chính quyền. Thế lực chính biến quân sự đã lên chấp chính trong vòng 2 năm 6 tháng. Trên cả việc bảo hộ cho tự do và quyền lợi của quốc dân, chính quyền quân sự nhấn mạnh vào sự đổi mới của chính sách xây dựng lại kinh tế, giữ ổn định chính trị, thay đổi nếp sống xã hội cũ. Bên cạnh đó, chính quyền quân sự

Chính biến quân đội 16. 5

tập trung chuẩn bị sửa đổi Hiến pháp theo nội dung cơ bản là lấy Tổng thống làm trọng tâm, thực hiện quốc hội đơn viện, được quốc dân bỏ phiếu tín nhiệm. Trong bầu cử theo chế độ hiến pháp mới, ứng cử viên Bak Jeong-hui, người lãnh đạo cuộc chính biến quân sự đã được bầu làm Tổng thống.

Lấy hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước làm nhiệm vụ trọng tâm, chính quyền Bak Jeong-hui tích cực xúc tiến chính sách kinh tế nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng. Ngoài ra, một mặt đẩy mạnh quan hệ gắn bó với các nước đồng minh dân chủ, một mặt chính quyền Bak Jeong-hui cũng triển khai chính sách ngoại giao phát triển quan hệ với các quốc gia trung lập. Chính vì vậy, chính quyền Bak Jeong-hui đã cải thiện quan hệ với Nhật Bản, ký hiệp định Hàn-Nhật, gửi quân tham chiến tại Việt Nam. Sau vụ đảo chính tháng 11. 1961, Bak Jeong-hui sang thăm Mỹ, tiến hành hội đàm với Kennedy. Tại cuộc hội đàm, Bak Jeong-hui đã trực tiếp đưa ra đề nghị gửi quân đi Việt Nam, tỏ rõ ý đồ tham gia chiến tranh Việt Nam.

Đề nghị này được đưa ra nhằm ngăn cản việc cử quân Mỹ đang đồn trú tại Hàn Quốc sang Việt Nam đồng thời thông qua nguồn thu đặc biệt như chiến tranh để tìm kiếm nguồn vốn cần thiết cho phát triển kinh tế. Phía Mỹ, để đáp trả việc Hàn Quốc gửi quân tham chiến tại Việt Nam, đã giúp hiện đại hóa quân đội Hàn Quốc, đặt mua một phần quân nhu từ Hàn Quốc, cho các doanh nghiệp Hàn Quốc cũng như hàng hóa Hàn Quốc xâm nhập thị trường Việt Nam.

Việc gửi quân tham chiến tại Việt Nam mang lại lợi ích về kinh tế cho Hàn Quốc nhưng đã gây ra những vấn đề lớn trên phương diện quan hệ quốc tế cũng như xã hội. Nguồn thu đặc biệt qua chiến tranh đã khiến kinh tế Hàn Quốc tăng trưởng 12%/năm, một con số vượt xa so với mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế lần hai. Nhưng trên phương diện quốc tế, nó lại

Tem thư được in nhân kỷ niệm 10 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hàn Quốc

khơi sâu thêm hình ảnh một Hàn Quốc ngày càng lệ thuộc sâu sắc vào Mỹ. Hơn nữa, gần đây, việc gửi quân tham chiến tại Việt Nam cũng đã mang lại nhiều ảnh hưởng xấu đến xã hội như vấn đề nạn nhân chất độc màu da cam đang nảy sinh.

Chính quyền Bak Jeong-hui tuy đã thúc đẩy mạnh mẽ chính sách hiện đại hóa, góp phần tạo nên sự phát triển kinh tế và sức mạnh đất nước song ý chí muốn thực hiện dân chủ lại yếu. để nắm quyền lâu dài, chính quyền Bak Jeong-hui đã 3 lần sửa đổi hiến pháp, đàn áp những người chống đối chính trị, và đã bị dư luận trong và ngoài nước phê phán là nền chính trị độc tài.

Quá trình phát triển và thành quả đạt được của nền kinh tế Hàn Quốc

Chính quyền Bak Jeong-hui đã có nhiều cố gắng và liên tục thúc đẩy kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, tăng xuất khẩu. Việc thúc đẩy kế hoạch phát triển kinh tế nhằm mục đích tạo cơ sở phát triển cho nền kinh tế lạc hậu, thoát khỏi đói nghèo, hướng tới một nền kinh tế tự lập. Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế, chính phủ đã nhận nhiều vốn của nước ngoài, từ đó xây dựng nhiều nhà máy, tạo được nhiều việc làm, nâng lượng xuất khẩu hàng năm. Ngoài ra, chính phủ cũng đã có nhiều biện pháp nhằm tăng cường sức sản xuất nông nghiệp, mở rộng công nghiệp, phát triển khoa học kỹ thuật và đã thu được nhiều thành công. Nhằm hỗ trợ cho công nghiệp phát triển, chính phủ tiến hành xây dựng nhiều tuyến đường cao tốc như tuyến đường cao tốc Gyeongbu. Nhờ đó, toàn quốc trở thành một "khu vực sinh hoạt trong một ngày" (khu vực có thể đi toàn bộ chỉ trong một ngày). Khoảng cách về mức sống giữa thành phố và nông thôn cũng dần được thu hẹp.

Xưởng ô tô thời kỳ phát đạt

Vào những năm 1960, kế hoạch phát triển kinh tế của Hàn Quốc là lấy công nghiệp nhẹ

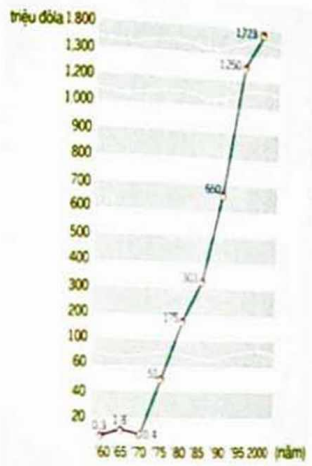

Sự tăng trưởng xuất khẩu của Hàn Quốc

làm chủ đạo, sau đó được chuyển đổi dần sang tập trung vào công nghiệp nặng trong những năm 1970, đạt được nhiều thành quả sản xuất cũng như xuất khẩu thuộc các lĩnh vực như thép, hóa dầu, cơ khí, điện tử, đóng tầu, ô tô ... Các doanh nghiệp trong các lĩnh vực trên phát triển thịnh vượng. Tốc độ công nghiệp hóa của Hàn Quốc được đẩy nhanh, phát triển kinh tế chuyển sang một kỷ nguyên mới.

Song song với việc phát triển công nghiệp nặng, chính phủ đã thúc đẩy phong trào nông thôn mới nhằm hiện đại hóa cuộc sống nông thôn. Kết hợp với tinh thần cần cù, sáng tạo, hợp tác, phong trào Nông thôn mới là phong trào nhằm gắn kết phát triển các ngành nông nghiệp và ngư nghiệp vốn từ lâu đã bị lãng quên, nóa đói giảm nghèo ở nông thôn, người dân tự chủ, nỗ lực sản xuất. Phong trào này, cùng với nhiều hoạt động nhằm cải thiện môi trường, tăng thu nhập cho nông dân và ngư dân, đã làm cho mức sống và sinh hoạt của họ ngày càng được nâng cao.

Với thành công của nhiều kế hoạch phát triển, nền kinh tế Hàn Quốc đã phát triển một cách thần kỳ, biến Hàn Quốc trở thành một nước công nghiệp. Xuất khẩu đạt bước nhảy vọt, tinh sản xuất được nâng cao, kỹ thuật công nghệ phát triển, đẩy mạnh sức cạnh tranh quốc tế. Để phát triển kinh tế, người dân Hàn Quốc trong và ngoài nước đã phải đổ mồ hôi, cần cù lao động, làm nên hình ảnh đẹp cho người Hàn Quốc trên trường quốc tế.

Bước vào những năm 1980, kế hoạch phát triển kinh tế được đổi tên thành kế hoạch phát triển kinh tế xã hội. Thông qua việc duy trì sự tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, tăng cường phúc lợi quốc dân được coi là mục tiêu hàng đầu. Bước tiếp theo là tiến hành thay đổi phương hướng chính sách nhằm thúc đẩy sức cạnh tranh trong các lĩnh vực công nghiệp, đẩy mạnh phát triển xã hội đồng thời định ra một chế độ hợp lý có thể mang lại cho quốc dân cuộc sống ổn định. Vào

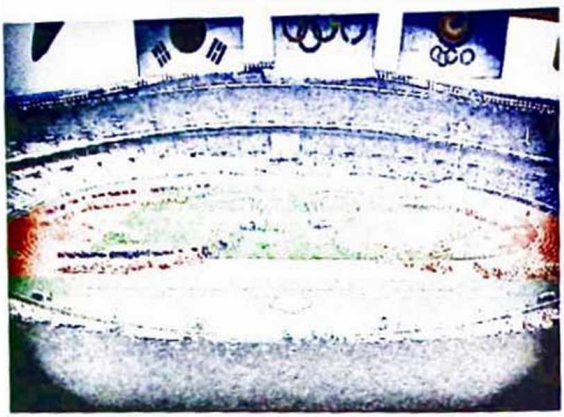

Lễ khai mạc Olympic Seoul lần thứ 24

cuối những năm 80, kinh tế bắt đầu bị sa sút do ảnh hưởng xấu của môi trường xuất khẩu. Mặt khác, do ảnh hưởng của chính sách lấy sự tập trung cho phát triển làm trọng tâm, chức năng kiện toàn của nền kinh tế thị trường bị bó hẹp, sự bất bình đẳng trong phân chia thu nhập trở nên sâu sắc gây nên nhiều vấn nạn xã hội.

Với sự tăng trưởng kinh tế liên tục, sức mạnh trong nước được củng cố. Năm 1988, Hàn Quốc đã tổ chức thành công Thế vận hội lần thứ 24. Với sự tham gia thi đấu của hơn 14.000 vận động viên đến từ 160 nước, Thế vận hội Seoul đã trở thành đại hội thể thao tạo nên sự hòa hợp của nhân loại, vượt qua mọi sự khác biệt về thể chế, tư tưởng, tôn giáo và chủng tộc. Lấy Thế vận hội làm cơ hội, Hàn Quốc đã dần thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước như Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Quá trình triển khai phong trào dân chủ hóa của Hàn Quốc sau năm 1970 và ảnh hưởng của nó

Đắc cử một cách khó khăn trong bầu cử tháng 4.1971, Tổng thống Bak Jeong-hui đã có nhận ra rằng, việc tiếp tục duy trì chính quyền theo như hiện tại là điều khó khăn, nên một năm sau đó, vào tháng 10, ông đã tuyên bố đình chỉ hoạt động của chính quyền lập hiến và thực hiện Duy tân. Với việc xác lập thể chế chính quyền Duy tân, về thực chất, Tổng thống Bak Jeong-hui đã tạo ra con đường để có thể nắm quyền lâu dài. Chính quyền Bak Jeong-hui đã trở thành một chính quyền độc tài.

Ngay sau khi tuyên bố Duy tân được đưa ra vào tháng 10, những người dân bị áp bức đã triển khai phong trào đấu tranh nhằm khôi phục lại chủ nghĩa dân chủ. Và cũng ngay sau khi nhiều tầng lớp dân chúng cùng đồng ý đưa ra chủ trương sửa đổi hiến pháp Duy tân, chính quyền Bak Jeong-hui ban bố lệnh giới nghiêm, thực thi nhiều chính sách đàn áp cứng rắn trước sự đấu tranh phản đối của nhân dân. Nguyên nhân này đã dẫn đến sự kiện Tổng thống Bak Jeong-hui bị ám sát ngày 26. 10.

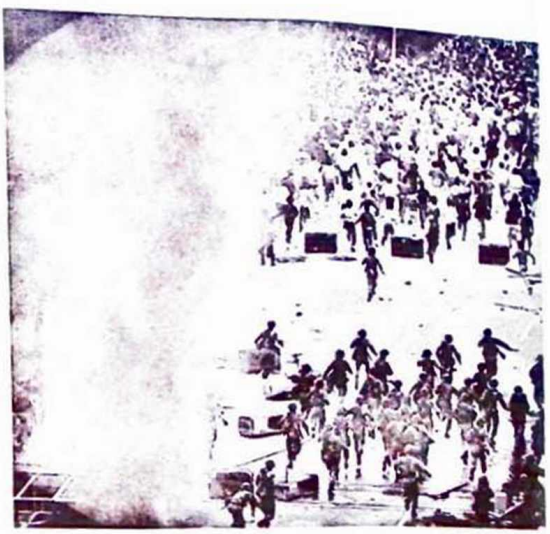

Phong trao dân chu hoa 18. 5

Nhân sự kiện 26. 10, ngày 12. 12. 1979, một số lực lượng quân đội đã phớt lờ hệ thống chỉ huy, dấy binh thành lập chính quyền quân sự, tiến tới nắm thực quyền. Ngay lập tức, các cuộc biểu tình của quốc dân đã được triển khai trên toàn quốc nhằm phản đối thế lực quân sự nắm chính quyền, đòi thực hiện dân chủ. Phong trào biểu tình đã lên đến đỉnh điểm tại Gwangju, dẫn đến phong trào dân chủ hóa 18. 5.

Sau khi đàn áp phong trào dân chủ hóa và các nhà chính trị đối lập, thế lực quân đội nắm quyền đã tạo ra bầu không khí căng thẳng, tiến hành sửa đổi hiến pháp theo hướng có lợi cho mình. Họ đã không thực hiện chế độ quốc dân bầu Tổng thống trực tiếp mà tiến hành bầu Tổng thống gián tiếp thông qua Hội đồng bầu cử (Tuyển cử nhân đoàn). Theo cách thức đó, Jeon Du-hwan (Toàn Đấu Hoan) đã được bầu làm Tổng thống.

Tuy chính quyền Jeon Du-hwan đề ra mục tiêu xây dựng một xã hội chính nghĩa, một xã hội ấm no hạnh phúc, song trên thực tế đã đã bộc

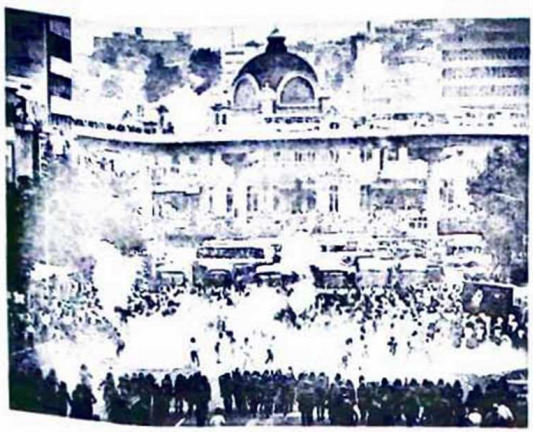

Đấu tranh dân chủ tháng 6

lộ nhiều việc bất chính và phi lý, nên đã bị nhân dân chống đối kịch liệt. Để đối phó với tình hình đó, chính quyền đã thực hiện đàn áp phong trào dân chủ, nhưng phong trào vẫn không ngừng diễn ra mạnh mẽ. Người dân đã lên án sự độc tài và phi lý của chính quyền, yêu cầu sửa đổi hiến pháp. Nhiệt huyết của dân chúng thực hiện phong trào dân chủ đã phát triển thành cuộc đấu tranh dân chủ tháng 6 và đã lan rộng ra toàn quốc (1987). Thế lực quân đội buộc phải khuất phục và cuối cùng, ngày 29. 6, tuyên ngôn dân chủ ra đời.

Với sự ra đời của Tuyên ngôn Dân chủ hoá 29. 6, công tác sửa đổi hiến pháp nhằm thực hiện chế độ bầu cử tổng thống trực tiếp được xúc tiến và đã đạt được kết quả với nội dung hiến pháp sửa đổi là thực hiện chế độ dân cử tổng thống trực tiếp với nhiệm kỳ 5 năm. Tại cuộc bầu cử Tổng thống theo hiến pháp mới, ứng cử viên No Tae-u (Lô Thái Ngu) đã trở thành Tổng thống. Sau khi tổ chức thành công Thế Vận hội Seoul, chính quyền No Tae-u đã xúc tiến chính sách ngoại giao phương Bắc, mở rộng quan hệ ngoại giao như thiết lập quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

Sau cuộc đấu tranh dân chủ tháng 6, lực lượng dân chủ trong quốc dân đã trở nên dày dạn kinh nghiệm hơn, nền dân chủ được thúc đẩy sâu rộng hơn. Tại cuộc bầu cử Tổng thống lần thứ 14, chính quyền Gim Yeong-sam (Kim Vịnh Tam) ra đời. Chính quyền Gim Yeong-sam đã mở rộng việc thực hiện chế độ dân chủ thông qua việc thanh toán tàn dư của các chính quyền độc tài trước, pháp luật hóa chế độ Geumyung Silmyeongje (chế độ tin dụng thực danh), thực hiện chế độ địa phương tự trị. Ngoài ra, để đẩy mạnh sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, chuyển

đổi sang nền kinh tế năng động, chính quyền Gim Yeong-sam đã đề ra và thực hiện kế hoạch 5 năm Kinh tế mới. Tuy nhiên, do sự tụt dốc của kinh tế trong và ngoài nước cũng như thiếu hụt ngoại tệ trong thời kỳ khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997, kinh tế Hàn Quốc đã trải qua thời kỳ khủng hoảng trầm trọng.

Trong hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, cuộc bầu cử Tổng thống lần thứ 15 đã được tiến hành với việc ứng cử viên Gim Dae-jung (Kim Đại Trọng) được bầu làm Tổng thống và đây là lần đầu tiên trong lịch sử chính quyền hiến pháp Hàn Quốc, đảng đối lập và đảng cầm quyền có sự chuyển giao chính quyền trong hòa bình. Chính quyền Gim Dae-jung đã chọn phát triển dân chủ và kinh tế thị trường làm mục tiêu nên đã tiến hành cải tổ cơ cấu chính phủ, xúc tiến thực hiện điều chỉnh cơ cấu hệ thống tài chính và các tập đoàn tài phiệt, nỗ lực cho sự ổn định của hòa bình trên bán đảo Hàn.

3. Xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên sau chiến tranh Nam - Bắc

Tóm tắt

Sau chiến tranh, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đã thoát khỏi sự đổ rát do chiến tranh, phát triển kinh tế theo đường lối tự lực cánh sinh và đạt được sự ổn định chính trị. Về tư tưởng, phát triển tư tưởng Chủ thể của riêng mình và tư tưởng này đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho mọi ngành, lĩnh vực của nhà nước như chính trị, xã hội, kinh tế, quân sự, ngoại giao ... Tính đến cuối những năm 1970, nền kinh tế Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao, nhưng sau đó bắt đầu giảm dần và đến cuối thập niên 80, do ảnh hưởng của thay đổi tình hình xung quanh cùng với ảnh hưởng của thiên tai, nền kinh tế bắt đầu tụt dốc nhanh chóng. Đến giữa và cuối những năm 90, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên bắt đầu mở rộng quan hệ giao lưu hợp tác với Hàn Quốc, cải thiện quan hệ Mỹ - Triều, từng bước khắc phục các khó khăn đối nội và khủng hoảng đối ngoại.

Sau chiến tranh Nam - Bắc, cho đến nay, quá trình biến đổi xã hội của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên chủ yếu được chia làm 4 giai đoạn chủ yếu:

Giai đoạn thứ nhất tính từ 1953 đến 1960 là thời kỳ hoàn thành tái thiết đất nước sau chiến tranh, tiến hành cải cách theo hướng xã hội chủ nghĩa. Thời kỳ những năm 1950, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên bị cuốn vào vòng xoáy của sự biến đổi. Sau đó, chế độ xã hội chủ nghĩa được xây dựng, quan hệ giai cấp và quan hệ giữa thành thị và nông thôn cũng được đơn giản hóa rất nhiều trong nửa cuối những năm 1950. Thời kỳ này, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế tự lập, lựa chọn đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa với mục tiêu thực hiện đồng thời cả ưu tiên phát triển

công nghiệp nặng cùng với phát triển công nghiệp nhẹ và nông nghiệp. Trong quá trình xúc tiến xây dựng kinh tế, đã có không ít các cuộc tranh luận trong nội bộ giới lãnh đạo và điều đó trở thành thách thức đối với Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên. Tuy nhiên, trải qua cuộc đấu tranh, vào cuối thời kỳ những năm 1950, để khẳng định và tăng cường tính độc lập chính trị của mình, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên đã bắt đầu xây dựng cho mình một đường lối riêng. Vào thời kỳ này, thuật ngữ "Chủ thể" – một đặc trưng riêng của xã hội chủ nghĩa tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên bắt đầu xuất hiện.

Giai đoạn thứ hai là thời kỳ những năm 1960. Đây là thời kỳ Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên xúc tiến xây dựng thể chế xã hội chủ nghĩa mang đặc trưng riêng của mình. Sau Đại hội lần thứ IV đảng Lao động Triều Tiên, nguyên tắc quản lý điều hành mới – "Tư tưởng Chủ thể" bắt đầu có chỗ đứng trong nội bộ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên. Vào thời kỳ này, tuy vẫn có những tranh cãi xung quanh vấn đề tốc độ phát triển kinh tế và những mâu thuẫn xoay quanh vấn đề chiến lược đối với Hàn Quốc, nhưng về mặt cơ cấu quyền lực thì không có biến động lớn.

Vào những năm 1960, khi tình hình thế giới bắt đầu trở nên căng thẳng với những sự kiện như: Mỹ tăng cường tấn công Việt Nam, nguy cơ sử dụng tên lửa ở Cu Ba, xung đột tư tưởng Trung - Xô ... tại Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên, tính cần thiết của việc tăng cường sức mạnh quốc phòng đã được đặt ra. Theo đó, năm 1962, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên đã đề ra đường lối 4 điểm về quân sự với 4 nội dung là: Vũ trang hóa toàn dân, pháo đài hóa toàn quốc, cán bộ hóa toàn quân, hiện đại hóa toàn quân. Đến năm 1966, đường lối phát triển đồng thời kinh tế và quốc phòng đã được chính thức hóa. Mặc dù từ cuối những năm 1950, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên đã đề ra đường lối tự chủ song phải sang những năm 1960 mới chủ trương thực hiện chính sách tự chủ về đối ngoại một cách tích cực. Trong những năm 1960, với việc cắt giảm viện trợ từ Liên Xô và áp dụng chính sách hữu hòa với Mỹ, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên đã nêu rõ đường lối phát triển kinh tế tự lập của mình. Ngoài ra, cuối những

năm 1960, cân nhắc ảnh hưởng của Cách mạng Văn hóa ở Trung Quốc tới công cuộc xây dựng thể chế xã hội chủ nghĩa ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đã tỏ rõ lập trường phê phán đối với Cách mạng văn hóa Trung Quốc. Từ giữa thập niên 60, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên bắt đầu đẩy mạnh quan hệ ngoại giao với các nước thuộc khối không liên kết.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn từ đầu thập niên 70 đến cuối thập niên 80. Tại thời kỳ này, "Tư tưởng Chủ thể" đã được xác lập chắc chắn với vai trò là nguyên tắc vận hành trong mọi lĩnh vực xã hội. Trong khi đó, cơ cấu kinh tế tự lập theo kiểu Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên bắt đầu bộc lộ dần những hạn chế của nó. Tới Đại hội toàn thể lần thứ V của Đảng Lao động Triều Tiên (năm 1970), Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên chính thức coi sự kết hợp giữa "Tư tưởng Chủ thể" và chủ nghĩa Mác-Lênin là tư tưởng chỉ đạo của đảng Lao Động Triều Tiên và đến năm 1974, tuyên bố lấy "tư tưởng Chủ thể hóa toàn xã hội" làm cương lĩnh tối cao. Tại Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1980), "Tư tưởng Chủ thể" – tư tưởng lãnh đạo duy nhất của đảng Lao động Triều Tiên – được thống nhất thành một hệ thống mới về tư tưởng và triết học đặc thù khác một cách căn bản với chủ nghĩa Mác - Lênin trước đó. Bước vào thập kỷ 80, "Tư tưởng Chủ thể" trở thành một hệ thống hợp nhất bao gồm nguyên lý triết học, nguyên lý xã hội lịch sử, cách mạng luận, nguyên lý vận hành xã hội và lãnh tụ quan.

Sau những năm 70, kinh tế của Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên bắt đầu bộc lộ hiện tượng sa sút với tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày một kém. Sự thiếu nguyên liệu, vốn, kỹ thuật lạc hậu, hạn chế của cơ cấu kinh tế tự lập cùng với chi phí quốc phòng quá mức so với quy mô kinh tế, cộng với sự viện trợ từ Liên Xô, Trung Quốc bị cắt giảm được coi là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng rày. Với sự huy động về chính trị, chiến lược nội bộ, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên mong muốn thu hút vốn từ Tây Âu và Nhật Bản nhằm khắc phục khủng hoảng kinh tế. Nhưng do các khoản nợ tiếp tục tăng sau biến động dầu mỏ, bước vào thập kỷ 80, sự sa sút về kinh tế của Cộng hòa dân chủ nhân Dân Triều Tiên càng trở nên sâu sắc.

Giai đoạn thứ tư là giai đoạn được tính kể từ cuối thập kỷ 80. Việc các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành cải cách mở cửa, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu và Liên Xô sụp đổ đã tác động lớn đến Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên. Trung Quốc, Nga, các nước đông Âu đã thiết lập quan hệ với Hàn Quốc, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên không thể trông chờ hơn nữa vào nguồn chi viện từ các nước vốn cùng thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa. Cùng với việc giảm viện trợ kinh tế, quân sự từ các nước cùng hệ thống, lũ lụt và thiên tai triền miên trong giữa thập kỷ 90 đã làm nảy sinh tình trạng khủng hoảng lương thực và tình trạng này ngày càng trở nên trầm trọng. Để giải quyết khủng hoảng, ngoài việc nâng cao đoàn kết trong nội bộ, về đối ngoại, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên còn nỗ lực khắc phục khó khăn thông qua cải thiện quan hệ Triều - Mỹ.

4. Những nỗ lực hướng tới thống nhất, hòa bình

Tóm tắt

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh từ thập kỷ 50 đến thập kỷ 60, giữa hai miền Nam - Bắc bán đảo Hàn không hề có một cuộc đối thoại hay hiệp thương nào, chỉ có sự đối đầu cực đoan tồn tại. Tuy nhiên, trong giai đoạn giảm nhẹ những căng thẳng kéo dài hai thập kỷ 70 và 80, với sự thay đổi của tình hình quốc tế như việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Mỹ - Trung, Mỹ - Nhật, bầu không khí đối thoại, hòa giải giữa hai miền Nam-Bắc đã được định hình thông qua các cuộc tiếp xúc như: hội đàm Chữ Thập Đỏ, hoạt Động của Uỷ ban điều phối Nam - Bắc ... Cuối thập kỷ 80, Liên Xô và khối Đông Âu sụp đổ, nước Đức thống nhất, chiến tranh lạnh chấm dứt. Bước vào thập kỷ 90, giao lưu và tiếp xúc Nam - Bắc vì sự thống nhất đã bắt đầu được tiến hành thường xuyên. Tại Hàn Quốc, sau kháng chiến dân chủ tháng 6. 1987, phong trào thống nhất của người dân trở thành cao trào. Theo đó, đối thoại giữa chính phủ hai miền Nam và Bắc đã được thực hiện đều đặn hơn. Kết quả của hàng loạt cuộc giao lưu dân sự và đối thoại giữa chính phủ Nam - Bắc là ngày 15. 6. 2000, hội nghị thượng đỉnh Nam - Bắc đã được tiến hành và thỏa thuận đưa ra Tuyên ngôn chung Nam - Bắc. Nỗ lực của nhân dân Hàn Quốc vì hoa bình thống nhất lúc này đã bước vào giai đoạn mới nhằm tìm ra phương án thực hiện cụ thể.

Trải qua bi kịch của cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, Hàn Quốc và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên vẫn tiếp tục trong cuộc đối đầu quân sự. Đó là kết quả của việc không công nhận sự tồn tại của nhau, sự không tin tưởng lẫn nhau trong hoàn cảnh bị chia cắt. Tình trạng đối đầu cực đoan này giữa hai miền Nam - Bắc kéo dài đến cuối thập kỷ 60 khi tình hình thế giới có sự thay đổi lớn với những sự kiện như: Mỹ thúc đẩy chính sách cải thiện căng thẳng trong quan hệ với Trung Quốc, Nhật - Trung bình thường hóa quan hệ ngoại giao ...

Trong bối cảnh thế giới thay đổi như vậy, chính phủ hai miền Nam - Bắc đã thông qua đối thoại để giải tỏa tình trạng đối đầu và đã bắt đầu xuất hiện các động thái nhằm tiến tới thống nhất hai miền nam bắc.

Tháng 8. 1971, ngay sau khi Hội chữ thập đỏ Hàn Quốc đưa ra đề nghị thực hiện Hội đàm Chữ thập đỏ hai miền để tìm dấu vết các gia đình ly tán, Hội Chữ thập đỏ Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đã chấp thuận. Theo đó, đối thoại Nam - Bắc đạt được bước tiến mới, hai miền sau này đã nhiều lần tiến hành hội đàm tại Seoul và Pyeongyang. Sau khi mở ra con đường hiệp thương thông qua hội đàm Chữ thập đỏ, hai miền Nam - Bắc đã đưa ra Tuyên ngôn chung Nam - Bắc 4. 7. Tại Tuyên ngôn chung 4. 7, hai miền đã nêu 3 nguyên tắc là: Tự chủ thống nhất, Hòa bình thống nhất và Dân tộc đại đoàn kết, đồng thời thỏa thuận thành lập Uỷ ban điều phối Nam - Bắc để bàn về vấn đề thống nhất. Hội đàm Chữ thập đỏ và Uỷ ban điều phối Nam - Bắc về sau này đã tiến hành thêm một số cuộc tiếp xúc, đóng góp khá nhiều vào việc giảm bớt căng thẳng trên bán đảo Hàn. Nỗ lực của hai miền vì hòa bình thống nhất đã không trở thành hiện thực khi đối thoại hai miền bị gián đoạn trong nửa cuối thập niên 70.

Hội nghị thượng đỉnh Nam - Bắc 15. 6

Bước vào những năm 80, đối thoại hai miền được nối lại và bước đầu đạt kết quả trên một số lĩnh vực: thực hiện tổ chức những cuộc hội ngộ cho các gia đình ly tán, giao lưu, trao đổi giữa các đoàn biểu diễn nghệ thuật. Sau hội đàm cấp cao Nam - Bắc được tiến hành tại Seoul, hàng loạt các cuộc

hội đàm đã được tiến hành luân phiên tại Seoul và Pyeongyang. Ngoài ra, trong lĩnh vực thể thao, hai miền Nam - Bắc đã tổ chức đội bóng bàn và bóng đá thống nhất tham gia vào các kỳ đại hội thể thao thế giới và gặt hái thành công. Hai miền còn thường xuyên tổ chức các trận đấu bóng đá thống nhất tại Seoul và Pyeongyang. Với nền tảng quan hệ tốt đẹp như vậy, năm 1991, hai quốc gia ở hai miền Nam-Bắc đã cùng gia nhập Liên Hợp Quốc, giúp quốc tế nhận thức rõ hơn về quan hệ đối tác giữa hai miền Nam và Bắc.

Tháng 12.1991, thông qua thỏa thuận chính thức, chính phủ hai miền đã đi đến thỏa thuận về hòa giải, không xâm phạm lẫn nhau và giao lưu, hợp tác Nam - Bắc (Thỏa thuận cơ bản Nam - Bắc), đưa ra tuyên ngôn chung về vấn đề phi hạt nhân hóa trên bán đảo Hàn. Điều này có nghĩa hai miền đã tuyên bố không xâm phạm lẫn nhau, tăng cường lòng tin thông qua hòa giải, giao lưu, hợp tác, không phát triển vũ khí hạt nhân. Bước vào những năm 90, khi kinh tế Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên gặp nhiều khó khăn, Hàn Quốc đã viện trợ nhân đạo lương thực và phân bón cho Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên.

Được thành lập vào năm 1998, chính quyền Gim Dae-jung đã xúc tiến chính sách nhằm tạo cơ sở cho hòa bình thống nhất. Với quan điểm cho rằng cần phải tiếp tục phát triển mở rộng hợp tác kinh tế, giao lưu hai miền, không để tình hình chính trị, quân sự gây ảnh hưởng, tạo kế lâu dài và có lợi cho quá trình thống nhất, chính quyền Gim Dae-jung đã đề ra nguyên tắc chính trị - kinh tế phân ly tức là không gắn kinh tế với chính trị. Điều đó đã đưa đến kết quả là tuyến du lịch Geumgangsan (núi Kim Cương) đã được mở ra.

Tháng 6. 2000, Tổng thống Gim Dae-jung sang thăm Pyeongyang và dự hội nghị thượng đỉnh Nam - Bắc. Hội nghị thượng đỉnh hai miền đã ra Tuyên bố chung Nam - Bắc 15. 6 với nội dung thỏa thuận giải quyết vấn đề thống nhất dân tộc một cách tự chủ. Từ sau sự kiện này, giao lưu kinh tế hai miền đã được mở rộng như dự án xây dựng khu Công nghiệp Gaeseong (Khai Thanh), xây dựng tuyến đường sắt nối Seoul với Sinuiju (Tân Nghĩa châu) ... , giao lưu và nỗ lực vì hòa bình và thống nhất của hai miền trên bán đảo đã được nâng lên một tầm cao mới.

Phụ lục

1. Pha hệ các vương triều theo lịch đại

Goguryeo (Cao Câu Lệ) (37 Tr. CN – 668, theo Tam quốc sử ký)

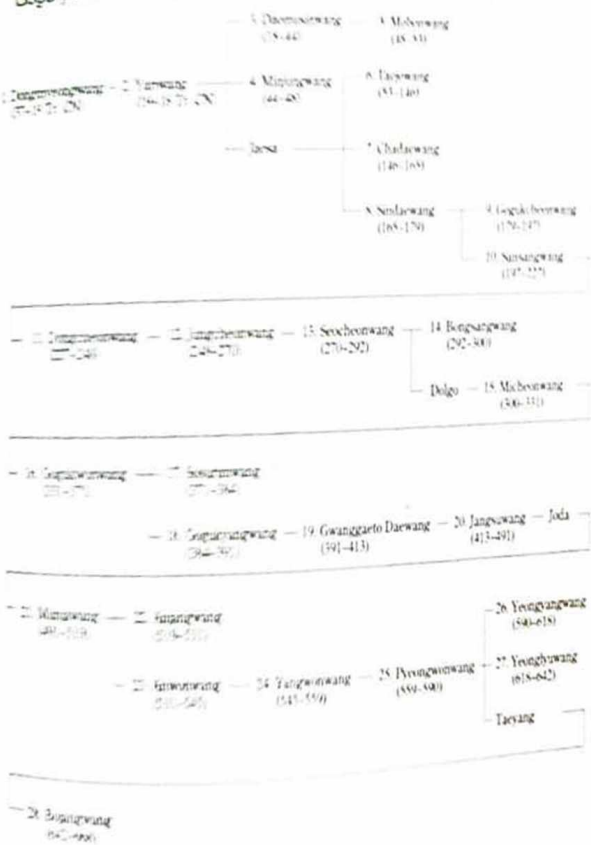

Baekje (Bach Tế) (18 Tr. CN? ~ 660, theo Tam quốc sử ký)

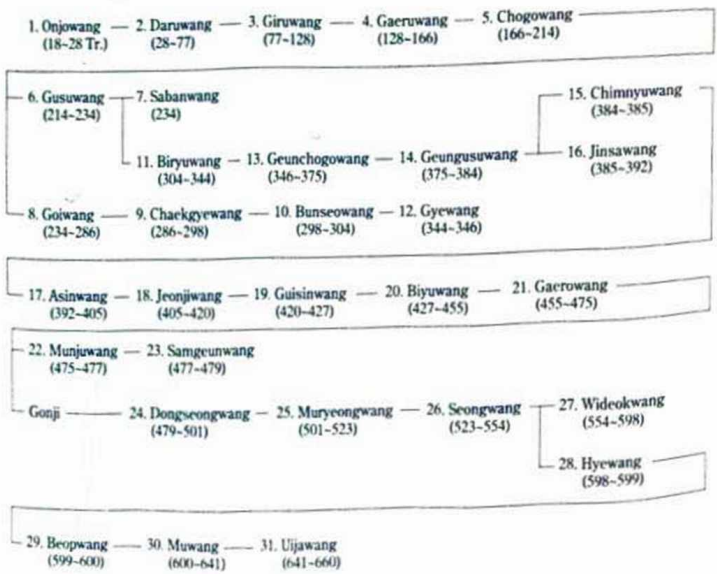

Silla (Tân La) (57 Tr. CN? ~ 935, theo Tam quốc sử ký)

7 vua họ Bak (Phác)

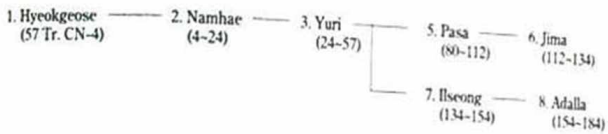

8 vua họ Seok (Thích)

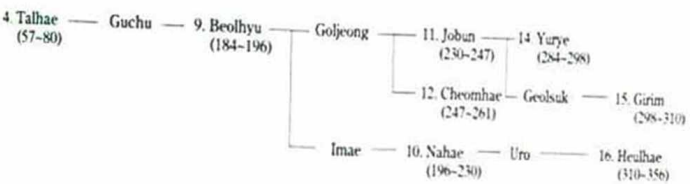

37 vua họ Gim (Kim)

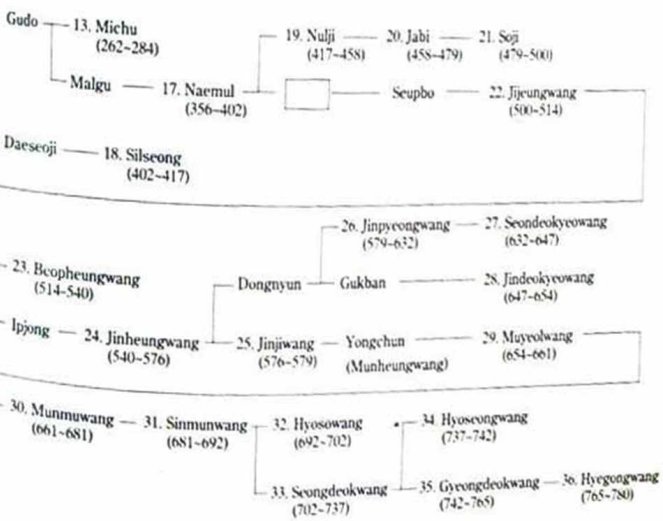

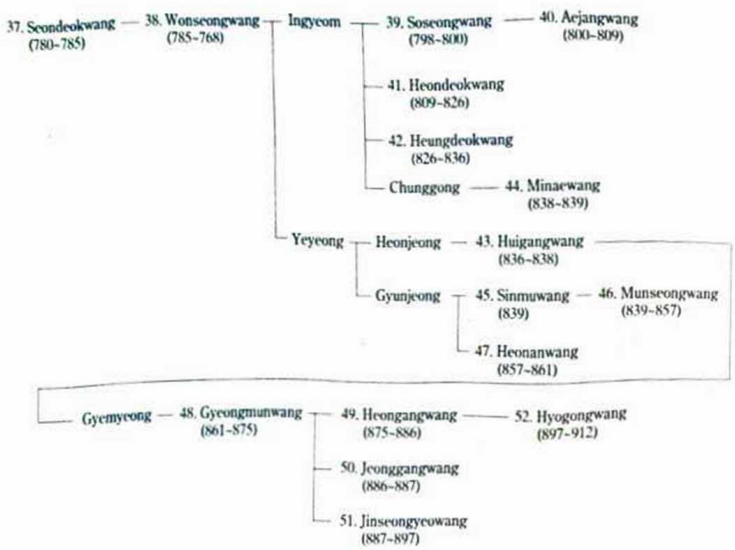

3 vua họ Bak (Phác)

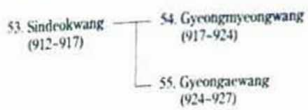

1 vua họ Gim (Kim)

56. Gyeongsunwang (927-935)

Balhae (Bột Hải, 229 năm, 698~926)

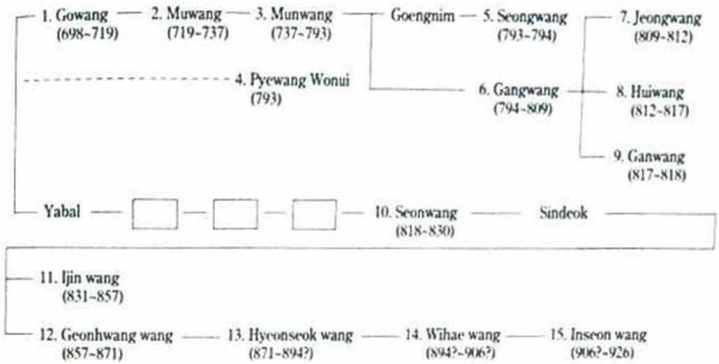

Goryeo (Cao Ly, 475 năm, 918 ~ 1392)

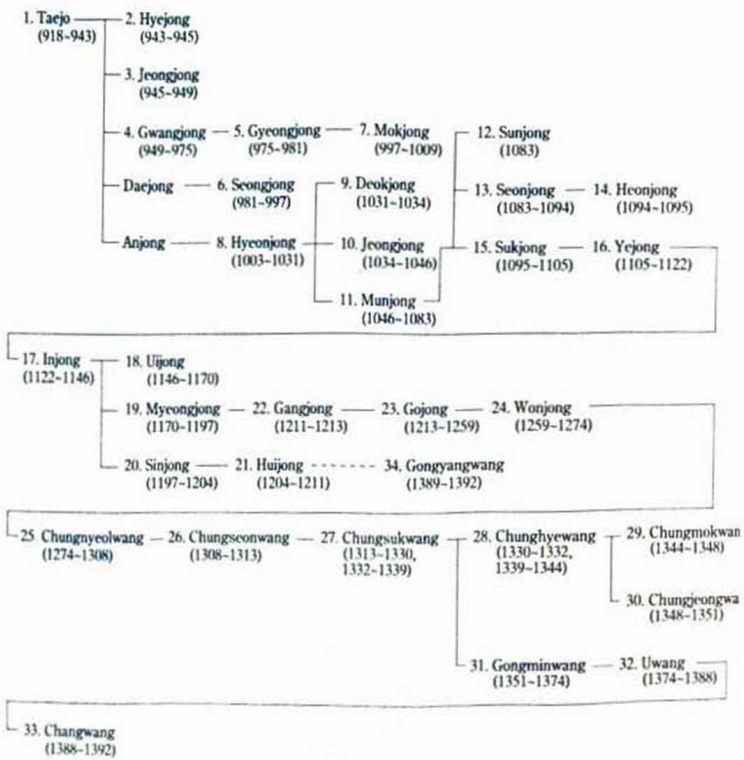

Joseon (Triều Tiên, 519 năm, 1392 ~ 1910)

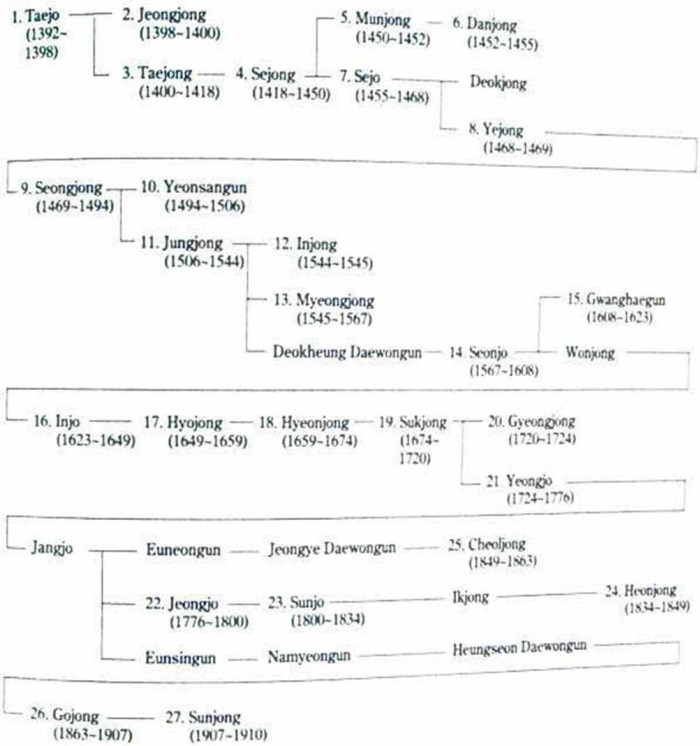

2. Hàn Quốc sử niên biểu

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
Tr. CN	70 vạn năm	Văn hoa đồ đa cũ	Thơi tiền sử
	khoảng 8000 năm	Văn hoa đồ đa mơi	
	2333 năm?	Dangun định đô ở Asadal (A Tư Đạt) (Theo Tam quốc di sử)	
	Khoảng 1000 năm	Phat triển văn hoá đồng thau	Vương quốc liên minh
		Sự phat triển của Gojoseon	
	Khoảng 300 năm	Phổ cập văn hoa đồ sắt	
	194 năm	Wiman (Vệ Mãn) trở thành vua của Gojoseon	
	108 năm	Gojoseon diệt vong; Thiết đặt các quận của nhà Hán	
Sau CN	194	Goguryeo thực thi Jindaebeop (Chấn Thai phap)	Thơi Tam quốc
	260	Vua Goi (Cô Nhĩ) của Baekje đặt ra 16 bậc quan va quan phục	
300	313	Goguryeo tiêu diệt Nangnang-gun	
	372	Goguryeo tiếp nhận Phật giao, thiết đặt Thai học; Baekje cử sứ đoàn sang Đông Tấn	
	384	Baekje tiếp nhận Phật giao	
400	405	Baekje truyền ba Hán học sang Nhật	
	427	Goguryeo chuyển đô về Pyeongyang	
	433	Thanh lập đồng minh Na - Je (Silla - Baekje)	
500	502	Silla thực thi Ugyeong (Ngưu Canh)	
	503	Silla định ra quốc hiệu va vương hiệu	
	520	Silla ban bố Yullyeong (Luật lệnh), quy định quan phục của ba quan	
	527	Silla công nhận Phật giao	
	536	Silla sử dụng niên hiệu	
	538	Baekje dơi đô về thanh Sabi (Tư Bị thanh)	
	545	Silla biên soạn Quốc sử	
	552	Baekje truyền ba Phật giao sang Nhật	
600	612	Goguryeo, trận đại thăng ở Salsu (Sat Thuỷ đại tiệp)	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại	
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu		
	624	Goguryeo tiếp nhận Đạo giáo từ nhà Đường		
	645	Goguryeo thắng lợi trong trận chiến tại thanh Ansi (An Thị)		
	647	Silla xây dựng Cheomseongdae (Chiêm tinh đài)		
	660	Baekje diệt vong		
	668	Goguryeo diệt vong		
	676	Silla thống nhất Tam quốc		
	682	Xây dựng Quốc học		
	685	Thiết đặt 9 châu và 5 tiểu kinh		
	698	Balhae kiến quốc	Bal-hae	Silla thống nhất
700	722	Silla chỉ cấp đinh điền		
	751	Xây dựng Bulguksa (Phật Quốc tự) và Seokguram (Thạch Khuất am)		
	788	Thiết đặt Dokseosampumgwa (Độc thư tam phẩm khoa)		
800	828	Jang Bo-go (Trương Bảo Cao) cho xây dựng Cheonghaejin (Thanh Hải trấn)		
	834	Công bố chế độ sắc phục của ba quan		
	888	Silla biên soạn Samdaemok (Tam đại mục)		
900	900	Gyeonhwon (Chân Huyên) lập Hậu Baekje		
	901	Gungye (Cung Duệ) lập Hậu Goguryeo		
	918	Wang Geon (Vương Kiến) lập Goryeo		
	926	Balhae diệt vong		
	935	Silla diệt vong		
	936	Goryeo thống nhất Hậu Tam quốc		
	956	Thực thi Nô tì an kiếm pháp		
	958	Thực thi chế độ Gwageo (khoa cử)	Thời Goryeo	
	976	Thực thi Jeonsigwa (Điển sai khoa)		
	983	Đặt 12 mok (mục) trên toàn quốc, định ra 3 seong (thành) và 6 bu (bộ)		
	992	Thiết lập Gukjagam (Quốc Tử giám)		
	996	Đúc tiền sắt Geonwonjungbo (Càn Nguyên trọng bảo)		
1000	1009	Chính biến Gangjo (Khang Triệu)		
	1019	Gwiju Daecheop (Chiến thắng Quy Châu)		
	1076	Sửa đổi chế độ Jeonsigwa (Điển sai khoa) cải cách chế độ quan lại		

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1086	Uicheon (Nghĩa Thiên) đặt Gyojeongdogam (Giáo định đô giám) và cho xuất bản cuốn Sokjanggyeong (Tục Tạng Kinh) lần đầu tiên	
	1097	Thiết đặt Jujeondogam (Chu tiền đô giám)	
1100	1102	Đúc tiền Haedongtongbo (Hải Đông thông bảo)	
	1107	Yun Gwan (Doãn Quan) chinh phạt Yeojin (Nữ Chân)	
	1126	Loạn I Ja-gyeom (Lý Tự Khiêm)	
	1135	Phong trào dời đô về Seogyeong (Tây kinh) của Myocheong (Diệu Thanh)	
	1145	Gim Bu-sik (Kim Phu Thức) biên soạn Tam quốc sử ký	
	1170	Cuộc chính biến của các võ thần	
	1179	Gyeong Dae-seung (Khanh Đại Thừa), chính trị Dobang (Đô phòng)	
	1196	Choe Chung-heon (Thôi Trung Hiến) tập quyền	
	1198	Nạn Manjeok (Vạn Tích)	
1200	1219	Thông giao với Mông Cổ	
	1231	Cuộc xâm lược lần thứ nhất của Mông Cổ	
	1232	Dời đô về Ganghwa (Giang Hoa)	
	1234	Phát hành Sangjeong Gogeumyemun (Tương định cổ kim lễ văn) bằng bản khắc in kim loại	
	1236	Goryeo khắc Daejanggyeong (Đại tạng kinh) (~ 1251)	
	1270	Dời đô về Gaegyeong cuộc chiến tranh chống quân Mông Cổ của Sambyeolcho (Tam Biệt Sao)	
	1274	Chinh phạt Nhật Bản lần thứ 1 của liên quân Goryeo và nhà Nguyên	
1300	1304	Xây dựng Daeseongjeon (Đại Thành điện) ở Gukhak (quốc học) theo chủ trương của An Hyang (An Hương)	
	1314	Thiết đặt Mangwondang (Vạn quyển đường)	
	1359	Sự xâm lược của Honggeonjeok (Hồng Cân địch) (~ 1361)	
	1363	Mun Ik-jeom (Văn ích Tiệm) đã mang hạt của cây bông từ Nguyên về	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1376	Choe Yeong (Thôi Doanh) chinh phạt Waegu (Oa khấu: giặc Nhật)	
	1377	Chế tạo vũ khí, thuốc nổ theo kiến nghị của Choe Mu-seon (Thôi Vụ Tuyên)	
	1388	Hồi quốn ở Wihwa-do (Ủy Hoa đảo)	
	1389	Bak Wi (Phác Vị) chinh phạt đảo Tsushima	
	1392	Goryeo diệt vong Joseon kiến quốc	Thời Joseon
	1394	Dời đô về Hanyang (Hán Dương)	
1400	1402	Thực thi Hopaebeop (Hiệu bài pháp)	
	1403	Thiết đặt Jujaso (Chu tự sở: nơi in khắc chữ)	
	1411	Đặt Tứ bộ học đường ở Hanyang	
	1413	Hoàn thành việc tổ chức hành chính địa phương ở Joseon	
	1416	Đặt 4 quận (~ 1443)	
	1418	Sejong (Thế Tông) lên ngôi	
	1420	Mở rộng Jiphyeonjeon (Tập hiền điện)	
	1434	Đặt 6 trấn (~ 1449)	
	1441	Sáng chế ra dụng cụ đo mưa (Cheugugi: Trắc vũ khí)	
	1443	Ban bố Hunminjeongeum (Huấn dân chính âm)	
	1466	Thực thi Jikjeonbeop (Chức điển pháp)	
	1485	Hoàn thành Gyeongguk Daejeon (Kinh quốc đại điển)	
1500	1510	Loạn Waegu (cướp Nhật) ở Sampo (Tam Phố)	
	1512	Điều ước Nhâm Thìn	
	1543	Xây dựng Baekundong thư viện (Bạch Vân Động)	
	1555	Loạn người Nhật năm ất Mão (Ất Mão Oa biến)	
	1582	Marii (Mã Lí Đi), người phương Tây trôi dạt đến Jeju-do	
	1592	Loạn người Wae năm Nhâm Thìn thắng lợi tại đảo Hansan (Hàn Sơn đảo đại tiệp)	
	1593	Thắng lợi tại Haengju (Hạnh Châu đại tiệp)	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1086	Uicheon (Nghĩa Thiên) đặt Gyojeongdogam (Giao định đô giám) và cho xuất bản cuốn Sokjanggyeong (Tục Tạng Kinh) lần đầu tiên	
	1097	Thiết đặt Jujeondogam (Chu tiền đô giám)	
1100	1102	Đúc tiền Haedongtongbo (Hải Đông thông bảo)	
	1107	Yun Gwan (Doãn Quan) chinh phạt Yeojin (Nữ Chân)	
	1126	Loạn I Ja-gyeom (Lý Tử Khiêm)	
	1135	Phong trào dời đô về Seogyeong (Tây kinh) của Myocheong (Diệu Thanh)	
	1145	Gim Bu-sik (Kim Phu Thức) biên soạn Tam quốc sử ký	
	1170	Cuộc chinh biến của các võ thần	
	1179	Gyeong Dae-seung (Khanh Đại Thừa), chỉnh trị Dobang (Đỏ phong)	
	1196	Choe Chung-heon (Thôi Trung Hiến) tập quyền	
	1198	Nạn Manjeok (Vạn Tích)	
1200	1219	Thông giao với Mông Cổ	
	1231	Cuộc xâm lược lần thứ nhất của Mông Cổ	
	1232	Dời đô về Ganghwa (Giang Hoa)	
	1234	Phát hành Sangjeong Gogeumyemun (Tương định cổ kim lễ văn) bằng bản khắc in kim loại	
	1236	Goryeo khắc Daejanggyeong (Đại tạng kinh) (~ 1251)	
	1270	Dời đô về Gaegyeong cuộc chiến tranh chống quân Mông Cổ của Sambyeolcho (Tam Biệt Sao)	
	1274	Chinh phạt Nhật Bản lần thứ 1 của liên quân Goryeo và nhà Nguyên	
1300	1304	Xây dựng Daeseongjeon (Đại Thành điện) ở Gukhak (quốc học) theo chủ trương của An Hyang (An Hướng)	
	1314	Thiết đặt Mangwondang (Vạn quyển đường)	
	1359	Sự xâm lược của Honggeonjeok (Hồng Cân địch) (~ 1361)	
	1363	Mun Ik-jeom (Văn ích Tiệm) đã mang hạt của cây bông từ Nguyên về	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1376	Choe Yeong (Thôi Doanh) chinh phạt Waegu (Oa khấu: giặc Nhật)	
	1377	Chế tạo vũ khí, thuốc nổ theo kiến nghị của Choe Mu-seon (Thôi Vũ Tuyên)	
	1388	Hồi quôn ở Wihwa-do (Ủy Hoa đảo)	
	1389	Bak Wi (Phạc Vị) chinh phạt đảo Tsushima	
	1392	Goryeo diệt vong Joseon kiến quốc	Thời Joseon
	1394	Dời đô về Hanyang (Hán Dương)	
1400	1402	Thực thi Hopaebeop (Hiệu bài pháp)	
	1403	Thiết đặt Jujaso (Chu tự sở: nơi in khắc chữ)	
	1411	Đặt Tứ bộ học đường ở Hanyang	
	1413	Hoàn thành việc tổ chức hành chính địa phương ở Joseon	
	1416	Đặt 4 quận (~ 1443)	
	1418	Sejong (Thế Tông) lên ngôi	
	1420	Mở rộng Jiphyeonjeon (Tập hiền điện)	
	1434	Đặt 6 trấn (~ 1449)	
	1441	Sáng chế ra dụng cụ đo mưa (Cheugugi: Trắc vũ khí)	
	1443	Ban bố Hunminjeongeum (Huấn dân chính âm)	
	1466	Thực thi Jikjeonbeop (Chức điển pháp)	
	1485	Hoàn thành Gyeongguk Daejeon (Kinh quốc đại điển)	
1500	1510	Loạn Waegu (cướp Nhật) ở Sampo (Tam Phô)	
	1512	Điều ước Nhâm Thìn	
	1543	Xây dựng Baekundong thư viện (Bạch Vân Động)	
	1555	Loạn người Nhật năm ất Mão (Ất Mão Oa biến)	
	1582	Marii (Mã Lí Đ), người phương Tây trôi dạt đến Jeju-do	
	1592	Loạn người Wae năm Nhâm Thìn thắng lợi tại đảo Hansan (Hàn Sơn đảo đại tiệp)	
	1593	Thắng lợi tại Haengju (Hạnh Châu đại tiệp)	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
1600	1608	Thực thi Đại đồng pháp tại Gyeonggi-do	
	1609	Ký kết điều ước Kỷ Dậu với Nhật Bản	
	1610	Hoàn thành Donguibogam (Đông y bảo giám)	
	1623	Injo Banjeong (Nhân Tổ phản chính)	
	1624	Loạn I Gwal (Ly Quát)	
	1627	Loạn người Hồ năm Đinh Mão	
	1628	Waeltevree, người Hà Lan trôi dạt đến Jeju-do	
	1631	Jeong Du-won (Trịnh Đầu Nguyên) đã nhập kính viễn vọng (Thiên Lý kính), đồng hồ có chuông báo thức (tự minh chuông) và hoả pháo từ Minh vào	
	1636	Loạn người Hồ năm Bính Tý	
	1645	Thế tử Sohyeon (Chiêu Hiến) nhập các sách (thư tịch) khoa học và Thiên Chúa giáo từ Thanh vào	
	1653	Hamel, người Hà Lan phiêu dạt đến Jeju-do, Chọn dùng Siheollyeok (Thời hiến lịch)	
	1658	Chinh phạt Naseon (Nga) lần thứ 2	
	1659	Thực thi Đại đồng pháp tại địa phương Hoseo (Hồ Tây)	
	1662	Thiết đặt sở quan quản lý đê điều (Đê yếu ti)	
	1678	Làm tiền Sangpyeongtongbo (Thường Bình thông bảo)	
	1696	An Yong-bok (An Long Phục) đuổi người Nhật khỏi khu vực đảo Dokdo (Độc đảo)	
1700	1708	Thực thi Đại đồng pháp trên toàn quốc	
	1712	Xây dựng bia phân cách ranh giới quốc gia (định giới bia) tại Baekdusan (nui Bạch Đầu)	
	1725	Thực thi Tangpyeongchaek (Đảng Bình sách)	
	1750	Thực thi Quân dịch pháp	
	1763	Khoai lang được du nhập vào	
	1776	Thiết đặt Gyujanggak (Khuê chương các)	
	1784	I Seung-hun (Ly Thừa Huân) truyền đạo Thiên Chúa giáo	
	1785	Hoàn thành Đại điển thông biên	
	1786	Cấm Tây học	
1800	1801	Cuộc tàn sát năm Tân Dậu (Bạch hại Tân Dậu)	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1811	Loạn Hong Gyeong-lae (Hồng Cảnh Lai)	
	1831	Thiên Chúa giáo thiết đặt giáo khu Joseon (Triều Tiên)	
	1839	Cuộc tan sat năm Kỷ Hợi (Kỷ Hợi bạch hại)	
	1860	Choe Je-u (Thôi Tế Ngu) khởi xướng Donghak (Đông học)	
	1861	Gim Jeong-ho (Kim Chính Hạo) làm ra Đại Đông dư địa đồ	
	1862	Cuộc khởi nghĩa của nông dân Jinju	
	1863	Gojong (Cao Tông) lên ngôi Heungseon Daewongun (Hưng Tuyên Đại Viện Quân) tập quyền	
	1865	Trùng tu lại Gyeongbokgung (cung Cảnh Phục) (~ 1872)	
	1866	Cuộc tan sat Bính Dần Sự nhiễu loạn của bọn giặc phương Tây năm Bính Dần (Bính Dần dương nhiễu)	
	1871	Tân Mùi dương nhiễu	
	1875	Sự kiện Unyoho (Vân Dương Hiệu)	
	1876	Ký điều ước Ganghwa-do	
	1879	Ji Seok-yeong (Trì Tích Vĩnh) thực thi Jongdubeop (Chủng đậu pháp)	Đại Hàn Đế quốc
	1881	Cử đoàn Sinsayuramdan (Thân sĩ du lãm đoàn) và Yeongseonsa (lãnh tuyến sứ) ra nước ngoài	
	1882	Quân loạn năm Nhâm Ngọ Ký kết điều ước thông thương với Mỹ, Anh và Đức	
	1883	Phát hành báo tuần Hanseong Sinmun (Hán Thành tuần báo) Xây dựng Nguyên Sơn học xá Sử dụng Taegeukgi (cờ Thái cực)	
	1884	Thiết đặt Cục bưu chính Chính biến Giáp Thân	
	1885	Sự kiện Geomun-do (Cử Văn đảo) Xây dựng trường Baejae (Bồi tài học đường) Khai thông điện tín giữa Seoul và Incheon Thiết lập Gwanghyewon (Quảng Huệ viện)	
	1886	Xây dựng công viên Yukyeong (Dục Anh) trường học Ihwa (Lê hoa học đường)	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1889	Thực thi lệnh cấm xuất khẩu lương thực ngũ cốc (Banggongnyeong: phong cốc lệnh) ở Hamgyeong-do	
	1894	Phong trào nông dân Donghak (Đông học) Cải cách Giáp Ngọ (Gabogaehyeok)	
	1895	Ất Mùi sự biến Yu Gil-jun (Du Cát Tuấn) viết Tây du kiến văn	
	1896	Lánh nạn tại công sứ quán Nga (Nga quan ba thiên) Phát hành Độc lập tân văn Thành lập Độc lập hiệp hội	
	1897	Thành lập Đại Hàn đế quốc	
	1898	Tổ chức Vạn dân cộng đồng hội	
	1899	Khai thông đường sắt tuyến Gyeong-In	
1900	1900	Gia nhập Liên hiệp bưu chính viễn thông quốc tế (Vạn quốc bưu tiện liên hiệp)	
	1902	Khai thông điện thoại đường dài Seoul-Incheon	
	1903	Bắt đầu YMCA	
	1904	Ký nghị định thư Hàn-Nhật Thi công tuyến đường sắt nối Seoul với Busan	
	1905	Điều ước Ất Tỵ	
	1906	Đặt Thống giám phủ	
	1907	Phong trao trả nợ cho quốc gia Đặc sứ Heigu được phái đến Hoàng đế Gojong (Cao Tông) thoái vị Giải tán quân đội Thành lập Tân dân hội	
	1908	Nghĩa binh nổi dậy tấn công Seoul	
	1909	Nhật và nhà Thanh trao đổi Gando (Gian đảo) với Anbongseon (An Phụng tuyến) An Jung-geun (An Trọng Cần) xử tội Ito Hirobumi Sáng lập Daejonggyo (Đại Tông giáo)	
	1910	Mất nước	Thời kỳ Nhật Bản xâm lược
	1912	Bắt đầu công việc điều chỉnh đất đai thổ địa (~ 1918)	
	1914	Thành lập Chinh phủ quân Quang Phục Đại Hàn	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1916	Bak Jung-bin (Phác Trọng Bân) sáng lập Wonbulgyo (Viên Phật giáo)	
	1919	Phong trào 1. 3 Thành lập Chính phủ lâm thời Đại Hàn dân quốc Tổ chức Đại Hàn dân quốc phụ nhân hội	
	1920	Gim Jwa-jin (Kim Tả Trân) đại thắng ở Cheongsan-ri (Ly Thanh Sơn) Sáng lập Joseon Ilbo, Donga Ilbo (Triều Tiên và Đông A nhật báo)	
	1922	Đặt ra ngày thiếu nhi	
	1926	Phong trao Vạn Tuế đoi độc lập 10. 6	
	1927	Tổ chức Singanhoe (Tân Can hội)	
	1929	Phong trao khang Nhật của học sinh Gwangju	
	1932	Khởi nghĩa của I Bong-chang (Lý Phụng Xương), Yun Bong-gil (Doãn Phụng Cát)	
	1933	Chế định phương an thống nhất hệ thống chính tả của chữ Han (Hangeul)	
	1934	Tổ chức Jindan học hội	
	1936	Son Gi-jeong (Tôn Cơ Trinh) đoạt giải quán quân tại Đại hội Olympic Berlin	
	1938	Cấm dạy chữ Hàn (Hangeul)	
	1940	Chính sach triệt tiêu dân tộc Thành lập quân Hanguk Gwangbokgun (Hàn Quốc Quang Phục quân: quân giải phong Hàn Quốc)	
	1942	Sự kiện Triều Tiên ngữ học hội	
	1945	Giành độc lập 15. 8	Đại Hàn dân quốc
	1946	Tổ chức Uỷ ban cộng đồng Mỹ-Xô lần thứ 1	
	1947	Thành lập ủy ban làm thời Liên hiệp quốc Hàn Quốc	
	1948	Thực thi tổng tuyển cử 10. 5 Thành lập Chính phủ lâm thời Đại Hàn Dân Quốc	
	1950	Chiến tranh 25. 6	
	1952	Tuyên bố Pyeonghwaseon (Hoà Bình tuyên)	
	1953	Ký hiệp định đình chiến Thực thi cải cach tiền tệ lần thứ 1	
	1957	Xuất bản Urimal Keunsajeon (Đại từ điển quốc ngữ)	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1960	Cách mạng 19. 4, thành lập nội các Jang Myeon	
	1961	Chính biến quân sự 16. 5	
	1962	Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế lần thứ 1	
	1963	Thành lập chính phủ Bak Jeong-hui (Phác Chính Hy)	
	1964	Áp dụng Miteobeop (phep đo lường của phương Tây)	
	1965	Ký hiệp định Hàn - Nhật	
	1966	Ký hiệp định hành chính Hàn - Mỹ	
	1967	Bầu cử tổng thống 3. 5 Bầu cử nghị viện quốc hội 8. 6 Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế lần thứ 2	
	1968	Sự cố 21. 1 Tuyên bố Hiến chương giáo dục quốc dân Đề xướng phong trào Saemaeul (Làng mới) Khai thông đường quốc lộ cao tốc Gyeongbu	
	1971	Bầu cử tổng thống 27. 4 Bầu cử nghị viện quốc hội 25. 5	
	1972	Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ 3 (~ 1976) Ra công bố chung Nam - Bắc 4. 7 Hội đàm chữ thập đỏ Nam - Bắc Duy tân tháng 10	
	1973	Tuyên ngôn thống nhất hoà bình 23. 6	
	1974	Phát hiện ra hang động trong lòng đất của Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên	
	1975	Tổng thống phát biểu Gingeup Jochi (9 điều khẩn cấp)	
	1976	Sự kiện linh Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên giết linh Mỹ bằng rìu ở Panmunjeom (Ban Môn Điếm)	
	1977	Đoạt giải cao nhất trong Olympic kỹ năng thế giới Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm lần thứ 4 (~ 1981) Đạt mức xuất khẩu 10 tỷ đô la Mỹ	
	1978	Tuyên bố Hiến chương bảo hộ tự nhiên	
	1979	Sự cố 26. 10	
	1980	Phong trào dân chủ hoá 18. 5	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	1981	Thành lập Chính phủ Jeon Du-hwan (Toan Đấu Hoan) Đạt mức xuất khẩu 20 tỷ đô la	
	1982	Chính phủ yêu cầu Nhật Bản cải chính lại những nội dung xuyên tạc trong sách giáo khoa lịch sử	
	1983	Thảm hoạ máy bay KAL Sự kiện Aungsan KBS truyền hình trực tiếp chương trình tìm người thân bị li tán	
	1984	Đứng thứ 10 toàn đoàn trong Đại hội Olympic L.A.	
	1985	Giao lưu thăm viếng quê hương của các gia đình li tán giữa hai miền Nam-Bắc	
	1986	Đại hội ASIAN Seoul	
	1987	Đấu tranh đòi dân chủ tháng 6	
	1988	Cao thị các tiêu chuẩn mới trong chính tả Hangeul Thành lập chính phủ No Tae-u (Lô Thái Ngu) Đại hội Oympic Seoul lần thứ 24	
	1989	Thiết lập quan hệ với các quốc gia Đông Âu	
	1990	Thiết lập quan hệ ngoại giao cấp nhà nước với Liên Xô	
	1991	Nam Hàn và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên cùng gia nhập UN	
	1992	Thiết lập quan hệ ngoại giao cấp nhà nước với Trung Quốc	
	1993	Thành lập chính phủ Gim Yeong-sam (Kim Vịnh Tam) Thực thi chế độ tín dụng thực danh	
	1994	Gim Il-seong (Kim Nhật Thành) mất, Sửa đổi tổ chức chính phủ	
	1995	Thực thi chế độ địa phương tự trị; Giải thể toà nhà Phủ Tổng đốc Triều Tiên (~ 1996) Hàn Quốc được bầu vào Uỷ ban không thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc	
	1998	Thành lập chính phủ Gim Dae-jung (Kim Đại Trọng)	

Thế kỷ	Hàn Quốc		Thời đại
	Niên đại	Sự kiện chủ yếu	
	2000	Hội nghị thượng đỉnh Nam - Bắc Tuyên bố chung 15. 6 Tổ chức Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu (ASEM)	
	2002	Tổ chức Worldcup Hàn-Nhật Tổ chức Đại hội ASIAN Busan lần thứ 14	
	2003	Thành lập chính phủ No Mu-hyeon	

한국학교재총서 1

Lịch Sử Hàn Quốc

한국의 역사

2005년 8월 15일 초판 제1쇄 인쇄
2005년 8월 20일 초판 제1쇄 발행

편저자 서울대학교 한국학교재편찬위원회

발행인 정운찬
발행처 서울대학교출판부
151-742 서울 관악구 산림동 산 56-1
판매과 02-889-4424, 02-880-7995
Fax 02-888-4148
E-mail snubook@snu.ac.kr
Home-page http://www.snupress.com

출판등록 제15-3호

ISBN 89-521-0649-0 94710
세트 89-521-0641-5

© 서울대학교 한국학교재편찬위원회 2005
편저자와의 협의하에 인지는 생략합니다. 잘못된 책은 바꾸어 드립니다.
이 책의 무단 전재나 복제 행위는 **저작권법**에 따라 처벌받게 됩니다.

값 25,000원